ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

BÁO CÁO

KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG (KHU VỰC PHÍA TÂY THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG) NĂM 2025

(Theo Quyết định số 741/ QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của UBND tỉnh Hải Dương)

HẢI PHÒNG, NĂM 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

BÁO CÁO

KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG (KHU VỰC PHÍA TÂY THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG) NĂM 2025

(Theo Quyết định số 741/ QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của UBND tỉnh Hải Dương)

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN TUYẾN

CƠ QUAN CHỦ TRÌ
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ
Phạm Văn Thuấn

HẢI PHÒNG, NĂM 2025

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC 2
1.1. Phạm vi thực hiện nhiệm vụ 2
1.1.1. Thông tin về đơn vị thực hiện quan trắc 2
1.1.2. Thông tin về vị trí quan trắc, tần suất quan trắc 2
1.2. Sơ lược về hoạt động quan trắc 4
1.2.1. Danh mục các thông số quan trắc 4
1.2.2. Danh mục thiết bị quan trắc và thiết bị phòng thí nghiệm 5
1.2.3. Phương pháp lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu 10
1.2.4. Danh mục phương pháp đo tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm 10
CHƯƠNG 2. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC 13
2.1. Hiện trạng môi trường không khí 13
2.1.1. Hiện trạng môi trường không khí khu dân cư 14
2.1.2. Kết quả quan trắc tại các trạm quan trắc tự động 25
2.1.3. Hiện trạng môi trường không khí khu vực làng nghề 27
2.1.5. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường khu di tích 43
2.2. Hiện trạng môi trường nước 43
2.2.1. Hiện trạng môi trường nước sông tự nhiên 44
2.2.2. Hiện trạng môi trường nước sông nội đồng 71
2.2.3. Hiện trạng môi trường nước kênh mương 95
2.2.4. Hiện trạng môi trường nước hồ 126
2.2.5. Hiện trạng môi trường nước dưới đất 135
2.2.6. Hiện trạng môi trường nước mưa 140
CHƯƠNG 3 141
ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC QA/QC THEO QUY ĐỊNH 141
VÀ XỬ LÝ SỐ LIỆU QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG 141
3.1. Công tác QA/QC trong quan trắc 141
3.1.1. QA/QC trong lập kế hoạch quan trắc 141
3.1.2. QA/QC trong công tác chuẩn bị 142
3.1.3. QA/QC tại hiện trường 143
3.1.4. QA/QC trong phòng thí nghiệm 144
3.1.5. Hiệu chuẩn thiết bị 144
3.2. Kết quả QA/QC hiện trường 145
CHƯƠNG 4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 152

4.1. KẾT LUẬN.....152
4.2. CÁC KIẾN NGHỊ.....156

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Số điểm quan trắc năm 2025 3
Bảng 1.2. Danh mục thành phần, thông số quan trắc 4
Bảng 1.3. Thông tin về thiết bị quan trắc và phòng thí nghiệm 5
Bảng 1.4. Phương pháp đo tại hiện trường 10
Bảng 1.5. Phương pháp phân tích trong phòng thí nghiệm 10
Bảng 2.1. Các điểm quan trắc định kỳ tại khu dân cư 14
Bảng 2.2. Kết quả quan trắc các thông số vi khí hậu và tiếng ồn khu dân cư 17
Bảng 2.3. Kết quả quan trắc nồng độ khí và bụi khu dân cư 17
Bảng 2.4. Bảng phân cấp đánh giá của RAPIh 19
Bảng 2.5. Kết quả tính RAPIh khu dân cư năm 2025 21
Bảng 2.6. Các điểm quan trắc chưa lắp đặt trạm quan trắc 25
Bảng 2.7. Kết quả quan trắc định kỳ tại 06 vị trí chưa lắp đặt trạm quan trắc tự động 26
Bảng 2.8. Vị trí các điểm quan trắc môi trường không khí khu vực làng nghề 27
Bảng 2.9. Kết quả quan trắc môi trường không khí làng nghề các đợt năm 2025 28
Bảng 2.10. Kết quả tính $RAPI_h$ làng nghề năm 2025 30
Bảng 2.11. Vị trí các điểm quan trắc trên các tuyến đường giao thông 32
Bảng 2.12. Nồng độ bụi TSP tại các điểm quan trắc giao thông 33
Quốc lộ 17B (ngã tư gốc đa) tại phường Nhị Chiểu, Tp Hải Phòng (K17) là điểm có số lần ghi nhận nồng độ bụi TSP vượt QCCP trong năm 2025. 34
Bảng 2.13. Vị trí điểm quan trắc giao thông có bụi TSP vượt QCCP năm 2025 34
Bảng 2.14. Tiếng ồn tại các điểm quan trắc giao thông 35
các đợt quan trắc năm 2025 35
Bảng 2.15. Kết quả tính RAPIh giao thông năm 2025 39
Bảng 2.16. Vị trí các điểm quan trắc trên hệ thống sông tự nhiên 46
Bảng 2.17. Các thông số vượt QCCP trong nước sông tự nhiên các đợt năm 2025 so với bảng 1, QCVN 08:2023/BTNMT 49
Bảng 2.18. Các thông số vượt QCCP trong nước sông tự nhiên các đợt năm 2025 so với bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT 56
Bảng 2.19. Giá trị WQI tương ứng với mức đánh giá chất lượng nước 65
Bảng 2.20. Kết quả tính giá trị WQI trên sông tự nhiên các đợt năm 2025 66
Bảng 2.21. Vị trí các điểm quan trắc trên hệ thống sông nội đồng 73
Bảng 2.22. Các thông số vượt QCCP thuộc sông nội đồng các đợt năm 2025 76
Bảng 2.23. Tổng hợp các thông số vượt QCCP trên tổng số điểm vượt QCCP 84
Bảng 2.24. Kết quả tính toán WQI trong nước sông nội đồng theo số liệu quan trắc các đợt năm 2025 89
Bảng 2.25. Vị trí các điểm quan trắc thuộc các kênh mương 97

Bảng 2.26. Các thông số vượt QCCP trong nước kênh mương các đợt năm 2025 100
Bảng 2.27. Bảng tổng hợp các thông số vượt QCCP trên kênh mương nội đồng..... 112
Bảng 2.28. Kết quả tính toán WQI trong nước kênh mương nội đồngtheo số liệu quan trắc các đợt năm 2025 118
Bảng 2.29. Vị trí các điểm quan trắc nước hồ 126
trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng 126
Bảng 2.30. Đánh giá các thông số trong nước hồ quan trắc 3 đợt năm 2025..... 128
Bảng 2.31. Chỉ số chất lượng nước hồ quan trắc 3 đợt năm 2025 133
Bảng 2.32. Vị trí các điểm quan trắc nước dưới đất năm 2025 135
Bảng 2.33. Các thông số vượt QCCP trong nước dưới đất năm 2025 136
Bảng 3.1. Tổng hợp mẫu thực và mẫu QC trong quan trắc môi trường..... 141
Bảng 3.2. Kiểm soát chất lượng hiện trường..... 144
Bảng 3.3. Kiểm soát chất lượng trong phân tích tại phòng thí nghiệm..... 144
Bảng 3.4. Tổng hợp mẫu thực và mẫu QC hiện trường 146
Bảng 3.5. Tổng hợp mẫu thực và mẫu QC phòng thí nghiệm..... 149

DANH MỤC HÌNH, SƠ ĐỒ

Hình 2.1. Sơ đồ mạng lưới điểm quan trắc môi trường không khí một số khu dân cư phía Tây thành phố Hải Phòng năm 2025 14
Hình 2.2. Sơ đồ mạng lưới điểm quan trắc môi trường không khí 27
một số làng nghề phía Tây thành phố Hải Phòng năm 2025 27
Hình 2.3. Sơ đồ mạng lưới điểm quan trắc môi trường không khí giao thông khu vực phía Tây thành phố Hải Phòng năm 2025 31
Hình 2.4. Sơ đồ mạng lưới các điểm quan trắc nước sông tự nhiên khu vực phía Tây thành phố Hải Phòng năm 2025 45
Hình 2.5. Vị trí các điểm quan trắc trên hệ thống sông nội đồng trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng năm 2025 72
Hình 2.6. Sơ đồ mạng lưới các điểm quan trắc môi trường nước kênh mương khu vực phía Tây thành phố Hải Phòng các đợt năm 2025 96

Biểu đồ 2.1. Nồng độ bụi tại các điểm quan trắc trên các tuyến giao thông năm 2025 34
Biểu đồ 2.2. Tiếng ồn tại các điểm quan trắc trên các tuyến giao thông năm 2025 36
Biểu đồ 2.3. Nồng độ bụi TSP tại các điểm quan trắc trên các tuyến giao thông từ năm 2021 đến năm 2025 37
Biểu đồ 2.4. Tiếng ồn tại các điểm quan trắc trên các tuyến giao thông 37
từ năm 2021 đến năm 2025 37
Biểu đồ 2.5. Nồng độ NO_2^--N trong nước sông tự nhiên các đợt năm 2025 54
Biểu đồ 2.6. Hàm lượng E.Coli trong nước sông tự nhiên các đợt năm 2025 55
Biểu đồ 2.7. Nồng độ DO trong nước sông tự nhiên các đợt năm 2025 62
Biểu đồ 2.8. Nồng độ TN trong nước sông tự nhiên các đợt năm 2025 62
Biểu đồ 2.9. Nồng độ COD các đợt năm 2025 trong nước sông tự nhiên 63
Biểu đồ 2.10. Coliform chịu nhiệt trong nước sông tự nhiên 3 đợt năm 2025 64
Biểu đồ 2.11. Chỉ số WQI của nước sông tự nhiên quan trắc các đợt năm 2025 70
Biểu đồ 2.12. Nồng độ DO trong nước sông nội đồng các đợt năm 2025 85
Biểu đồ 2.13. Nồng độ TP trong nước sông nội đồng các đợt năm 2025 85
Biểu đồ 2.14. Nồng độ TN trong nước sông nội đồng các đợt năm 2025 86
Biểu đồ 2.15. Nồng độ COD trong nước sông nội đồng các đợt năm 2025 86
Biểu đồ 2.16. Nồng độ BOD_5 trong nước sông nội đồng các đợt năm 2025 87
Biểu đồ 2.17. Hàm lượng Coliform trong nước sông nội đồng các đợt năm 2025 87
Biểu đồ 2.18. Hàm lượng Coliform chịu nhiệt 88
trong nước sông nội đồng các đợt năm 2025 88
Biểu đồ 2.19. Chỉ số WQI của nước sông nội đồng quan trắc các đợt năm 2025 94

Biểu đồ 2.20. Nồng độ DO trong nước kênh mương 3 đợt năm 2025 113
Biểu đồ 2.21. Nồng độ TP trong nước kênh mương 3 đợt năm 2025 113
Biểu đồ 2.22. Nồng độ TN trong nước kênh mương 3 đợt năm 2025 114
Biểu đồ 2.23. Nồng độ COD trong nước kênh mương 3 đợt năm 2025 115
Biểu đồ 2.24. Nồng độ BOD_5 trong nước kênh mương 3 đợt năm 2025 116
Biểu đồ 2.25. Chỉ số WQI của nước kênh mương quan trắc 3 đợt năm 2025 124
Biểu đồ 2.26. Nồng độ TP trong nước hồ quan trắc 3 đợt năm 2025 130
Biểu đồ 2.27. Nồng độ TN trong nước hồ 3 đợt năm 2025 130
Biểu đồ 2.28. Nồng độ COD trong nước hồ 3 đợt năm 2025 131
Biểu đồ 2.29. Nồng độ BOD_5 trong nước hồ 3 đợt năm 2025 131
Biểu đồ 2.30. Nồng độ Coliform chịu nhiệt trong nước hồ 3 đợt năm 2025 132
Biểu đồ 2.31. Chỉ số WQI của nước hồ quan trắc các đợt năm 2025 134
Biểu đồ 2.32. Diễn biến nồng độ NH_4^+ trong nước dưới đất đợt 3 năm 2025 137
Biểu đồ 2.33. Biểu đồ diễn biến thông số Pemanganat đợt 3 năm 2025 138
Biểu đồ 2.34. Biểu đồ diễn biến nồng độ Mn đợt 3 năm 2025 138
Biểu đồ 2.35. Biểu đồ diễn biến nồng độ Cl^- đợt 3 năm 2025 139
Biểu đồ 2.36. Biểu đồ diễn biến thông số Độ cứng đợt 3 năm 2025 139

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BHH	Bắc Hưng Hải
QCCP	Quy chuẩn cho phép
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
KCN	Khu công nghiệp
CCN	Cụm công nghiệp
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân
SNNMT	Sở Nông nghiệp và Môi trường
TP	Thành phố
SHTT	Sở hữu trí tuệ
BVTV	Bảo vệ thực vật
GS	Giáo sư
KDC	Khu dân cư
TN	Tổng Nitơ
TP	Tổng Phosphor
WQI	Chỉ số chất lượng nước
NQ	Nghị quyết
QA/QC	Đảm bảo chất lượng/kiểm soát chất lượng

MỞ ĐẦU

Nhằm theo dõi diễn biến các thành phần môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương nay là phía Tây thành phố Hải Phòng, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương đã ban hành Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc "Phê duyệt Mạng lưới các điểm quan trắc môi trường (nước, không khí) trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021 - 2025". Kết quả quan trắc mạng lưới các điểm quan trắc môi trường sẽ cung cấp các thông tin đánh giá về diễn biến chất lượng môi trường nước, môi trường không khí nhằm phục vụ yêu cầu của các cấp quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; đồng thời cảnh báo kịp thời các diễn biến bất thường hay các nguy cơ gây ô nhiễm ảnh hưởng đến môi trường. Các thông tin về diễn biến hiện trạng môi trường nước, không khí trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng có vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin, số liệu phục vụ xây dựng Báo cáo công tác bảo vệ môi trường cấp thành phố, báo cáo hiện trạng môi trường thành phố 5 năm giai đoạn 2021 – 2025; bên cạnh đó còn phục vụ cho các mục đích nghiên cứu và xây dựng các nhiệm vụ, chuyên đề về môi trường.

Thực hiện quan trắc mạng lưới các điểm quan trắc môi trường trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng năm 2025 theo Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh Hải Dương về "Phê duyệt Mạng lưới các điểm quan trắc tài nguyên và môi trường (nước, không khí) trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021 - 2025", Sở Nông nghiệp và Môi trường giao nhiệm vụ cho Trung tâm Quan trắc môi trường triển khai quan trắc, phân tích và tổng hợp báo cáo số liệu về các thành phần môi trường 3 đợt của năm 2025.

Việc lập báo cáo hiện trạng môi trường phía Tây thành phố Hải Phòng năm 2025 nhằm đánh giá tổng quát về diễn biến chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh trong năm 2025, nội dung báo cáo hiện trạng môi trường phía Tây thành phố Hải Phòng năm 2025 được lập theo biểu A2, phụ lục 16 ban hành theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Bố cục của báo cáo bao gồm:

Mở đầu - Giới thiệu về nhiệm vụ quan trắc

Chương I: Giới thiệu chung về chương trình quan trắc

Thể hiện các nội dung: Giới thiệu sơ lược phạm vi thực hiện của nhiệm vụ (địa bàn thực hiện quan trắc); đơn vị thực hiện quan trắc; thời gian thực hiện chương trình quan trắc; giới thiệu chung về tần suất quan trắc, thời gian cụ thể tiến hành quan trắc của từng đợt trong năm.

Chương II: Nhận xét và đánh giá kết quả quan trắc

Chương III: Đánh giá việc thực hiện công tác QA/QC theo quy định

Chương IV: Kết luận và kiến nghị

Phụ lục: Tổng hợp điểm vượt, điều kiện lấy mẫu, phiếu kết quả các đợt quan trắc

CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC

1.1. Phạm vi thực hiện nhiệm vụ

Mạng lưới các điểm quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh giai đoạn 2021 – 2025 lựa chọn các điểm quan trắc phù hợp với thực tế tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hiện nay cũng như định hướng trong những năm tới và phù hợp với các quy định, chính sách về bảo vệ môi trường trong tình hình mới như: số lượng doanh nghiệp có nguồn phát thải lớn đã thực hiện lắp đặt quan trắc tự động; các KCN đã đi vào vận hành ổn định trạm xử lý nước thải tập trung và có hệ thống quan trắc tự động, công tác kiểm soát nguồn thải ngày một nâng cao... Do vậy mạng lưới các điểm quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 tập trung quan trắc các khu vực, đối tượng xung quanh chịu tác động bởi các nguồn phát thải (kiểu quan trắc môi trường tác động); quan trắc khu vực không có hoặc ít có tác động bởi hoạt động sản xuất công nghiệp (kiểu quan trắc môi trường nền) trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng.

Quan trắc môi trường nền nhằm cung cấp các thông tin về chất lượng nền của các thành phần môi trường ít chịu tác động bởi các hoạt động công nghiệp. Điểm quan trắc môi trường nền trong mạng lưới hiện trạng phía Tây thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2025 là điểm quan trắc tại Khu di tích lịch sử - văn hóa Côn Sơn – Kiếp Bạc.

Quan trắc môi trường tác động nhằm cung cấp thông tin về chất lượng môi trường các khu vực chịu tác động bởi các nguồn phát thải để đưa ra các biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm. Các điểm quan trắc môi trường tác động trong mạng lưới là các lưu vực sông, kênh mương, ao, hồ, các khu dân cư (đô thị và nông thôn), khu vực đường giao thông... chịu tác động của các nguồn thải phát sinh từ hoạt động sản xuất công nghiệp (các khu cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh bên ngoài khu cụm công nghiệp), sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản), sinh hoạt của người dân, làng nghề, hoạt động giao thông.

1.1.1. Thông tin về đơn vị thực hiện quan trắc

+ Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Quan trắc môi trường – Sở Nông nghiệp và môi trường thành phố Hải Phòng

- Địa chỉ:

+ Trụ sở 1: số 275, đường Lạch Tray, phường Gia Viên, TP. Hải Phòng

+ Trụ sở 2: Số 159, đường Ngô Quyền, phường lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng

- Đơn vị đã được cấp Chứng chỉ công nhận số 14/GCN-BTNMT, ngày 12/3/2024 Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường VIMCERST 017.

1.1.2. Thông tin về vị trí quan trắc, tần suất quan trắc

Năm 2025 thực hiện quan trắc 03 đợt tương ứng với quý 2, 3 và 4 của năm 2025. Các điểm quan trắc cụ thể như sau:

Bảng 1.1. Số điểm quan trắc năm 2025

TT	Thành phần môi trường	Số điểm quan trắc theo Quyết định 741/QĐ-UBND ngày 09/3/2021		Số điểm quan trắc năm 2025				
				Điểm định kỳ			Trạm tự động	
		Điểm định kỳ	Trạm tự động	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	Trạm đang hoạt động	Điểm chưa lắp trạm tự động thực hiện quan trắc định kỳ
I	**Môi trường nước**	**97**	**14**	**81**	**94**	**81**	**10(**)**	**04**
1	Nước sông	39	14	39	39	39	10	04
2	Nước kênh mương	36	0	36	36	36	0	0
3	Nước hồ	6	0	6	6	6	0	0
4	Nước dưới đất	11	0	0	8 (*)	0	0	0
5	Nước mưa	5	0	0	5	0	0	0
II	**Môi trường không khí**	**71**	**16**	**71**	**71**	**71**	**10(**)**	**06**
1	Khu dân cư	41	16	41	41	41	10	**06**
2	Làng nghề	9	0	9	9	9	0	0
3	Các tuyến giao thông	20	0	20	20	20	0	0
4	Không khí di tích	1	0	1	1	1	0	0

Năm 2025:

- (*): Nước dưới đất quan trắc 8/11 điểm, giảm 03 điểm so với Quyết định phê duyệt mạng lưới quan trắc số 741/QĐ-UBND ngày 9/3/2021 (03 điểm quan trắc Ng4, Ng7, Ng10 dừng hoạt động khai thác).

- Trạm tự động: (**) đối với các trạm đang hoạt động: năm 2025 các trạm bảo trì, bảo dưỡng vì vậy báo cáo không cập nhật số liệu tự động. Đối với các điểm dự kiến lắp đặt trạm (06 trạm khí, 04 trạm nước) năm 2025 duy trì thực hiện quan trắc như điểm cố định. Tại 10 điểm trạm quan trắc tự động môi trường nước đang hoạt động duy trì thực hiện quan trắc với các thông số như điểm định kỳ.

Tại mỗi điểm quan trắc được mô tả về tọa độ vị trí lấy mẫu, đặc điểm về trạng thái, tính chất, các yếu tố tác động có liên quan ảnh hưởng đến thành phần môi trường được quan trắc. (*Chi tiết mô tả vị trí các điểm quan trắc được đính kèm tại phụ lục của báo cáo)*

Thời gian thực hiện quan trắc các đợt trong năm 2025 bao gồm:

Đợt 2: Từ ngày 03/6/2025 đến ngày 24/6/2025

Đợt 3: Từ ngày 05/8/2025 đến ngày 24/9/2025

Đợt 4: Từ ngày 20/10/2025 đến ngày 3/12/2025

1.2. Sơ lược về hoạt động quan trắc

1.2.1. Danh mục các thông số quan trắc

Bảng 1.2. Danh mục thành phần, thông số quan trắc

TT	Đối tượng	Thông số quan trắc
I	***Thành phần môi trường không khí***	
1	Điểm quan trắc định kỳ	- Đối với các điểm quan trắc khu dân cư, làng nghề, khu di tích lịch sử thực hiện quan trắc: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, mức ồn trung bình (LAeq), mức ồn cực đại (LAmax), tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO_2, NO_2. Tại một số điểm khu dân cư gần các cơ sở sản xuất gạch, xử lý rác thải ngoài các thông số nêu trên quan trắc thêm các thông số NH_3, HF, H_2S; làng nghề sản xuất giầy da quan trắc thêm thông số dung môi (Benzen, Ethylbenzen, Toluen, Xylen). - Tại các điểm quan trắc trên các tuyến đường giao thông ngoài các thông số quan trắc: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, mức ồn trung bình (LAeq), mức ồn cực đại (LAmax), tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO_2, NO_2 ,Hydrocacbon (C_nH_m).
II	**Thành phần môi trường nước**	
1	Điểm quan trắc định kỳ và quan trắc tự động	- Đối với các điểm quan trắc nước sông, kênh mương: Lưu lượng (chỉ quan trắc lưu lượng trên các sông tự nhiên), pH, nhiệt độ, độ đục, DO, TSS, NH_4^+-N, NO_3^--N, NO_2^--N, PO_4^{3-}-P, Cl^-, F^-, COD, BOD_5, As, Cd, Hg, Pb, Cu, Zn, Cr (VI), tổng dầu mỡ, chất hoạt động bề mặt, Coliform, E.Coli. - Đối với các điểm quan trắc nước hồ: pH, nhiệt độ, độ đục, DO, TSS, NH_4^+-N, NO_3^--N, NO_2^--N, PO_4^{3-}-P, Cl^-, F^-, COD, BOD_5, tổng dầu mỡ, Coliform. - Đối với nước dưới đất: pH, độ cứng tổng số theo $CaCO_3$, TDS, Chỉ số permanganat, NO_2^--N, NO_3^--N, NH_4^+-N, Fe, As, Mn, Cl^-, Coliform. - Thông số quan trắc bổ sung theo QCVN 08:2023/BTNMT: Pt, Nt, Coliform chịu nhiệt

Các thông tin về điều kiện lấy mẫu tại hiện trường bao gồm: Số ký hiệu mẫu; ngày và giờ lấy mẫu; đặc điểm thời tiết tại thời điểm quan trắc; các điều kiện lấy mẫu. *(Chi tiết mô tả điều kiện lấy mẫu của từng vị trí quan trắc đính kèm tại phụ lục của báo cáo).*

Đối với các thông số quan trắc môi trường không khí:

Trung tâm Quan trắc và phân tích môi trường đã tiến hành quan trắc, lấy mẫu và phân tích tại phòng thí nghiệm tất cả các thông số theo Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của UBND tỉnh Hải Dương (trừ thông số ozon (O_3)).

- Đối với các thông số quan trắc môi trường nước:

Căn cứ QCVN 08:2023/BTNMT (*ban hành kèm theo Thông tư số: 01/2023/TT-BTNMT ngày 13/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).* Từ năm 2024 ngoài việc lấy mẫu và phân tích theo Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của UBND tỉnh, đã lấy mẫu bổ sung thêm 03 thông số: Pt, Nt, Coliform chịu nhiệt.

1.2.2. Danh mục thiết bị quan trắc và thiết bị phòng thí nghiệm

Hàng năm, các thiết bị quan trắc và thiết bị phòng thí nghiệm được hiệu chuẩn, bảo dưỡng, bảo trì định kỳ theo kế hoạch và công tác hiệu chuẩn này tuân thủ yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm ISO 17025:2017 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Bảng 1.3. Thông tin về thiết bị quan trắc và phòng thí nghiệm

STT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Hãng/nước sản xuất	Tần suất hiệu chuẩn/bảo trì
I	**Thiết bị, dụng cụ quan trắc**			
1	Máy đo áp suất khí quyển MP55	MP55	Kimo	1 lần/năm
2	Máy đo áp suất 477AV-6	477AV-6	Dwyer	1 lần/năm
3	Máy đo áp suất 475 Mark III	475 Mark III	Dwyer	1 lần/năm
4	Máy lấy mẫu khí Gilair 5	Gilair 5	Sensidyne	1 lần/năm
5	Máy lấy mẫu khí C2P	C2P	Việt Nam	1 lần/năm
6	Thiết bị thu mẫu khí Libra Plus LP-5	Libra Plus LP-5	Buck/Mỹ	1 lần/năm
7	Thiết bị lấy mẫu Bụi Staplex FIA-2F	TFIA-2FCDT	Staplex/Mỹ	1 lần/năm
8	Thiết bị hiệu chuẩn lưu lượng thiết bị lấy mẫu bụi, khí Gilibrator2	Gilibrator2	Sensidyne/Mỹ	1 lần/năm

STT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Hãng/nước sản xuất	Tần suất hiệu chuẩn/bảo trì
9	Thiết bị lấy mẫu bụi lưu lượng cao theo phương pháp ISOkinetic C5000	C5000	ESC/Mỹ	1 lần/năm
10	Thiết bị thu mẫu khí thải UNI-VOS 800-stack 5	UNI-VOS 1664D	ESC/Mỹ	1 lần/năm
11	Phương tiện đo khí thải: nhiệt độ, O2, SO2, NO2,NO,CO, Testo 350	Testo 350	Testo	1 lần/năm
12	Thiết bị đo vận tốc dòng chảy 3000 -SWOFFER	3000 - SWOFFER	SWOFFER	1 lần/năm
	Thiết bị đo oxy hòa tan HQ40d	HQ40d	Hach/Mỹ	1 lần/năm
	Thiết bị đo nhiệt độ, DO, pH, TDS, độ dẫn, muối HI98194.	HI98194	HANNA	1 lần/năm
13	Thiết bị đo độ đục 2100Q	2100Q	Hach/Mỹ	1lần/năm
14	Máy đo ồn tương đương 6226	6226	ACO-Nhật	1 lần/năm
15	Máy đo tiếng ồn dải tần DB300	DB300	Kimo/Pháp	1 lần/năm
16	Máy đo ồn cá nhân DS300	DS300	Kimo/Pháp	1 lần/năm
17	Đo rung động 3116	3116	ACO/ Nhật Bản	1 lần/năm
18	Đo rung động 3233	3233	ACO/ Nhật Bản	1 lần/năm
19	Đo vi khí hậu 45160	45160	Extech/ Mỹ	1 lần/năm
20	Đo vi khí hậu - EMV7	3M	Quest	1 lần/năm
21	Máy đo nhiệt độ, tốc độ gió VT50	VT50	Kimo/Pháp	1 lần/năm
22	Máy lấy mẫu bụi PM10 JCH-6120	JCH-6120	Trung Quốc	1 lần/năm
23	Thiết bị lấy mẫu Bụi - TFIA	TFIA	Staplex/Mỹ	1 lần/năm
24	Thiết bị đo nhiệt độ, DO, pH, TDS, độ dẫn, muối AZ-86031	AZ-86031	AZ Instrument/Trung Quốc	1 lần/năm
25	Bộ lấy mẫu pha loãng Scentroid DS5- lấy mẫu VOC khí thải	DS5	Scentroid/ Canada	1 lần/năm

STT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Hãng/nước sản xuất	Tần suất hiệu chuẩn/bảo trì
26	Dụng cụ lấy mẫu đất	-	Việt Nam	1 lần/năm
27	Dụng cụ lấy mẫu nước	-	Việt Nam	1 lần/năm
28	Dụng cụ lấy mẫu trầm tích	-	Việt Nam	1 lần/năm
29	Thùng bảo quản, vận chuyển mẫu	-	Việt Nam	1 lần/năm
30	Thiết bị bảo hộ lao động (Áo phao, kính bảo hộ, dây đai an toàn, dây thừng,...) và các thiết bị phụ trợ khác	-	Việt Nam	1 lần/năm
II	**Thiết bị phân tích**			
1	Cân phân tích 5 số	AP 250D	Thụy Sĩ	1 lần/năm
2	Cân kỹ thuật 4 số	AR3130	Thụy Sĩ	1 lần/năm
3	Cân phân tích 5 số	XP205	Mettler	1 lần/năm
4	Cân phân tích 6 số	XP 26	Mettler	1 lần/năm
5	Thiết bị hấp thụ nguyên tử có ngọn lửa; bộ SpectrAA 220FS, lò grafit (GTA110) và bộ HF (VGA76)	SpectrAA 220FS	Varian/Úc	1 lần/năm
6	Thiết bị đo quang phổ hấp thụ UV – Vis, DR 6000	DR 6000	HACH/Mỹ	1lần/năm
7	Máy đo oxy hòa tan	YSI 5010 YSI 5000	YSI/Mỹ	1lần/năm
8	Tủ sấy	GO1390SC-1	Lindberg	1lần/năm
9	Tủ sấy	6955	Thermo	1lần/năm
10	Tủ BOD	Shellab LI20-2	Shellab/ Mỹ	1lần/năm
11	Bể điều nhiệt	WLB-14	Memmert/Đức	1lần/năm
12	Lò phá mẫu COD	COD reactor	Hach/ Mỹ	1lần/năm
13	Bộ phá mẫu Nitơ tổng số	DK6	Velp/ Ý	1lần/năm
14	Thiết bị chưng cất bán tự động	DK49	Velp/ Ý	1lần/năm
15	Bộ phá mẫu rắn	Hotblock SC100	Environmentak Express/Mỹ	1lần/năm

STT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Hãng/nước sản xuất	Tần suất hiệu chuẩn/bảo trì
16	Thiết bị đo pH	DKK-HM-25R	TOA/Nhật	1lần/năm
17	Tủ ấm	IN260	Memmert/Đức	1lần/năm
18	Tủ ấm	IC 402	Yamoto-NHật	1lần/năm
19	Tủ ấm	BE400	Memmert/Đức	1lần/năm
20	Máy sắc ký khí GC 7890A, detector FID	GC 7890A	Agilent	1 lần/năm
21	Detector khối phổ của máy sắc ký khí	MSD5977A	Agilent	1 lần/năm
22	Nồi hấp tiệt trùng	SA-300H-F-A110	Sturdy/Đài Loan	1 lần/năm
23	Nồi hấp tiệt trùng	SA-300H-F-A110	Sturdy/Đài Loan	1 lần/năm
24	Nồi hấp tiệt trùng	ES315/Tomy	Tomy/Nhật	1 lần/năm
25	Bộ quả cân chuẩn, cấp chínhxác F1 (1mg-100g) 19 quả	73214	Ohau	1 lần/năm
26	Tủ hốt (tủ hút hơi khí độc)	4871300	Labcono/Mỹ	1 lần/năm
27	Tủ hút hơi khí độc		Việt Nam	1 lần/năm
28	Máy cất quay chân chân không	RE300DB	Đức	1 lần/năm
29	Hệ thống chiết Soxhlet	5000-1	Thermo/Mỹ	1 lần/năm
30	Máy deion	7133	Thermo/Mỹ	1 lần/năm
31	Máy cất nước 2 lần	A4000D/220	Aquatron/ Anh	1 lần/năm
32	Làm khô Nitơ	DBH 10 D	Úc	1 lần/năm
33	Máy đếm khuẩn lạc	BZG30	WTW/Đức	1 lần/năm
34	Tủ lạnh Toshiba	-	Toshiba	1 lần/năm
35	Thiết bị nghiền mẫu rắn	MF10B	IKA/Đức	1 lần/năm
36	Bồn rửa siêu âm	5510E-ĐTH	Bransonic - Mexico	1 lần/năm
37	Máy khuấy từ	S18520-26	Jenway/Anh	1 lần/năm
38	Máy lắc rung Vortex	-	Vortex/Ý	1 lần/năm
39	Máy lắc phễu chiết	J-MSFS - JISICO	Hàn Quốc	1 lần/năm
40	Bộ chưng cất Cyanua	-	Việt Nam	1 lần/năm
41	Bộ chưng cất phenol	-	Việt Nam	1 lần/năm
42	Bộ chưng chất Florua	-	Việt Nam	1 lần/năm
43	Bộ tách chiết chất hoạt động bề mặt	-	Việt Nam	1 lần/năm

STT	Tên thiết bị	Mã hiệu	Hãng/nước sản xuất	Tần suất hiệu chuẩn/bảo trì
44	Bếp đun hồng ngoại	-	Việt Nam	1 lần/năm
45	Máy đồng nhất mẫu (máy lắc)	Rotax 6.8	Rotax /Ý	1 lần/năm
46	Tủ mát Sanaky 300kw	VH258W	Sanaky	1 lần/năm
47	Tủ mát Sanaky 300kw	VH401K	Sanaky	1 lần/năm
48	Tủ mát Sanaky -2 cánh	1200L VH-1209HP	Sanaky	1 lần/năm
49	Tủ đông Sanaky	VH1599HY	Sanaky	1 lần/năm
50	Thiết bị đo nhiệt độ độ ẩm PTN		ISO lab	1 lần/năm
51	Thiết bị đo nhiệt độ hiện số	TK52	KIMO-Pháp	1 lần/năm
52	Tủ an toàn sinh học cấp 1	Labcono	Mỹ	-
53	Tủ an toàn sinh học cấp 2	11231BBC86	BIOBASE Trung quốc	1 lần/năm
54	Bể điều nhiệt WT-42	WT-42	BIOBASE Trung quốc	1 lần/năm
55	Bể điều nhiệt WT-42	WT-42	BIOBASE Trung quốc	1 lần/năm
56	Máy ly tâm WT-40	BKC TL5C-BIOBASE	Trung quốc	1 lần/năm
57	Lưu điện online 20KVA	MAKELSAN-turkey	Thổ Nhĩ Kỳ	1 lần/năm
58	Bộ lọc mẫu vi sinh	BIOBASE	BIOBASE Trung quốc	1 lần/năm
59	Đèn soi sắc ký bản mỏng (đèn soi UV có buồng tối), hai bước sóng	WFH-203B	Trung Quốc	1 lần/năm
60	Máy hút ẩm	-	Thai lan	1 lần/năm
61	Máy hút ẩm panasonic	F-YCT17V	panasonic	1 lần/năm
62	Tủ bảo quản mẫu nằm ngang	VH6699HY3	Sanaky/Việt Nam	1 lần/năm
63	Tủ bảo quản chất chuẩn kim loại	VH380KL	Sanaky/Việt Nam	1 lần/năm
64	Thiết bị đo quang phổ hấp thụ UV – Vis, C-7200S	C-7200S	PEAK Instrumentsl	1 lần/năm
65	Bộ Tách Chiết Zero Headspace Extractors (Thiết bị lọc cao áp bao gồm đồng hồ áp suất)	-	Việt nam	1 lần/năm

1.2.3. Phương pháp lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu

Hoạt động quan trắc môi trường nước, không khí được thực hiện theo quy trình kỹ thuật (bao gồm phương pháp lấy mẫu, phân tích, bảo quản, xử lý số liệu) quy định tại Thông tư 10/2021/BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

1.2.4. Danh mục phương pháp đo tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm

Hoạt động quan trắc môi trường của Trung tâm Quan trắc môi trường đã được đánh giá và cấp chứng nhận sau:

+ Đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp với mã hiệu VIMCERTS 017.

+ Phòng Quan trắc và Phân tích môi trường, đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 với mã hiệu VLAT-1.1055.

Trang thiết bị, phương pháp đo tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm các chỉ tiêu môi trường nước, không khí, tại các vị trí đã được lựa chọn như sau:

Bảng 1.4. Phương pháp đo tại hiện trường

TT	Tên thông số	Phương pháp đo	Giới hạn phát hiện
I	**Môi trường không khí**		
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	0 ÷ 50°C
2	Độ ẩm	QCVN 46:2012/BTNMT	10 ÷ 95%
3	Tốc độ gió	QCVN 46:2022/BTNMT	0,15 ÷ 30 m/s
4	Tiếng ồn	TCVN 7878-1,2:2018	28 ÷ 130 dB
II	**Môi trường nước**		
1	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	4 ÷ 500C
2	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 14
3	DO	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4	EC (độ dẫn điện)	SMEWW 2510B:2023	0 ÷ 200 mS/cm
5	Độ muối	SMEWW 2520B:2023	0 ÷ 70 (0/00)
6	Độ đục	SMEWW 2130B:2023	0 ÷ 1000NTU
7	TDS	HD-LM 08.2020	0 ÷400.000 mg/L

Bảng 1.5. Phương pháp phân tích trong phòng thí nghiệm

TT	Tên thông số	Phương pháp phân tích	Giới hạn phát hiện	Giới hạn báo cáo
I	**Môi trường khí**			
1	CO	HDPT 50.2021	3000 µg/Nm^3	9000 µg/Nm^3

2	NO_2	TCVN 6137: 2009	3 µg/Nm^3	10 µg/Nm^3
3	SO_2	TCVN 5971: 1995	12 µg/Nm^3	40 µg/Nm^3
4	Bụi lơ lửng tổng số (TSP)	TCVN 5067:1995	20 µg/Nm^3	63 µg/Nm^3
6	NH_3	TCVN 5293:1995	30 µg/Nm^3	100 µg/Nm^3
7	HF*	NIOSH Method 7906	2,0 µg/Nm^3	6,0 µg/Nm^3
8	H_2S	MASA 701	3,0 µg/Nm^3	10 µg /Nm^3
9	Tổng hydrocacbon (C_xH_y)	NIOSH method 1500	6 µg/Nm^3	20 µg/Nm^3
10	*Bezen*	NIOSH method 1501	6 µg/Nm^3	20 µg/Nm^3
11	*Toluen*	NIOSH method 1501	6 µg/Nm^3	20 µg/Nm^3
12	*Xylen*	NIOSH method 1501	6 µg/Nm^3	20 µg/Nm^3
13	Ethylbenzen	NIOSH method 1501	6 µg/Nm^3	20 µg/Nm^3
II	**Môi trường nước**			
1.	COD	SMEWW 5220C: 2023	3 mg/L	9 mg/L
2.	BOD_5	TCVN 6001-1: 2021	1 mg/L	3 mg/L
3.	TSS	SMEWW 2540D:2023	3 mg/L	10 mg/L
4.	Amoni	TCVN 6179-1:1996	0,025 mg/L	0,08 mg/L
5.	Clorua	TCVN 6194: 1996	5 mg/L	15 mg/L
6.	Nitrit	TCVN 6178: 1996	0,007 mg/L	0,020 mg/L
7.	Photphat	TCVN 6202: 2008	0,05mg/L	0,15 mg/L
8.	Nitrat	TCVN 6180:1996	0,045 mg/L	0,15 mg/L
9.	Tổng nitơ (nước mặt)	SMEWW 4500-N.C:2023	0,2 mg/L	0,6 mg/L
10.	Tổng phốt pho	SMEWW 4500P B&E:2023	0,05mg/L	0,10 mg/L
11.	Crom VI	SSMEWW3500-Cr B: 2023	0,003 mg/L	0,010 mg/L
12.	Florua	SMEWW 4500 F B&D:2023	0,1 mg/L	0,30 mg/L
13.	Mn	SMEWW 3111B:2023	0,015 mg/L	0,045 mg/L
14.	Fe	TCVN 6177: 1996	0,03 mg/L	0,10 mg/L
15.	Pb	SMEWW 3113B: 2023	0,0020mg/L	0,0060 mg/L
16.	Cd	SMEWW 3113B: 2023	0,0002 mg/L	0,0006 mg/L
17.	As	SMEWW 3113B: 2023	0,0020 mg/L	0,0060 mg/L
18.	Hg	SMEWW 3112B: 2023	0,0002 mg/L	0,0006 mg/L
19.	Cu	SMEWW 3111B:2023	0,015 mg/L	0,045 mg/L
20.	Zn	SMEWW 3111B:2023	0,030 mg/L	0,090 mg/L

21.	Na	SMEWW 3111B: 2023	0,350 mg/L	1,050
22.	Kali	SMEWW 3111B: 2023	0,050 mg/L	0,150
23.	Tổng dầu mỡ	SMEWW 5520B:2023	1 mg/L	3,5 mg/L
24.	Coliform	SMEWW 9221B:2023	2 MPN/100mL	
25.	Coliform chịu nhiệt	SMEWW 9221B&E:2023	2 MPN/100mL	
26.	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	0,03 mg/L	0,08 mg/L
27.	Ecoli	SMEWW 9221B&G:2023	2 MPN/100mL	

Ghi chú:

(*): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ VIMCERTS 210 (Công ty Cổ phần Công nghệ và Phân tích chất lượng cao Hải Dương).

CHƯƠNG 2. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Hiện trạng môi trường phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc năm 2025 được thực hiện đánh giá theo từng thành phần và theo từng khu vực dựa trên số liệu quan trắc tại các điểm định kỳ và dữ liệu của các trạm quan trắc tự động.

A. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ THEO TỪNG THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG

2.1. Hiện trạng môi trường không khí

+ Tổng số điểm quan trắc định kỳ là 77 điểm (K1- K77), đủ số điểm quan trắc theo quyết định phê duyệt mạng lưới. Trong đó: Quan trắc tại khu vực dân cư 41 điểm; Quan trắc các tuyến đường giao thông 20 điểm; Quan trắc không khí tại các làng nghề 09 điểm; Quan trắc tại khu di tích Côn Sơn 01 điểm; Quan trắc tại các vị trí chưa lắp đặt trạm quan trắc tự động 06 điểm (theo Quyết định 795/QĐ-UBND ngày 6/3/2019 về việc phê duyệt Đề án nâng cao năng lực quan trắc môi trường tỉnh Hải Dương giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2025). Tần suất quan trắc 1 lần/đợt và 3 đợt trong năm 2025.

- Quy chuẩn so sánh

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh.

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, áp dụng mức từ 6 đến 21 giờ.

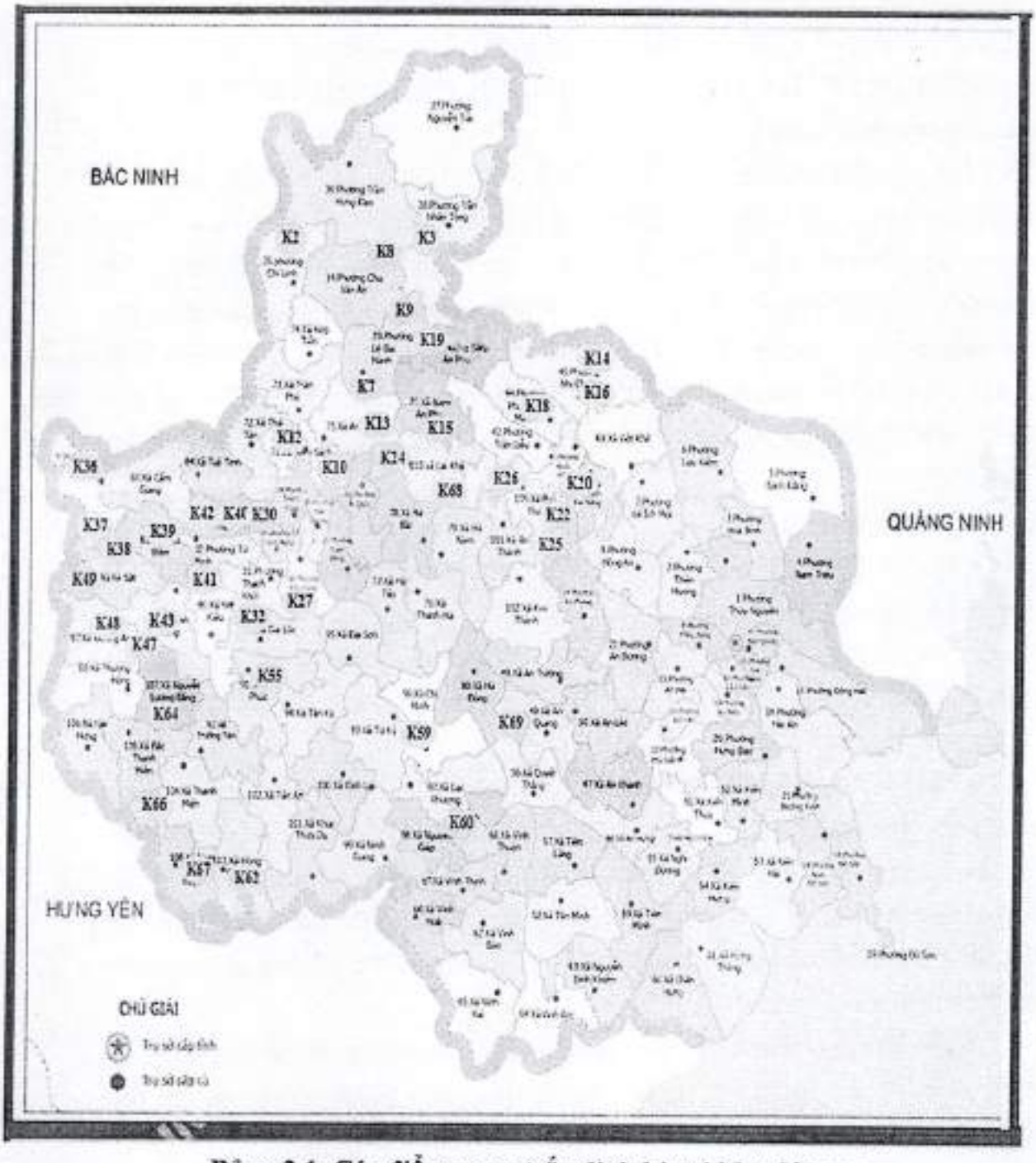
- Các chỉ tiêu quan trắc:

+ Đối với các điểm quan trắc khu dân cư, làng nghề, khu di tích lịch sử thực hiện quan trắc: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, mức ồn trung bình (LAeq), mức ồn cực đại (LAmax), tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO_2, NO_2. Tại một số điểm khu dân cư gần các cơ sở sản xuất gạch, xử lý rác thải ngoài các thông số nêu trên quan trắc thêm các thông số NH_3, HF, H_2S; làng nghề sản xuất giầy da quan trắc thêm thông số dung môi (Benzen, Ethylbenzen, Toluen, Xylen).

+ Tại các điểm quan trắc trên các tuyến đường giao thông ngoài các thông số quan trắc: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, mức ồn trung bình (LAeq), mức ồn cực đại (LA_{max}), tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO_2, NO_2, Hydrocacbon (C_nH_m).

2.1.1. Hiện trạng môi trường không khí khu dân cư

Hình 2.1. Sơ đồ mạng lưới điểm quan trắc môi trường không khí một số khu dân cư phía Tây thành phố Hải Phòng năm 2025



Bảng 2.1. Các điểm quan trắc định kỳ tại khu dân cư

TT	Vị trí các điểm quan trắc	KH
1	Khu dân cư phố Hoàng Hoa Thám, phường Phả Lại, TP. Chí Linh (nay là phường Chí Linh, TP.Hải Phòng)	K2
2	Khu dân cư Đại Bát, phường Hoàng Tân, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP.Hải Phòng)	K3
3	Khu dân cư Tế Sơn, phường Đồng Lạc, TP. Chí Linh (nay là phường	K7

TT	Vị trí các điểm quan trắc	KH
	Lê Đại Hành, TP.Hải Phòng)	
4	Khu dân cư Chi Ngãi, phường Cộng Hòa, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Hưng Đạo, TP.Hải Phòng)	K8
5	Khu dân cư Kỹ Sơn, phường Tân Dân, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP.Hải Phòng)	K9
6	Khu dân cư thôn Quan Đình, xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP.Hải Phòng)	K10
7	Khu dân cư Đồng Khê, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP.Hải Phòng)	K12
8	Khu dân cư thôn An Điền, xã An Phú, huyện Nam Sách (nay xã An Phú, TP.Hải Phòng)	K13
9	Khu dân cư Thượng Chiểu, phường Tân Dân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP.Hải Phòng)	K14
10	Khu dân cư Xạ Sơn, xã Quang Thành, Tx. Kinh Môn (nay là xã Nam An Phụ, TP.Hải Phòng)	K15
11	Khu dân cư Lỗ Sơn, phường Phú Thứ, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP.Hải Phòng)	K16
12	Khu dân cư Hiệp Thượng, phường Hiệp Sơn, Tx. Kinh Môn (nay là phường Phạm Sư Mạnh, TP.Hải Phòng)	K18
13	Khu dân cư Tiên Xá, xã Lê Ninh, Tx. Kinh Môn (nay là phường Bắc An Phụ, TP.Hải Phòng)	K19
14	Khu dân cư Trại Mới, phường Hiệp An, Tx. Kinh Môn (nay là phường Kinh Môn, TP.Hải Phòng)	K20
15	Khu dân cư Ngư Uyên, phường Long Xuyên, Tx. Kinh Môn (nay là phường Kinh Môn, TP.Hải Phòng)	K22
16	Khu dân cư thôn Quyết Tâm, xã Lai Vu, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP.Hải Phòng)	K24
17	Khu dân cư Cổ Phục, xã Kim Liên, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP.Hải Phòng)	K25
18	Khu dân cư Quỳnh Khê, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành Thành (nay là xã Phú Thái, TP.Hải Phòng)	K26
19	Khu dân cư khu 6, phường Hải Tân, TP. Hải Dương Thành (nay là phường Tân Hưng, TP.Hải Phòng)	K27
20	Khu dân cư Đồng Niên, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương Thành (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K30

TT	Vị trí các điểm quan trắc	KH
21	Khu dân cư Quang Giáp, phường Thạch Khôi, TP. Hải Dương (nay là phường Thạch Khôi, TP.Hải Phòng)	K32
22	Khu dân cư Cẩm Trục, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP.Hải Phòng)	K36
23	Khu dân cư Lương Xá, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP.Hải Phòng)	K37
24	Khu dân cư Hoàng Hòa, xã Cẩm Điền (Phúc Điền), huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP.Hải Phòng)	K38
25	Khu dân cư Quý Dương, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP.Hải Phòng)	K39
26	Khu dân cư Phú An, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K40
27	Khu dân cư Thôn Tiền, TT. Lai Cách, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K41
28	Khu dân cư Đỗ Trung, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K42
29	Khu dân cư thôn Chùa, xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP.Hải Phòng)	K43
30	Khu dân cư Hòa Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP.Hải Phòng)	K47
31	Khu dân cư thôn My Cầu, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP.Hải Phòng)	K48
32	Khu dân cư khu đô thị mới Tráng Liệt, thị trấn Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP.Hải Phòng)	K49
33	Khu dân cư Buộm, xã Toàn Thắng, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP.Hải Phòng)	K55
34	Khu dân cư thôn La Giang, xã Văn Tố, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP.Hải Phòng)	K59
35	Khu dân cư thôn Văn Vật, xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP.Hải Phòng)	K60
36	Khu dân cư Hào Khê, xã Hưng Long, huyện Ninh Giang (nay là xã Hồng Châu, TP.Hải Phòng)	K62
37	Khu dân cư Thúy Lâm, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện (nay là xã Nguyễn Lương Bằng TP.Hải Phòng)	K64
38	Khu dân cư Hòa Bình, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện (nay là xã	K66

TT	Vị trí các điểm quan trắc	KH
	Thanh Miện, TP.Hải Phòng)	
39	Khu dân cư Tiêu Sơn, xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP.Hải Phòng)	K67
40	Khu dân cư thôn Cổ Chẩm, xã Việt Hồng (Cẩm Việt), huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP.Hải Phòng)	K68
41	Khu dân cư Tú Y, xã Vĩnh Lập (Vĩnh Cường), huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Đông, TP.Hải Phòng)	K69

Chất lượng không khí khu dân cư tại 41 điểm quan trắc trong năm 2025 thực hiện quan trắc với các thông số đo nhanh (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn), các thông số phân tích trong phòng thí nghiệm gồm CO, NO_2, SO_2 và bụi TSP. Ngoài ra tại 07 điểm quan trắc khu vực khu dân cư (Khu dân cư Kỹ Sơn, phường Lê Đại Hành; Khu dân cư thôn Quan Đình, xã Nam Sách; Khu dân cư khu 6, phường Tân Hưng; Khu dân cư Quý Dương, xã Mao Điền; Khu dân cư Buộm, xã Gia Phúc; Khu dân cư thôn Cổ Chẩm, xã Lai Khê; Khu dân cư Tú Y, xã Hà Đông) chịu tác động của hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất gạch, nhà máy xử lý rác thải, khu vực đài hóa thân thực hiện quan trắc thêm 03 thông số là: NH_3, H_2S, HF. Kết quả quan trắc như sau:

+ Đối với các thông số vi khí hậu:

Bảng 2.2. Kết quả quan trắc các thông số vi khí hậu và tiếng ồn khu dân cư

Thông số quan trắc	Nhiệt độ (^{0}C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)
Đợt 2	28,6 ÷ 34,8	65,6 ÷ 77	0,31÷ 0,68	52,4 ÷ 61,2
Đợt 3	27,2 ÷ 35,1	62,3 ÷ 85,2	0,25÷ 0,59	50,9 ÷ 66,6
Đợt 4	18,5 ÷ 29,9	51,1 ÷ 74,4	0,31÷ 2,86	52,6 ÷ 67
QCVN 26:2010/BTNMT	-	-	-	**70**

Kết quả quan trắc cho thấy, tiếng ồn tại các điểm quan trắc dao động trong khoảng từ 50,9 ÷ 67(dBA) và đều đạt QCCP so với QCVN 26:2010/BTNMT.

+ Đối với các thông số (CO, NO_2, SO_2) và bụi TSP.

Bảng 2.3. Kết quả quan trắc nồng độ khí và bụi khu dân cư

Thông số quan trắc	NO_2 ($\mu g/Nm^3$)	SO_2 ($\mu g/Nm^3$)	CO ($\mu g/Nm^3$)	Bụi TSP ($\mu g/Nm^3$)
Đợt 2	11÷19	<40	<9000	65÷238
Đợt 3	10÷22	<40	<9000	69÷369
Đợt 4	10÷25	<40	<9000	69 ÷ 324
QCVN 05:2023/BTNMT	**200**	**350**	**30.000**	**300**

Kết quả quan trắc các đợt năm 2025 cho thấy chất lượng không khí tại 41/41 điểm quan trắc khu dân cư trên địa bàn khu vực phía Tây thành phố Hải Phòng có nồng độ các

thông số CO, NO_2, SO_2 đạt quy chuẩn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT. Nồng độ các thông số NH_3 <100 µg/Nm^3; H_2S <10 µg/Nm^3; HF = KPH(4) (µg/Nm^3) tại 07 điểm quan trắc và đều đạt quy chuẩn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT (nồng độ cho phép trung bình giờ với NH_3: 200µg/m^3; H_2S: 42µg/m^3; HF: 20µg/m^3).

Nồng độ bụi TSP: Nồng độ bụi tại 41/41 điểm quan trắc khu dân cư đều đạt chuẩn cho phép so với QCVN 05:2023/BTNMT trong đợt 2/2025. Thời điểm quan trắc đợt 3/2025 tại điểm quan trắc khu dân cư Cổ Phục, xã Phú Thái (K25) ghi nhận giá trị nồng độ bụi vượt giới hạn cho phép 1,23 lần so với QCCP và đợt 4/2025 tại điểm quan trắc khu dân cư Tú Y, xã Hà Đông (K69) có bụi vượt giới hạn cho phép 1,08 lần so với QCVN 05:2023/BTNMT. Nguyên nhân là tại thời điểm quan trắc có nhiều xe tải chở vật liệu qua lại, mặt đường nhiều bụi đất do đó cuốn bụi từ mặt đường theo xe làm phát tán bụi vào không khí gây ô nhiễm bụi cục bộ tại khu vực. Các điểm quan trắc khu dân cư còn lại chất lượng không khí duy trì tốt với nồng độ bụi và các khí đều đạt QCCP.

- Diễn biến chất lượng môi trường không khí các khu dân cư từ năm 2021 đến năm 2025.

Chất lượng không khí tại 41 điểm quan trắc tại các điểm khu dân cư trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng duy trì ở ngưỡng tốt với nồng độ các thông số CO, NO_2, SO_2 thường xuyên đạt QCCP.

Nồng độ các thông số NH_3, H_2S, HF quan trắc tại 07 điểm khu dân cư gần các cơ sở sản xuất gạch, thức ăn chăn nuôi, nhà máy xử lý rác thải, khu vực đài hóa thân trong các đợt quan trắc đều đạt QCCP.

Nồng độ bụi TSP dao động từ 10 – 370 µg/Nm^3, trong đó có 02 điểm tại thời điểm quan trắc đợt 4 năm 2022 (Khu dân cư Đồng Niên, phường Việt Hòa - K30 có bụi TSP đạt 370 µg/Nm^3 vượt QCCP 1,23 lần; Khu dân cư thôn My Cầu, xã Đường An - K48 có bụi TSP đạt 365 µg/Nm^3 vượt QCCP 1,21 lần) ; Thời điểm quan trắc đợt 4/2024 Có 01 điểm khu dân cư Lỗ Sơn (K16) bụi TSP vượt QCCP 1,46 lần; 01 điểm tại thời điểm quan trắc đợt 3 năm 2025 (Khu dân cư Cổ Phục, xã Phú Thái - K25 có bụi TSP 369 µg/Nm^3 vượt QCCP 1,23 lần) và 01 điểm tại thời điểm quan trắc đợt 4/2025 (Khu dân cư Tú Y, xã Hà Đông - K69 có bụi TSP đạt 324 µg/Nm^3 vượt QCCP 1,08 lần) so với QCVN 05:2023/BTNMT. Các thời điểm quan trắc còn lại tại 41 điểm khu dân cư nồng độ bụi TSP đều đạt QCCP. Đối với tiếng ồn dao động từ 42,6 – 67,4 dBA và đều đạt QCVN 26:2010/BTNMT.

*** Đánh giá kết quả quan trắc áp dụng chỉ số RAPI của GS. Phạm Ngọc Hồ**

Phương pháp đánh giá chất lượng môi trường sử dụng chỉ số đơn lẻ và chỉ số tổng hợp (RAPI) của tác giả GS.TS. Phạm Ngọc Hồ đã được Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận theo Quyết định số 4066/QĐ-SHTT ngày 13/1/2020. Phần mềm

đã được công bố trên các tạp chí quốc tế và trong nước, đồng thời cũng đã được áp dụng vào thực tế thông qua các đề tài và dự án.

Năm 2017, phần mềm đã được UBND tỉnh Hải Dương nghiệm thu đề tài khoa học cấp tỉnh "Xây dựng bộ chỉ số chất lượng không khí đơn lẻ và tổng hợp đối với thành phần không khí phục vụ công tác quản lý, giám sát và cảnh báo môi trường tỉnh Hải Dương".

Quy trình đánh giá của phương pháp thực hiện như sau:

Nhập chuỗi số liệu quan trắc đưa vào phần mềm mặc định, lựa chọn các thông số đánh giá. Phần mềm thực hiện việc:

- Tính các chỉ số đơn lẻ qi của các thông số, tính trọng số tạm thời W'i và trọng số cuối cùng Wi của các thông số.
- Tính toán thang phân cấp đánh giá theo n thông số
- Tính toán các giá trị Pm, Pk, Pn, RAPI của các khu vực quan trắc. Trong đó:

+ Pm: là nhóm chất có nồng độ ≤ QCCP ứng với qi≤ 1

+ Pk: là nhóm chất có nồng độ > QCCP, ứng với qi>1

+ qi: chỉ số đơn lẻ hay chỉ số phụ của chất i

+ Pn: là tổng lượng chung của các chất

+ RAPIh: Chỉ số chất lượng không khí tương đối để đánh giá tổng hợp mức độ ô nhiễm không khí theo số liệu quan trắc liên tục và định kỳ.

- Vẽ biểu đồ, so sánh kết quả với thang phân cấp, đánh giá và nhận xét

Sau khi chạy phầm mềm cho kết quả tính toán được phân định theo thang phân cấp đánh giá tổng hợp mức độ ô nhiễm không khí của RAPI (5 cấp).

Bảng 2.4. Bảng phân cấp đánh giá của RAPIh

Khoảng RAPI		Kết quả	Màu	Mức cảnh báo đối với sức khỏe
n chẵn	n lẻ			
$100\frac{n-1}{n} < I \le 100$	$100\frac{n-1}{n} < I \le 100$	Nghiêm trọng (Nguy hiểm)	Nâu	Ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe
$50 < I \le 100\frac{n-1}{n}$	$50\frac{n-1}{n} < I \le 100\frac{n-1}{n}$	Ô nhiễm rất nặng (Rất xấu)	Đỏ	Rất ảnh hưởng đến sức khỏe
$\frac{100}{n} < I \le 50$	$\frac{100}{n} < I \le 50\frac{n-1}{n}$	Ô nhiễm nặng (Xấu)	Cam	Ảnh hưởng đến sức khỏe
$\frac{50}{n} < I \le \frac{100}{n}$	$\frac{50}{n} < I \le \frac{100}{n}$	Ô nhiễm nhẹ (Kém)	Vàng	Ảnh hưởng đến nhóm nhạy cảm

Khoảng RAPI		Kết quả	Màu	Mức cảnh báo đối với sức khỏe
n chẵn	n lẻ			
$0 \le I \le \frac{50}{n}$	$0 \le I \le \frac{50}{n}$	Không ô nhiễm (Tốt)	Xanh	Không ảnh hưởng đến sức khỏe

Trong đó: n là số thông số quan trắc và phân tích.

Đưa kết quả quan trắc năm 2025 môi trường không khí khu dân cư vào phần mềm tính toán cho kết quả như sau:

Bảng 2.5. Kết quả tính RAPIh khu dân cư năm 2025

Ký hiệu	Vị trí	Kết quả $RAPI_h$			Thang màu tương ứng		
		Đợt 2/2025	Đợt 3/2025	Đợt 4/2025	Đợt 2/2025	Đợt 3/2025	Đợt 4/2025
K2	Khu dân cư phố Hoàng Hoa Thám, phường Chí Linh, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K3	Khu dân cư Đại Bát, phường Trần Nhân Tông, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K7	Khu dân cư Tế Sơn, phường Lê Đại Hành, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K8	Khu dân cư Chi Ngãi, phường Trần Hưng Đạo, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K9	Khu dân cư Kỹ Sơn, phường Lê Đại Hành, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K10	Khu dân cư thôn Quan Đình, xã Nam Sách, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K12	Khu dân cư Đồng Khê, xã Nam Sách, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K13	Khu dân cư thôn An Điền, xã An Phú, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K14	Khu dân cư Thượng Chiểu, phường Nhị Chiểu, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K15	Khu dân cư Xạ Sơn, xã Nam An Phụ,	Không ô	Không ô	Không ô	Xanh	Xanh	Xanh

	TP.Hải Phòng	nhiễm	nhiễm	nhiễm			
K16	Khu dân cư Lỗ Sơn, phường Nhị Chiểu, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K18	Khu dân cư Hiệp Thượng, phường Phạm Sư Mạnh, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K19	Khu dân cư Tiên Xá, phường Bắc An Phụ, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K20	Khu dân cư Trại Mới, phường Kinh Môn, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K22	Khu dân cư Ngư Uyên, phường Kinh Môn, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K24	Khu dân cư thôn Quyết Tâm, xã Lai Khê, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K25	Khu dân cư Cổ Phục, xã Phú Thái, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K26	Khu dân cư Quỳnh Khê, xã Phú Thái, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K27	Khu dân cư khu 6, phường Tân Hưng, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K30	Khu dân cư Đồng Niên, phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K32	Khu dân cư Quang Giáp, phường Thạch Khôi, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh

K36	Khu dân cư Cẩm Trục, xã Cẩm Giàng, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K37	Khu dân cư Lương Xá, xã Cẩm Giàng, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K38	Khu dân cư Hoàng Hòa, xã Mao Điền, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K39	Khu dân cư Quý Dương, xã Mao Điền, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K40	Khu dân cư Phú An, phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K41	Khu dân cư Thôn Tiền, phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K42	Khu dân cư Đỗ Trung, phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K43	Khu dân cư thôn Chùa, xã Mao Điền, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K47	Khu dân cư Hòa Loan, xã Nguyễn Lương Bằng, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K48	Khu dân cư thôn My Cầu, xã Đường An, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K49	Khu dân cư khu đô thị mới Tráng Liệt, xã Kẻ Sặt, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K55	Khu dân cư Buộm, xã Gia Phúc, TP.Hải	Không ô	Không ô	Không ô	Xanh	Xanh	Xanh

	Phòng	nhiễm	nhiễm	nhiễm			
K59	Khu dân cư thôn La Giang, xã Chí Minh, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K60	Khu dân cư thôn Văn Vật, xã Nguyên Giáp, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K62	Khu dân cư Hào Khê, xã Hồng Châu, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K64	Khu dân cư Thúy Lâm, xã Nguyễn Lương Bằng, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K66	Khu dân cư Hòa Bình, xã Thanh Miện, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K67	Khu dân cư Tiêu Sơn, xã Nam Thanh Miện, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K68	Khu dân cư thôn Cổ Chấm, xã Hà Bắc, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
K69	Khu dân cư Tú Y, xã Hà Đông, TP.Hải Phòng	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh

*** Nhận xét:**

Từ số liệu quan trắc môi trường không khí khu dân cư năm 2025 tại 41 điểm khu dân cư năm 2025 đưa vào phần mềm tính toán cho thấy: Kết quả chỉ số chất lượng không khí đơn lẻ và chỉ số tổng hợp RAPI nằm trong khoảng từ 0<= RAPI <=10 và không ô nhiễm (thang màu xanh).

2.1.2. Kết quả quan trắc tại các trạm quan trắc tự động

*** Các trạm quan trắc đang hoạt động**

Năm 2025, các trạm quan trắc tự động đang trong quá trình bảo trì, bảo dưỡng, vì vậy không đưa số liệu quan trắc tự động vào báo cáo hiện trạng năm 2025.

*** Đối với các điểm chưa lắp trạm quan trắc tự động**

Đối với 06 khu vực chưa lắp đặt trạm quan trắc, các khu vực này được thực hiện quan trắc định kỳ 3 đợt trong năm 2025.

Bảng 2.6. Các điểm quan trắc chưa lắp đặt trạm quan trắc

TT	Tên trạm quan trắc	Ký hiệu	Vị trí quan trắc năm 2025
1	Trạm Nam Sách đặt tại TT. Nam Sách, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP.Hải Phòng)	Ktđ3	Vị trí quan trắc giáp trường THTP tại xã Nam Sách
2	Trạm Gia Lộc đặt tại TT. Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP.Hải Phòng)	Ktđ12	Vị trí quan trắc trước cổng trụ sở UBND xã Gia Lộc
3	Trạm Tứ Kỳ đặt tại TT. Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Tứ Kỳ, TP.Hải Phòng)	Ktđ13	Vị trí quan trắc trước cổng trụ sở công an xã Tứ Kỳ
4	Trạm Ninh Giang đặt tại TT. Ninh Giang, huyện Ninh Giang (nay là xã Ninh Giang, TP.Hải Phòng)	Ktđ14	Vị trí quan trắc tại UBND xã Ninh Giang.
5	Trạm Thanh Miện tại TT. Thanh Miện, huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP.Hải Phòng)	Ktđ15	Vị trí quan trắc tại UBND xã Thanh Miện
6	Trạm Thanh Hà tại TT. Thanh Hà, huyện Thanh Hà (nay là xã Thanh Hà, TP.Hải Phòng)	Ktđ16	Vị trí quan trắc trước cổng trụ sở UBND xã Thanh Hà

Tại 06 vị trí quan trắc (điểm dự kiến sẽ lắp đặt trạm quan trắc môi trường không khí tự động) đều nằm trong khu vực đông dân cư, hoạt động kinh doanh dịch vụ phát triển và có các tuyến giao thông tỉnh lộ cùng nhiều điểm giao cắt với đường nội bộ. Kết quả quan trắc năm 2025 như sau:

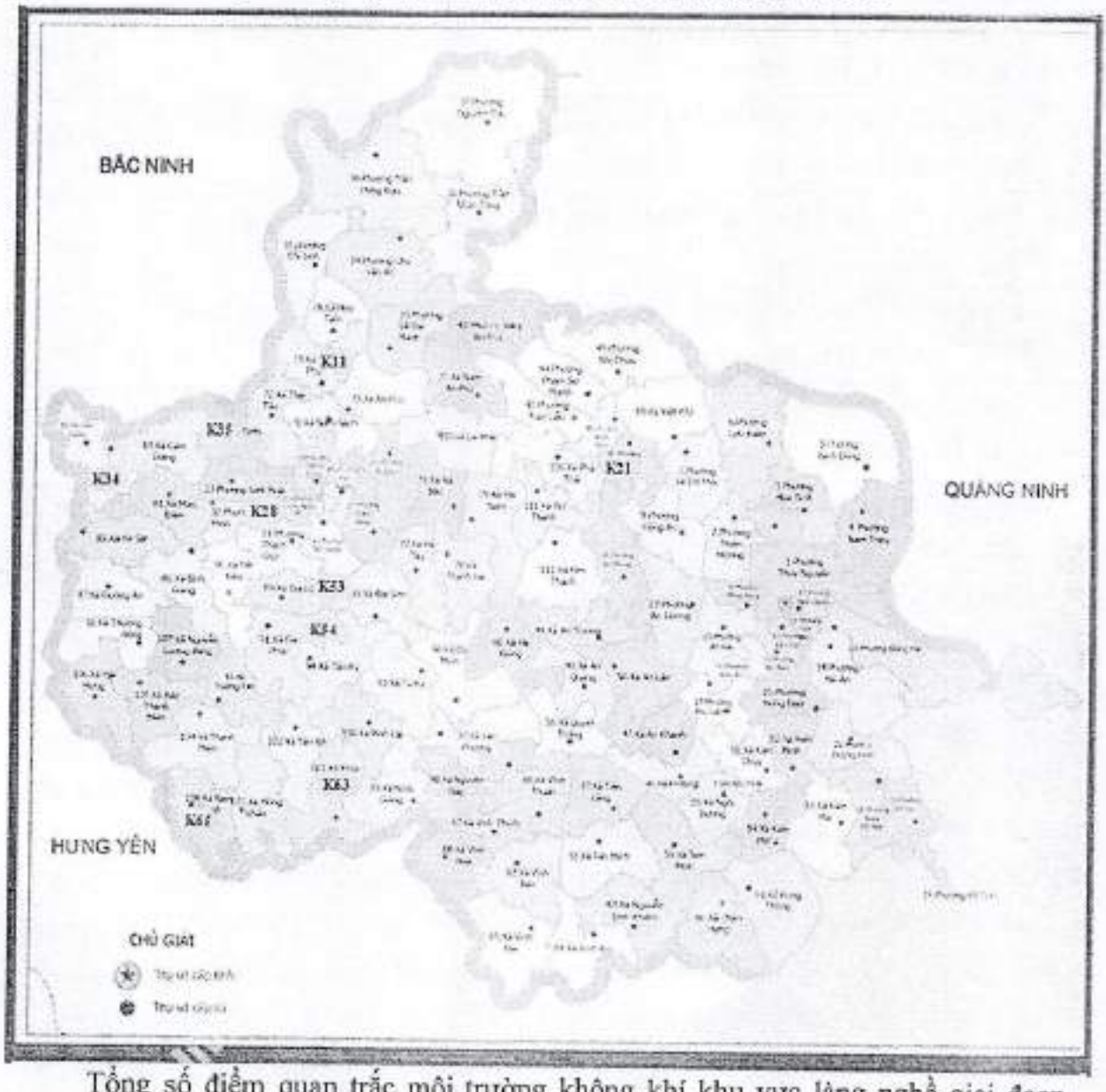
Bảng 2.7. Kết quả quan trắc định kỳ tại 06 vị trí chưa lắp đặt trạm quan trắc tự động

Ký hiệu vị trí quan trắc	Nhiệt độ (^{0}C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)	NO_2 ($\mu g/Nm^3$)	SO_2 ($\mu g/Nm^3$)	CO ($\mu g/Nm^3$)	Bụi TSP($\mu g/Nm^3$)
Ktd3	24,8 ÷ 34,1	68,8÷78,7	0,3÷1,35	65,8÷67,3	10÷17	<40	<9000	73-262
Ktd12	18 ÷28,4	71,8÷74,6	0,62÷2,11	63,5	10÷13	<40	<9000	77-138
Ktd13	20,4÷34,1	70,2÷83,6	0,45÷1,33	58,2÷61,2	11÷14	<40	<9000	71-120
Ktd14	20,6÷33,3	66,7÷72,3	0,28÷1,62	58,7÷59,5	10÷16	<40	<9000	75-91
Ktd15	24,4÷30,3	51,7÷76,7	0,35÷0,83	60,9÷61,8	14÷16	<40	<9000	72-106
Ktd16	20,6÷35,3	62,4÷70,3	0,49÷1,29	65,1÷65,2	14÷17	<40	<9000	66-199
QCVN 26:2010/BTNMT	-	-	-	**70**	-	-	-	-
QCVN 05:2023/BTNMT	-	-	-	-	**200**	**350**	**30.000**	**300**

Từ kết quả các đợt quan trắc năm 2025 tại 06/06 vị trí dự kiến lắp đặt các trạm quan trắc tự động cho thấy ở các thời điểm quan trắc nồng độ các khí CO, NO_2, SO_2, bụi TSP đạt QCCP theo QCVN 05:2023/BTNMT; tiếng ồn đạt QCCP theo QCVN 26:2010/BTNMT. Điều này cho thấy chất lượng môi trường không khí tại các khu vực trên trong thời điểm quan trắc duy trì ở mức tốt, không xuất hiện dấu hiệu ô nhiễm cục bộ, phản ánh hiệu quả tương đối tích cực của công tác quản lý môi trường và kiểm soát các nguồn phát thải trong khu vực (chi tiết tại Phụ lục).

2.1.3. Hiện trạng môi trường không khí khu vực làng nghề

Hình 2.2. Sơ đồ mạng lưới điểm quan trắc môi trường không khí một số làng nghề phía Tây thành phố Hải Phòng năm 2025



Tổng số điểm quan trắc môi trường không khí khu vực làng nghề giai đoạn 2021 - 2025 là 09 điểm tại các làng nghề hoạt động sản xuất bánh đa, rượu, giầy da, hành mùa và sản xuất đồ gỗ. Cụ thể các điểm quan trắc như sau:

Bảng 2.8. Vị trí các điểm quan trắc môi trường không khí khu vực làng nghề

TT	Vị trí các điểm quan trắc	KH
1	Làng nghề Mạn Đê, xã Nam Trung, huyện Nam Sách (nay là xã Trần Phú, TP. Hải Phòng)	K11
2	Làng nghề An Thủy, phường Hiến Thành, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng)	K21
3	Làng nghề Lộ Cương, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là Phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	K28

TT	Vị trí các điểm quan trắc	KH
4	Làng nghề gỗ Đông Giao, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng)	K34
5	Làng nghề rượu Phú Lộc, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Tuệ Tĩnh, TP. Hải Phòng)	K35
6	Làng nghề bún Đông Cận, xã Tân Tiến (Gia Tiến), huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	K53
7	Làng nghề Văn Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	K54
8	Làng nghề Cúc Bồ, xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang (nay là xã Khúc Thừa Dụ, TP. Hải Phòng)	K63
9	Làng nghề Hội Yên, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	K65

Theo kết quả quan trắc chất lượng không khí tại các vị trí quan trắc trong 09 làng nghề năm 2025 cho thấy: nồng độ các khí CO, NO_2, SO_2 tại các đợt quan trắc đều có giá trị đạt QCCP. Đối với bụi TSP tại 9 điểm quan trắc dao động trong khoảng 75 – 343 µg/Nm^3. Làng nghề gỗ Đông Giao tại thời điểm quan trắc đợt 4/2025 ghi nhận nồng độ bụi có giá trị vượt QCCP 1,14 lần. 8/9 làng nghề còn lại nồng độ bụi TSP đều đạt giá trị cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT.

Tiếng ồn tại các làng nghề dao động trong khoảng từ 53 – 71,2 dBA, trong đó làng nghề gỗ Đông Giao thời điểm quan trắc đợt 2,3,4 năm 2025 ghi nhận tiếng ồn vượt QCCP 1,01 lần; 8/9 làng nghề còn lại tiếng ồn trong các đợt quan trắc đạt QCCP.

Đối với làng nghề Văn Lâm, xã Gia Phúc (K54) sản xuất giầy da, vì vậy ngoài các chỉ tiêu khí CO, NO_2, SO_2 còn thực hiện quan trắc thêm Benzen, Ethylbenzen, Toluen, Xylen. Thời điểm quan trắc các đợt 2,3,4/2025 nồng độ các thông số Benzen, Ethylbenzen, Toluen, Xylen đều có giá trị đạt QCVN 05:2023/BTNMT (*Benzen = 22 µg/Nm^3; Toluen = 500µg/Nm^3, Xylen =1000µg/Nm^3*) (chi tiết kết quả điểm quan trắc tại phụ lục).

Bảng 2.9. Kết quả quan trắc môi trường không khí làng nghề các đợt năm 2025

KH	Tên làng nghề	Kết quả quan trắc 3 đợt của năm 2025				
		NO_2 (µg/Nm^3)	SO_2 (µg/Nm^3)	CO (µg/Nm^3)	Bụi TSP (µg/Nm^3)	Tiếng ồn (dBA)
K11	Làng nghề Mạn Đê	12 ÷ 16	<40	<9000	133÷232	58,4÷59,8
K21	Làng nghề An Thủy	11 ÷ 15	<40	<9000	78÷88	53 ÷54,5

KH	Tên làng nghề	Kết quả quan trắc 3 đợt của năm 2025				
		NO_2 ($\mu g/Nm^3$)	SO_2 ($\mu g/Nm^3$)	CO ($\mu g/Nm^3$)	Bụi TSP ($\mu g/Nm^3$)	Tiếng ồn (dBA)
K28	Làng nghề Lộ Cương	12÷14	<40	<9000	75 ÷ 236	59,3÷ 59,8
K34	Làng nghề Đông Giao	13÷15	<40	<9000	78÷ 343	71,1÷ 71,2
K35	Làng nghề Phú Lộc	17÷19	<40	<9000	81÷98	61÷ 61,2
K53	Làng nghề Đông Cận	13÷17	<40	<9000	94÷194	59,4÷ 59,6
K54	Làng nghề Văn Lâm	14	<40	<9000	87÷125	63,1÷63,5
K63	Làng nghề Cúc Bồ	13÷16	<40	<9000	75	57,9÷59,1
K65	Làng nghề Hội Yên	14÷18	<40	<9000	90÷91	54,5 ÷54,9
QCVN 05:2023/BTNMT		**200**	**350**	**30.000**	**300**	-
QCVN 26:2010/BTNMT		-	-	-	-	**70**

- Diễn biến chất lượng môi trường không khí các làng nghề từ năm 2021 đến năm 2025.

Chất lượng không khí quan trắc tại 7 làng nghề (làng nghề Mạn Đê; Làng nghề An Thủy; Làng nghề rượu Phú Lộc; Làng nghề bún Đông Cận; Làng nghề Văn Lâm; làng nghề Cúc Bồ; làng nghề Hội Yên) chất lượng không khí duy trì ở mức tốt, chưa có dấu hiệu ô nhiễm với nồng độ các thông số CO, NO_2, SO_2, bụi TSP và tiếng ồn thường xuyên đạt QCCP trong các đợt quan trắc.

Đối với làng nghề gỗ Đông Giao, xã Cẩm Giàng (K34): Các thông số CO, NO_2, SO_2 tại các đợt quan trắc đều đạt QCCP; tiếng ồn dao động từ 63,5 – 75,7 dBA, trong đó có 10 đợt quan trắc (đợt 4/2021, đợt 3/2022, đợt 2,3,4/2023, đợt 1,3/2024, đợt 2,3,4/2025) vượt QCCP từ 1,01 – 1,08 lần; các đợt quan trắc còn lại tiếng ồn đạt QCCP. Nồng độ bụi TSP dao động từ 73-525$\mu g/Nm^3$ trong đó có 06 đợt (đợt 2/2022; đợt 3/2023; đợt 1,2,4/2024, đợt 4/2025) bụi TSP vượt QCCP từ 1,14 - 1,75 lần.

Đối với làng nghề Lộ Cương, phường Tứ Minh (K28) các đợt quan trắc từ năm 2021 đến đợt năm 2025 chất lượng không khí thường xuyên duy trì ở mức tốt với nồng độ các thông số CO, NO_2, SO_2, bụi TSP và tiếng ồn thường xuyên đạt QCCP trong các đợt quan trắc. Tại thời điểm quan trắc đợt 3/2024 có thông số nồng độ bụi TSP = 432 $\mu g/Nm^3$ vượt 1,44 lần QCCP, nguyên nhân là do thời điểm đó làng nghề đang diễn ra hoạt động cải tạo kênh thoát nước, việc tập kết vật liệu xây dựng và phương tiện vận

chuyển góp phần làm phát tán bụi vào môi trường không khí dẫn đến thời điểm quan trắc nồng độ bụi tại làng nghề tăng và vượt QCCP.

*** Kết quả quan trắc khi áp dụng chỉ số RAPIh của GS. Phạm Ngọc Hồ**

Việc tính toán chỉ số đơn lẻ qi và chỉ số tổng hợp RAPIh đối với chất lượng không khí khu vực làng nghề được thực hiện tương tự như trình bày tại phần đánh giá đối với các khu dân cư. Từ kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực làng nghề đưa vào phần mềm tính toán cho kết quả như sau:

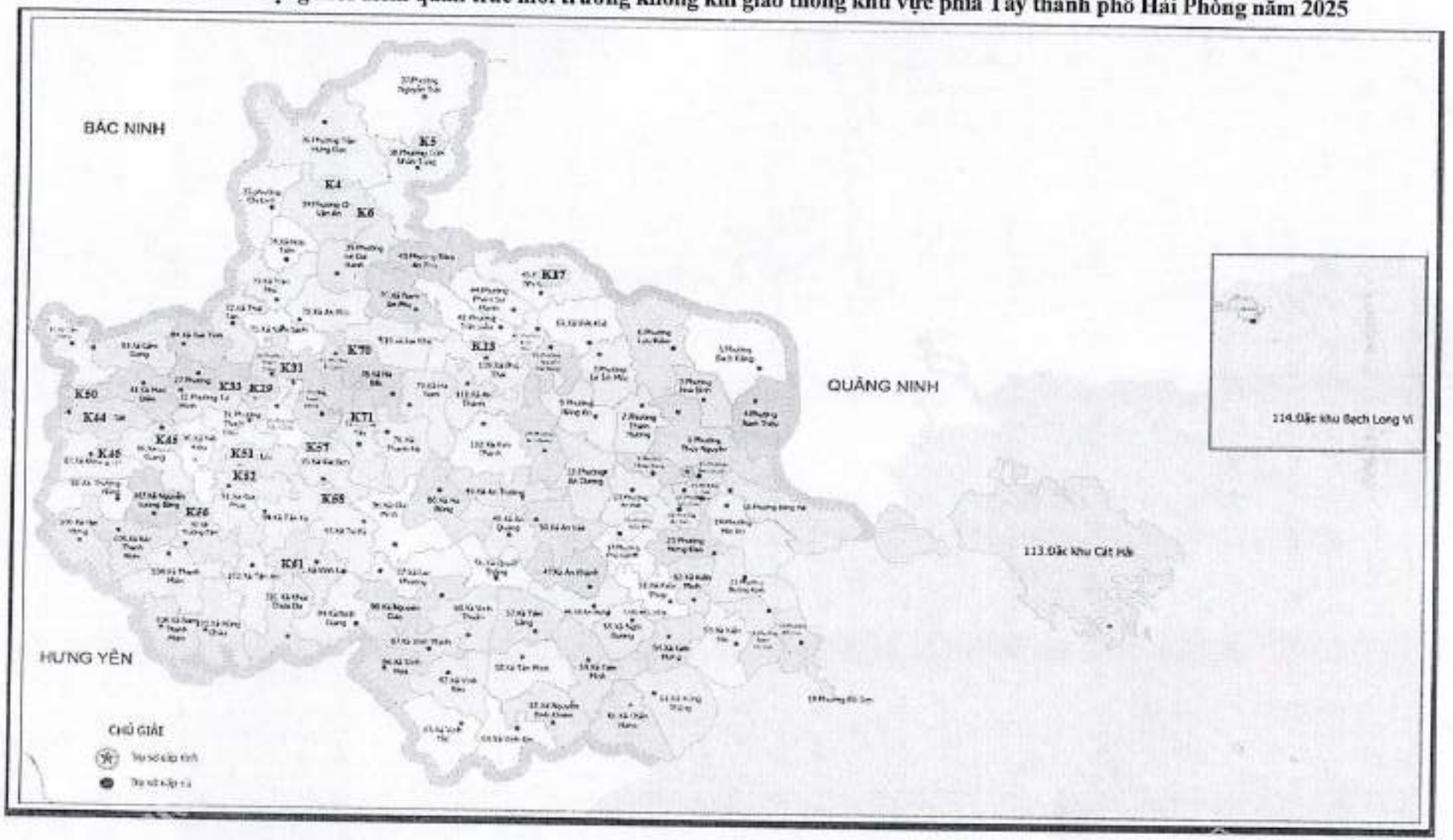
Bảng 2.10. Kết quả tính $RAPI_h$ làng nghề năm 2025

TT	Ký hiệu	Vị trí	Kết quả $RAPI_h$ các đợt năm 2025			Thang màu tương ứng		
			Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4
1	K11	Làng nghề Mạn Đê	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
2	K21	Làng nghề An Thủy	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
3	K28	Làng nghề Lộ Cương	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
4	K34	Làng nghề gỗ Đông Giao	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
5	K35	Làng nghề rượu Phú Lộc	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
6	K53	Làng nghề bún Đông Cận	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
7	K54	Làng nghề Văn Lâm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
8	K63	Khu dân cư làng nghề Cúc Bồ	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
9	K65	Làng nghề Hội Yên	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh

Từ bảng kết quả tính chỉ số RaPi cho thấy, chất lượng môi trường không khí làng nghề khu vực phía Tây thành phố Hải Phòng thời điểm quan trắc các đợt năm 2025 duy trì tốt với 9/9 điểm quan trắc đều không ô nhiễm và thuộc thang màu xanh – chất lượng không khí tốt.

2.1.4. Hiện trạng môi trường không khí khu vực đường giao thông

Hình 2.3. Sơ đồ mạng lưới điểm quan trắc môi trường không khí giao thông khu vực phía Tây thành phố Hải Phòng năm 2025



Tổng số điểm quan trắc môi trường không khí khu vực giao thông giai đoạn 2021 - 2025 là 20 điểm tại các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ và đường giao thông nội thị khu vực phía Tây thành phố Hải Phòng. Vị trí các điểm lựa chọn quan trắc tại các nút giao cắt có mật độ phương tiện qua lại đông. Cụ thể các điểm quan trắc như sau:

Bảng 2.11. Vị trí các điểm quan trắc trên các tuyến đường giao thông

TT	Vị trí quan trắc	Kí hiệu
1	Quốc lộ 18 tại phường Chí Minh, TP. Chí Linh (nay là Phường Chu Văn An, TP. Hải Phòng)	K4
2	Quốc lộ 18 tại phường Hoàng Tiến, TP. Chí Linh (nay là Phường Trần Nhân Tông, TP. Hải Phòng)	K5
3	Quốc lộ 37 tại Phường Thái Học, TP. Chí Linh (nay là Phường Chu Văn An, TP. Hải Phòng)	K6
4	Ngã tư (gốc đa) Quốc lộ 17B tại phường Minh Tân, Tx. Kinh Môn (nay là Phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	K17
5	Quốc lộ 5 tại điểm giao giữa với quốc lộ 17B, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	K23
6	Nút giao với các đường Nguyễn Lương Bằng, Phạm Ngũ Lão, Điện Biên Phủ và Lê Thanh Nghị (ngã tư máy sứ) (nay là Phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng)	K29
7	Nút giao thông Tam Giang, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương (nay là Phường Hải Dương, TP. Hải Phòng)	K31
8	Quốc lộ 5 tại nút giao với đường Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Dương (nay là Phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng)	K33
9	Đường tỉnh 392 tại ngã năm TT. Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP. Hải Phòng)	K44
10	Đường tỉnh 394 tại điểm giao với đường 392, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang (nay là xã Bình Giang, TP. Hải Phòng)	K45
11	Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng tại xã Thái Học huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP. Hải Phòng)	K46
12	Quốc lộ 5 tại ngã tư Quán Gỏi, TT. Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP. Hải Phòng)	K50
13	Quốc lộ 37 , tại ngã 3 thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	K51
14	Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng giao Quốc lộ 38B tại Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	K52

TT	Vị trí quan trắc	Kí hiệu
15	Giao Quốc lộ 38B và Đường tỉnh 392 tại Trạm Bóng, xã Quang Đức (Quang Minh cũ), huyện Gia Lộc (nay là xã Trường Tân, TP. Hải Phòng)	K56
16	Đường tỉnh 391, tại vị trí giao thông vào CCN Kỳ Sơn, xã Đại Sơn, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Đại Sơn, TP. Hải Phòng)	K57
17	Đường tỉnh 391 tại Ngã Tư Mắc, xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Tứ Kỳ TP. Hải Phòng)	K58
18	Giao giữa Quốc lộ 37 và Đường tỉnh 392 tại xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang (nay xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng)	K61
19	Đường tỉnh 390 tại ngã ba xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Tây, TP. Hải Phòng)	K70
20	Đường tỉnh 390B tại xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP. Hải Phòng)	K71

Trong 20 điểm quan trắc giai đoạn 2021 - 2025 ở bảng trên có 10 điểm đã thực hiện quan trắc từ giai đoạn 2016 - 2020 (gồm các điểm K23, K29, K31, K44, K45, K51, K52, K57, K61). Các điểm quan trắc còn lại là điểm lựa chọn mới để phù hợp với tình hình đặc điểm giao thông khu vực hiện tại và vị trí cách xa các điểm trạm quan trắc tự động.

**** Đánh giá chất lượng không khí theo kết quả quan trắc***

Kết quả quan trắc các đợt năm 2025 cho thấy: Môi trường không khí tại 20 vị trí quan trắc trên các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ và đường nội thị như sau:

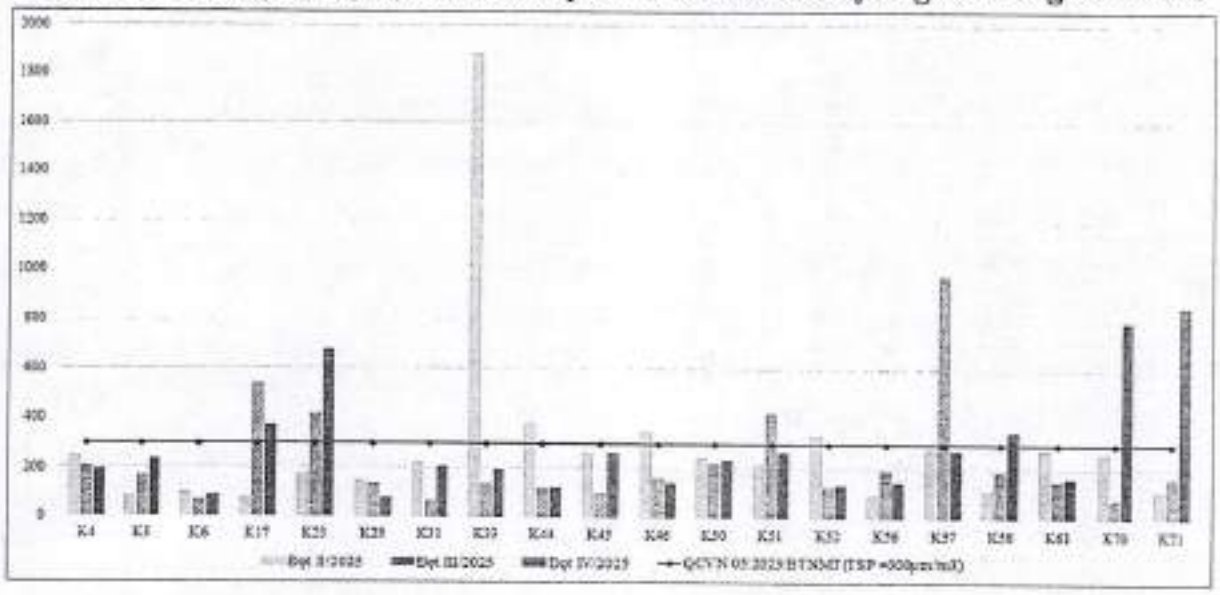
- Nồng độ các khí NO_2, SO_2, CO, C_nH_m (Hydrocacbon) đều đạt QCVN 05:2023/BTNMT. Nồng độ các khí tại các thời điểm quan trắc năm 2025 so với QCCP thấp hơn ngưỡng cho phép nhiều lần (chi tiết kết quả điểm quan trắc tại phụ lục).

- Nồng độ lượng bụi lơ lửng (TSP) tại các điểm quan trắc trên tuyến giao thông:

Bảng 2.12. Nồng độ bụi TSP tại các điểm quan trắc giao thông

Đợt quan trắc	Nồng độ TSP ($\mu g/Nm^3$)	Mức vượt QCCP (lần)	Ghi chú
Đợt 2	79 - 1882	1,13 – 6,27	Có 04/20 điểm vượt QCCP
Đợt 3	67 – 981	1,40 – 3,27	Có 04/20 điểm vượt QCCP
Đợt 4	83 - 864	1,17- 2,88	Có 05/20 điểm vượt QCCP
QCVN 05:2023/BTNMT	**300**		-

Biểu đồ 2.1. Nồng độ bụi tại các điểm quan trắc trên các tuyến giao thông năm 2025



Quốc lộ 17B (ngã tư gốc đa) tại phường Nhị Chiểu, Tp Hải Phòng (K17) là điểm có số lần ghi nhận nồng độ bụi TSP vượt QCCP trong năm 2025.

Bảng 2.13. Vị trí điểm quan trắc giao thông có bụi TSP vượt QCCP năm 2025

TT	Vị trí	Ký hiệu	Đợt quan trắc (đợt)	Mức vượt QCCP (lần)
1	Quốc lộ 18 tại phường Chu Văn An, TP. Hải Phòng	K4	2	1,15
2	Quốc lộ 18 tại phường Trần Nhân Tông, TP. Hải Phòng	K5	2	1,13
3	Ngã tư (gốc đa) Quốc lộ 17B tại phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng	K17	2,3,4	1,25 - 6,27
4	Quốc lộ 5 tại điểm giao giữa với quốc lộ 17B, xã Phú Thái, Tp Hải Phòng	K23	3,4	1,40 - 2,27
5	Quốc lộ 37, tại ngã 3 xã Gia Lộc, Tp Hải Phòng	K51	3	1,41
6	Đường tỉnh 391 tại vị trí giao thông vào CCN Kỳ Sơn, xã Đại Sơn, Tp Hải Phòng	K57	3	3,27
7	Đường tỉnh 391 tại Ngã Tư Mắc, xã Tứ Kỳ, TP. Hải Phòng	K58	2,4	1,17 - 1,27
8	Đường tỉnh 390 tại ngã ba xã Hà Tây, TP. Hải Phòng.	K70	4	2,65
9	Đường tỉnh 390B tại xã Hà Bắc, TP. Hải Phòng.	K71	4	2,88

Nguyên nhân tại các điểm quan trắc nêu bảng trên có hàm lượng bụi TSP vượt QCCP là do:

- Các điểm quan trắc tại nút giao thông đa phần là điểm giao cắt trên các tuyến đường trọng điểm. Do vậy, mật độ phương tiện qua lại nhiều và thường xuyên.

- Mặt đường tại các vị trí này có đất, cát thường xuyên khi các xe qua lại cùng lúc tạo gió cuốn theo cát mặt đường kết hợp với khí thải của các phương tiện giao thông cộng hưởng cùng một thời điểm. Bên cạnh đó tại thời điểm quan trắc, đặc điểm thời tiết có gió, ít mưa dẫn đến lượng bụi ghi nhận vượt QCCP.

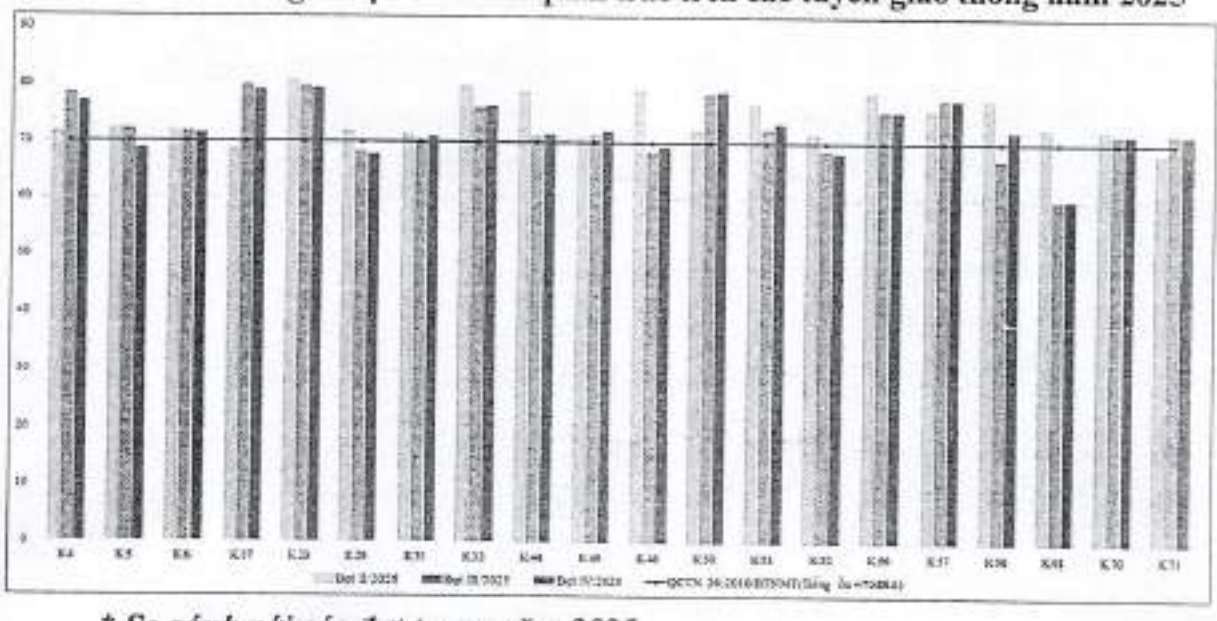
**** Đánh giá tiếng ồn theo kết quả quan trắc***

Bảng 2.14. Tiếng ồn tại các điểm quan trắc giao thông các đợt quan trắc năm 2025

Đợt quan trắc	**Tiếng ồn** (dBA)	**Ghi chú**
Đợt 2/2025	68,4 – 80,4	18/20 điểm vượt QCCP từ 1,06 - 1,15 lần
Đợt 3/2025	59,9 – 79,9	14/20 điểm vượt QCCP từ 1,01 -1,14 lần
Đợt 4/2025	60 – 79,5	15/20 điểm vượt QCCP từ 1,02 - 1,14 lần
QCVN 26:2010/BTNMT	**70**	

Kết quả quan trắc các đợt năm 2025 cho thấy: Có 18/20 vị trí có tiếng ồn tại các thời điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,01 – 1,15 lần. Các vị trí thường xuyên ghi nhận tiếng ồn vượt QCCP là: Quốc lộ 18 tại phường Chu Văn An (K4), Quốc lộ 37 tại phường Chu Văn An (K6), Quốc lộ 17 (ngã tư gốc đa) phường Nhị Chiểu (K17), Quốc lộ 5 tại điểm giao giữa với quốc lộ 17B tại xã Phú Thái (K23), Quốc lộ 5 tại nút giao với đường Nguyễn Lương Bằng tại phường Việt Hòa (K33), Đường tỉnh 392 tại ngã năm tại xã Kẻ Sặt (K44), Quốc lộ 5 tại xã Kẻ Sặt (K50); Giao Quốc lộ 38B và Đường tỉnh 392 tại xã Trường Tân (K56); Đường tỉnh 391, tại vị trí giao thông vào CCN Kỳ Sơn tại xã Đại Sơn (K57); Đường tỉnh 390 tại ngã ba xã Hà Tây (K70), Đường tỉnh 390B xã Hà Bắc (K71). Đây là các điểm thường xuyên có nhiều phương tiện qua lại với mật độ cao, trong đó có các phương tiện trọng tải lớn (xe contener, xe tải, xe bồn) thường xuyên di chuyển trong cùng một thời điểm. Khi đi qua các điểm giao cắt, các phượng tiện sử dụng còi kết hợp với sự cộng hưởng tiếng ồn của động cơ dẫn đến ô nhiễm tiếng ồn cục bộ.

Biểu đồ 2.2. Tiếng ồn tại các điểm quan trắc trên các tuyến giao thông năm 2025



**** So sánh với các đợt trong năm 2025***

Kết quả quan trắc các đượt trong năm 2025 cho thấy: Trong các đợt quan trắc nồng độ các khí NO_2, SO_2, CO, C_nH_m (Hydrocacbon) tại 20 điểm vị trí quan trắc đều duy trì đạt QCCP. Nồng độ bụi TSP và tiếng ồn thời điểm quan trắc đợt 4 có số điểm vượt QCCP nhiều hơn so với các đợt quan trắc 2 và 3. Các điểm có bụi TSP và tiếng ồn vượt QCCP chủ yếu là các điểm giao cắt trên các tuyến quốc lộ: QL5, QL17, QL18, đường tỉnh 390, 391, 392.

**** Diễn biến chất lượng không khí giao thông từ năm 2021 đến năm 2025***

Chất lượng không khí tại 20 vị trí quan trắc trên một số tuyến giao thông quốc lộ, tỉnh lộ trên địa bàn khu vực phía Tây thành phố Hải Phòng từ thời điểm năm 2021 đến năm 2025 cho thấy:

- Môi trường không khí giao thông chưa có dấu hiệu ô nhiễm bởi các khí thải giao thông: Nồng độ các khí NO_2, SO_2, CO, C_nH_m (Hydrocacbon) tại 20 điểm quan trắc đều duy trì đạt QCCP.

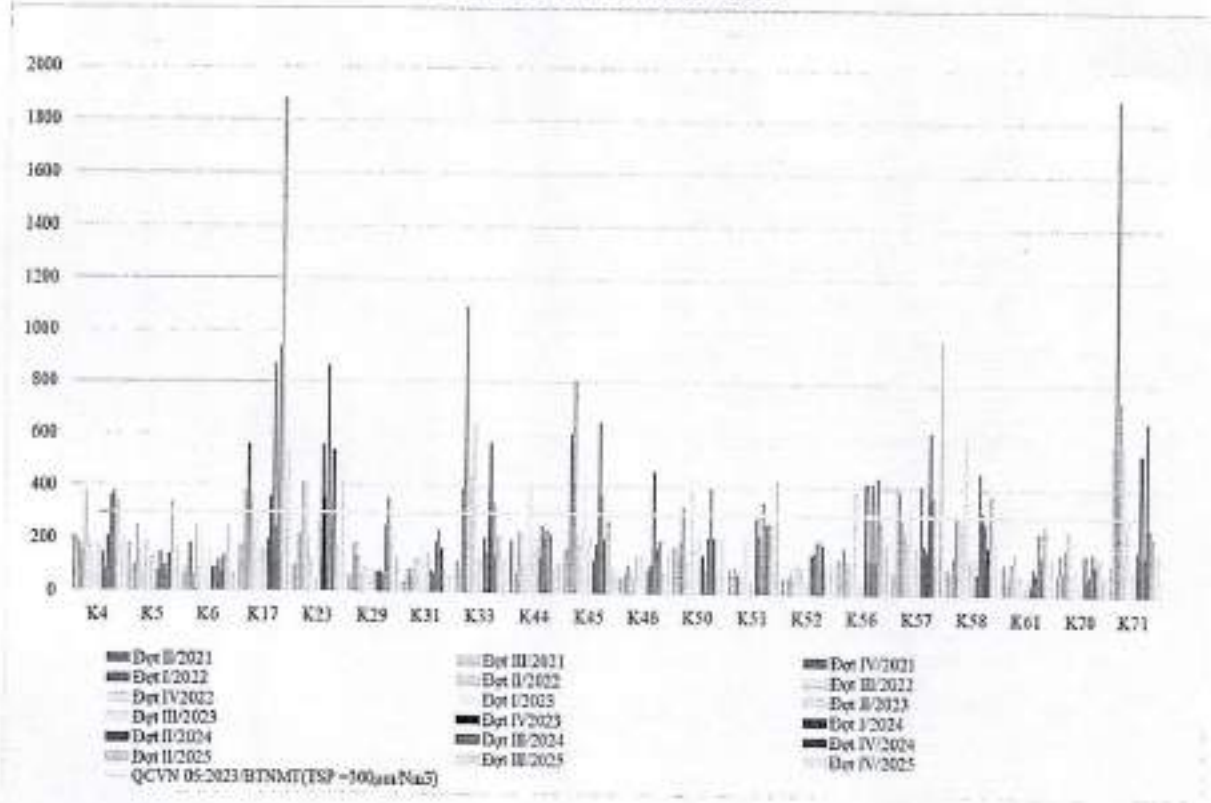
- Nồng độ bụi TSP tại các điểm giao thông dao động trong khoảng 10 - 1.892 µg/Nm³, trong đó 14/20 điểm quan trắc ghi nhận giá trị từ 318 – 1.892 µg/Nm³, vượt QCCP từ 1,03 đến 6,31 lần. Điểm có tần suất vượt cao nhất là Quốc lộ 17B (ngã tư gốc đa) tại phường Nhị Chiểu (K17) với 9/18 đợt quan trắc, Quốc lộ 5 tại điểm giao giữa với quốc lộ 17B, xã Phù Thái với 8/18 đợt quan trắc vượt chuẩn trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025; Giá trị bụi TSP cao nhất được ghi nhận trong các đợt quan trắc từ năm 2021 đến năm 2025 tại tỉnh lộ 390B, xã Hà Bắc (K71) với 1.892 µg/Nm³, vượt QCCP 6,31 lần; tiếp đến là Quốc lộ 17B (ngã tư gốc đa) tại phường Nhị Chiểu (K17) ghi nhận nồng độ bụi 1.882 µg/Nm³, vượt QCCP 6,27 lần.

Ngoài ra, một số điểm quan trắc khác cũng ghi nhận tình trạng vượt quy chuẩn nhưng không thường xuyên, gồm: Quốc lộ 18 tại phường Chu Văn An (K4) và phường

Trần Nhân Tông (K5);; Tỉnh lộ 391 tại xã Tứ Kỳ (K58) và tại vị trí vào CCN Kỳ Sơn, xã Đại Sơn (K57); Tỉnh lộ 394 tại xã Bình Giang (K45), Quốc lộ 5 tại xã Kẻ Sặt (K50); Quốc lộ 37 tại xã Gia Lộc (K51); nút giao Tam Giang, phường Hải Dương (K31).

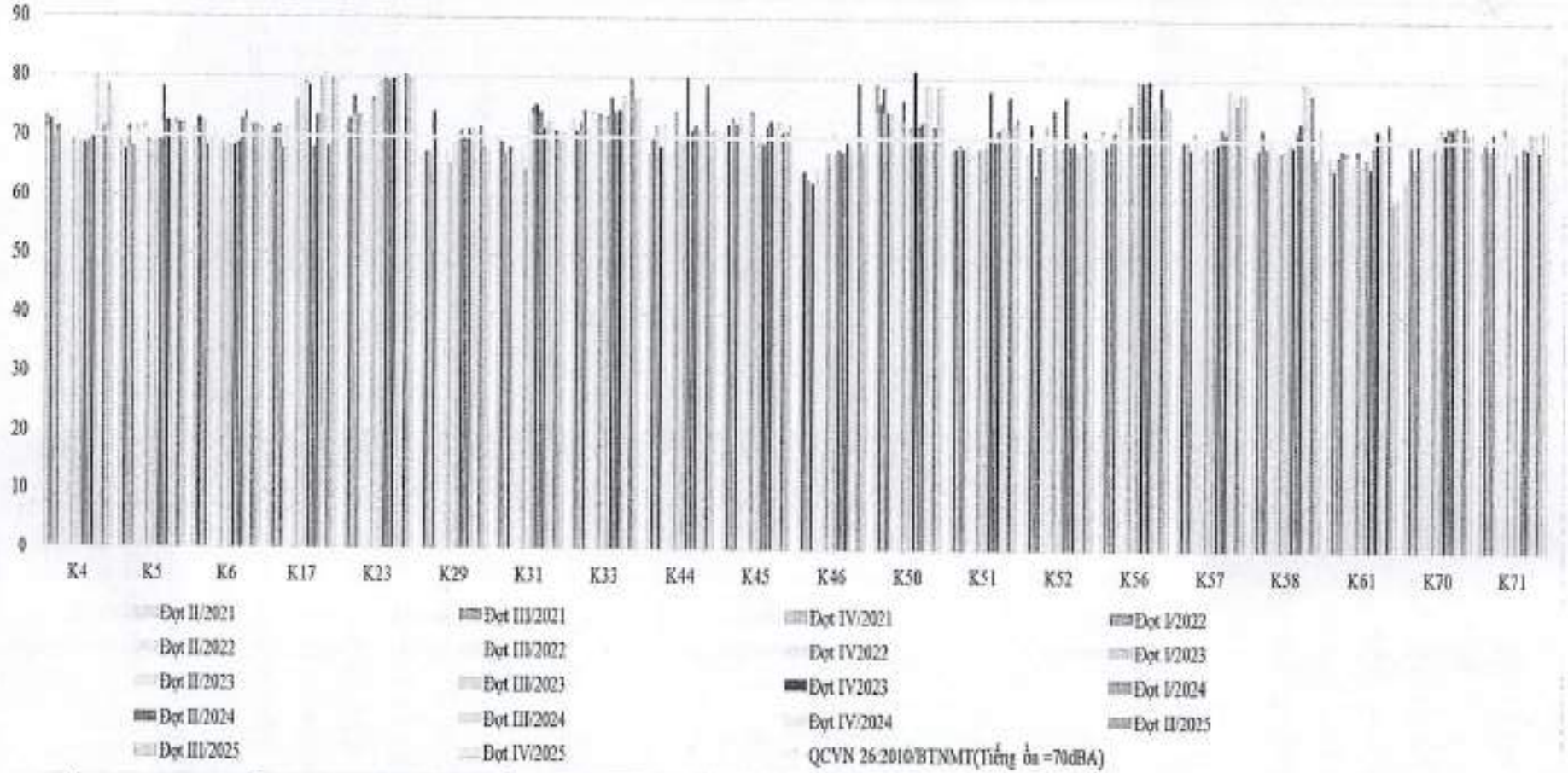
Nhìn chung, kết quả cho thấy khu vực giao thông là nguồn phát thải bụi lớn và mang tính chất biến động mạnh theo lưu lượng phương tiện, đặc biệt tại các nút giao chính, khu vực có mật độ phương tiện nặng và hoạt động vận tải hàng hóa cao.

Biểu đồ 2.3. Nồng độ bụi TSP tại các điểm quan trắc trên các tuyến giao thông từ năm 2021 đến năm 2025



- Tiếng ồn dao động từ 59,9 - 81,2 dBA và hầu hết các vị trí quan trắc đều có tiếng ồn vượt QCCP với mức vượt QCCP cao nhất 1,16 lần. Tại các điểm nút giao thông, mật độ phương tiện qua lại, dừng đỗ chờ tín hiệu giao thông, các phương tiện sử dụng còi do vậy tiếng ồn tại các vị trí quan trắc này cao hơn và vượt QCVN 26:2010/BTNMT. Tuy nhiên, mức độ tiếng ồn vượt QCCP không cao vì vậy chủ yếu tác động cục bộ đến các đối tượng tham gia giao thông và các hộ dân sinh sống hai bên đường trong khu vực. Mức độ ồn giảm dần theo khoảng cách.

Biểu đồ 2.4. Tiếng ồn tại các điểm quan trắc trên các tuyến giao thông từ năm 2021 đến năm 2025



*** Kết quả quan trắc khi áp dụng chỉ số RAPIh của GS. Phạm Ngọc Hồ**

Việc tính toán chỉ số đơn lẻ qi và chỉ số tổng hợp RAPId đối với chất lượng không khí khu vực đường giao thông được thực hiện tương tự như trình bày tại phần đánh giá đối với các khu dân cư. Từ kết quả quan trắc môi trường không khí các tuyến đường giao thông đưa vào phần mềm tính toán cho kết quả như sau:

Bảng 2.15. Kết quả tính RAPIh giao thông năm 2025

TT	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Kết quả tính			Thang màu tương ứng		
			Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4
1	K4	Quốc lộ 18 tại phường Chí Minh, TP. Chí Linh (nay là Phường Chu Văn An, TP. Hải Phòng)	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
2	K5	Quốc lộ 18 tại phường Hoàng Tiến, TP. Chí Linh (nay là Phường Trần Nhân Tông, TP. Hải Phòng)	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
3	K6	Quốc lộ 37 tại Phường Thái Học, TP. Chí Linh (nay là Phường Chu Văn An, TP. Hải Phòng)	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
4	K17	Ngã tư (gốc đa) Quốc lộ 17B tại phường Minh Tân, Tx. Kinh Môn (nay là Phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	Ô nhiễm rất nặng	Ô nhiễm nặng	Ô nhiễm rất nặng	Đỏ	Cam	Đỏ
5	K23	Quốc lộ 5 tại điểm giao giữa với quốc lộ 17B, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	Không ô nhiễm	Ô nhiễm nhẹ	Không ô nhiễm	Xanh	Vàng	Xanh
6	K29	Nút giao với các đường Nguyễn	Không ô	Không ô	Không ô	Xanh	Xanh	Xanh

		Lương Bằng, Phạm Ngũ Lão, Điện Biên Phủ và Lê Thanh Nghị (ngã tư máy sứ) (nay là Phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng)	nhiễm	nhiễm	nhiễm			
7	K31	Nút giao thông Tam Giang, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương (nay là Phường Hải Dương, TP. Hải Phòng)	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
8	K33	Quốc lộ 5 tại nút giao với đường Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Dương (nay là Phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng)	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
9	K44	Đường tỉnh 392 tại ngã năm TT. Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP. Hải Phòng)	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Vàng
10	K45	Đường tỉnh 394 tại điểm giao với đường 392, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang (nay là xã Bình Giang, TP. Hải Phòng)	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
11	K46	Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng tại xã Thái Học huyện Bình Giang (nay là xã Đường	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh

		An, TP. Hải Phòng)						
12	K50	Quốc lộ 5 tại ngã tư Quán Gỏi, TT. Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP. Hải Phòng)	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Vàng
13	K51	Quốc lộ 37 , tại ngã 3 thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	Không ô nhiễm	Ô nhiễm nhẹ	Không ô nhiễm	Xanh	Vàng	Xanh
14	K52	Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng giao Quốc lộ 38B tại Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
15	K56	Giao Quốc lộ 38B và Đường tỉnh 392 tại Trạm Bóng, xã Quang Đức (Quang Minh cũ), huyện Gia Lộc (nay là xã Trường Tân, TP. Hải Phòng)	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
16	K57	Đường tỉnh 391, tại vị trí giao thông vào CCN Kỳ Sơn, xã Đại Sơn, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Đại Sơn, TP. Hải Phòng)	Không ô nhiễm	Ô nhiễm rất nặng	Không ô nhiễm	Xanh	Đỏ	Xanh
17	K58	Đường tỉnh 391 tại Ngã Tư Mắc, xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ	Ô nhiễm nhẹ	Không ô nhiễm	Ô nhiễm nhẹ	Vàng	Xanh	Vàng

		(nay là xã Tứ Kỳ TP. Hải Phòng)						
18	K61	Giao giữa Quốc lộ 37 và Đường tỉnh 392 tại xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang (nay xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng)	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
19	K70	Đường tỉnh 390 tại ngã ba xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Tây, TP. Hải Phòng)	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh
20	K71	Đường tỉnh 390B tại xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP. Hải Phòng)	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Không ô nhiễm	Xanh	Xanh	Xanh

Kết quả tính chỉ số RaPi các đợt quan trắc năm 2025 các vị trí quan trắc trên tuyến đường giao thông quốc lộ và tỉnh lộ cho thấy: có 08 vị trí quan trắc chất lượng không khí ở mức ô nhiễm nhẹ đến ô nhiễm rất nặng. Thời điểm quan trắc đợt 2 có 02 điểm, đợt 3 có 04 điểm, đợt 04 có 02 điểm.

2.1.5. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường khu di tích

Mạng lưới các điểm quan trắc tài nguyên môi trường (nước, không khí) trên địa bàn khu vực phía Tây thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện quan trắc 01 điểm tại khu di tích Côn Sơn. Việc thực hiện quan trắc nhằm mục đích theo dõi diễn biến chất lượng môi trường khu di tích. Bên cạnh đó đây là khu vực di tích lịch sử, nằm trên địa bàn đồi núi với thảm thực vật phát triển, không có hoạt động công nghiệp, vì vậy hiện nay khu vực này hiện có chất lượng không khí tốt chưa bị tác động bởi các yếu tố công nghiệp, nông nghiệp và hoạt động dân sinh.

Kết quả quan trắc thời điểm năm 2025 cho thấy chất lượng không khí tại khu vực tốt với nồng độ các khí NO_2, SO_2, CO, bụi TSP đều đạt QCVN 05:2023/BTNMT; tiếng ồn đạt QCVN 26:2010/BTNMT (chi tiết kết quả điểm quan trắc tại phụ lục 2). Tiếng ồn, bụi TSP quan trắc tại khu di tích Côn Sơn ở mức thấp hơn so với các điểm quan trắc tại các khu dân cư.

2.2. Hiện trạng môi trường nước

Tổng số điểm quan trắc môi trường nước mặt trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng năm 2025 là 95 điểm, trong đó 81 điểm quan trắc định kỳ (ký hiệu N1- N81) và 14 điểm tại vị trí đã lắp đặt và dự kiến sẽ lắp đặt trạm quan trắc chất lượng nước mặt tự động (ký hiệu Ntđ1 – Ntđ14).

+ Đối với các điểm quan trắc định kỳ: Có 81 điểm quan trắc được lựa chọn các đối tượng quan trắc, gồm: môi trường nước sông tự nhiên (15 điểm), môi trường nước sông nội đồng (24 điểm), môi trường nước kênh mương (36 điểm), môi trường nước hồ (6 điểm). Đồng thời thực hiện lấy mẫu đánh giá theo mạng lưới quan trắc định kỳ đối với 14 điểm tại các vị trí đã lắp đặt/dự kiến sẽ đặt trạm quan trắc tự động (trong đó có 10 điểm đã lắp đặt và 4 điểm dự kiến lắp đặt trạm quan trắc tự động).

+ Đối với 10 trạm quan trắc tự động đã đi vào hoạt động gồm: trạm Chùa Khu, trạm Cống Tranh, trạm Mậu Duyệt, trạm My Động, trạm Nhân Huệ; trạm An Phụ, trạm Cống Câu, trạm Hà Kỳ, trạm Hiệp Sơn và trạm Thanh Quang: Hiện tại các trạm quan trắc tự động đang trong quá trình bảo dưỡng sửa chữa thiết bị, do đó trong báo cáo hiện trạng môi trường năm 2025 không đánh giá số liệu quan trắc tự động.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt, trong đó:

++) Bảng 1: Quy chuẩn kỹ thuật giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người.

++) Bảng 2 (mức B): Chất lượng trung bình. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp

++) Bảng 3 (mức B): Chất lượng trung bình. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước.

- Các chỉ tiêu quan trắc:

+) Nước sông tự nhiên: Lưu lượng, pH, nhiệt độ, độ đục, DO, TSS, NH_4^+-N, NO_3^--N, NO_2^--N, PO_4^{3-}-P, Cl^-, F^-, COD, BOD_5, As, Cd, Hg, Pb, Cu, Zn, Cr(VI), tổng dầu mỡ, chất hoạt động bề mặt, Coliform, E.Coli.

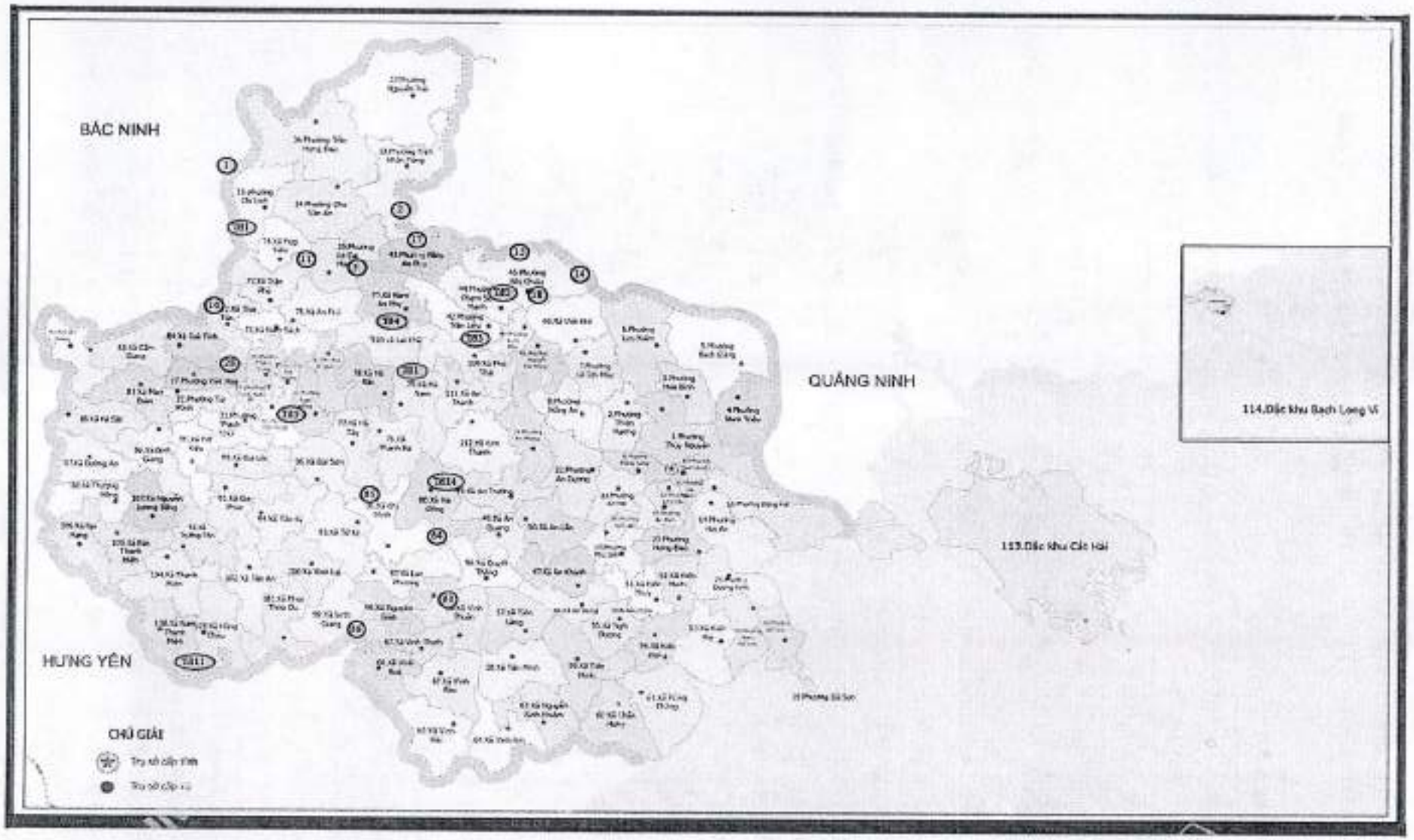
+) Nước sông nội đồng, kênh mương: pH, nhiệt độ, độ đục, DO, TSS, NH_4^+-N, NO_3^--N, NO_2^--N, PO_4^{3-}-P, Cl^-, F^-, COD, BOD_5, As, Cd, Hg, Pb, Cu, Zn, Cr(VI), tổng dầu mỡ, chất hoạt động bề mặt, Coliform, E. Coli.

+) Nước hồ: pH, nhiệt độ, độ đục, DO, TSS, NH_4^+-N, NO_3^--N, NO_2^--N, PO_4^{3-}-P, Cl^-, F^-, COD, BOD_5, Tổng dầu mỡ, Coliform.

+) Các thông số quan trắc bổ sung theo QCVN 08:2023/BTNMT gồm: Tổng Nitơ (TN), Tổng Phosphor (TP) và Coliform chịu nhiệt.

2.2.1. Hiện trạng môi trường nước sông tự nhiên

Hình 2.4. Sơ đồ mạng lưới các điểm quan trắc nước sông tự nhiên khu vực phía Tây thành phố Hải Phòng năm 2025



Tổng số điểm quan trắc là 23 điểm, trong đó có 15 điểm quan trắc định kỳ và 8 điểm tại các vị trí đặt trạm quan trắc tự động.

Bảng 2.16. Vị trí các điểm quan trắc trên hệ thống sông tự nhiên

TT	Vị trí quan trắc	KH
I	**Sông Cầu**	
1	Sông Cầu, cách điểm nối giữa sông Cầu và sông Thương 1.500m về phía thượng lưu	N1
II	**Sông Thái Bình**	
1	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thái Bình tại xã Nhân Huệ (trạm Nhân Huệ), TP. Chí Linh (nay là phường Chí Linh, TP. Hải Phòng)	Ntđ1
2	Sông Thái Bình tại thôn Nhuế Sơn, xã Thái Tân, huyện Nam Sách (nay là xã Thái Tân, TP. Hải Phòng)	N10
3	Sông Thái Bình, cách trạm bơm cấp nước cho nhà máy nước Việt Hòa 50m về phía thượng lưu, TP. Hải Dương (nay là phường Thành Đông, TP. Hải Phòng)	N28
4	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thái Bình tại cảng Cống Câu, phường Hải Tân (trạm Cống Câu) TP. Hải Dương (nay là phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng)	Ntđ5
5	Sông Thái Bình tại bến đò An Định, xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP. Hải Phòng)	N64
6	Sông Thái Bình tại xã Chí Minh, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP. Hải Phòng)	N65
III	**Sông Kinh Thầy**	
1	Sông Kinh Thầy gần cửa kênh thoát nước của Trạm bơm Vạn Thắng, phường Tân Dân, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP. Hải Phòng)	N5
2	Sông Kinh Thầy tại Cầu Bình, xã Thanh Quang, huyện Nam Sách (nay là xã Trần Phú, TP. Hải Phòng)	N11
3	Sông Kinh Thầy tại thôn Tam Đa Ngoại, xã Minh Hòa, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng)	N16
4	Sông Kinh Thầy cách trạm cấp nước Bạch Đằng 50m về phía thượng lưu, phường Bạch Đằng, Tx. Kinh Môn (nay là phường Bắc An Phụ, TP. Hải Phòng)	N17
5	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Thầy tại	Ntđ2

TT	Vị trí quan trắc	KH
	phường Hiệp Sơn (trạm Hiệp Sơn), Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	
IV	**Sông Kinh Môn**	
1	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Môn tại phường An Phụ (trạm An Phụ), Tx. Kinh Môn (nay là phường Trần Liễu, TP. Hải Phòng)	Ntđ3
2	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Môn tại xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)	Ntđ4
V	**Sông Đá Vách, Sông Đông Mai, sông Hàn Mấu, sông Rạng, sông Văn Úc**	
1	Sông Đá Vách khu Tử Lạc, phường Minh Tân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	N14
2	Sông Đá Vách, cách trạm cấp nước Tân Dân 50m về phía thượng lưu, phường Tân Dân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	N15
3	Sông Đông Mai tại cầu Đông Mai (Đường 184), phường Văn Đức, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP. Hải Phòng)	N2
4	Sông Hàn Mấu tại khu dân cư Phúc Sơn, phường Phú Thứ, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	N18
5	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Rạng tại xã Thanh An, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP. Hải Phòng)	Ntđ13
6	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Văn Úc tại xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Đông, TP. Hải Phòng)	Ntđ14
VI	**Sông Luộc**	
1	Sông Luộc tại cầu Quý Cao, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng)	N60
2	Sông Luộc tại trạm bơm của nhà máy nước sạch Ninh Giang, huyện Ninh Giang (nay là xã Ninh Giang, TP. Hải Phòng)	N66
3	Trạm quan trắc tự động nước mặt sông Luộc tại xã Hồng Phong (trạm My Động), huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng).	Ntđ11

a. Đánh giá chất lượng nước sông tự nhiên theo kết quả quan trắc

Nước sông tự nhiên trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng được sử dụng cấp nước sinh hoạt sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp, cấp nước cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và các chức năng khác của sông (giao thông vận tải, nuôi

trồng thủy sản...), vì vậy kết quả quan trắc môi trường nước sông tự nhiên năm 2025 được so sánh với bảng 1 và mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT. Kết quả quan trắc cho thấy nước các sông tự nhiên tùy vị trí quan trắc có thông số NO_2^--N, E.Coli vượt QCCP, thông số DO không đạt QCCP, cụ thể như sau:

Bảng 2.17. Các thông số vượt QCCP trong nước sông tự nhiên các đợt năm 2025 so với bảng 1, QCVN 08:2023/BTNMT

TT	Vị trí quan trắc	KH	Các thông số vượt bảng 1, QCVN 08:2023/BTNMT		
			Đợt 2 - 2025	Đợt 3 - 2025	Đợt 4 - 2025
1	Sông Cầu, cách điểm nối giữa sông Cầu và sông Thương 1.500m về phía thượng lưu	N1	E.Coli vượt 5,5 lần	NO_2^--N vượt 5,38 lần, E.Coli vượt 5,5 lần	E.Coli vượt 7 lần
2	Sông Đông Mai tại cầu Đông Mai (Đường 184), phường Văn Đức, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP. Hải Phòng)	N2	E.Coli vượt 5,5 lần	NO_2^--N vượt 4,8 lần, E.Coli vượt 1,1 lần	E.Coli vượt 7 lần
3	Sông Kinh Thầy gần cửa kênh thoát nước của Trạm bơm Vạn Thắng, phường Tân Dân, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP. Hải Phòng)	N5	E.Coli vượt 5,5 lần	NO_2^--N vượt 4,02 lần, E.Coli vượt 1,1 lần	NO_2^--N vượt 4,62 lần; E.Coli vượt 5,5 lần
4	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thái Bình tại xã Nhân Huệ (trạm Nhân Huệ), TP. Chí Linh (nay là phường Chí Linh, TP. Hải Phòng)	Ntđ1	E.Coli vượt 5,5 lần	E.Coli vượt 5,5 lần	E.Coli vượt 5,5 lần
5	Sông Thái Bình tại thôn Nhuế Sơn, xã Thái Tân, huyện Nam Sách	N10	E.Coli vượt 1,35 lần	NO_2^--N vượt 2,86 lần, E.Coli vượt 13 lần	NO_2^--N vượt 2,22 lần; E.Coli vượt 1,55 lần

	(nay là xã Thái Tân, TP. Hải Phòng)				
6	Sông Kinh Thầy tại Cầu Bình, xã Thanh Quang, huyện Nam Sách (nay là xã Trần Phú, TP. Hải Phòng)	N11	E.Coli vượt 7 lần;	NO_2^--N vượt 2,84 lần, E.Coli vượt 8,5 lần	NO_2^--N vượt 2,86 lần; E.Coli vượt 8,5 lần
7	Sông Đá Vách khu Tử Lạc, phường Minh Tân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	N14	E.Coli vượt 8,5 lần	NO_2^--N vượt 6,44 lần, E.Coli vượt 8,5 lần	NO_2^--N vượt 1,06 lần; E.Coli vượt 10,5 lần
8	Sông Đá Vách, cách trạm cấp nước Tân Dân 50m về phía thượng lưu, phường Tân Dân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	N15	NO_2^--N vượt 11,76 lần; E.Coli vượt 1,35 lần	NO2--N vượt 6,76 lần, E.Coli vượt 8,5 lần	NO_2^--N vượt 1,08 lần; E.Coli vượt 2,15 lần
9	Sông Kinh Thầy tại thôn Tam Đa Ngoại, xã Minh Hòa, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng)	N16	NO_2^--N vượt 11,46 lần; E.Coli vượt 39,5 lần	NO_2^--N vượt 4,06 lần; E.Coli vượt 11 lần	E.Coli vượt 5,5 lần
10	Sông Kinh Thầy cách trạm cấp nước Bạch Đằng 50m về phía thượng lưu, phường Bạch Đằng,	N17	NO_2^--N vượt 5,8 lần; E.Coli vượt 3,5 lần	E.Coli vượt 1,65 lần	NO_2^--N vượt 3,1 lần; E.Coli vượt 8,5 lần

	Tx. Kinh Môn (nay là phường Bắc An Phụ, TP. Hải Phòng)				
11	Sông Hàn Mấu tại khu dân cư Phúc Sơn, phường Phú Thứ, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	N18	-	NH_4^+-N vượt 1,27 lần, NO_2^--N vượt 6,74 lần; E.Coli vượt 11 lần	E.Coli vượt 11,5 lần
12	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Thầy tại phường Hiệp Sơn (trạm Hiệp Sơn), Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	Ntd2	E.Coli vượt 1,25 lần	NO_2^--N vượt 2,58 lần, E.Coli vượt 8,5 lần	NO_2^--N vượt 2,86 lần;
13	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Môn tại phường An Phụ (trạm An Phụ), Tx. Kinh Môn (nay là phường Trần Liễu, TP. Hải Phòng)	Ntd3	NO_2^--N vượt 3,24 lần;	NO_2^--N vượt 5,88 lần; E.Coli vượt 2,9 lần	NO_2^--N vượt 2,86 lần;
14	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Môn tại xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)	Ntd4	NO_2^--N vượt 2,44 lần; E.Coli vượt 3,95 lần	NO_2^--N vượt 3,46 lần; E.Coli vượt 11 lần	NO_2^--N vượt 1,9 lần; E.Coli vượt 3,5 lần

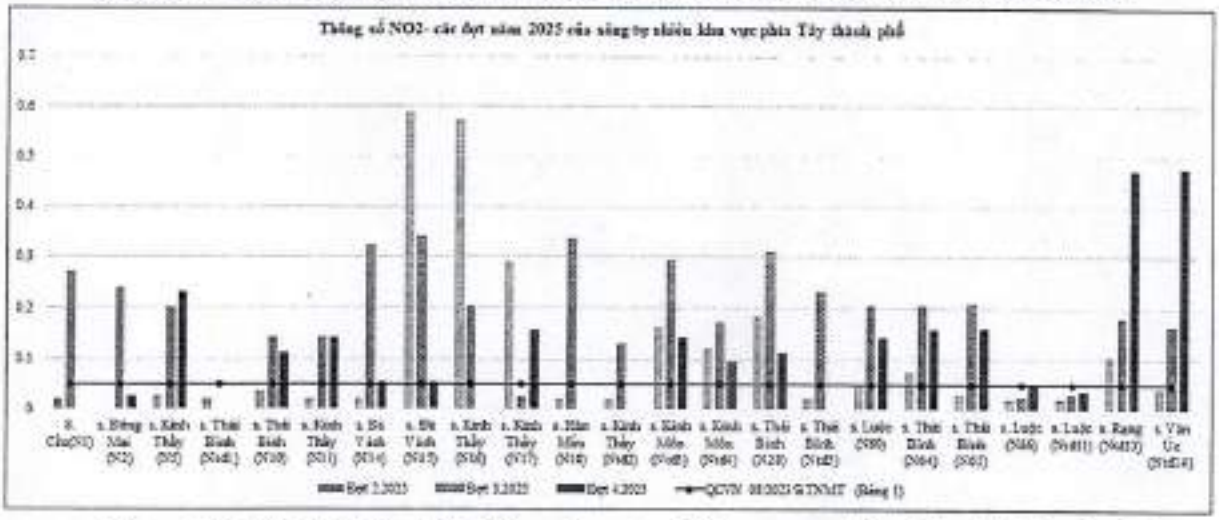
15	Sông Thái Bình, cách trạm bơm cấp nước cho nhà máy nước Việt Hòa 50m về phía thượng lưu, TP. Hải Dương (nay là phường Thành Đông, TP. Hải Phòng)	N28	NO_2^--N vượt 3,68 lần; E.Coli vượt 8,5 lần	NO_2^--N vượt 6,2 lần; E.Coli vượt 5,5 lần	NO_2^--N vượt 2,22 lần; E.Coli vượt 7 lần
16	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thái Bình tại cảng Cống Câu, phường Hải Tân (trạm Cống Câu) TP. Hải Dương (nay là phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng)	Ntđ5	E.Coli vượt 5,5 lần	NO_2^--N vượt 4,6 lần; E.Coli vượt 11,5 lần	E.Coli vượt 5,5 lần
17	Sông Luộc tại cầu Quý Cao, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng)	N60	NO_2^--N vượt 1,04 lần; E.Coli vượt 8,5 lần;	NH_4^+-N vượt 1,17 lần; NO_2^--N vượt 4,08 lần; E.Coli vượt 11 lần	NO_2^--N vượt 2,84 lần; E.Coli vượt 8,5 lần;
18	Sông Thái Bình tại bến đò An Định, xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP. Hải Phòng)	N64	NO_2^--N vượt 1,5 lần; E.Coli vượt 2,45 lần	NH_4^+-N vượt 1,03 lần; NO_2^--N vượt 4,08 lần; E.Coli vượt 11lần	NO_2^--N vượt 3,16 lần; E.Coli vượt 2,9 lần;
19	Sông Thái Bình tại xã Chí Minh, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP. Hải Phòng)	N65	E.Coli vượt 11 lần	NH_4^+-N vượt 1,07 lần; NO_2^--N vượt 4,18 lần; E.Coli vượt 11 lần	NO_2^--N vượt 3,18 lần; E.Coli vượt 3,15 lần
20	Sông Luộc tại trạm bơm của nhà máy nước sạch Ninh Giang, huyện	N66	E.Coli vượt 8,5 lần	E.Coli vượt 5,5 lần	NO_2^--N vượt 1,04 lần; E.Coli vượt 8,5 lần

	Ninh Giang (nay là xã Ninh Giang, TP. Hải Phòng)				
21	Trạm quan trắc tự động nước mặt sông Luộc tại xã Hồng Phong (trạm My Động), huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng).	Ntđ11	E.Coli vượt 11 lần	E.Coli vượt 24,5 lần	E.Coli vượt 5,5 lần
22	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Rạng tại xã Thanh An, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP. Hải Phòng)	Ntđ13	NO_2^--N vượt 2,12 lần; E.Coli vượt 1,65 lần	NO_2^--N vượt 3,6 lần; E.Coli vượt 11 lần	NO_2^--N vượt 9,46 lần; E.Coli vượt 7 lần
23	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Văn Úc tại xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Đông, TP. Hải Phòng)	Ntđ14	E.Coli vượt 1,35 lần	NO_2^--N vượt 3,26 lần; E.Coli vượt 11 lần	NO_2^--N vượt 9,52 lần; E.Coli vượt 4,2 lần

Từ bảng tổng hợp các thông số vượt QCCP ở trên cho thấy: Nước sông tự nhiên trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc các đợt năm 2025 chủ yếu có thông số NO_2^--N và thông số E.Coli vượt QCCP tại hầu hết các điểm quan trắc, ngoài ra đợt 3/2025 có tại một số điểm quan trắc còn có thông số NH_4^+-N có vượt QCCP. Các thông số quan trắc khác đều đạt QCCP so với bảng 1, QCVN 08:2023/BTNMT.

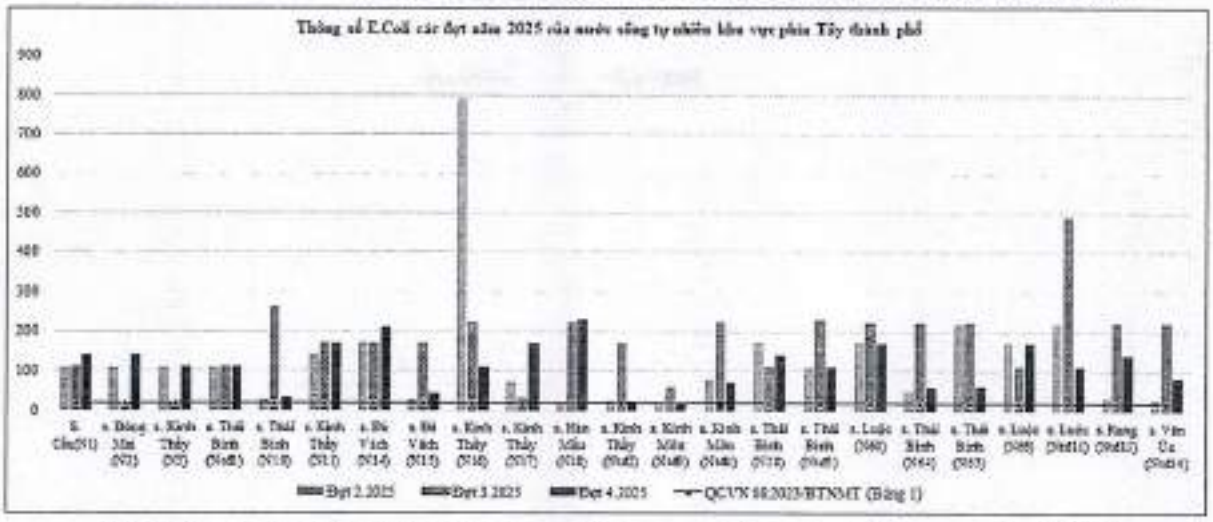
Diễn biến các thông số vượt QCCP trong nước sông tự nhiên quan trắc các đợt năm 2025 như sau:

Biểu đồ 2.5. Nồng độ NO_2^--N trong nước sông tự nhiên các đợt năm 2025



Nồng độ NO_2^--N trên hệ thống sông tự nhiên quan trắc năm 2025 có mức vượt QCCP từ 1,04 – 11,76 lần, trong đó đợt 2/2025 có 9/23 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,04 – 11,76 lần; đợt 3/2025 có 19/23 điểm quan trắc vượt QCCP từ 2,58 - 6,76 lần; đợt 4/2025 có 15/23 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,04 – 9,52 lần so với bảng 1 của QCVN 08:2023/BTNMT. Các điểm có nồng độ NO_2^--N vượt QCCP ở mức cao là điểm quan trắc trên sông Đá Vách vượt 11,76 lần và trên sông Kinh Thầy (N16) vượt 11,46 lần khi quan trắc đợt 2/2025, và có xu hướng giảm dần khi quan trắc đợt 3 và đợt 4/2025. Tại các điểm quan trắc trên sông Rạng (Ntđ 13) và sông Văn Úc (Ntđ 14), nồng độ NO_2^--N có xu hướng gia tăng, đợt 4/2025 tăng cao, vượt QCCP từ 9,46 – 9,52 lần. Tại các điểm quan trắc khác có mức độ vượt QCCP dao động từ 1,04 – 5,8 lần so với bảng 1, QCVN 08:2023/BTNMT.

Biểu đồ **2.6. Hàm lượng E.Coli trong nước sông tự nhiên các đợt năm 2025**



Hàm lượng E.Coli trên sông tự nhiên quan trắc các đợt trong năm 2025 vượt QCCP từ 1,1 – 29,5 lần, trong đó quan trắc đợt 2/2025 có 21/23 điểm vượt QCCP từ 1,25 – 39,5 lần; đợt 3/2025 có 23/23 điểm vượt QCCP từ 1,1 – 24,5 lần; đợt 4/2025 có 22/23 điểm vượt QCCP từ 1,25 – 11,5 lần so với bảng 1 của QCVN 08:2023/ BTNMT. Trong đó 100% các điểm quan trắc đều có hàm lượng E.Coli vượt QCCP. Các điểm có hàm lượng E.Coli vượt QCCP ở mức cao gồm sông Kinh Thầy (N16) vượt QCCP 39,6 lần quan trắc đợt 2/2025, sông Luộc (Ntđ11), vượt QCCP 24,5 lần quan trắc đợt 3/2025, tại một số điểm khác trên sông Thái Bình, Kinh Thầy, sông Đá Vách, sông Rạng, sông Văn Úc, sông Hàn Mấu... có mức vượt QCCP từ 10,5 – 13 lần, các điểm quan trắc khác có hàm lượng E.Coli vượt QCCP từ 1,1 – 8,5 lần so với bảng 1 của QCVN 08:2023/BTNMT.

Ngoài ra kết quả quan trắc đợt 3 năm 2025 còn có nồng độ NH_4^+–N tại 4/23 điểm quan trắc trên sông Hàn Mấu (N18), sông Thái Bình (N64, N65) và sông Luộc (N60) vượt QCCP từ 1,03 đến 1,27 lần so với bảng 1 của QCVN 08:2023/BTNMT. Các thông số quan trắc khác đều đạt QCCP.

Bảng 2.18. Các thông số vượt QCCP trong nước sông tự nhiên các đợt năm 2025 so với bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT		
			Đợt 2-2025	Đợt 3-2025	Đợt 4-2025
1	Sông Cầu, cách điểm nối giữa sông Cầu và sông Thương 1.500m về phía thượng lưu	N1	TN vượt 1,59 lần	TN vượt 1,63 lần, COD vượt 1,13 lần, TSS vượt 1,16 lần	TN vượt 1,57 lần;
2	Sông Đông Mai tại cầu Đông Mai (Đường 184), phường Văn Đức, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP. Hải Phòng)	N2	DO không đạt; TN vượt 1,28 lần	TN vượt 1,893 lần	DO không đạt
3	Sông Kinh Thầy gần cửa kênh thoát nước của Trạm bơm Vạn Thắng, phường Tân Dân, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP. Hải Phòng)	N5	DO không đạt; TN vượt 1,22 lần	DO không đạt; TN vượt 1,92 lần	TN vượt 1,65 lần;
4	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thái Bình tại xã Nhân Huệ (trạm Nhân Huệ), TP. Chí Linh	Ntđ1	TN vượt 1,48 lần	TN vượt 1,633 lần, TSS vượt 1,37 lần	DO không đạt; TN vượt 1,51 lần

	(nay là phường Chí Linh, TP. Hải Phòng)				
5	Sông Thái Bình tại thôn Nhuế Sơn, xã Thái Tân, huyện Nam Sách (nay là xã Thái Tân, TP. Hải Phòng)	N10	TN vượt 1,45 lần; COD vượt 1,73 lần; BOD vượt 1,33 lần	DO không đạt, TN vượt 1,58 lần; BOD vượt 1,33 lần	TN vượt 1,31 lần
6	Sông Kinh Thầy tại Cầu Binh, xã Thanh Quang, huyện Nam Sách (nay là xã Trần Phú, TP. Hải Phòng)	N11	DO không đạt; TN vượt 1,5 lần; COD vượt 1,27 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần	DO không đạt; TN vượt 1,63 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần	TN vượt 1,23 lần; COD vượt 1,07 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần
7	Sông Đá Vách khu Tử Lạc, phường Minh Tân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	N14	-	DO không đạt; TN vượt 1,25 lần; COD vượt 1,6 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần	-
8	Sông Đá Vách, cách trạm cấp nước Tân Dân 50m về phía thượng lưu, phường Tân Dân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	N15	-	DO không đạt; TN vượt 1,21 lần; COD vượt 1,27 lần	-

9	Sông Kinh Thầy tại thôn Tam Đa Ngoại, xã Minh Hòa, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng)	N16	TN vượt 1,58 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,8 lần	DO không đạt; TN vượt 1,44 lần	TN vượt 1,16 lần; COD vượt 1,07 lần
10	Sông Kinh Thầy cách trạm cấp nước Bạch Đằng 50m về phía thượng lưu, phường Bạch Đằng, Tx. Kinh Môn (nay là phường Bắc An Phụ, TP. Hải Phòng)	N17	TN vượt 1,05 lần	DO không đạt; TN vượt 1,17 lần	-
11	Sông Hàn Mẫu tại khu dân cư Phúc Sơn, phường Phú Thứ, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	N18	TN vượt 1,09 lần	DO không đạt; TN vượt 1,58 lần; COD vượt 1,2 lần; Tổng Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần	-
12	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Thầy tại phường Hiệp Sơn (trạm Hiệp Sơn), Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	Ntd2	-	DO không đạt; TN vượt 1,57 lần; COD vượt 1,33 lần	-

13	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Môn tại phường An Phụ (trạm An Phụ), Tx. Kinh Môn (nay là phường Trần Liễu, TP. Hải Phòng)	Ntđ3	-	DO không đạt; TN vượt 1,61 lần; COD vượt 1,33 lần	-
14	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Môn tại xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)	Ntđ4	TN vượt 1,25 lần	DO không đạt; TN vượt 1,57 lần	DO không đạt
15	Sông Thái Bình, cách trạm bơm cấp nước cho nhà máy nước Việt Hòa 50m về phía thượng lưu, TP. Hải Dương (nay là phường Thành Đông, TP. Hải Phòng)	N28	TN vượt 1,77 lần; COD vượt 2,47 lần; BOD vượt 1,83 lần	TN vượt 1,77 lần; COD vượt 1,53 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần	DO không đạt; COD vượt 1,80 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần
16	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thái Bình tại cảng Cống Câu, phường Hải Tân (trạm Cống Câu) TP. Hải Dương (nay là	Ntđ5	TN vượt 1,08 lần; COD vượt 1,07 lần;	TN vượt 1,85 lần; COD vượt 1,27 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần	TN vượt 1,19 lần; COD vượt 1,20 lần

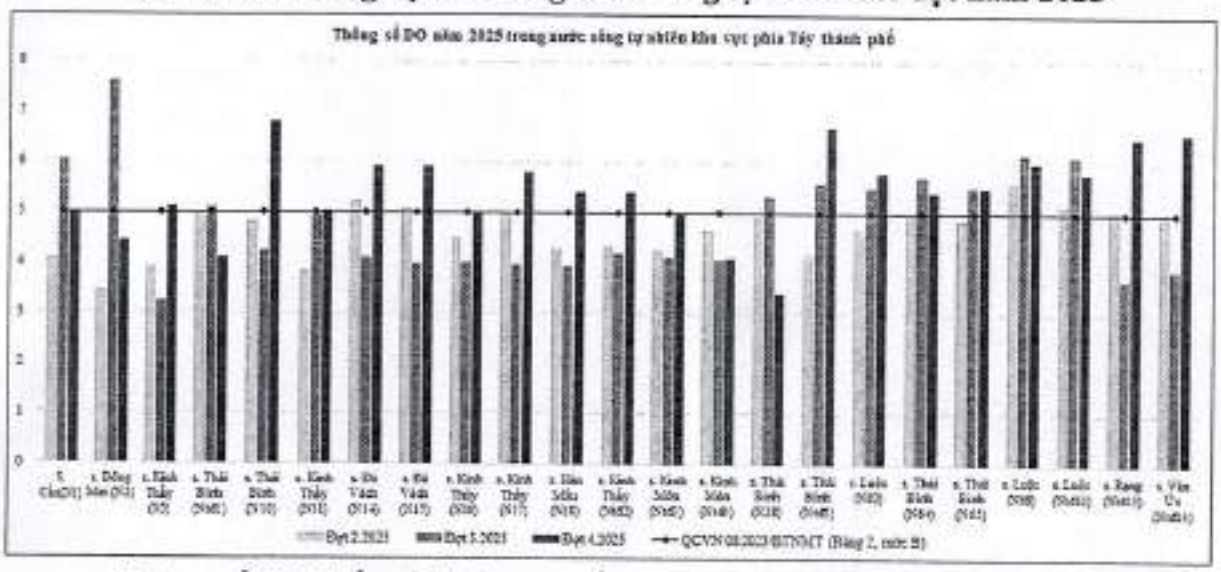
	phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng)				
17	Sông Luộc tại cầu Quý Cao, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng)	N60	COD vượt 1,27 lần;	TN vượt 1,24 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần	TN vượt 1,28 lần
18	Sông Thái Bình tại bến đò An Định, xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP. Hải Phòng)	N64	TN vượt 1,23 lần; COD vượt 1,33 lần;	TN vượt 1,63 lần; TSS vượt 1,56 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần	-
19	Sông Thái Bình tại xã Chí Minh, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP. Hải Phòng)	N65	TN vượt 1,19 lần; COD vượt 1,13 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần	TN vượt 1,59 lần; TSS vượt 1,35 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần	TN vượt 1,29 lần
20	Sông Luộc tại trạm bơm của nhà máy nước sạch Ninh Giang, huyện Ninh Giang (nay là xã Ninh Giang, TP. Hải Phòng)	N66	-	COD vượt 1,47 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần	TN vượt 1,13 lần; COD vượt 1,27 lần
21	Trạm quan trắc tự động nước mặt sông Luộc tại xã Hồng	Ntđ11	COD vượt 1,27 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3	TN vượt 1,1 lần; COD vượt 1,87 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần;	COD vượt 1,47 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần

	Phong (trạm My Động), huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng).		lần	Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần	
22	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Rạng tại xã Thanh An, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP. Hải Phòng)	Ntđ13	TN vượt 1,28 lần; COD vượt 1,13 lần	DO không đạt; TN vượt 1,61 lần	TN vượt 1,19 lần
23	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Văn Úc tại xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Đông, TP. Hải Phòng)	Ntđ14	TN vượt 1,26 lần;	DO không đạt; TN vượt 1,57 lần	TN vượt 1,16 lần

*** So với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT:** Cho thấy chất lượng nước sông tự nhiên các đợt năm 2025 có một số chỉ tiêu ô nhiễm đặc trưng tại một số điểm quan trắc gồm DO, TN, TP, COD, BOD, Coliform chịu nhiệt với mức độ vượt QCCP không cao, cụ thể như sau:

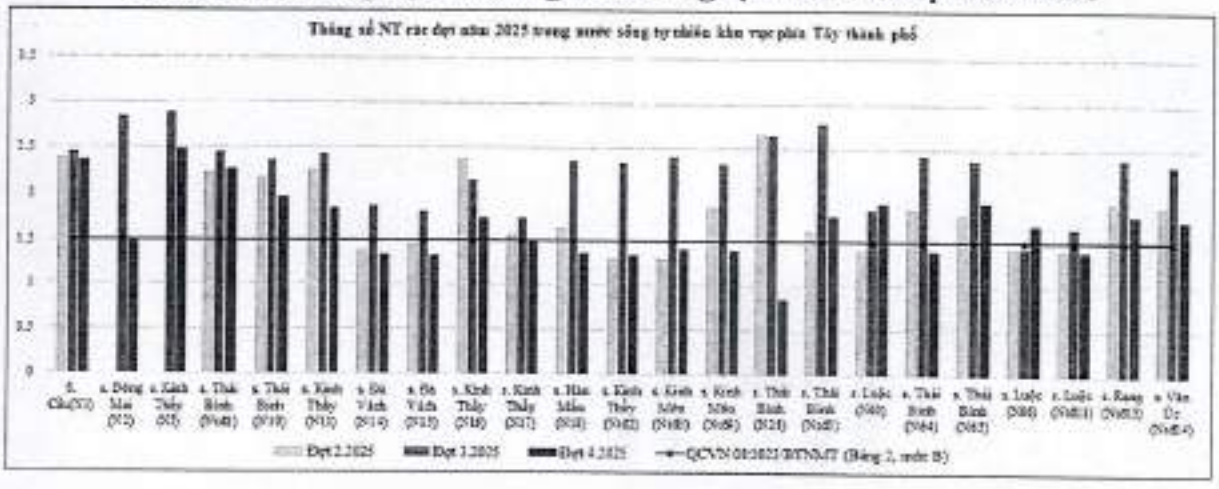
- Thông số DO quan trắc trên sông tự nhiên quan trắc đợt 2/2025 có 18/23 điểm quan trắc không đạt QCCP; đợt 3/2025 có 13/23 điểm quan trắc không đạt QCCP; đợt 4/2025 có 7/23 điểm quan trắc không đạt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT.

Biểu đồ 2.7. Nồng độ DO trong nước sông tự nhiên các đợt năm 2025



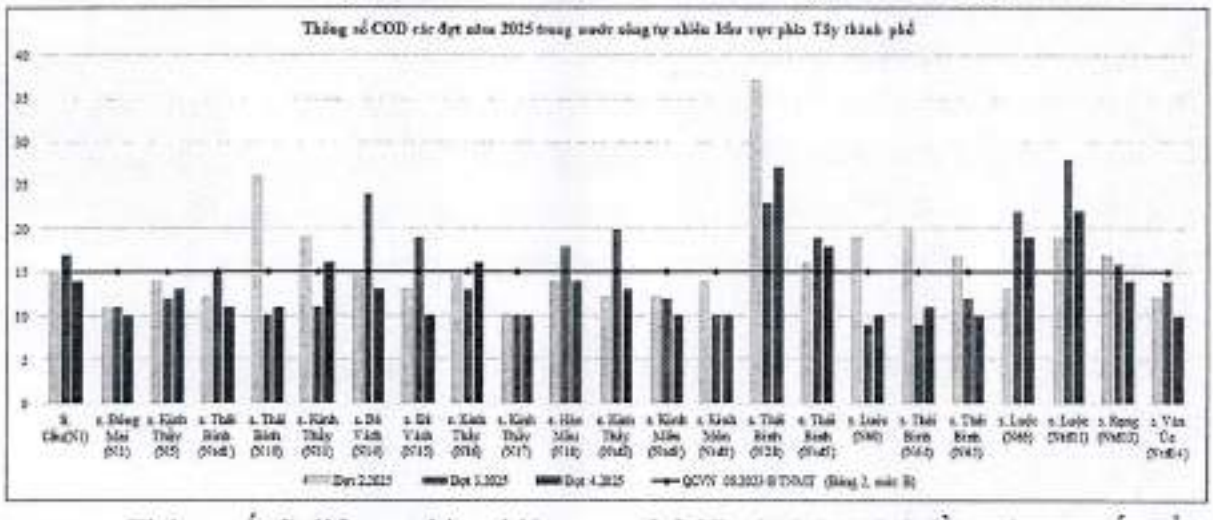
- Thông số TN (Tổng Nitơ) quan trắc dao động trong khoảng từ 1,05 – 1,92 lần so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT, trong đó đợt 2/2025 có 16/23 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,05 – 1,77 lần; đợt 3/2025 có 22/23 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,1 – 1,92 lần; đợt 4/2025 có 12/23 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,13 – 1,65 lần so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT, trong đó đợt 3 năm 2025 có nhiều thông số vượt QCCP nhiều nhất và có mức độ vượt QCCP cao so với các đợt quan trắc khác trong năm 2025.

Biểu đồ 2.8. Nồng độ TN trong nước sông tự nhiên các đợt năm 2025



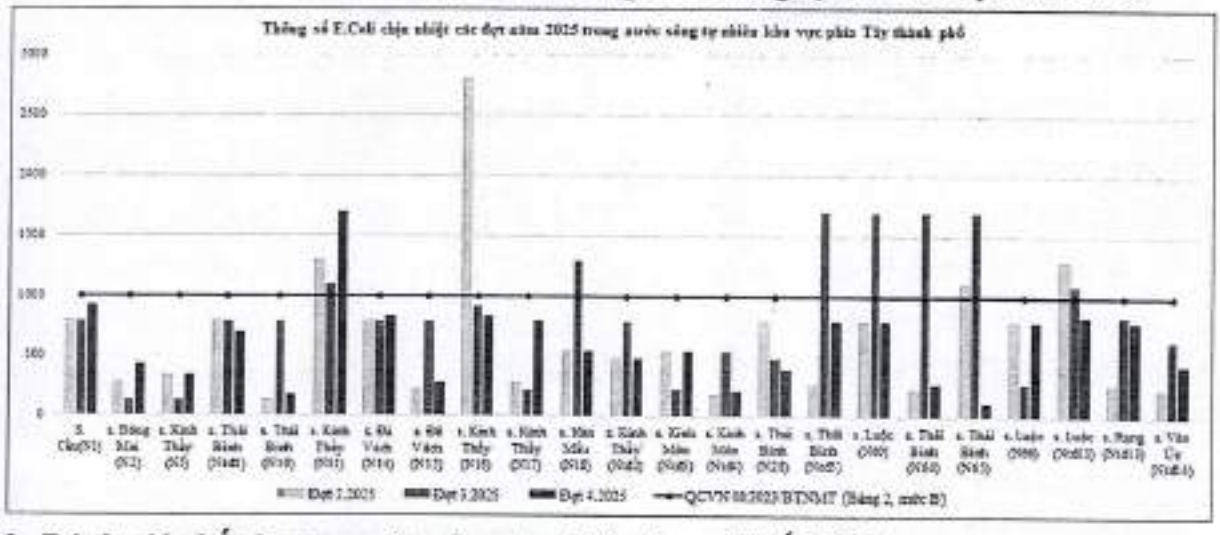
- Thông số COD và BOD_5 quan trắc các đợt trong năm 2025 có nồng độ COD vượt QCCP từ 1,07 – 2,47 lần, nồng độ BOD vượt QCCP từ 1,17 – 1,83 lần, mức độ vượt QCCP của thông số COD, BOD không cao và không thường xuyên, mức độ vượt có xu hướng giảm dần, trong đó COD quan trắc đợt 2/2025 có 9/23 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,07 – 2,47 lần; đợt 3/2025 có 10/23 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,07 – 1,87 lần; đợt 4/2025 có 5/23 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,07 – 1,8 lần so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT; Thông số BOD_5 quan trắc đợt 2/2025 có 2/23 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,33 – 1,83 lần; đợt 3/2025 có 4/23 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,17 – 1,33 lần; đợt 4/2025 có 1/23 điểm quan trắc vượt QCCP 1,17 lần so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/ BTNMT.

Biểu đồ 2.9. Nồng độ COD các đợt năm 2025 trong nước sông tự nhiên



- Thông số Coliform chịu nhiệt vượt QCCP từ 1,1 – 2,8 lần tại một số điểm quan trắc trong các đợt năm 2025, mức độ vượt không cao và không thường xuyên. Cụ thể như sau: đợt 2/2025 có 4/23 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,1 – 2,8 lần; đợt 3/2025 có 7/23 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,1 – 1,7 lần; đợt 4/2025 có 1/23 điểm quan trắc vượt QCCP 1,7 lần so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/ BTNMT. Trong đó tại điểm quan trắc trên sông Kinh Thầy (N16) khi quan trắc đợt 2/2025 có hàm lượng Coliform chịu nhiệt cao nhất với mức vượt 2,8 lần và có xu hướng giảm đến đạt QCCP vào đợt 3, đợt 4/2025.

Biểu đồ 2.10. Coliform chịu nhiệt trong nước sông tự nhiên 3 đợt năm 2025



b. Đánh giá chất lượng nước sông tự nhiên theo chỉ số WQI

❖ ***Cơ sở của phương pháp:***

Áp dụng theo Quyết định số 1460/QĐ-TCMT ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tổng cục Môi trường về việc ban hành Hướng dẫn kỹ thuật tính toán và công bố chỉ số chất lượng nước Việt Nam (VN_WQI) nhằm mục đích tính toán và công bố chỉ số chất lượng nước (VN_WQI) từ dữ liệu quan trắc định kỳ môi trường nước mặt lục địa.

❖ ***Lựa chọn thông số:***

- Các thông số được sử dụng để tính chỉ số VN_WQI được chia thành 05 nhóm thông số, bao gồm các thông số sau đây:

+ Nhóm I: thông số pH

+ Nhóm II (nhóm thông số thuốc bảo vệ thực vật): bao gồm các thông số Aldrin, BHC, Dieldrin, DDT_s (p,p'-DDT, p,p'-DDD, p,p'-DDE), Heptachlor & Heptachlorepoxide.

+ Nhóm III (nhóm thông số kim loại nặng): bao gồm các thông số As, Cd, Pb, Cr^{6+}, Cu, Zn, Hg.

+ Nhóm IV (nhóm thông số hữu cơ và dinh dưỡng): bao gồm các thông số DO, BOD_5, COD, TOC, NH_4^+-N, NO_3^--N, NO_2^--N, PO_4^{3-}-P.

+ Nhóm V (nhóm thông số vi sinh): bao gồm các thông số Coliform, E. Coli.

- Số liệu để tính toán chỉ số VN_WQI phải bao gồm tối thiểu 03/05 nhóm thông số, trong đó bắt buộc phải có nhóm IV. Trong nhóm IV có tối thiểu 03 thông số được sử dụng để tính toán. Trường hợp thuỷ vực chịu tác động của các nguồn ô nhiễm đặc thù bắt buộc phải lựa chọn nhóm thông số đặc trưng tương ứng để tính toán (thuỷ vực chịu tác động của ô nhiễm thuốc BVTV bắt buộc phải có nhóm II, thuỷ vực chịu tác động của kim loại nặng bắt buộc phải có nhóm III).

Đối với Báo cáo hiện trạng môi trường phía Tây thành phố Hải Phòng, lựa chọn 4/5 nhóm thông số gồm Nhóm I, III, IV và nhóm V để tính toán chỉ số VN_WQI.

❖ ***Tính toán giá trị WQI***

Công thức tính toán giá trị VN_WQI tại Quyết định 1460/QĐ-TCMT ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tổng cục Môi trường.

Chỉ số chất lượng nước được tính theo thang điểm (khoảng giá trị WQI) tương ứng với biểu tượng và các màu sắc để đánh giá chất lượng nước đáp ứng cho nhu cầu sử dụng, cụ thể như sau:

Bảng 2.19. Giá trị WQI tương ứng với mức đánh giá chất lượng nước

Khoảng giá trị WQI	Chất lượng nước	Màu sắc	Phù hợp với mục đích sử dụng
91 - 100	Rất tốt	Xanh nước biển	Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt
76 - 90	Tốt	Xanh lá cây	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
51 - 75	Trung bình	Vàng	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
26 - 50	Xấu	Da cam	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
10 - 25	Kém	Đỏ	Nước ô nhiễn nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai
< 10	Ô nhiễm rất nặng	Nâu	Nước nhiễm độc, cần có biện pháp khắc phục, xử lý

❖ ***Kết quả tính toán***

Việc áp tính toán chỉ số WQI đối với hệ thống sông tự nhiên trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng (23 điểm) dựa trên số liệu quan trắc các đợt năm 2025 cho kết quả như sau:

Bảng 2.20. Kết quả tính giá trị WQI trên sông tự nhiên các đợt năm 2025

TT	Vị trí các điểm quan trắc	KH	Kết quả WQI các đợt năm 2025			Kết quả WQI trung bình năm	Khuyến cáo sử dụng
			Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4		
1	Sông Cầu, cách điểm nối giữa sông Cầu và sông Thương 1.500m về phía thượng lưu	N1	81,1	75,2	81,7	79,33	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
2	Sông Đông Mai tại cầu Đông Mai (Đường 184), phường Văn Đức, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP. Hải Phòng)	N2	85,1	90,2	84,1	86,47	
3	Sông Kinh Thầy gần cửa kênh thoát nước của Trạm bơm Vạn Thắng, phường Tân Dân, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP. Hải Phòng)	N5	82,2	83,9	77,1	81,07	
4	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thái Bình tại xã Nhân Huệ (trạm Nhân Huệ), TP. Chí Linh (nay là phường Chí Linh, TP. Hải Phòng)	Ntđ1	84,4	82	76,9	81,10	
5	Sông Thái Bình tại thôn Nhuế Sơn, xã Thái Tân, huyện Nam Sách (nay là xã Thái Tân, TP. Hải Phòng)	N10	88,1	70,7	79	79,27	
6	Sông Kinh Thầy tại Cầu Bình, xã Thanh Quang, huyện Nam Sách (nay là xã Trần Phú, TP. Hải Phòng)	N11	75,9	73,6	69,6	73,03	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác

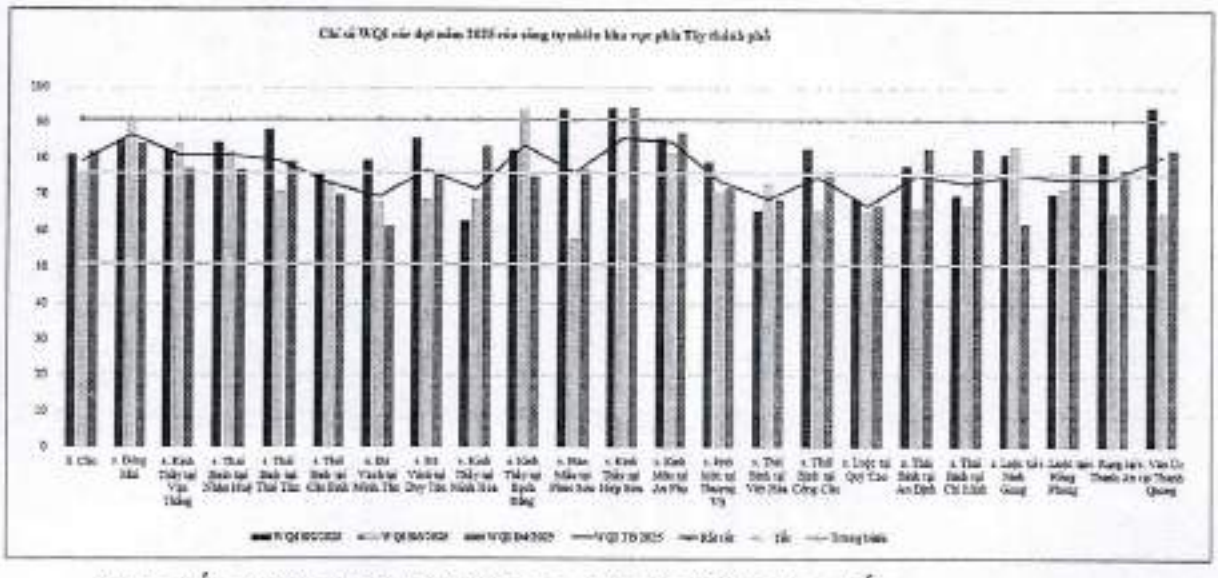
7	Sông Đá Vách khu Tử Lạc, phường Minh Tân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	N14	79,3	67,6	61,3	69,40	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
8	Sông Đá Vách, cách trạm cấp nước Tân Dân 50m về phía thượng lưu, phường Tân Dân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	N15	85,4	68,5	76,2	76,70	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
9	Sông Kinh Thầy tại thôn Tam Đa Ngoại, xã Minh Hòa, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng)	N16	62,8	68,6	83,3	71,57	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
10	Sông Kinh Thầy cách trạm cấp nước Bạch Đằng 50m về phía thượng lưu, phường Bạch Đằng, Tx. Kinh Môn (nay là phường Bắc An Phụ, TP. Hải Phòng)	N17	82,3	93,8	75	83,70	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
11	Sông Hàn Mấu tại khu dân cư Phúc Sơn, phường Phú Thứ, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	N18	93,8	58,2	76,5	76,17	
12	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Thầy tại phường Hiệp Sơn	Ntd2	94,2	68,5	94,4	85,70	

	(trạm Hiệp Sơn), Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)						
13	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Môn tại phường An Phụ (trạm An Phụ), Tx. Kinh Môn (nay là phường Trần Liễu, TP. Hải Phòng)	Ntd3	85,6	81,4	87,2	84,73	
14	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Môn tại xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)	Ntd4	79,1	71	71,8	73,97	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
15	Sông Thái Bình, cách trạm bơm cấp nước cho nhà máy nước Việt Hòa 50m về phía thượng lưu, TP. Hải Dương (nay là phường Thành Đông, TP. Hải Phòng)	N28	65,6	73	68,7	69,10	
16	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thái Bình tại cảng Cống Câu, phường Hải Tân (trạm Cống Câu) TP. Hải Dương (nay là phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng)	Ntd5	82,8	66	76,3	75,03	
17	Sông Luộc tại cầu Quý Cao, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng)	N60	69,1	65,5	67,1	67,23	

18	Sông Thái Bình tại bến đò An Định, xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP. Hải Phòng)	N64	78,2	66,2	82,8	75,73	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
19	Sông Thái Bình tại xã Chí Minh, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP. Hải Phòng)	N65	70,1	67,3	82,7	73,37	
20	Sông Luộc tại trạm bơm của nhà máy nước sạch Ninh Giang, huyện Ninh Giang (nay là xã Ninh Giang, TP. Hải Phòng)	N66	81,5	83,5	62,6	75,87	
21	Trạm quan trắc tự động nước mặt sông Luộc tại xã Hồng Phong (trạm My Động), huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng).	Ntđ11	70,5	71,9	81,6	74,67	
22	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Rạng tại xã Thanh An, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP. Hải Phòng)	Ntđ13	82	65,2	77,1	74,77	
23	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Văn Úc tại xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Đông, TP. Hải Phòng)	Ntđ14	94,7	65,2	82,9	80,93	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp

Diễn biến chỉ số WQI của nước sông tự nhiên quan trắc các đợt năm 2025 như sau:

Biểu đồ 2.11. Chỉ số WQI của nước sông tự nhiên quan trắc các đợt năm 2025



Theo kết quả tính giá trị WQI các đợt năm 2025 cho thấy:

- Đối với giá trị WQI từ 91 – 100 (Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt): Đợt 2/2025 có 3/23 điểm (chiếm 13,04% tổng số điểm quan trắc), đợt 3/2025 và đợt 4/2025 đều có 1/23 điểm (chiếm 4,35% tổng số điểm quan trắc). Giá trị WQI trung bình các đợt trong năm 2025 không có điểm quan trắc nào có giá trị WQI nằm trong khoảng từ 91 – 100.

- Đối với giá trị WQI từ 76 – 90 (Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp): Đợt 2/2025 có 14/23 điểm quan trắc (chiếm 60,87% tổng số điểm quan trắc); Đợt 3/2025 có 5/23 điểm quan trắc (chiếm 21,74% tổng số điểm quan trắc); Đợt 4/2025 có 15/23 điểm quan trắc (chiếm 65,22% tổng số điểm quan trắc). Giá trị WQI trung bình các đợt trong năm 2025 có 11/23 điểm (chiếm 47,83% tổng số điểm quan trắc) có chỉ số chất lượng nước trung bình năm phù hợp với cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp thuộc các sông gồm: sông Cầu (N1), sông Đông Mai (N2), sông Kinh Thầy (N5, N17, Ntd2), sông Thái Bình (Ntd1, N10), sông Đá Vách (N15), sông Hàn Mấu (N18), sông Kinh Môn (Ntd3) và sông Văn Úc (Ntd14).

- Đối với giá trị WQI từ 51-75 (Chất lượng nước sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác): Đợt 2/2025 có 6/23 điểm quan trắc (chiếm 26,09% tổng số điểm quan trắc); Đợt 3/2025 có 17/23 điểm quan trắc (chiếm 77,91% tổng số điểm quan trắc); Đợt 4/2025 có 7/23 điểm quan trắc (chiếm 30,43% tổng số điểm quan trắc). Giá trị WQI trung bình 4 đợt trong năm 2025 có 12/23 điểm (chiếm 52,17% tổng số điểm quan trắc) thuộc các sông gồm: sông Kinh Thầy (N16), sông

Kinh Môn (Ntđ4), sông Thái Bình (N28, Ntđ5, N64), sông Luộc (N66, Ntđ11)), sông Rạng (Ntđ13).

- Đối với giá trị WQI từ 26 – 50 (Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác): Đợt 2, đợt 3 và đợt 4 năm 2025 đều không có điểm quan trắc nào có giá trị WQI nằm trong khoảng từ 26 – 50.

**** Nhận xét chung về nước sông tự nhiên quan trắc các đợt năm 2025***

Kết quả quan trắc sông tự nhiên các đợt năm 2025 cho thấy hầu hết các điểm quan trắc nước sông tự nhiên thường xuyên có thông số E.Coli vượt QCCP từ 1,1 – 29,5 lần, thông số NO_2^--N vượt QCCP từ 1,04 – 11,76 lần, thông số TN vượt QCCP từ 1,05 – 1,92 lần. Ngoài ra tại một số điểm quan trắc ở một số đợt quan trắc trong năm 2025 còn có thông số DO không đạt QCCP, COD, BOD, Coliform chịu nhiệt và NH_4^+-N vượt QCCP. Một số điểm có chất lượng nước trung bình năm chỉ phù hợp cho cấp nước tưới tiêu thủy lợi như sông Kinh Thầy, sông Đá Vách, sông Kinh Môn, sông Thái Bình, sông Luộc, sông Rạng tại một số thời điểm quan trắc.

2.2.2. Hiện trạng môi trường nước sông nội đồng

Hình 2.5. Vị trí các điểm quan trắc trên hệ thống sông nội đồng trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng năm 2025



Tổng số điểm quan trắc nước sông nội đồng là 30 điểm, trong đó có 24 điểm quan trắc định kỳ, 6 điểm tại các trạm quan trắc tự động. Trong 30 điểm có 22 điểm quan trắc trên các sông thuộc hệ thống sông Bắc Hưng Hải và 8 điểm quan trắc thuộc hệ thống sông nội đồng khác. Cụ thể vị trí các điểm quan trắc như sau:

Bảng 2.21. Vị trí các điểm quan trắc trên hệ thống sông nội đồng

TT	Vị trí quan trắc	KH
A	**Hệ thống sông Bắc Hưng Hải: 22 điểm**	
1	Sông Sặt, tại cầu Cất, TP. Hải Dương (nay là phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng)	N29
2	Sông Bạch Đằng tại điểm cuối trước khi chảy ra sông Thái Bình, TP. Hải Dương (nay là phường Hải Dương, TP. Hải Phòng)	N33
3	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Sặt tại phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	Ntđ6
4	Sông Cẩm Giàng tại điểm giao với kênh cầu Dốc, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng)	N40
5	Sông Cẩm Giàng tại cầu Tân Trường, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP. Hải Phòng)	N41
6	Sông Bùi tại xã Thạch Lỗi, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giang, TP. Hải Phòng)	N42
7	Sông Bùi tại thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Tuệ Tĩnh, TP. Hải Phòng)	N44
8	Sông Sặt tại Hoàng Hòa, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP. Hải Phòng)	N48
9	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thứa tại thôn Mậu Duyệt, xã Cẩm Hưng (trạm Mậu Duyệt), huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng).	Ntđ7
10	Sông Sặt tại cầu Cậy, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang (nay là xã Bình Giang, TP. Hải Phòng)	N50
11	Sông Đình Đào tại cầu Bá Thủy, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang (nay là xã Yết Kiêu, TP. Hải Phòng)	N53
12	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Sặt, xã Thúc Kháng (trạm Cống Tranh), huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP. Hải Phòng)	Ntđ8
13	Sông Đình Đào tại cầu Tràng Thưa, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	N55
14	Sông cầu Binh, tại cầu Binh, xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc (nay là	N56

	xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	
15	Sông Tứ Kỳ tại cầu Vạn, xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Tứ Kỳ, TP. Hải Phòng)	N61
16	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Bắc Hưng Hải tại xã Hà Kỳ (trạm Hà Kỳ), huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng)	Ntđ9
17	Sông Đình Đào tại cầu Bía, huyện Ninh Giang (nay là xã Tân Kỳ, TP. Hải Phòng)	N67
18	Sông Cửu An tại Cầu Di Linh, xã An Đức, huyện Ninh Giang (nay là xã Tân An, TP. Hải Phòng)	N68
19	Sông Cửu An tại Cầu Ràm, xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang (nay là xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng)	N69
20	Sông Cửu An, xã Đoàn Kết, huyện Thanh Miện (nay là xã Hải Hưng, TP. Hải Phòng)	N73
21	Sông cầu Cốc, xã Thanh Tùng (khu vực giáp xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang), huyện Thanh Miện (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng)	N74
22	Trạm quan trắc tự động nước mặt sông Cửu An tại xã Ngô Quyền (trạm Chùa Khu), huyện Thanh Miện (nay là xã Hải Hưng, TP. Hải Phòng)	Ntđ10
B	**Hệ thống sông nội đồng khác: 8 điểm**	
23	Sông Thiên tại Cầu Thiên, phường Tân Dân, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP. Hải Phòng)	N3
24	Sông Đại Tân, phường Hoàng Tân, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP. Hải Phòng)	N4
25	Sông Văn Dương tại thôn Văn Dương, xã Kim Liên, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	N23
26	Sông Văn Dương tại khu dân cư thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	N26
27	Sông Nguyễn Văn Bé tại cống Phạm Xá cách cửa thoát nước ra sông Rạng 100m, thôn Phạm Xá 1, xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)	N27
28	Sông Bến Gạch tại cầu Hảo Thôn, phường Ái Quốc, TP. Hải Dương (nay là xã Nam Sách, TP. Hải Phòng)	N35
29	Sông Hương tại xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP. Hải Phòng)	N81

30	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Hương tại cầu sông Hương trên đường 390B tại thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà (nay là xã Thanh Hà, TP. Hải Phòng)	Ntđ12

a. Đánh giá chất lượng nước sông nội đồng qua kết quả phân tích

Nước sông nội đồng trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng có chức năng chính là phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, vì vậy kết quả quan trắc môi trường nước sông nội đồng 3 đợt năm 2025 được so sánh với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/ BTNMT.

Kết quả phân tích các thông số quan trắc tại 30 điểm quan trắc thuộc hệ thống sông nội đồng trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng 3 đợt năm 2025 như sau:

Bảng 2.22. Các thông số vượt QCCP thuộc sông nội đồng các đợt năm 2025

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT		
			Đợt 2/2025	Đợt 3/2025	Đợt 4/2025
I	**Hệ thống sông Bắc Hưng Hải**				
1	Sông Sặt, tại cầu Cất, TP. Hải Dương (nay là phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng)	N29	DO không đạt; TP vượt 1,43 lần; TN vượt 4,48 lần; COD vượt 3 lần; BOD_5 vượt 2,33 lần;	DO không đạt; TP vượt 1,47 lần; TN vượt 3,73 lần; COD vượt 1,67 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 7 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 7,9 lần	DO không đạt; TP vượt 2,63 lần; TN vượt 4,71 lần; COD vượt 1,93 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần; Coliform vượt 2,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 7,9 lần
2	Sông Bạch Đằng tại điểm cuối trước khi chảy ra sông Thái Bình, TP. Hải Dương (nay là phường Hải Dương, TP. Hải Phòng)	N33	DO không đạt; TP vượt 3,17 lần; TN vượt 7,11 lần; COD vượt 3,33 lần; BOD_5 vượt 2,5 lần; Coliform vượt 1,84 lần;	DO không đạt; TP vượt 1,83 lần; TN vượt 4,52 lần; COD vượt 1,6 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform vượt 10,8 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 13 lần	DO không đạt; TP vượt 2,73; TN vượt 8,11 lần; COD vượt 1,6 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform vượt 1,68 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần
3	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Sặt tại phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là phường Tứ	Ntd6	DO không đạt; TP vượt 11,03 lần; TN vượt 3,5 lần; COD vượt 1,2 lần; Coliform vượt 1,88 lần; Coliform chịu nhiệt	DO không đạt; TP vượt 1,27 lần; TN vượt 2,13 lần; COD vượt 1,2 lần	COD vượt 1,2 lần; Coliform vượt 1,68 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,8 lần

	Minh, TP. Hải Phòng)		vượt 1,3 lần		
4	Sông Cẩm Giàng tại điểm giao với kênh cầu Dốc, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng)	N40	DO không đạt; TN vượt 1,91 lần; COD vượt 1,87 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần	DO không đạt; TN vượt 1,53 lần; COD vượt 1,6 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,5 lần	DO không đạt; TN vượt 3,81 lần; COD vượt 1,8 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,58 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,3 lần
5	Sông Cẩm Giàng tại cầu Tân Trường, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP. Hải Phòng)	N41	DO không đạt; TN vượt 3,79 lần; COD vượt 1,93 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần;	DO không đạt; TN vượt 1,49 lần; COD vượt 1,4 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần	DO không đạt; TN vượt 4,51 lần; COD vượt 1,4 lần; Coliform vượt 1,26 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 3,5 lần
6	Sông Bùi tại xã Thạch Lỗi, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giang, TP. Hải Phòng)	N42	COD vượt 1,6 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần	DO không đạt; TN vượt 1,6 lần; COD vượt 1,47 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform vượt 1,58 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần	DO không đạt; TN vượt 1,06 lần; COD vượt 1,6 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform vượt 1,16 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,7 lần

7	Sông Bùi tại thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Tuệ Tĩnh, TP. Hải Phòng)	N44	DO không đạt; TN vượt 1,62 lần; COD vượt 1,93 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần	DO không đạt; TN vượt 2,21 lần; COD vượt 1,8 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,16 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,8 lần	DO không đạt; TN vượt 1,7 lần; COD vượt 1,93 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần
8	Sông Sặt tại Hoàng Hòa, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP. Hải Phòng)	N48	DO không đạt; TN vượt 2,39 lần; COD vượt 1,47 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần;	DO không đạt; TN vượt 1,83 lần; COD vượt 1,4 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần	DO không đạt; TP vượt 1,9 lần; TN vượt 1,27 lần; COD vượt 1,6 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần
9	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thứa tại thôn Mậu Duyệt, xã Cẩm Hưng (trạm Mậu Duyệt), huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng).	Ntd7	DO không đạt; TN vượt 3,03 lần; COD vượt 1,33 lần;	DO không đạt; TN vượt 1,83 lần; COD vượt 1,13 lần	DO không đạt; TN vượt 5,58 lần; COD vượt 1,27 lần; Coliform vượt 2,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 7,9 lần
10	Sông Sặt tại cầu Cậy, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang (nay là xã Bình Giang, TP. Hải Phòng)	N50	DO không đạt; TN vượt 3,43 lần; COD vượt 1,47 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần;	DO không đạt; TN vượt 2,32 lần; COD vượt 1,07 lần; Coliform vượt 2,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 3,9 lần	DO không đạt; TN vượt 2,11 lần; Coliform vượt 1,4 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,8 lần

11	Sông Đình Đào tại cầu Bá Thủy, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang (nay là xã Yết Kiêu, TP. Hải Phòng)	N53	DO không đạt; TN vượt 3,19 lần; COD vượt 1,27 lần;	DO không đạt; TP vượt 1,07; TN vượt 3,05 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,3 lần	DO không đạt; TN vượt 1,93 lần
12	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Sặt, xã Thúc Kháng (trạm Cống Tranh), huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP. Hải Phòng)	Ntđ8	DO không đạt; TP vượt 2,4 lần; TN vượt 3,8 lần; COD vượt 1,93 lần; BOD vượt 1,5 lần; Coliform vượt 4,8 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần	DO không đạt; TP vượt 2,83 lần; TN vượt 3,84 lần; COD vượt 1,2 lần; Coliform vượt 32 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 22 lần	DO không đạt; TP vượt 1,13 lần; TN vượt 2,91 lần; COD vượt 1,4 lần; Coliform vượt 4,4 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 9,2 lần
13	Sông Đình Đào tại cầu Tràng Thưa, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	N55	DO không đạt; TP vượt 2,83 lần; TN vượt 4,25 lần; COD vượt 1,07 lần; Coliform vượt 1,84 lần;	DO không đạt; TN vượt 3,13 lần; COD vượt 1,27 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần	DO không đạt; TN vượt 2,47 lần; Coliform vượt 1,88 lần Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần
14	Sông cầu Binh, tại cầu Binh, xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	N56	DO không đạt; TP vượt 1,03 lần; TN vượt 3,4 lần; COD vượt 2,4 lần; BOD vượt 1,83 lần; Coliform vượt 3,4 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,9 lần	DO không đạt; TP vượt 1,13 lần; TN vượt 3,26 lần; COD vượt 1,2 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,8 lần	DO không đạt; TP vượt 1,03 lần; TN vượt 3,04 lần; COD vượt 1,07 lần; Coliform vượt 1,68 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 5,8 lần

15	Sông Tứ Kỳ tại cầu Vạn, xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Tứ Kỳ, TP. Hải Phòng)	N61	DO không đạt; TN vượt 4,79 lần; COD vượt 1,6 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform vượt 3,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần	DO không đạt; TN vượt 1,59 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần	DO không đạt; TN vượt 2,21 lần; COD vượt 1,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần
16	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Bắc Hưng Hải tại xã Hà Kỳ (trạm Hà Kỳ), huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng)	Ntd9	DO không đạt; TP vượt 1,87 lần; TN vượt 4,85 lần; COD vượt 2 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần	DO không đạt; TN vượt 1,79 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần	DO không đạt; TN vượt 2,33 lần; Coliform vượt 1,68 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 3,4 lần
17	Sông Đình Đào tại cầu Bía, huyện Ninh Giang (nay là xã Tân Kỳ, TP. Hải Phòng)	N67	DO không đạt; TN vượt 2,3 lần; COD vượt 1,4 lần;	TN vượt 2,66 lần; COD vượt 1,67 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,26 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,3 lần	TN vượt 3,51 lần; COD vượt 1,6 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,26 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,8 lần
18	Sông Cửu An tại Cầu Di Linh, xã An Đức, huyện Ninh Giang (nay là xã Tân An, TP. Hải Phòng)	N68	DO không đạt; TN vượt 3,5 lần; COD vượt 1,13 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần	DO không đạt; TN vượt 2,51 lần; COD vượt 1,47 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần	DO không đạt; TN vượt 3,26 lần; COD vượt 1,4 lần; Coliform vượt 1,16 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần

19	Sông Cửu An tại Cầu Ràm, xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang (nay là xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng)	N69	DO không đạt; TN vượt 3,71 lần;	DO không đạt; TN vượt 2,49 lần; COD vượt 1,53 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần	DO không đạt; TN vượt 3,13 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần
20	Sông Cửu An, xã Đoàn Kết, huyện Thanh Miện (nay là xã Hải Hưng, TP. Hải Phòng)	N73	DO không đạt; TN vượt 1,55 lần; COD vượt 1,4 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần	DO không đạt; TN vượt 4,21 lần; COD vượt 1,87 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần	DO không đạt; TN vượt 4,49 lần; COD vượt 1,47 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform vượt 2,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 6,4 lần
21	Sông cầu Cốc, xã Thanh Tùng (khu vực giáp xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang), huyện Thanh Miện (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng)	N74	DO không đạt; COD vượt 2,8 lần; BOD_5 vượt 2,17 lần; Coliform vượt 32 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 17 lần	DO không đạt; TN vượt 3,92 lần; COD vượt 2 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần	DO không đạt; TN vượt 4,31 lần; COD vượt 1,93 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần; Coliform vượt 3,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 9,2 lần
22	Trạm quan trắc tự động nước mặt sông Cửu An tại xã Ngô Quyền (trạm Chùa Khu), huyện Thanh Miện (nay là xã Hải Hưng, TP. Hải Phòng)	Ntđ10	DO không đạt; TN vượt 2,4 lần; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần	DO không đạt; TN vượt 3,85 lần; COD vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,88 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,1 lần	DO không đạt; TN vượt 5,29 lần; COD vượt 1,27 lần; Coliform vượt 1,68 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 3,9 lần
II	**Hệ thống sông nội đồng khác: 8 điểm**				

23	Sông Thiên tại Cầu Thiên, phường Tân Dân, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP. Hải Phòng)	N3	DO không đạt; TN vượt 1,31 lần	DO không đạt	DO không đạt
24	Sông Đại Tân, phường Hoàng Tân, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP. Hải Phòng)	N4	DO không đạt;	DO không đạt; TN tổng vượt 1,93 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần	DO không đạt; TN vượt 1,22 lần
25	Sông Văn Dương tại thôn Văn Dương, xã Kim Liên, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	N23	TN vượt 1,55 lần; COD vượt 1,07 lần	DO không đạt, TN vượt 2,33 lần; COD vượt 1,07 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần	DO không đạt; TN vượt 1,18 lần; COD vượt 1,2 lần
26	Sông Văn Dương tại khu dân cư thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	N26	TN vượt 1,83 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần	DO không đạt; TN vượt 2,38 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,4 lần	DO không đạt; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần
27	Sông Nguyễn Văn Bé tại cống Phạm Xá cách cửa thoát nước ra sông Rạng 100m, thôn Phạm Xá 1, xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)	N27	DO không đạt; TN vượt 6,91 lần; COD vượt 1,87 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần;	DO không đạt; TP vượt 1,3 lần; TN vượt 4,49 lần; COD vượt 1,67 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần, Coliform vượt 3,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 5,4 lần	DO không đạt; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần

28	Sông Bến Gạch tại cầu Hào Thôn, phường Ái Quốc, TP. Hải Dương (nay là xã Nam Sách, TP. Hải Phòng)	N35	DO không đạt; TN vượt 2,34 lần; COD vượt 1,93 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần;	DO không đạt; TN vượt 1,09lần; COD vượt 2,67 lần; BOD_5 vượt 2 lần; Coliform vượt 1,08 lần	DO không đạt; TN vượt 1,18 lần; COD vượt 2,67 lần; BOD_5 vượt 2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần
29	Sông Hương tại xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP. Hải Phòng)	N81	DO không đạt; TN vượt 1,81 lần; COD vượt 1,27 lần;	DO không đạt; TN vượt 2,4 lần; COD vượt 5,33 lần; BOD_5 vượt 4,17 lần; Coliform vượt 1,26 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,1 lần	DO không đạt; TP vượt 1,47 lần; TN vượt 1,21 lần; COD vượt 1,07 lần
30	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Hương tại cầu sông Hương trên đường 390B tại thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà (nay là xã Thanh Hà, TP. Hải Phòng)	Ntđ12	DO không đạt; COD vượt 1,1 lần;	DO không đạt; TN vượt 1,1 lần; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần	DO không đạt; TN vượt 1,19 lần; COD vượt 1,2 lần

Từ bảng trên cho thấy hầu hết các sông nội đồng đều có từ 1 đến 7 thông số không đạt so với mức B của bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT. Mức độ vượt QCCP của các sông thuộc hệ thống sông Bắc Hưng Hải có xu hướng cao hơn so với các sông nội đồng khác, làm ảnh hưởng đến chất lượng nước cấp cho hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng.

Bảng tổng hợp số lượng các điểm vượt QCCP trên sông nội đồng thể hiện trong bảng sau:

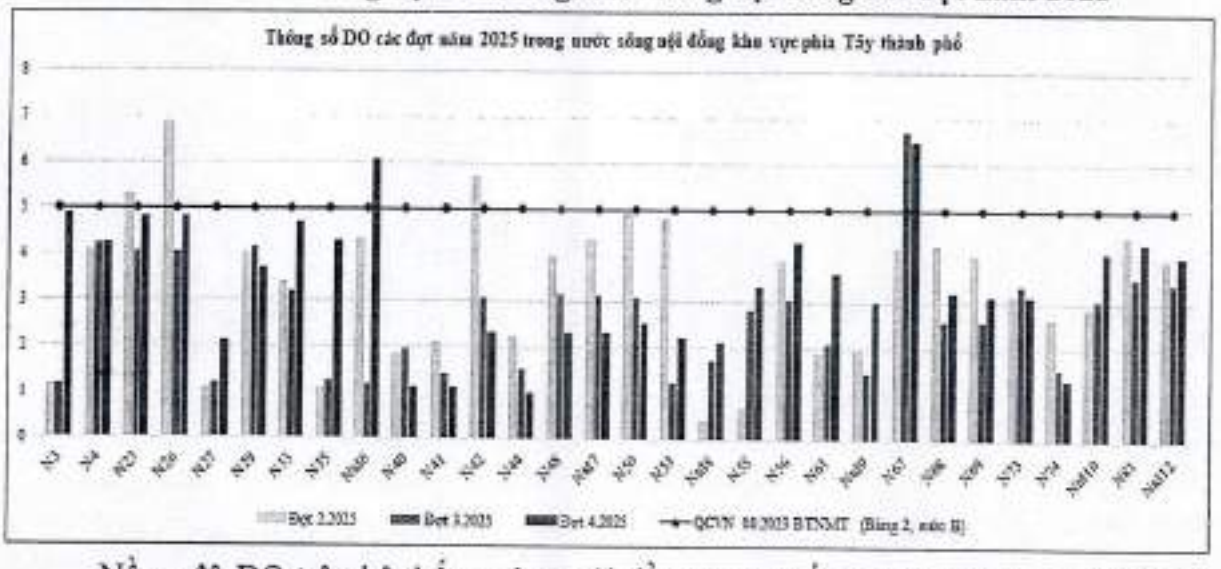
Bảng 2.23. Tổng hợp các thông số vượt QCCP trên tổng số điểm vượt QCCP

Điểm vượt và mức độ vượt QCCP	Đợt/ năm	Các thông số vượt QCCP						
		DO	TP	TN	COD	BOD_5	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Tổng số điểm vượt QCCP trên sông BHH	Đợt 2	21	7	20	21	14	14	12
Mức độ vượt QCCP của sông BHH		≤5	1,03-11,03	1,55-7,11	1,07-3,33	1,17-2,5	1,08-32	1,1-17
Tổng số điểm vượt QCCP trên sông BHH	Đợt 3	21	6	22	19	10	16	18
Mức độ vượt QCCP của sông BHH		≤5	1,07-2,83	1,49-4,52	1,07-2	1,17-1,5	1,08-32	1,1-22
Tổng số điểm vượt QCCP trên sông BHH	Đợt 4	20	5	21	17	9	17	20
Mức độ vượt QCCP của sông BHH		≤5	1.03-2.73	1.06-8.11	1.07-1.93	1.17-1.5	1.16-4.4	1.1-9.2
Tổng số điểm vượt QCCP trên sông nội đồng khác	Đợt 2	6	0	6	5	2	0	1
Mức độ vượt QCCP của sông nội đồng khác		≤5	0	1,31-6,91	1,07-1,93	1,33-1,5	0	1,1
Tổng số điểm vượt QCCP trên sông nội đồng khác	Đợt 3	8	1	7	5	4	4	6
Mức độ vượt QCCP của sông nội đồng khác		≤5	1,3	1,09-4,49	1,07-5,33	1,33-4,17	1,08 – 3,2	1,1-5,4
Tổng số điểm vượt QCCP trên sông nội đồng khác	Đợt 4	8	1	5	5	2	0	2
Mức độ vượt QCCP của sông nội đồng khác		≤5	1,47	1,18-1,22	1,07-2,67	1,13-3	0	1,1-1,3

Từ bảng tổng hợp ở trên cho thấy nước sông nội đồng có các thông số ô nhiễm đặc trưng là DO, TN, COD, BOD, Coliform và Coliform chịu nhiệt, các sông thuộc hệ thống sông Bắc Hưng Hải có mức độ ô nhiễm cao hơn so với các sông nội đồng khác.

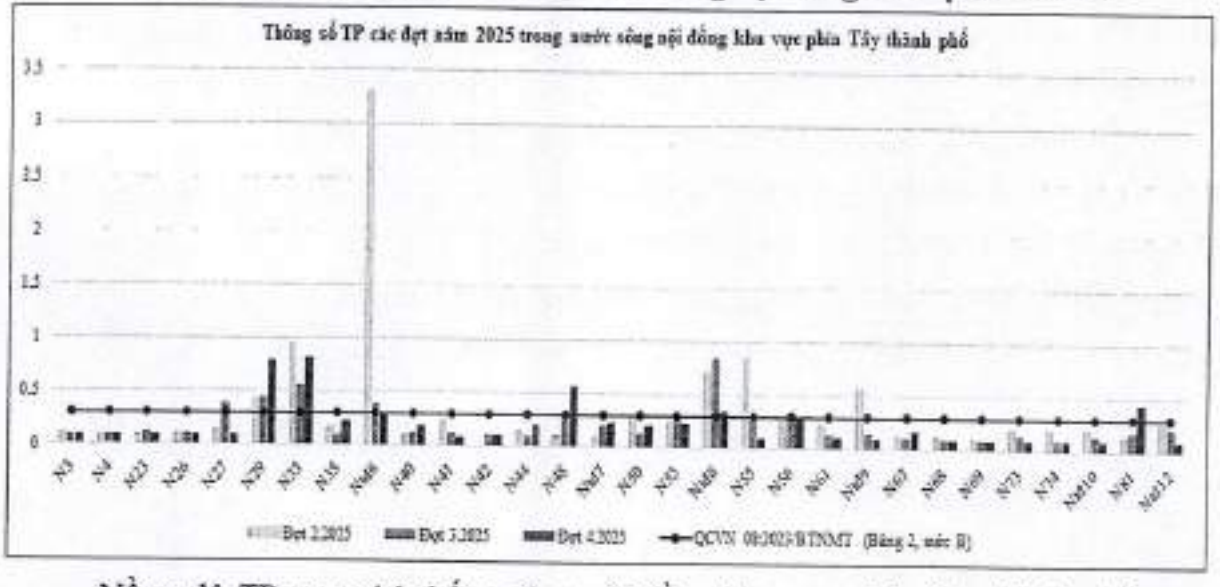
Biểu đồ các thông số quan trắc vượt QCCP trên hệ thống sông nội đồng thể hiện như sau:

Biểu đồ 2.12. Nồng độ DO trong nước sông nội đồng các đợt năm 2025



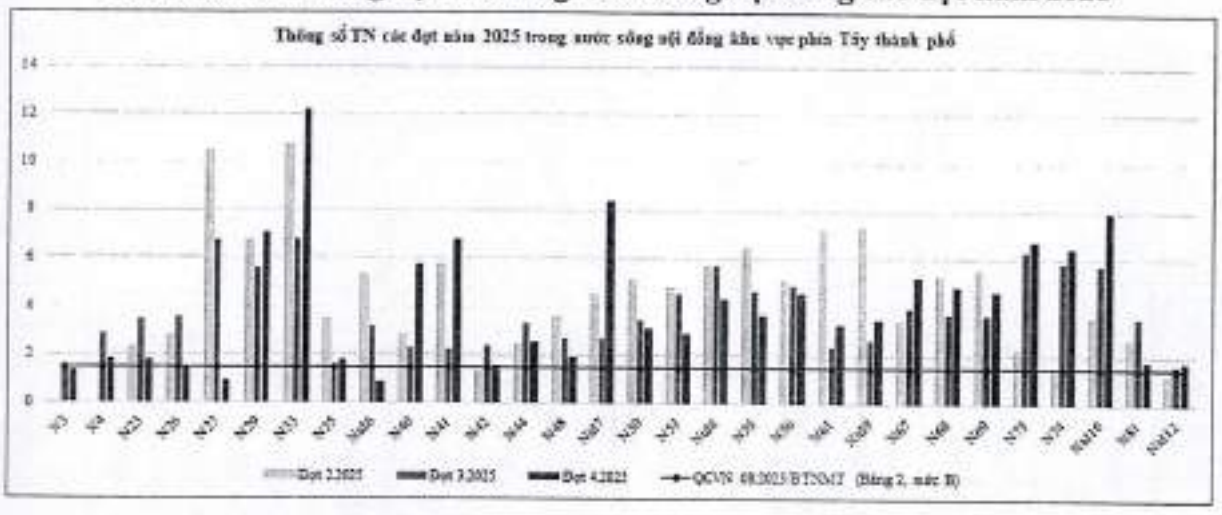
Nồng độ DO trên hệ thống sông nội đồng quan trắc đợt 2 năm 2025 có 27/30 điểm không đạt QCCP, đợt 3 năm 2025 có 29/30 điểm không đạt QCCP, đợt 4 năm 2025 có 28/30 điểm không đạt QCCP so với mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT.

Biểu đồ 2.13. Nồng độ TP trong nước sông nội đồng các đợt năm 2025



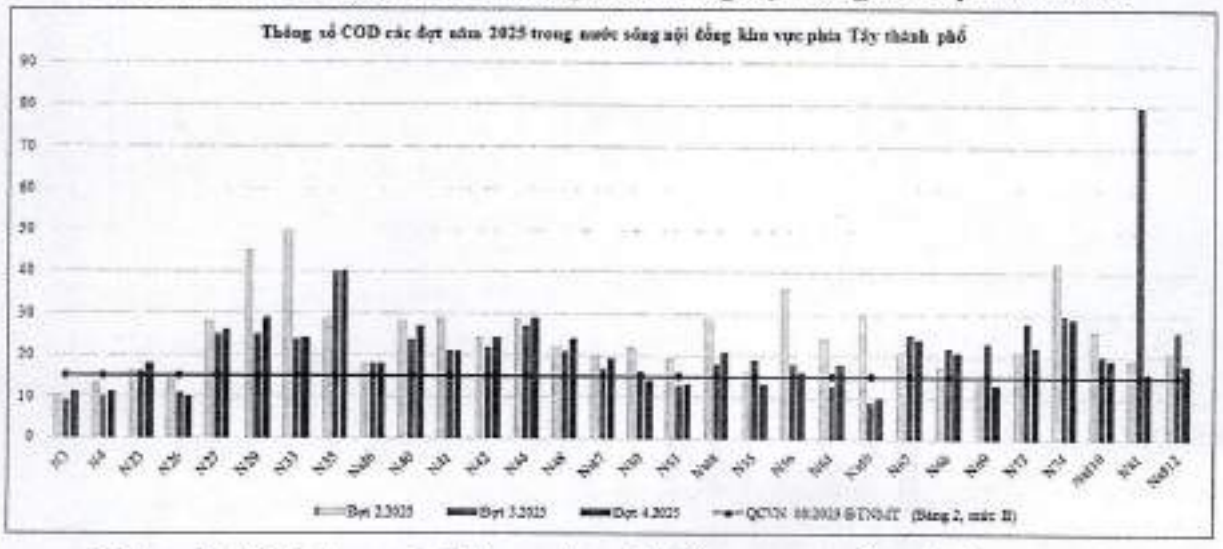
Nồng độ TP trong hệ thống sông nội đồng khu vực phía Tây thành phố quan trắc các đợt năm 2025 có mức độ vượt QCCP từ 1,03 – 11,03 lần, trong đó đợt 2/2025 có 7/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,03 – 11,03 lần; đợt 3/2025 có 7/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,07 đến 2,83 lần; đợt 4/2025 có 6/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,03 - 2,73 lần so với mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT, chủ yếu là các điểm thuộc hệ thống sông Bắc Hưng. Điểm có nồng độ TP cao nhất là vượt 11,03 lần (sông Sặt tại phường Tứ Minh quan trắc đợt 2/2025), tuy nhiên các đợt sau giảm và đạt QCCP khi quan trắc đợt 4/2025.

Biểu đồ 2.14. Nồng độ TN trong nước sông nội đồng các đợt năm 2025



Nồng độ TN trong hệ thống sông nội đồng khu vực phía Tây thành phố quan trắc các đợt năm 2025 có mức độ vượt QCCP từ 1,06 - 8,11 lần, trong đó đợt 2/2025 có 26/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,31 – 7,11 lần; đợt 3/2025 có 29/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,1 – 4,52 lần; đợt 4/2025 có 26/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,06 - 8,11 lần so với mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT. Các điểm có nồng độ TN thường xuyên vượt QCCP ở mức cao là điểm sông Sặt tại Cầu Cất (nơi tiếp nhận nước thải của đô thị qua trạm bơm Bình Lâu), sông Bạch Đằng (tại điểm cuối trước khi chảy ra sông Thái Bình, đây cũng là nơi tiếp nhận nước thải đô thị có mức độ ô nhiễm cao; sông Nguyễn Văn Bé gần nhà máy xử lý rác Hồng Lạc, các sông đầu nguồn từ Hưng Yên chảy vào Hải Dương như sông Cửu An, sông Sặt tại cống Tranh có nồng độ TN thường xuyên vượt QCCP ở mức cao.

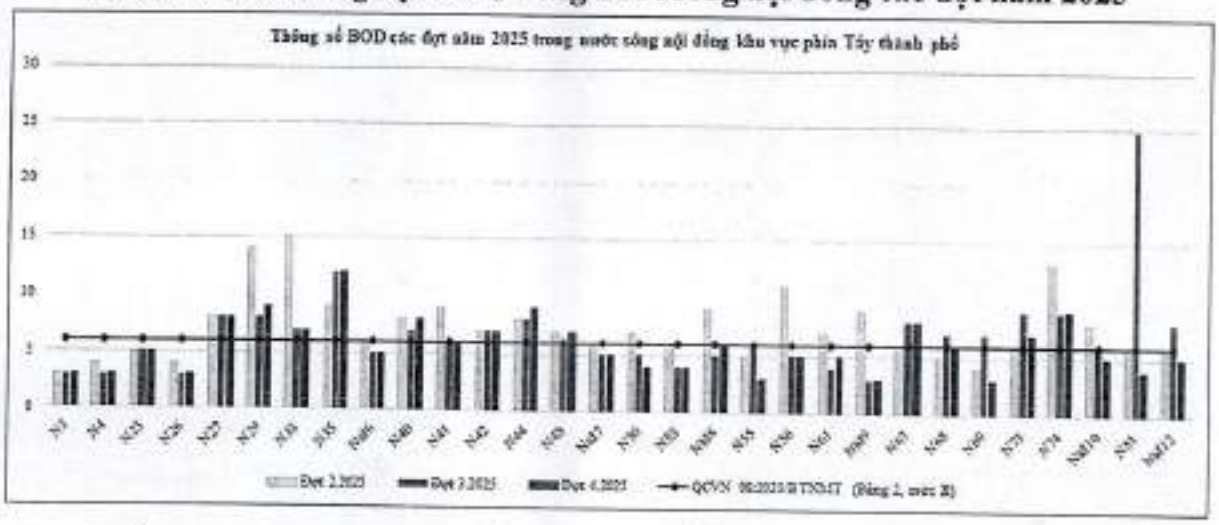
Biểu đồ 2.15. Nồng độ COD trong nước sông nội đồng các đợt năm 2025



Nồng độ COD trong hệ thống sông nội đồng quan trắc các đợt năm 2025 cho thấy mức vượt QCCP dao động trong khoảng từ 1,07 - 5,33 lần, trong đó đợt 2/2025 có 26/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,07 – 3,33 lần; đợt 3/2025 có 24/30 điểm

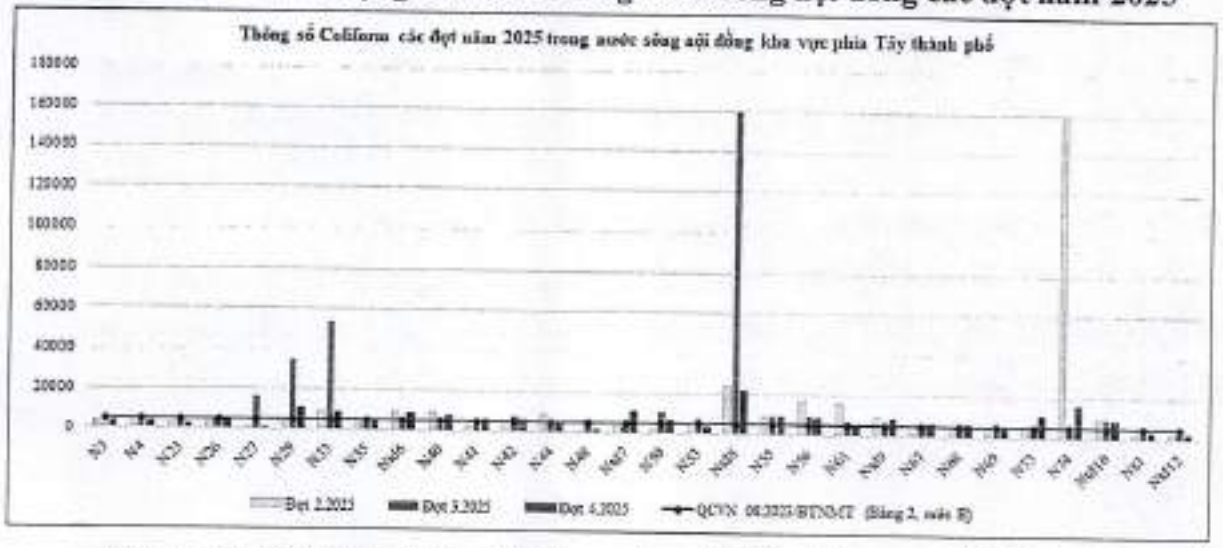
quan trắc vượt QCCP vượt từ 1,07 đến 5,33 lần; đợt 4/2025 có 22/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,07 – 2,67 lần so với mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT. Trong đó tại điểm quan trắc nước sông Hương (xã Hà Bắc) vào đợt 3/2025 có nồng độ COD tăng cao, vượt 5,33 lần so với QCCP. Các sông nội đồng tại một số điểm quan trắc thường xuyên có mức vượt QCCP từ 1,07 – 3,33 lần.

Biểu đồ 2.16. Nồng độ BOD_5 trong nước sông nội đồng các đợt năm 2025



Nồng độ BOD_5 trong hệ thống sông nội đồng trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc đợt 2/2025 có 16/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,17 – 2,5 lần; đợt 3/2025 có 14/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,17 – 4,17 lần; đợt 4/2025 có 11/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,13 – 3 lần so với mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/ BTNMT. Mức vượt cao nhất tại điểm quan trắc nước sông Hương (xã Hà Bắc) vào đợt 3/2025 có nồng độ BOD_5 cao nhất, vượt 4,17 lần so với QCCP.

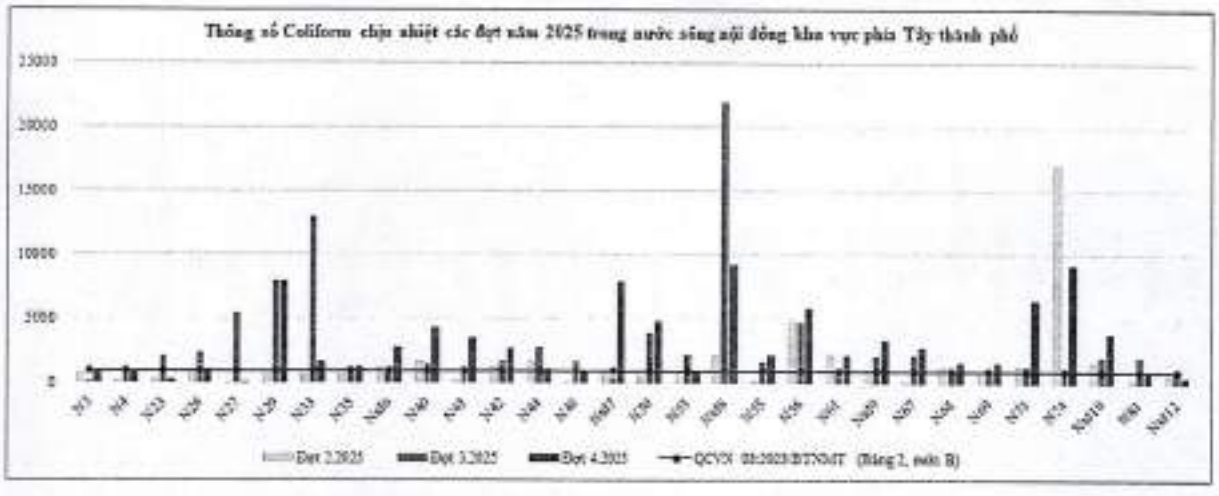
Biểu đồ 2.17. Hàm lượng Coliform trong nước sông nội đồng các đợt năm 2025



Hàm lượng Coliform trong hệ thống sông nội đồng khu vực phía Tây thành phố quan trắc các đợt năm 2025 có mức vượt QCCP dao động trong khoảng từ 1,08 – 32 lần, trong đó đợt 2/2025 có 14/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,08 – 32 lần; đợt 3/2025 có 20/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,08 – 32 lần; đợt 4/2025 có 17/30

điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,16 – 4,4 lần so với mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/ BTNMT. Một số điểm quan trắc có hàm lượng Coliform vượt cao nhất là điểm quan trắc nước sông Đình Đào tại cầu Bá Thủy (đợt 3/2025) và sông Cầu Cốc tại xã Nguyễn Lương Bằng (đợt 2/2025) với mức vượt QCCP 32 lần, tại các điểm quan trắc nước sông Bạch Đằng và sông Sặt (đợt 4/2025) có hàm lượng Coliform vượt QCCP từ 7 – 10,8 lần, các điểm quan trắc khác vượt QCCP từ 1,08 – 7 lần.

Biểu đồ 2.18. Hàm lượng Coliform chịu nhiệt trong nước sông nội đồng các đợt năm 2025



Hàm lượng Coliform chịu nhiệt trong hệ thống sông nội đồng khu vực phía Tây thành phố Hải Phòng các đợt năm 2025 có mức vượt QCCP từ 1,1 – 22 lần, trong đó đợt 2/2025 có 13/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,1 – 17 lần; đợt 3/2025 có 24/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,1 – 22 lần; đợt 4/2025 có 22/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,1 – 9,2 lần so với mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT. Trong đó điểm quan trắc sông Sặt tại cống Tranh (đợt 3/2025) có mức vượt cao nhất, vượt 22 lần, sông Cầu Cốc (đợt 2/2025) vượt 17 lần, tại một số điểm quan trắc như nước sông Sặt tại cầu Cất, sông Bạch Đằng, sông cầu Bình là những điểm có mức độ ô nhiễm thường xuyên.

b. Đánh giá chất lượng nước sông nội đồng theo chỉ số WQI

Việc tính toán chỉ số WQI đối với hệ thống sông nội đồng trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng (30 điểm) dựa trên số liệu quan trắc các đợt năm 2025 được áp dụng như phần tính toán chỉ số WQI đối với nước sông tự nhiên. Kết quả như sau:

Bảng 2.24. Kết quả tính toán WQI trong nước sông nội đồng theo số liệu quan trắc các đợt năm 2025

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI các đợt năm 2025			WQI trung bình năm	Khuyến cáo sử dụng
			Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4		
I	**Hệ thống sông Bắc Hưng Hải: 22 điểm**						
1	Sông Sặt, tại cầu Cất, TP. Hải Dương (nay là phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng)	N29	57	28,9	27,5	37,80	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
2	Sông Bạch Đằng tại điểm cuối trước khi chảy ra sông Thái Bình, TP. Hải Dương (nay là phường Hải Dương, TP. Hải Phòng)	N33	45,9	27,9	38,3	37,37	
3	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Sặt tại phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	Ntđ6	36,2	54,6	49,8	46,87	
4	Sông Cẩm Giàng tại điểm giao với kênh cầu Dốc, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng)	N40	40,1	60,2	41,6	47,30	
5	Sông Cẩm Giàng tại cầu Tân Trường, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP. Hải Phòng)	N41	60,1	59,4	46,5	55,33	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác

6	Sông Bùi tại xã Thạch Lỗi, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giang, TP. Hải Phòng)	N42	60,4	51,5	49,9	53,93	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
7	Sông Bùi tại thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Tuệ Tĩnh, TP. Hải Phòng)	N44	45,5	54,8	49,7	50,00	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
8	Sông Sặt tại Hoàng Hòa, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP. Hải Phòng)	N48	70,6	50,2	48,9	56,57	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
9	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thứa tại thôn Mậu Duyệt, xã Cẩm Hưng (trạm Mậu Duyệt), huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng).	Ntd7	60,8	69,9	31,2	53,97	
10	Sông Sặt tại cầu Cậy, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang (nay là xã Bình Giang, TP. Hải Phòng)	N50	76,8	33,5	56,3	55,53	
11	Sông Đình Đào tại cầu Bá Thủy, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang (nay là xã Yết Kiêu, TP. Hải Phòng)	N53	67,2	50,4	69,4	62,33	

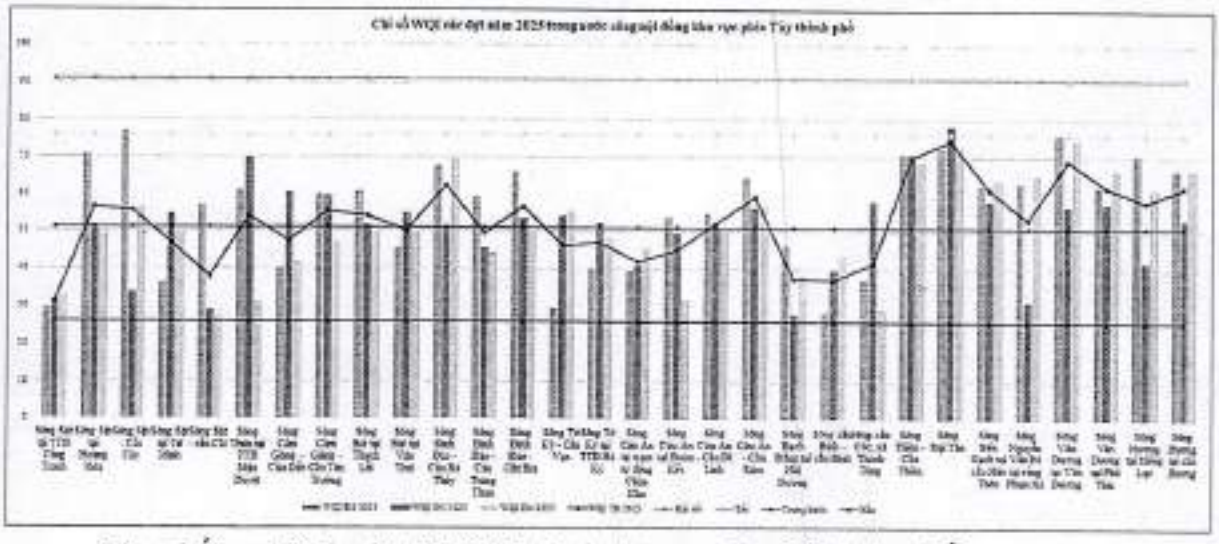
12	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Sặt, xã Thúc Kháng (trạm Cống Tranh), huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP. Hải Phòng)	Ntđ8	29,4	31,6	32,4	31,13	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
13	Sông Đình Đào tại cầu Tràng Thưa, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	N55	59	45,4	44,3	49,57	
14	Sông cầu Bình, tại cầu Bình, xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	N56	28,3	39,5	43,8	37,20	
15	Sông Tứ Kỳ tại cầu Vạn, xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Tứ Kỳ, TP. Hải Phòng)	N61	29,6	53,9	55,3	46,27	
16	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Bắc Hưng Hải tại xã Hà Kỳ (trạm Hà Kỳ), huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng)	Ntđ9	40	52,2	48,7	46,97	
17	Sông Đình Đào tại cầu Bía, huyện Ninh Giang (nay là xã Tân Kỳ, TP. Hải Phòng)	N67	66	53,3	50	56,43	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
18	Sông Cửu An tại Cầu Di Linh, xã An Đức, huyện Ninh Giang (nay là xã Tân An, TP. Hải Phòng)	N68	54,7	50,8	50,4	51,97	

19	Sông Cửu An tại Cầu Ràm, xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang (nay là xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng)	N69	64,3	56,4	56,8	59,17	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
20	Sông Cửu An, xã Đoàn Kết, huyện Thanh Miện (nay là xã Hải Hưng, TP. Hải Phòng)	N73	53,7	49,4	31,7	44,93	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
21	Sông cầu Cốc, xã Thanh Tùng (khu vực giáp xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang), huyện Thanh Miện (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng)	N74	37,3	58	29,3	41,53	
22	Trạm quan trắc tự động nước mặt sông Cửu An tại xã Ngô Quyền (trạm Chùa Khu), huyện Thanh Miện (nay là xã Hải Hưng, TP. Hải Phòng)	Ntđ10	39,5	40,9	45,4	41,93	
II	**Sông nội đồng khác: 8 điểm**						
23	Sông Thiên tại Cầu Thiên, phường Tân Dân, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP. Hải Phòng)	N3	70,8	70,5	68,7	70,00	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
24	Sông Đại Tân, phường Hoàng Tân, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP. Hải Phòng)	N4	72,2	78,1	72,8	74,37	

25	Sông Văn Dương tại thôn Văn Dương, xã Kim Liên, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	N23	75,8	56,7	74,5	69,00	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
26	Sông Văn Dương tại khu dân cư thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	N26	62,1	57,5	66,4	62,00	
27	Sông Nguyễn Văn Bé tại cống Phạm Xá cách cửa thoát nước ra sông Rạng 100m, thôn Phạm Xá 1, xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)	N27	62,9	31,5	64,9	53,10	
28	Sông Bến Gạch tại cầu Hảo Thôn, phường Ái Quốc, TP. Hải Dương (nay là xã Nam Sách, TP. Hải Phòng)	N35	62,1	58,1	63,5	61,23	
29	Sông Hương tại xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP. Hải Phòng)	N81	70,5	42	61,6	58,03	
30	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Hương tại cầu sông Hương trên đường 390B tại thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà (nay là xã Thanh Hà, TP. Hải Phòng)	Ntd12	66,5	53,2	66,4	62,03	

Diễn biến chỉ số WQI của nước sông nội đồng quan trắc các đợt năm 2025 như sau:

Biểu đồ 2.19. Chỉ số WQI của nước sông nội đồng quan trắc các đợt năm 2025



Theo kết quả tính giá trị WQI các đợt trong năm 2025 cho thấy:

- Đối với giá trị WQI từ 76 – 90 (Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp): Đợt 2 và đợt 3 năm 2025 đều có 1/30 điểm quan trắc (chiếm 3,33% tổng số điểm quan trắc), sang đợt 4/2025 và giá trị WQI trung bình năm 2025 không có điểm quan trắc nào đạt giá trị chỉ số chất lượng nước phù hợp với cấp nước sinh hoạt.

- Đối với giá trị WQI từ 51-75 (Chất lượng nước sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác): Đợt 2/2025 có 19/30 điểm quan trắc (chiếm 60% tổng số điểm quan trắc); Đợt 3/2025 có 16/30 điểm quan trắc (chiếm 56,67% tổng số điểm quan trắc); Đợt 4/2025 có 12/30 điểm quan trắc (chiếm 40% tổng số điểm quan trắc). Giá trị WQI trung bình 3 đợt trong năm 2025 có 17/30 điểm quan trắc (chiếm 56,67%) thuộc hầu hết các điểm quan trắc trên hệ thống sông nội đồng, phù hợp với chức năng tưới tiêu trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng.

- Đối với giá trị WQI từ 26 – 50 (Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác): Đợt 2/2025 có 10/30 điểm quan trắc (chiếm 33,33% tổng số điểm quan trắc); Đợt 3/2025 có 12/30 điểm quan trắc (chiếm 40% tổng số điểm quan trắc); Đợt 4/2025 có 8/30 điểm quan trắc (chiếm 16,67% tổng số điểm quan trắc). Giá trị WQI trung bình 3 đợt trong năm 2025 có 13/30 điểm quan trắc (chiếm 43,33%) thuộc một số điểm trên sông Sặt, sông Cẩm Giàng, sông Đình Đào, sông Cửu An, sông Bùi, sông Cầu Binh, sông Cầu Cốc, chất lượng nước phù hợp cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác

**** Nhận xét chung về nước sông nội đồng quan trắc các đợt năm 2025***

Hệ thống sông nội đồng quan trắc các đợt năm 2025 trên địa bàn phía Tây thành phố có thông số DO không đạt QCCP có từ (27-28)/30 điểm quan trắc, TP có từ

(6-7)/30 điểm quan trắc có nồng độ vượt QCCP từ 1,03 - 11,03 lần; TN có từ (26-29)/30 điểm quan trắc có nồng độ vượt QCCP từ 1,06 – 8,11 lần; COD có từ (22-27)/30 điểm quan trắc vượt QCPC từ 1,07 – 5,33 lần; BOD_5 có từ (11-16)/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,13 – 4,17 lần; Coliform có từ (14-20)/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,08 – 32 lần, Coliform chịu nhiệt có từ (13 – 24)/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,1 – 22 lần so với mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT.

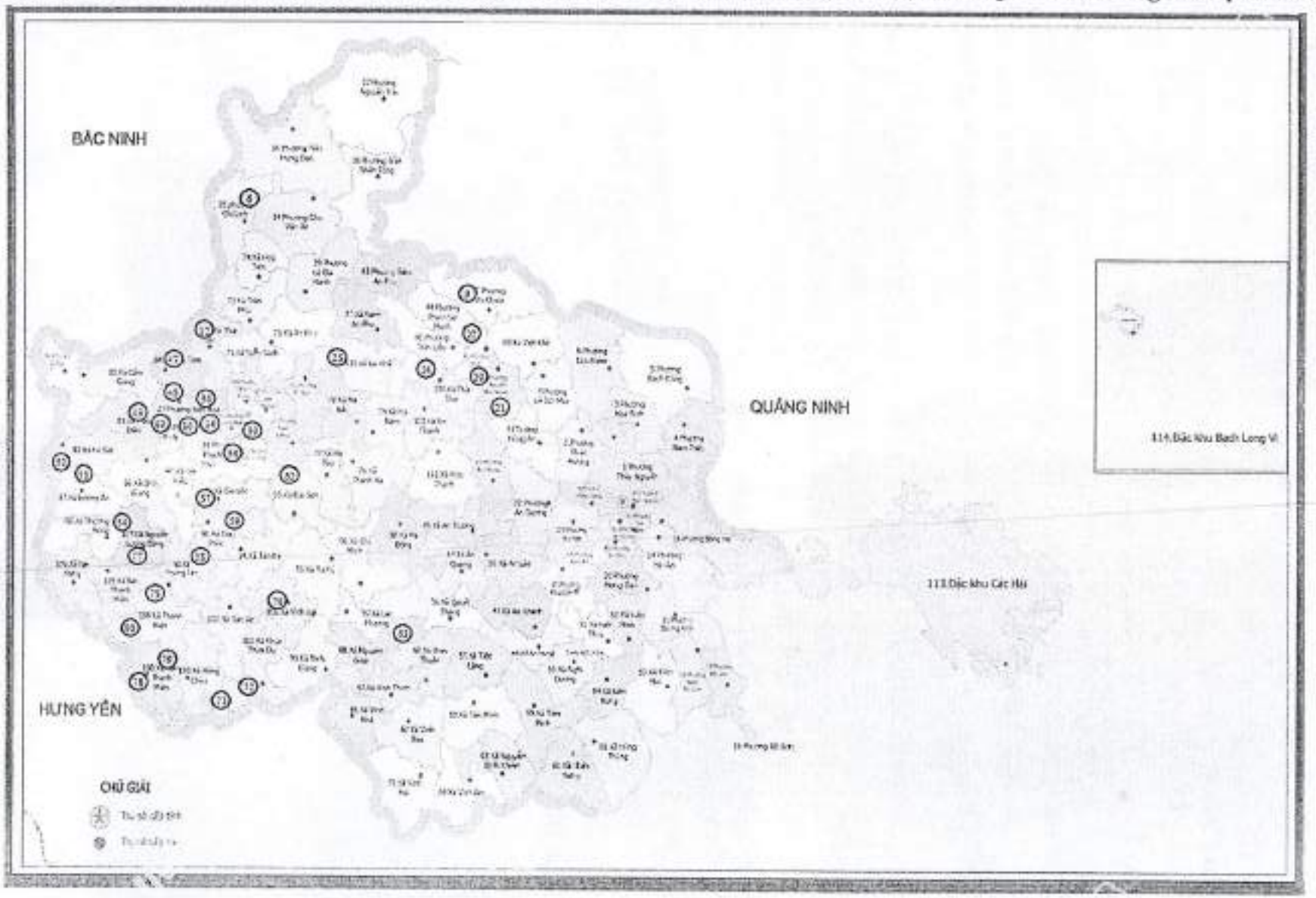
Các sông nội đồng ô nhiễm điển hình là sông Bạch Đằng (N33), sông Sặt (N48, N29, Ntđ8), sông Cửu An, sông Đình Đào, sông Cầu Cốc, sông cầu Bình.

Kết quả quan trắc nước sông nội đồng vẫn duy trì ô nhiễm ở mức cao tại nhiều tuyến sông và kéo dài qua các đợt quan trắc. Mức độ ô nhiễm khi quan trắc năm 2025 tiếp diễn từ các năm trước đó.

Nguyên nhân gây ô nhiễm đối với hệ thống sông nội đồng chủ yếu do nước thải sinh hoạt từ các khu dân cư, làng nghề chưa được kiểm soát thải vào nguồn tiếp nhận, điển hình như nước thải đô thị (thành phố Hải Dương cũ) từ kênh T2 ra sông Sặt, sông Bạch Đằng ra sông Thái Bình, kênh Tứ Thông – Đại An, mương làng nghề Lộ Cương ra sông Sặt... Mặt khác hệ thống sông Bắc Hưng Hải còn tiếp nhận các nguồn ô nhiễm từ đầu nguồn, chủ yếu từ tỉnh Hưng Yên chảy vào sông Sặt và sông Cửu An, nhiều đợt ghi nhận ô nhiễm nặng, nước màu đen xuất hiện nhiều đợt trong năm, ngoài ra nước thải từ hoạt động chăn nuôi, trồng trọt chưa được xử lý triệt kể góp phần đáng kể gây ô nhiễm hệ thống sông, kênh mương nội đồng trên địa bàn.

2.2.3. Hiện trạng môi trường nước kênh mương

Hình 2.6. Sơ đồ mạng lưới các điểm quan trắc môi trường nước kênh mương khu vực phía Tây thành phố Hải Phòng các đợt năm 2025



Tổng số điểm quan trắc nước kênh mương là 36 điểm phân bố trên các tuyến kênh tiêu thoát nước của các địa phương trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng. Cụ thể vị trí các điểm quan trắc như sau:

Bảng 2.25. Vị trí các điểm quan trắc thuộc các kênh mương

TT	Vị trí các điểm quan trắc	KH
1	Kênh Phao Tân giao với đường huyện 17B, phường Phả Lại, TP. Chí Linh (nay là phường Chí Linh, TP. Hải Phòng)	N6
2	Kênh Ngọc Trì - Chu Đậu trước trạm bơm thoát ra sông Thái Bình, xã Thái Tân, huyện Nam Sách (nay là xã Thái Tân, TP. Hải Phòng)	N12
3	Kênh Ngọc Trì - Chu Đậu điểm tiếp nhận nước thải của CCN An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP. Hải Phòng)	N13
4	Kênh KT13 điểm tiếp nhận nước thải của CCN Duy Tân tại phường Duy Tân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	N19
5	Kênh Ngư Uyên tại cống thoát nước ra sông Kinh Môn (tiếp nhận nước thải của CCN Long Xuyên), Tx. Kinh Môn (nay là phường Trần Liễu, TP. Hải Phòng)	N20
6	Mương thoát nước làng nghề An Thủy, phường Hiến Thành, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng)	N21
7	Điểm hợp lưu giữa kênh Nguyễn Lân và kênh Phùng Khắc – khu dân cư Hiệp Hạ, phường Hiệp Sơn, Tx. Kinh Môn (nay là phường Phạm Sư Mạnh, TP. Hải Phòng)	N22
8	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Quỳnh Phúc (còn gọi là đầm Ba Xã), gần Công ty Cổ phần Trung Kiên, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	N24
9	Mương thoát nước Lai Vu tại cống Hòa Bình (trước khi chảy ra sông Rạng) xã Lai Vu, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)	N25
10	Kênh Tứ Thông – Trước khi chảy ra sông Sặt, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	N30
11	Mương thoát nước làng nghề Lộ Cương, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	N34
12	Mương tiếp nhận nước thải của KCN Kỹ thuật cao An Phát và CCN Việt Hòa, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương (nay là phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng)	N36

13	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Ba Hàng, phường Nam Đồng, TP. Hải Dương (nay là phường Nam Đồng, TP. Hải Phòng)	N37
14	Kênh Thạch Khôi – Đoàn Thượng tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Thạch Khôi – Gia Xuyên, phường Thạch Khôi, TP. Hải Dương (nay là phường Thạch Khôi, TP. Hải Phòng)	N38
15	Kênh Bá Liễu – Trại Vực tại khu vực nghĩa trang Cầu Cương, phường Hải Tân, TP. Hải Dương (nay là phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng)	N39
16	Kênh Phí Xá – Cẩm Đông tại hồ chung chuyển thôn Quý Dương, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP. Hải Phòng)	N43
17	Kênh Đò Cậy - Tiên Kiều tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Cao An, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng)	N45
18	Mương Lương Xá tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Lương Điền, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng)	N46
19	Kênh trước cổng đền Bia, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Tuệ Tĩnh, TP. Hải Phòng)	N47
20	Kênh Đò Cậy – Tiên Kiều tại TT. Lai Cách, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	N49
21	Kênh giáp đường 395 tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Tân Hồng, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP. Hải Phòng)	N51
22	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Tráng Liệt, thị trấn Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP. Hải Phòng)	N52
23	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Nhân Quyền, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng)	N54
24	Kênh Thạch Khôi - Đoàn Thượng tại cầu Gỗ, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	N57
25	Kênh Thạch Khôi - Đoàn Thượng trước khi chảy vào sông Đình Đào tại xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	N58
26	Mương tiếp nhận nước thải của KCN Hoàng Diệu, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	N59
27	Kênh Bá Liễu - Trại Vực tại điểm nhận nước thải của CCN Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Đại Sơn, TP. Hải Phòng)	N62
28	Mương giáp đường 391, tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Nguyên Giáp, xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP. Hải	N63

	Phòng)	
29	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Nghĩa An, huyện Ninh Giang (nay là xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng)	N70
30	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Hồng Phúc – Hưng Long, xã Hưng Long, huyện Ninh Giang (nay là xã Hồng Châu, TP. Hải Phòng)	N71
31	Mương thoát nước làng nghề Cúc Bồ, xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang (nay là xã Khúc Thừa Dụ, TP. Hải Phòng)	N72
32	Kênh Hồng Đức tại thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	N75
33	Mương giáp đường 392 tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Đoàn Tùng, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng)	N77
34	Mương thoát nước làng nghề Hội Yên, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	N78
35	Mương tiếp nhận nước thải CCN Ngũ Hùng – Thanh Giang, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	N79
36	Mương tiếp nhận nước thải CCN Cao Thắng, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	N80

Nước kênh mương nội đồng trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng có chức năng chính là phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, vì vậy kết quả quan trắc môi trường nước kênh mương nội đồng quan trắc 3 đợt năm 2025 được so sánh với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT.

Kết quả phân tích các thông số tại 36 điểm quan trắc nước kênh mương trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng các đợt năm 2025 như sau:

Bảng 2.26. Các thông số vượt QCCP trong nước kênh mương các đợt năm 2025

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT		
			Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4
1	Kênh Phao Tân giao với đường huyện 17B, phường Phả Lại, TP. Chí Linh (nay là phường Chí Linh, TP. Hải Phòng)	N6	DO không đạt; TN vượt 1,61 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần	TN vượt 1,71 lần; COD vượt 1,33; TSS vượt 2,25 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,4 lần	TN vượt 1,53lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần
2	Kênh Ngọc Trì - Chu Đậu trước trạm bơm thoát ra sông Thái Bình, xã Thái Tân, huyện Nam Sách (nay là xã Thái Tân, TP. Hải Phòng)	N12	DO không đạt; TN vượt 1,58 lần; COD vượt 2,2 lần; BOD_5 vượt 1,67 lần;	TN vượt 1,05 lần; COD vượt 1,13 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần	DO không đạt; TN vượt 1,75 lần; COD vượt 1,2 lần; Coliform vượt 1,16 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,1 lần
3	Kênh Ngọc Trì - Chu Đậu điểm tiếp nhận nước thải của CCN An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP. Hải Phòng)	N13	DO không đạt; TP vượt 3,67 lần; TN vượt 9,86 lần; COD vượt 8,6 lần; BOD_5 vượt 6,5 lần; Coliform vượt 4,8 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 7,9 lần	DO không đạt; TN vượt 2,6 lần; COD vượt 1,27 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần	DO không đạt; TN vượt 1,91 lần; COD vượt 1,4 lần; Coliform vượt 1,68 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,6 lần
4	Kênh KT13 điểm tiếp nhận nước thải của CCN Duy Tân tại phường Duy Tân, Tx.	N19	DO không đạt; TN vượt 1,28 lần;	DO không đạt; TN vượt 1,51 lần; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần;	DO không đạt; TN vượt 1,53 lần; COD vượt 1,07 lần

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT		
			Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4
	Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)			Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần	
5	Kênh Ngư Uyên tại cống thoát nước ra sông Kinh Môn (tiếp nhận nước thải của CCN Long Xuyên), Tx. Kinh Môn (nay là phường Trần Liễu, TP. Hải Phòng)	N20	DO không đạt; TN vượt 1,04 lần; COD vượt 1,33 lần;	DO không đạt; TN vượt 1,21 lần; COD vượt 1,33 lần	DO không đạt; TN vượt 2,27 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,8 lần
6	Mương thoát nước làng nghề An Thủy, phường Hiến Thành, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng)	N21	DO không đạt; TP vượt 6,9 lần; TN vượt 10,29 lần; COD vượt 3,6 lần; BOD_5 vượt 2,67 lần; Coliform vượt 4,8 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,8 lần	DO không đạt; TP vượt 4,37 lần; TN vượt 4,85 lần; COD vượt 1,93 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,6 lần	DO không đạt; COD vượt 1,27 lần; Coliform vượt 1,28 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 3,5 lần
7	Điểm hợp lưu giữa kênh Nguyễn Lân và kênh Phùng Khắc – khu dân cư Hiệp Hạ, phường Hiệp Sơn, Tx. Kinh Môn (nay là phường Phạm Sư Mạnh, TP. Hải Phòng)	N22	TP vượt 3,63 lần; TN vượt 7,64 lần; COD vượt 1,07 lần; Coliform vượt 3,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần	DO không đạt; TP vượt 2,5 lần; TN vượt 4,39 lần; COD vượt 1,33 lần; Coliform vượt 3,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,9 lần	DO không đạt; TP vượt 3,63 lần; TN vượt 7,97 lần; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 9,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 11lần

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT		
			Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4
8	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Quỳnh Phúc (còn gọi là đầm Ba Xã), gần Công ty Cổ phần Trung Kiên, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	N24	DO không đạt; TN vượt 3,09 lần; COD vượt 1,93 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần;	DO không đạt; TN vượt 2,32 lần; COD vượt 1,67 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần	DO không đạt; TN vượt 3,89 lần; COD vượt 1,4 lần; Coliform vượt 2,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 6,4 lần
9	Mương thoát nước Lai Vu tại cống Hòa Bình (trước khi chảy ra sông Rạng) xã Lai Vu, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)	N25	DO không đạt; TP vượt 22,13 lần; TN vượt 26,2 lần; COD vượt 3,93 lần; BOD_5 vượt 3,0 lần; Coliform vượt 32 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 28 lần	DO không đạt; TP vượt 10,2 lần; TN vượt 10,99 lần; COD vượt 1,8 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 32 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 28 lần	DO không đạt; TP vượt 12,67 lần; TN vượt 19,87 lần; COD vượt 2,53 lần; BOD_5 vượt 1,83 lần; Coliform vượt 92 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 110 lần
10	Kênh Tứ Thông – Trước khi chảy ra sông Sặt, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	N30	DO không đạt; TP vượt 2,83 lần; TN vượt 4,35 lần; COD vượt 2,8 lần; BOD_5 vượt 2,17 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,4 lần	DO không đạt; TN vượt 2,08 lần; COD vượt 1,2 lần; Coliform vượt 4,4 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 13 lần	DO không đạt; TP vượt 7,67 lần; TN vượt 20,30 lần; COD vượt 2,53 lần; BOD_5 vượt 1,83 lần; Coliform vượt 158 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 430 lần

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT		
			Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4
11	Mương thoát nước làng nghề Lộ Cương, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	N34	DO không đạt; TP vượt 3,13 lần; TN vượt 5,19 lần; COD vượt 4,27 lần; BOD_5 vượt 3,17 lần; Coliform vượt 108 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 170 lần	DO không đạt; TN vượt 3,74 lần; COD vượt 1,33 lần; Coliform vượt 98 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 230 lần	DO không đạt; TP vượt 9,33 lần; TN vượt 9,51 lần; COD vượt 1,4 lần; Coliform vượt 86 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 230 lần
12	Mương tiếp nhận nước thải của KCN Kỹ thuật cao An Phát và CCN Việt Hòa, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương (nay là phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng)	N36	DO không đạt; TP vượt 3,0 lần; TN vượt 4,11 lần; COD vượt 1,93 lần; BOD_5 vượt 2,83 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần	DO không đạt; TN vượt 1,6 lần; COD vượt 1,07 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần	DO không đạt; TP vượt 4,67 lần; TN vượt 1,23 lần; COD vượt 1,27 lần; Coliform vượt 1,88 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,3 lần
13	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Ba Hàng, phường Nam Đồng, TP. Hải Dương (nay là phường Nam Đồng, TP. Hải Phòng)	N37	DO không đạt; COD vượt 1,2 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần	DO không đạt; TP vượt 5,1 lần; COD vượt 2,27 lần; BOD_5 vượt 1,67 lần	DO không đạt; TN vượt 1,14 lần; COD vượt 1,4 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần
14	Kênh Thạch Khôi – Đoàn Thượng tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Thạch	N38	DO không đạt; TP vượt 2,33 lần; TN vượt 3,63 lần; COD vượt 1,93 lần; BOD_5 vượt	DO không đạt; TP vượt 1,33 lần; TN vượt 1,13 lần; COD vượt 4,47 lần; BOD_5 vượt	DO không đạt; TP vượt 8,53 lần; TN vượt 8,6 lần; COD vượt 3,07 lần; BOD_5 vượt

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT		
			Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4
	Khôi – Gia Xuyên, phường Thạch Khôi, TP. Hải Dương (nay là phường Thạch Khôi, TP. Hải Phòng)		1,33 lần;	3,33 lần; Coliform vượt 5,6 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 11 lần	2,33 lần; Coliform vượt 7 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 13 lần
15	Kênh Bá Liễu – Trại Vực tại khu vực nghĩa trang Cầu Cương, phường Hải Tân, TP. Hải Dương (nay là phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng)	N39	DO không đạt; TP vượt 1,33 lần; TN vượt 3,16 lần; COD vượt 1,6 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần;	DO không đạt; TP vượt 1,2 lần; TN vượt 2,48 lần; COD vượt 1,27 lần; Coliform vượt 3,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 6,3 lần	DO không đạt; TN vượt 5,46 lần; COD vượt 1,4 lần
16	Kênh Phí Xá – Cẩm Đông tại hồ chung chuyển thôn Quý Dương, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP. Hải Phòng)	N43	DO không đạt; TN vượt 1,57 lần; COD vượt 4,07 lần; BOD_5 vượt 3,0 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần	TN vượt 2,32 lần; COD vượt 1,93 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,9 lần	TP vượt 2,23 lần; TN vượt 1,29 lần; COD vượt 2,27 lần; BOD_5 vượt 1,83 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần
17	Kênh Đò Cậy - Tiên Kiều tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Cao An, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng)	N45	DO không đạt; TN vượt 2,12 lần; COD vượt 2,13 lần; BOD_5 vượt 1,67 lần; Coliform vượt 3,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần	DO không đạt; TN vượt 2,85 lần; COD vượt 1,27 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,9 lần	DO không đạt; TP vượt 1,2 lần; TN vượt 3,83 lần; COD vượt 6,93 lần; BOD_5 vượt 5,33 lần; Coliform vượt 8,6 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 11 lần

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT		
			Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4
18	Mương Lương Xá tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Lương Điền, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng)	N46	DO không đạt; COD vượt 1,4 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần	DO không đạt; COD vượt 1,33 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,7 lần	DO không đạt; TP vượt 1,53 lần; TN vượt 4,35 lần; COD vượt 4,67 lần; BOD_5 vượt 3,5 lần; Coliform vượt 5,4 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 11 lần
19	Kênh trước cổng đền Bia, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Tuệ Tĩnh, TP. Hải Phòng)	N47	TN vượt 2,59 lần; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 7 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 7,9 lần	DO không đạt, TN vượt 1,6 lần; COD vượt 1,53 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần	DO không đạt; TN vượt 2,51 lần; COD vượt 1,8 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 8,4 lần
20	Kênh Đò Cậy – Tiên Kiều tại TT. Lai Cách, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	N49	DO không đạt; COD vượt 2,33 lần; BOD_5 vượt 1,83 lần; Coliform vượt 32 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 28 lần	DO không đạt; TN vượt 1,23 lần; COD vượt 1,6 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform vượt 1,58 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 3,3 lần	DO không đạt; TP vượt 1,37 lần; TN vượt 8,37 lần; COD vượt 1,4 lần; Coliform vượt 158 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 540 lần

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT		
			Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4
21	Kênh giáp đường 395 tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Tân Hồng, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP. Hải Phòng)	N51	DO không đạt; TN vượt 2,79 lần; COD vượt 1,4 lần; Coliform vượt 3,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần	DO không đạt; TN vượt 3,97 lần; COD vượt 3,07 lần; BOD_5 vượt 2,33 lần Coliform vượt 7 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 11 lần	DO không đạt; COD vượt 1,2 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần
22	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Tráng Liệt, thị trấn Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP. Hải Phòng)	N52	DO không đạt; TP vượt 4,87 lần; TN vượt 12,16 lần; COD vượt 2,07 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần; Coliform vượt 32 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 14 lần	DO không đạt; TP vượt 5,13 lần; TN vượt 5,13 lần; COD vượt 2,8 lần; BOD_5 vượt 2 lần; Coliform vượt 34 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 79 lần	DO không đạt; TP vượt 4,67 lần; TN vượt 5,31 lần; COD vượt 2,53 lần; BOD_5 vượt 1,83 lần; Coliform vượt 30 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 110 lần
23	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Nhân Quyền, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng)	N54	DO không đạt; TN vượt 3,73 lần; COD vượt 2,2 lần; BOD_5 vượt 1,67 lần; Coliform vượt 3,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần	DO không đạt; TN vượt 1,65 lần; COD vượt 1,27 lần; Coliform vượt 10,8 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 13 lần	DO không đạt; TN vượt 1,82 lần; COD vượt 1,2 lần; Coliform vượt 1,26 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,8 lần
24	Kênh Thạch Khôi - Đoàn Thượng tại cầu Gỗ, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay	N57	DO không đạt; TP vượt 1,93 lần; TN vượt 3,85 lần; COD vượt 1,87 lần; BOD_5 vượt	DO không đạt; TP vượt 2,57 lần; TN vượt 3,68 lần; COD vượt 2,13 lần; BOD_5 vượt	DO không đạt; TP vượt 1,63 lần; TN vượt 4,53 lần; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT		
			Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4
	là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)		1,33 lần; Coliform vượt 32 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 11 lần	1,67 lần; Coliform vượt 7 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 13 lần	1,33 lần; Coliform vượt 32 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 110 lần
25	Kênh Thạch Khôi - Đoàn Thượng trước khi chảy vào sông Đình Đào tại xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	N58	DO không đạt; TN vượt 3,57 lần; COD vượt 2,07 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần;	DO không đạt; TP vượt 1,37 lần; TN vượt 2,27 lần; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 3,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,3 lần	DO không đạt; TN vượt 2,45 lần; Coliform vượt 1,68 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 5,8 lần
26	Mương tiếp nhận nước thải của KCN Hoàng Diệu, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	N59	DO không đạt; COD vượt 3,07 lần; BOD_5 vượt 2,33 lần; Coliform vượt 3,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,4 lần	DO không đạt; TP vượt 1,2 lần; COD vượt 1,8 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần	DO không đạt; Coliform chịu nhiệt vượt 1,5 lần
27	Kênh Bá Liễu - Trại Vực tại điểm nhận nước thải của CCN Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Đại Sơn, TP. Hải Phòng)	N62	DO không đạt; TN vượt 3,47 lần; Coliform vượt 7 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 7,9 lần	DO không đạt; TN vượt 4,53 lần; Coliform vượt 2,6 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 7,9 lần	DO không đạt; TN vượt 3,08 lần; Coliform vượt 7 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 7,9 lần

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT		
			Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4
28	Mương giáp đường 391, tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Nguyên Giáp, xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng)	N63	TN vượt 1,05 lần; COD vượt 1,47 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform vượt 18,4 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 17 lần	DO không đạt; TN vượt 1,2 lần; Coliform vượt 2,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,3 lần	DO không đạt; TN vượt 1,93 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,7 lần
29	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Nghĩa An, huyện Ninh Giang (nay là xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng)	N70	DO không đạt; TP vượt 1,13 lần; TN vượt 3,37 lần; COD vượt 3,27 lần; BOD_5 vượt 2,5 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần	DO không đạt; TP vượt 2 lần; TN vượt 5,03 lần; COD vượt 1,13 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 3,9 lần	DO không đạt; TN vượt 3,55 lần; COD vượt 1,8 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần
30	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Hồng Phúc – Hưng Long, xã Hưng Long, huyện Ninh Giang (nay là xã Hồng Châu, TP. Hải Phòng)	N71	DO không đạt; COD vượt 2,6 lần; BOD_5 vượt 2 lần; Coliform vượt 7 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,9 lần	DO không đạt; TN vượt 1,58 lần; COD vượt 1,67 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,4 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,1 lần	DO không đạt; TN vượt 1,29 lần; COD vượt 1,8 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,5 lần

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT		
			Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4
31	Mương thoát nước làng nghề Cúc Bồ, xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang (nay là xã Khúc Thừa Dụ, TP. Hải Phòng)	N72	DO không đạt; TP vượt 5,77 lần; TN vượt 9,2 lần; COD vượt 4,27 lần; BOD_5 vượt 3,17 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần	DO không đạt; TP vượt 12,7 lần; TN vượt 22,33 lần; COD vượt 2,33 lần; BOD_5 vượt 1,83 lần; Coliform vượt 32 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 92 lần	DO không đạt; TP vượt 13,37 lần; TN vượt 19,09 lần; COD vượt 2,87 lần; BOD_5 vượt 2,17 lần; Coliform vượt 108 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 130 lần
32	Kênh Hồng Đức tại thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	N75	DO không đạt; TN vượt 3,51 lần; COD vượt 1,53 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform vượt 18,4 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 13 lần	DO không đạt; TN vượt 4,13 lần; COD vượt 1,27 lần; Coliform vượt 2,8 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 7 lần	DO không đạt; TN vượt 3,71 lần; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 4,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 15 lần
33	Mương giáp đường 392 tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Đoàn Tùng, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng)	N77	DO không đạt; TP vượt 2,33 lần; TN vượt 2,94 lần; COD vượt 2,47 lần; BOD_5 vượt 1,83 lần; Coliform vượt 10,8 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 7,9 lần	DO không đạt; TN vượt 3,56 lần; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần	DO không đạt; TN vượt 2,62 lần; COD vượt 2,33 lần; BOD_5 vượt 1,83 lần; Coliform vượt 2,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 7,9 lần

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT		
			Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4
34	Mương thoát nước làng nghề Hội Yên, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	N78	DO không đạt; TP vượt 4,2 lần; TN vượt 5,29 lần; COD vượt 1,6 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform vượt 32 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 17 lần	DO không đạt; TP vượt 3,37 lần; TN vượt 3,58 lần; COD vượt 1,8 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 4,6 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 9,2 lần	DO không đạt; TP vượt 1,17 lần; TN vượt 2,55 lần; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 32 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 47 lần
35	Mương tiếp nhận nước thải CCN Ngũ Hùng – Thanh Giang, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	N79	DO không đạt; TN vượt 2,95 lần; COD vượt 2,2 lần; BOD_5 vượt 1,67 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần	DO không đạt; TN vượt 2,66 lần; COD vượt 1,27 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần; Coliform vượt 1,16 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần	DO không đạt; TP vượt 1,2 lần; TN vượt 3,63 lần; COD vượt 1,47 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,7 lần
36	Mương tiếp nhận nước thải CCN Cao Thắng, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	N80	DO không đạt; COD vượt 2 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần;	DO không đạt; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần	COD vượt 1,4 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,5 lần

Từ bảng trên cho thấy hầu hết các kênh mương nội đồng đều có từ 2 đến 7 thông số không đạt so với mức B của bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT. Mức độ vượt QCCP của các kênh mương nội đồng ở mức rất cao, làm ảnh hưởng đến chất lượng nước cấp cho hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng.

Bảng tổng hợp số lượng các điểm vượt QCCP trên kênh mương nội đồng thể hiện trong bảng sau:

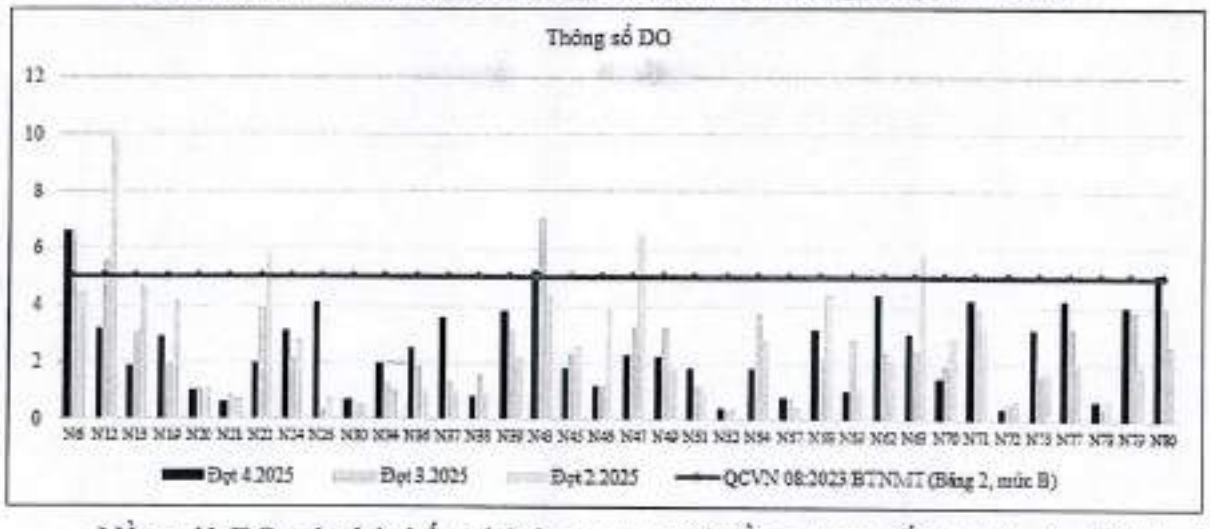
Bảng 2.27. Bảng tổng hợp các thông số vượt QCCP trên kênh mương nội đồng

Số điểm vượt và mức độ vượt QCCP	Đợt/năm	Các thông số vượt QCCP						
		DO	TP	TN	COD	BOD_5	Coliform	Coliform chịu nhiệt
Thông số/số điểm vượt	Đợt 2/2025	32	16	30	33	28	25	28
Mức độ vượt QCCP		< 5	1,13-22,13	1,04-26,2	1,07-8,6	1,17-6,5	1,08-108	1,3-170
Thông số/số điểm vượt	Đợt 3/2025	33	11	34	34	21	30	31
Mức độ vượt QCCP		< 5	1,2-12,7	1,05-22,3	1,07-4,47	1,17-3,33	1,08-98	1,1-230
Thông số/số điểm vượt	Đợt 4/2025	33	15	32	30	16	29	34
Mức độ vượt QCCP		< 5	1,17-13,37	1,14-20,3	1,07-6,93	1,33-5,33	1,08-158	1,3-540

Từ bảng tổng hợp ở trên cho thấy: Hệ thống kênh mương nội đồng quan trắc các đợt năm 2025 trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng: Có 36/36 điểm quan trắc có từ 2 đến 8 thông số quan trắc vượt QCCP so với mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT, thuộc các thông số sau: DO, TP, TN, COD, BOD_5, Coliform và Coliform chịu nhiệt tại hầu hết các điểm quan trắc.

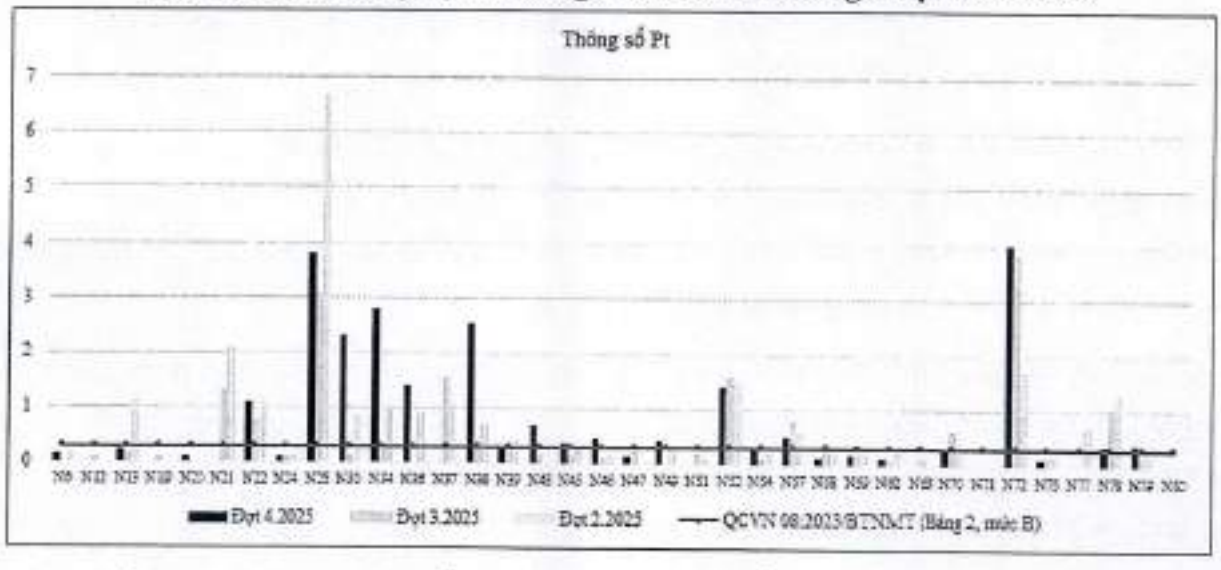
Biểu đồ nồng độ các thông số vượt QCCP trên hệ thống kênh mương nội đồng như sau:

Biểu đồ 2.20. Nồng độ DO trong nước kênh mương 3 đợt năm 2025



Nồng độ DO trên hệ thống kênh mương nội đồng quan trắc đợt 2 năm 2025 có 32/36 điểm không đạt QCCP, đợt 3 năm 2025 có 33/36 điểm không đạt QCCP, đợt 4 năm 2025 có 33/36 điểm không đạt QCCP so với mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT, trong đó có nhiều điểm quan trắc có nồng độ DO nhỏ hơn 2 (không đạt mức D, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT), chủ yếu là kênh mương tiếp nhận nước thải làng nghề, CCN, kênh Thạch Khôi – Đoàn Thượng, kênh Đò Cậy – Tiên Kiều…

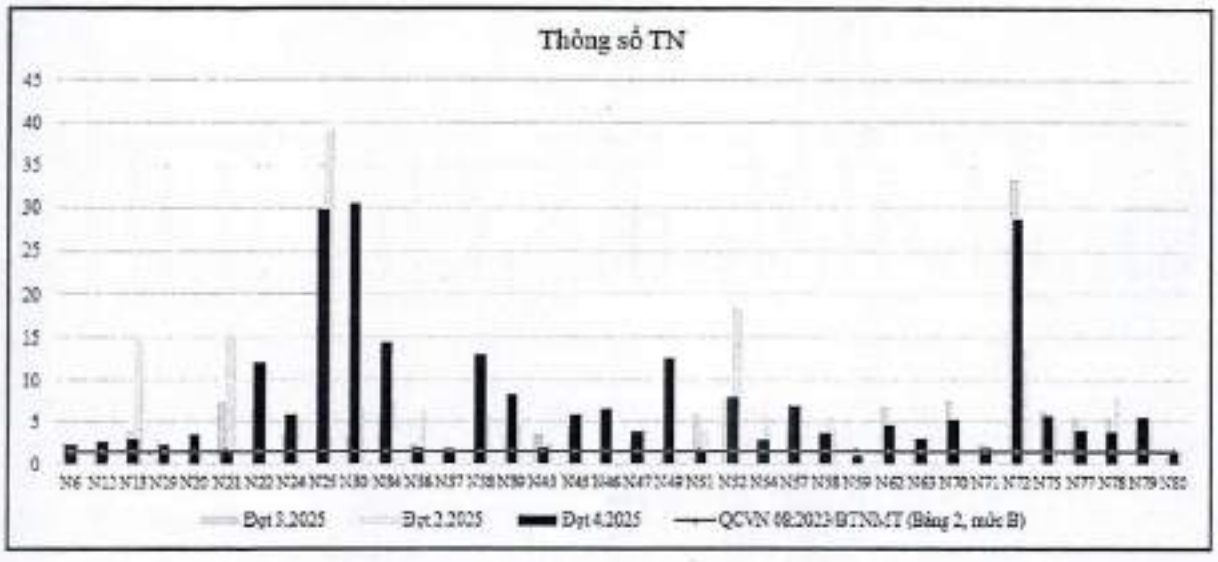
Biểu đồ 2.21. Nồng độ TP trong nước kênh mương 3 đợt năm 2025



Nồng độ TP trong hệ thống kênh mương nội đồng trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc đợt 2/2025 có 16/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,13 - 22,13 lần; đợt 3/2025 có 13/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,2 – 12,7 lần; đợt 4/2025 có 15/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,17 – 13,37 lần so với mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT. Trong đó các kênh mương nội đồng có nồng độ TP vượt QCCP cao với mức vượt từ 6,9 – 22,13 lần bao gồm Mương thoát nước Lai Vu (N25) vượt QCCP 22,13 lần; Mương thoát nước làng nghề Cúc Bồ (N72) vượt QCCP 13,37 lần; Mương thoát nước tại cống Hoà Bình (N25) vượt QCCP 10,2 lần; Mương thoát

nước làng nghề An Thủy (N21) vượt QCCP 6,9 lần. Các điểm quan trắc khác tại một số đợt quan trắc trong năm 2025 có nồng độ TP vượt QCCP từ 1,13 – 5,77 lần so với mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT.

Biểu đồ 2.22. Nồng độ TN trong nước kênh mương 3 đợt năm 2025



Nồng độ TN trong hệ thống kênh mương nội đồng trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc đợt 2/2025 có 30/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,04 - 26,2 lần; đợt 3/2025 có 32/36 điểm quan trắc có giá trị vượt QCCP từ 1,05 – 22,3 lần; đợt 4/2025 có 32/36 điểm quan trắc có giá trị vượt QCCP từ 1,14 – 20,3 lần so với mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT so với mức B.

Tổng hợp kết quả quan trắc trong năm cho thấy nồng độ TN trong hệ thống kênh mương nội đồng vượt QCCP mức B, Bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT tại phần lớn các điểm quan trắc. Qua 3 đợt quan trắc, mức vượt QCCP của thông số TN ghi nhận thấp nhất là 1,04 lần và cao nhất là 26,20 lần.

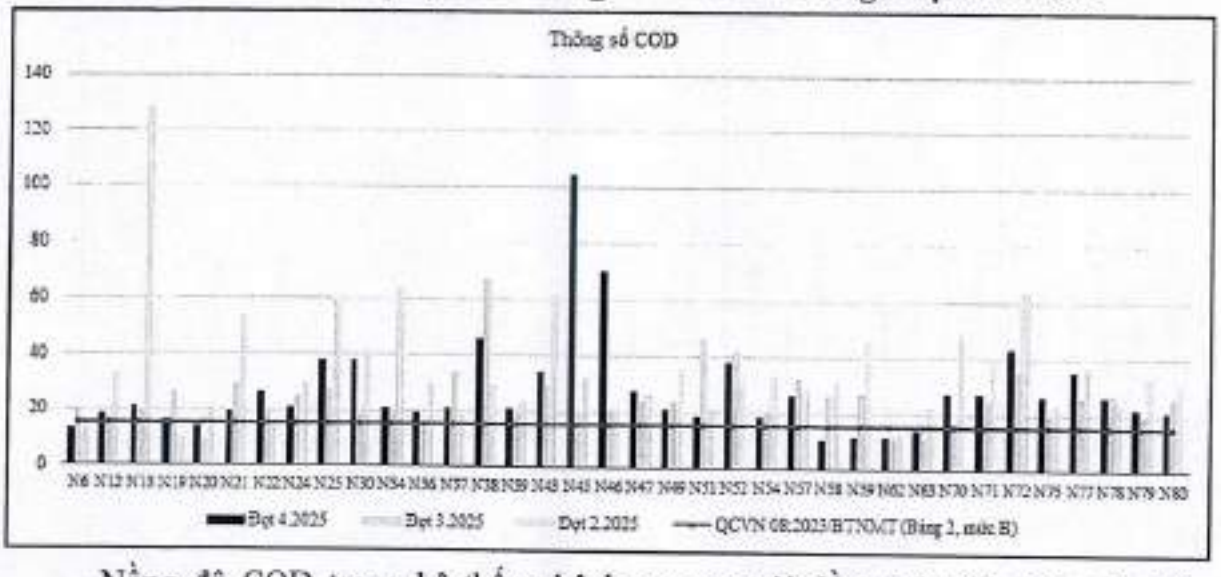
Các điểm có mức vượt rất cao và xuất hiện lặp lại trong nhiều đợt gồm mương thoát nước Lai Vu (N25) với mức vượt 26,20 lần; kênh Tứ Thông (N30) vượt 20,30 lần; mương thoát nước làng nghề Cúc Bồ (N72) vượt 22,30 lần và mương tiếp nhận nước thải CCN Tráng Liệt vượt 12,16 lần.

Nhóm các điểm có mức vượt cao khác gồm mương thoát nước làng nghề Lộ Cương (N34) vượt 9,51 lần; mương thoát nước làng nghề An Thủy (N21) vượt 10,29 lần; kênh Ngọc Trì – Chu Đậu (N13) vượt 9,20 lần; kênh Thạch Khôi – Đoàn Thượng (N38) vượt 8,60 lần; kênh Đò Cậy – Tiên Kiều (N49) vượt 8,37 lần và điểm hợp lưu giữa kênh Nguyễn Lân và kênh Phùng Khắc (N22) vượt 7,97 lần.

Các điểm quan trắc còn lại có nồng độ TN vượt QCCP từ 1,04 lần đến 5,46 lần so với mức B, Bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT. Nhìn chung, ô nhiễm TN trong hệ thống kênh mương nội đồng trong năm diễn ra phổ biến, kéo dài và tập trung chủ yếu

tại các tuyến kênh, mương tiếp nhận nước thải sinh hoạt, làng nghề và cụm công nghiệp.

Biểu đồ 2.23. Nồng độ COD trong nước kênh mương 3 đợt năm 2025



Nồng độ COD trong hệ thống kênh mương nội đồng trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc đợt 2/2025 có 33/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,07 – 8,6 lần; đợt 3/2025 có 33/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,07 – 4,47 lần; đợt 4/2025 có 30/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,07 – 6,93 lần so với mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT.

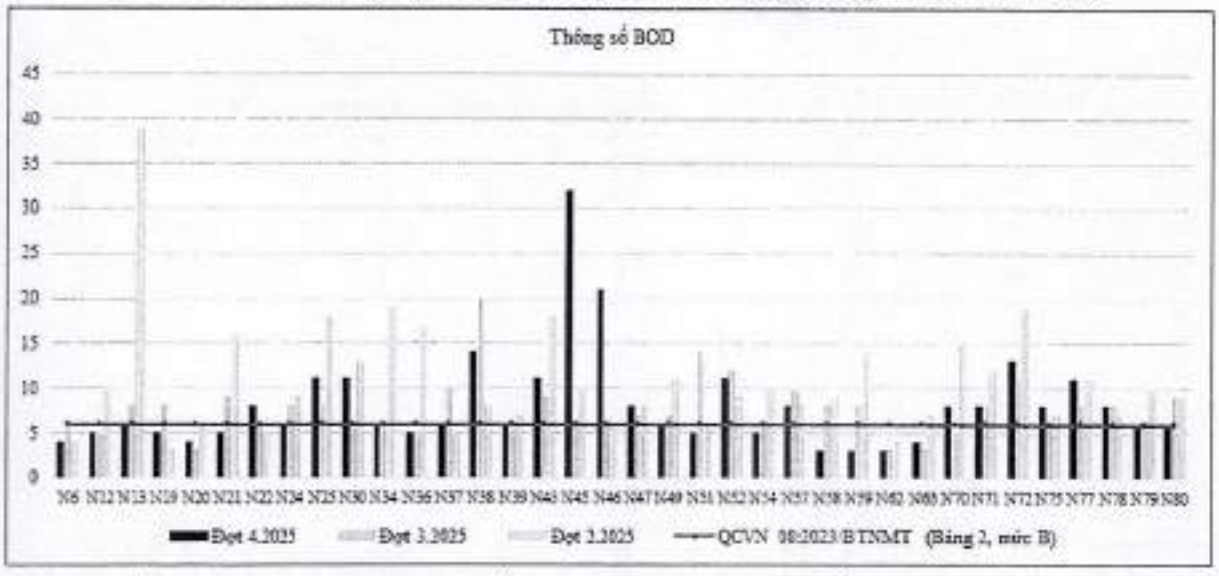
Qua các đợt quan trắc, số điểm vượt QCCP chiếm tỷ lệ cao, từ 30/36 đến 33/36 điểm; mức vượt thấp nhất ghi nhận là 1,07 lần và cao nhất là 8,60 lần.

Các điểm có nồng độ COD vượt QCCP cao và xuất hiện lặp lại qua nhiều đợt tập trung chủ yếu tại các kênh, mương tiếp nhận nước thải và khu vực làng nghề. Trong đó, kênh Ngọc Trì – Chu Đậu (N13) có mức vượt cao nhất 8,60 lần; kênh Đò Cậy – Tiên Kiều (N49) vượt 6,93 lần; kênh Thạch Khôi – Đoàn Thượng (N38) vượt 4,47 lần; mương Lương Xá tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Lương Điền vượt 4,67 lần.

Một số điểm khác như mương thoát nước Lai Vu (N25), kênh Tứ Thông (N30), kênh Phí Xá – Cẩm Đông (N43), mương tiếp nhận nước thải của CCN Tráng Liệt (N52), mương tiếp nhận nước thải của KCN Hoàng Diệu (N59), mương tiếp nhận nước thải của CCN Nghĩa An (N70), mương thoát nước làng nghề An Thủy (N21), Lộ Cương (N34) và Cúc Bồ (N72) có nồng độ COD vượt QCCP phổ biến ở mức từ 2,13 lần đến 4,27 lần.

Các điểm quan trắc còn lại nồng độ COD vượt QCCP, với mức thấp nhất là 1,07 lần. Đợt 2 năm 2025 có mức độ ô nhiễm COD cao hơn so với đợt 3 và đợt 4 năm 2025.

Biểu đồ 2.24. Nồng độ BOD_5 trong nước kênh mương 3 đợt năm 2025



Nồng độ BOD_5 trong hệ thống kênh mương nội đồng trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc đợt 2/2025 có 28/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,17 – 6,5 lần; đợt 3/2025 có 20/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,17 – 3,33 lần; đợt 4/2025 có 16/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,33 – 5,33 lần so với mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT.

Tổng hợp kết quả quan trắc trong năm cho thấy nồng độ BOD_5 trong hệ thống kênh mương nội đồng vượt QCCP mức B, Bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT tại phần lớn các điểm quan trắc; mức vượt thấp nhất ghi nhận là 1,17 lần và cao nhất là 6,50 lần.

Các điểm có nồng độ BOD_5 vượt QCCP cao và xuất hiện lặp lại qua nhiều đợt tập trung chủ yếu tại các kênh, mương tiếp nhận nước thải và khu vực làng nghề. Trong đó, kênh Ngọc Trì – Chu Đậu (N13) có mức vượt cao nhất 6,50 lần; kênh Đò Cậy – Tiên Kiều (N45) vượt 5,33 lần; kênh Thạch Khôi – Đoàn Thượng (N38) vượt 3,33 lần; mương Lương Xá tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Lương Điền (N46) vượt 3,50 lần.

Một số điểm khác như mương thoát nước Lai Vu (N25), kênh Tứ Thông (N30), kênh Phí Xá – Cẩm Đông (N43), mương tiếp nhận nước thải của CCN Tráng Liệt (N52), mương thoát nước làng nghề An Thủy (N21), Lộ Cương (N34) và Cúc Bồ (N72) có nồng độ BOD_5 vượt QCCP phổ biến ở mức từ 2,17 lần đến 3,17 lần.

Các điểm quan trắc khác tại một số đợt quan trắc trong năm 2025 có nồng độ BOD5 vượt QCCP từ 1,17 - 1,83 lần so với mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT.

- Hàm lượng Coliform trong hệ thống kênh mương nội đồng trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc đợt 2/2025 có 25/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,08 – 108 lần; đợt 3/2025 có 25/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,08 – 98 lần; đợt 4/2025 có 29/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,08 – 158 lần so với mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT. Trong đó, kênh Tứ Thông (N30) và kênh Đò Cậy – Tiên

Kiều (N49) có mức vượt cao nhất 158 lần; mương thoát nước làng nghề Cúc Bồ (N72) vượt 108 lần; mương thoát nước xã Lai Vu (N25) vượt 92 lần; mương thoát nước làng nghề Lộ Cương (N34) vượt 108 lần; mương tiếp nhận nước thải của CCN Tráng Liệt (N52) vượt 34 lần; mương thoát nước tại cống Hoà Bình (N25) và mương thoát nước làng nghề Cúc Bồ (N72) vượt 32 lần; mương tiếp nhận nước thải của CCN Nhân Quyền (N54), kênh Thạch Khôi – Đoàn Thượng (N57) và mương thoát nước làng nghề Hội Yên cũng ghi nhận vượt cao 32 lần. Các điểm quan trắc còn lại ghi nhận Coliform vượt QCCP từ 1,08 lần đến 32 lần so với mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT. Đợt 4 năm 2025 có mức độ ô nhiễm Coliform cao hơn so với đợt 2 và đợt 3 năm 2025.

- Hàm lượng Coliform chịu nhiệt trong hệ thống kênh mương nội đồng trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc đợt 2/2025 có 28/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,3 – 170 lần; đợt 3/2025 có 31/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,1 – 230 lần; đợt 4/2025 có 34/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,3 – 540 lần so với mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT. Các điểm có hàm lượng Coliform chịu nhiệt vượt QCCP cao và xuất hiện lặp lại qua nhiều đợt tập trung chủ yếu tại các kênh, mương tiếp nhận nước thải và khu vực làng nghề. Trong đó, kênh Đò Cậy – Tiên Kiều (N49) vượt 540 lần; kênh Tứ Thông (N30) vượt 430 lần; mương thoát nước làng nghề Lộ Cương (N34) vượt 170–230 lần; mương thoát nước làng nghề Cúc Bồ (N72) vượt 92–130 lần; mương thoát nước xã Lai Vu (N25) vượt 28–92 lần; mương tiếp nhận nước thải của CCN Tráng Liệt (N52) vượt 34–110 lần; kênh Thạch Khôi – Đoàn Thượng (N38, N57) vượt 11–110 lần; mương tiếp nhận nước thải của CCN Nhân Quyền (N54). Các kênh mương nội đồng khác tại một số đợt quan trắc vượt QCCP từ 1,1 – 47 lần. Hàm lượng Coliform chịu nhiệt quan trắc đợt 4/2025 có mức vượt QCCP cao hơn so với các đợt quan trắc khác trong năm.

b. Đánh giá chất lượng nước kênh mương nội đồng theo chỉ số WQI

Việc tính toán chỉ số WQI đối với kênh mương nội đồng trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng (36 điểm) dựa trên số liệu quan trắc 3 đợt năm 2025 được áp dụng như phần tính toán chỉ số WQI đối với nước kênh mương. Kết quả như sau:

Bảng 2.28. Kết quả tính toán WQI trong nước kênh mương nội đồngtheo số liệu quan trắc các đợt năm 2025

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI các đợt năm 2025			WQI trung bình năm	Khuyến cáo sử dụng
			Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4		
1	Kênh Phao Tân giao với đường huyện 17B, phường Phả Lại, TP, Chí Linh (nay là phường Chí Linh, TP, Hải Phòng)	N6	69,5	76,6	64,6	70,23	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
2	Kênh Ngọc Trì - Chu Đậu trước trạm bơm thoát ra sông Thái Bình, xã Thái Tân, huyện Nam Sách (nay là xã Thái Tân, TP, Hải Phòng)	N12	69,5	63,2	52,6	61,77	
3	Kênh Ngọc Trì - Chu Đậu điểm tiếp nhận nước thải của CCN An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP, Hải Phòng)	N13	27,9	58	41,7	42,53	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
4	Kênh KT13 điểm tiếp nhận nước thải của CCN Duy Tân tại phường Duy Tân, Tx, Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP, Hải Phòng)	N19	88,9	46,5	67,3	67,57	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
5	Kênh Ngư Uyên tại cống thoát nước ra sông Kinh Môn (tiếp nhận nước thải của CCN Long Xuyên), Tx, Kinh Môn (nay là phường Trần Liễu, TP, Hải Phòng)	N20	71,1	73,5	49,7	64,77	
6	Mương thoát nước làng nghề An Thủy, phường Hiến Thành, Tx, Kinh Môn (nay là phường	N21	27	31,8	54,7	37,83	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục

	Nguyễn Đại Năng, TP, Hải Phòng)						đích tương đương khác
7	Điểm hợp lưu giữa kênh Nguyễn Lân và kênh Phùng Khắc – khu dân cư Hiệp Hạ, phường Hiệp Sơn, Tx, Kinh Môn (nay là phường Phạm Sư Mạnh, TP, Hải Phòng)	N22	35,6	33,5	26,2	31,77	
8	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Quỳnh Phúc (còn gọi là đầm Ba Xã), gần Công ty Cổ phần Trung Kiên, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP, Hải Phòng)	N24	60,7	50,1	32,1	47,63	
9	Mương thoát nước Lai Vu tại cống Hòa Bình (trước khi chảy ra sông Rạng) xã Lai Vu, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP, Hải Phòng)	N25	26,2	29,8	25,3	27,10	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
10	Kênh Tứ Thông – Trước khi chảy ra sông Sặt, phường Tứ Minh, TP, Hải Dương (nay là phường Tứ Minh, TP, Hải Phòng)	N30	40,7	31,2	23,4	31,77	
11	Mương thoát nước làng nghề Lộ Cương, phường Tứ Minh, TP, Hải Dương (nay là phường Tứ Minh, TP, Hải Phòng)	N34	21,3	28,8	26,9	25,67	
12	Mương tiếp nhận nước thải của KCN Kỹ thuật cao An Phát và CCN Việt Hòa, phường Việt Hòa, TP, Hải Dương (nay là phường Việt Hòa, TP, Hải Phòng)	N36	42,4	58,6	36,7	45,90	

13	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Ba Hàng, phường Nam Đồng, TP, Hải Dương (nay là phường Nam Đồng, TP, Hải Phòng)	N37	58,4	62,4	56,2	59,00	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
14	Kênh Thạch Khôi – Đoàn Thượng tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Thạch Khôi – Gia Xuyên, phường Thạch Khôi, TP, Hải Dương (nay là phường Thạch Khôi, TP, Hải Phòng)	N38	55,1	29,4	27,5	37,33	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
15	Kênh Bá Liễu – Trại Vực tại khu vực nghĩa trang Cầu Cương, phường Hải Tân, TP, Hải Dương (nay là phường Tân Hưng, TP, Hải Phòng)	N39	60,7	30,6	57,2	49,50	
16	Kênh Phí Xá – Cẩm Đông tại hồ chung chuyển thôn Quý Dương, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP, Hải Phòng)	N43	67,5	46,2	63,3	59,00	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
17	Kênh Đò Cậy - Tiên Kiều tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Cao An, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP, Hải Phòng)	N45	29,6	41,4	29,3	33,43	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
18	Mương Lương Xá tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Lương Điền, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP, Hải Phòng)	N46	53,2	67,7	[illegible]	47,63	

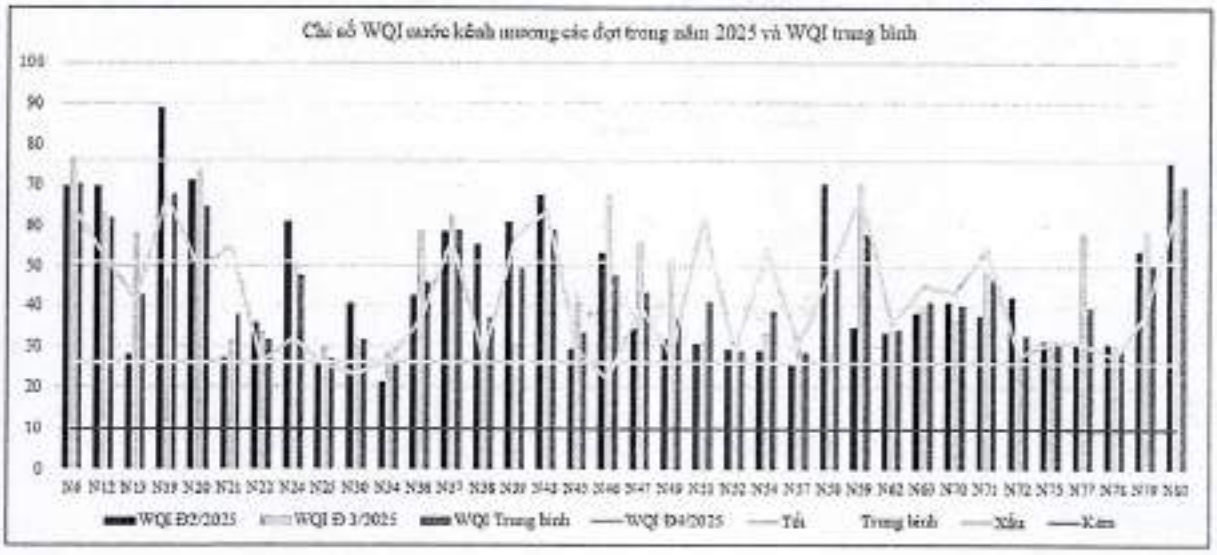
19	Kênh trước cổng đền Bia, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Tuệ Tĩnh, TP, Hải Phòng)	N47	34,6	55,9	40,1	43,53	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
20	Kênh Đò Cậy – Tiên Kiều tại TT, Lai Cách, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Tứ Minh, TP, Hải Phòng)	N49	32	51,4	28	37,13	
21	Kênh giáp đường 395 tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Tân Hồng, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP, Hải Phòng)	N51	30,8	31,3	61,8	41,30	
22	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Tráng Liệt, thị trấn Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP, Hải Phòng)	N52	29,6	28,4	28,8	28,93	
23	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Nhân Quyền, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP, Hải Phòng)	N54	29,3	33,2	53,9	38,80	
24	Kênh Thạch Khôi - Đoàn Thượng tại cầu Gỗ, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP, Hải Phòng)	N57	26	29,6	31,1	28,90	
25	Kênh Thạch Khôi - Đoàn Thượng trước khi chảy vào sông Đình Đào tại xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP, Hải Phòng)	N58	70,3	28,9	48,6	49,27	
26	Mương tiếp nhận nước thải của KCN Hoàng Diệu, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP, Hải Phòng)	N59	34,8	70,3	67,7	57,60	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác

27	Kênh Bá Liễu - Trại Vực tại điểm nhận nước thải của CCN Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Đại Sơn, TP, Hải Phòng)	N62	33,4	34,4	35,7	34,50	
28	Mương giáp đường 391, tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Nguyên Giáp, xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP, Hải Phòng)	N63	38,3	40,1	44,7	41,03	
29	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Nghĩa An, huyện Ninh Giang (nay là xã Vĩnh Lại, TP, Hải Phòng)	N70	41,1	36,5	43,6	40,40	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
30	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Hồng Phúc – Hưng Long, xã Hưng Long, huyện Ninh Giang (nay là xã Hồng Châu, TP, Hải Phòng)	N71	37,8	48,2	53,7	46,57	
31	Mương thoát nước làng nghề Cúc Bồ, xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang (nay là xã Khúc Thừa Dụ, TP, Hải Phòng)	N72	42,3	28,5	27,6	32,80	
32	Kênh Hồng Đức tại thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP, Hải Phòng)	N75	31,4	30,1	31,4	30,97	
33	Mương giáp đường 392 tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Đoàn Tùng, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP, Hải Phòng)	N77	30,5	57,8	31,1	39,80	

34	Mương thoát nước làng nghề Hội Yên, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP, Hải Phòng)	N78	30,6	30,3	27,3	29,40	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
35	Mương tiếp nhận nước thải CCN Ngũ Hùng – Thanh Giang, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP, Hải Phòng)	N79	53,7	58,7	38,1	50,17	
36	Mương tiếp nhận nước thải CCN Cao Thắng, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP, Hải Phòng)	N80	75,4	69,6	64,2	69,73	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác

- Đánh giá về chỉ số WQI nước kênh mương nội đồng quan trắc 3 đợt năm 2025

Biểu đồ 2.25. Chỉ số WQI của nước kênh mương quan trắc 3 đợt năm 2025



Chỉ số WQI các đợt năm 2025 như sau:

- Đối với giá trị WQI từ 76 – 90 (Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp): Đợt 2/2025 có 1/36 điểm quan trắc (chiếm 2,78% tổng số điểm quan trắc); Đợt 3/2025 có 1/36 điểm quan trắc (chiếm 2,78% tổng số điểm quan trắc). Giá trị WQI trung bình 4 đợt trong năm 2025 không có điểm quan trắc nào có giá trị trong khoảng từ 76 – 90.

- Đối với giá trị WQI từ 51-75 (Chất lượng nước sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác): Đợt 2/2025 có 12/36 điểm quan trắc (chiếm 33,33% tổng số điểm quan trắc); Đợt 3/2025 có 12/36 điểm quan trắc (chiếm 33,33% tổng số điểm quan trắc); Đợt 4/2025 có 12/36 điểm quan trắc (chiếm 33,33% tổng số điểm quan trắc). Giá trị WQI trung bình 3 đợt trong năm 2025 có 8/36 điểm quan trắc (chiếm 22,22%) phù hợp với chức năng tưới tiêu trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng.

- Đối với giá trị WQI từ 26 – 50 (Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác): Đợt 2/2025 có 22/36 điểm quan trắc (chiếm 61,11% tổng số điểm quan trắc); Đợt 3/2025 có 23/36 điểm quan trắc (chiếm 63,89% tổng số điểm quan trắc); Đợt 4/2025 có 21/36 điểm quan trắc (chiếm 58,34% tổng số điểm quan trắc). Giá trị WQI trung bình 4 đợt trong năm 2025 có 28/36 điểm quan trắc (chiếm 77,78%) tại hầu hết các điểm quan trắc có chỉ số chất lượng nước cần hạn chế sử dụng cho mục đích tưới tiêu nông nghiệp.

- Đối với giá trị WQI từ 10 – 25 (chất lượng nước ô nhiễm nặng, cần có biện pháp xử lý trong tương lai): Đợt 2/2025 có 1/36 điểm quan trắc (chiếm 2,78 % tổng số điểm quan trắc) tại điểm mương thoát nước làng nghề Lộ Cương (N34); Đợt 3 năm

2025 không có giá trị WQI nằm trong khoảng từ 10 – 25, Đợt 4/2025 có 3/36 điểm quan trắc (chiếm 8,33% tổng số điểm quan trắc) gồm Mương Lương Xá tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Lương Điền (N46); Kênh Tứ Thông (N30) và Mương thoát nước Lai Vu (N25) và điểm mương thoát nước làng nghề Lộ Cương (N34). Giá trị WQI trung bình 3 đợt trong năm 2025 không có điểm quan trắc nào có giá trị trong khoảng từ 10 – 25.

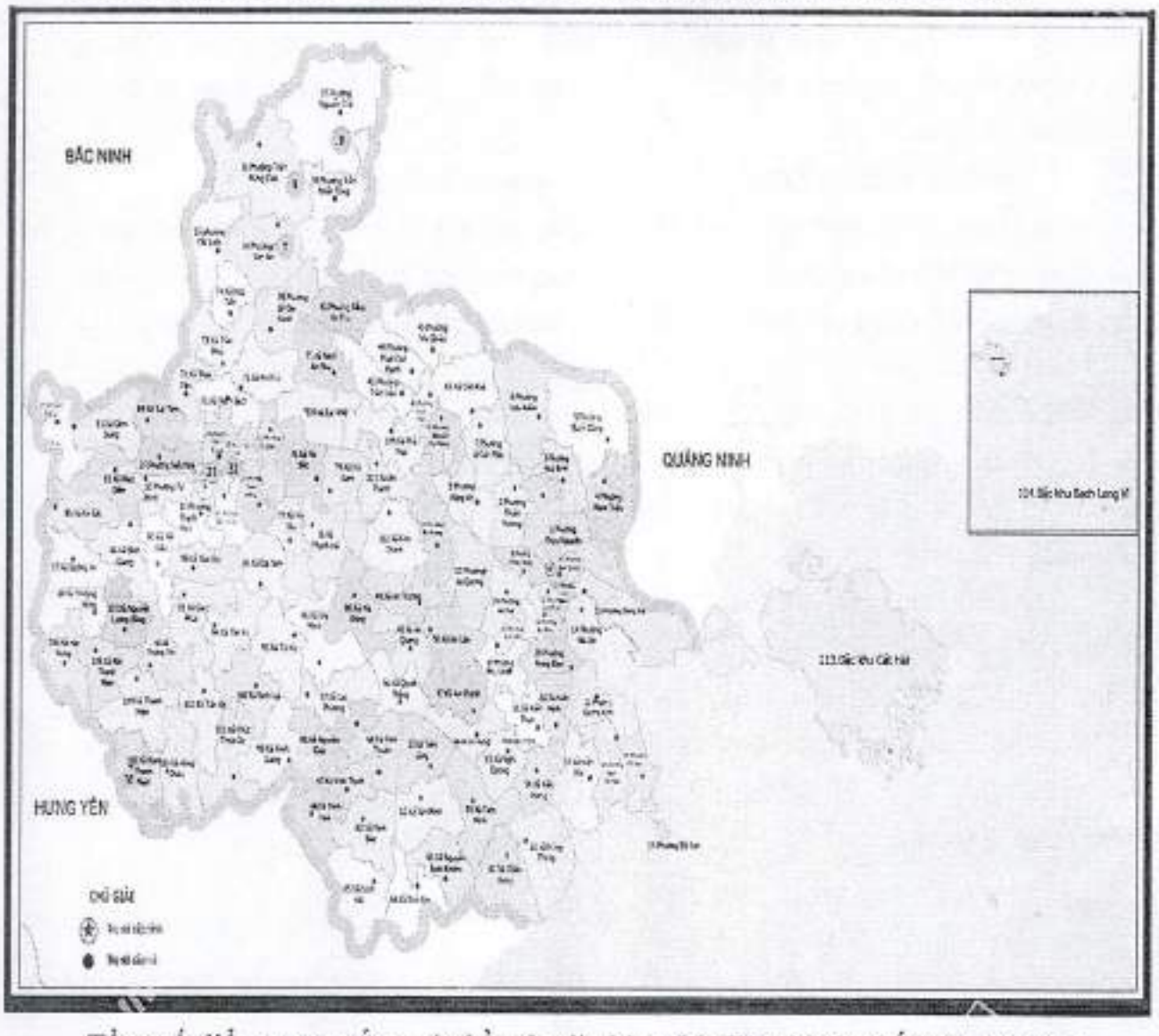
**** Nhận xét chung về nước kênh mương quan trắc 3 đợt năm 2025***

Hệ thống kênh mương nội đồng quan trắc các đợt năm 2025 trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng có thông số DO không đạt QCCP từ (32-33)/36 điểm quan trắc, thông số TP có từ (11-16)/36 điểm quan trắc có nồng độ vượt QCCP từ 1,13 - 22,13 lần; TN có từ (30-34)/36 điểm quan trắc có nồng độ vượt QCCP từ 1,04 – 26,2 lần; COD có từ (30-34)/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,07 – 8,6 lần; BOD_5 có từ (16-28)/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,17 – 6,5 lần; Coliform có từ (25-30)/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,08 – 158 lần, Coliform chịu nhiệt có từ (28 – 34)/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,1 – 540 lần.

Các kênh, mương ô nhiễm điển hình là: Các mương thoát nước làng nghề: Lộ Cương (N34), Cúc Bồ (N72), An Thủy (N21), Hội Yên (N78). Các mương thoát nước tại Lai Vu (N25) và các điểm tiếp nhận nước thải cụm công nghiệp: CCN Tráng Liệt (N52), CCN Nhân Quyền (N54), CCN Lương Điền (N46), KCN Hoàng Diệu (N59). Các tuyến kênh chính: Tứ Thông (N30), Đò Cậy – Tiên Kiều (N49), Thạch Khôi – Đoàn Thượng (N58).

2.2.4. Hiện trạng môi trường nước hồ

Hình 2.7. Sơ đồ mạng lưới các điểm quan trắc môi trường nước hồ trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng năm 2025



Tổng số điểm quan trắc nước hồ trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng là 6 điểm. Vị trí các điểm quan trắc cụ thể trong bảng sau:

Bảng 2.29. Vị trí các điểm quan trắc nước hồ trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng

KH	Vị trí quan trắc
N7	Hồ Mật Sơn, phường Chí Minh, TP, Chí Linh (nay là phường Chu Văn An, TP, Hải Phòng)
N8	Hồ Côn Sơn, phường Cộng Hoà, TP, Chí Linh (nay là phường Trần Hưng Đạo, TP, Hải Phòng)
N9	Hồ Bến Tắm, phường Bến Tắm, TP, Chí Linh (nay là phường Nguyễn Trãi, TP, Hải Phòng)
N31	Hồ Bình Minh, TP, Hải Dương (nay là phường Lê Thanh Nghị, TP,

	Hải Phòng)
N32	Hồ Bạch Đằng, TP, Hải Dương (nay là phường Hải Dương, TP, Hải Phòng)
N76	Hồ An Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP, Hải Phòng)

Nước hồ trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc 3 đợt năm 2025 được so sánh với mức B, bảng 3 của QCVN 08:2023/BTNMT – Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước,

Kết quả phân tích các thông số tại 6 điểm quan trắc nước hồ trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng 3 đợt năm 2025 được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 2.30. Đánh giá các thông số trong nước hồ quan trắc 3 đợt năm 2025

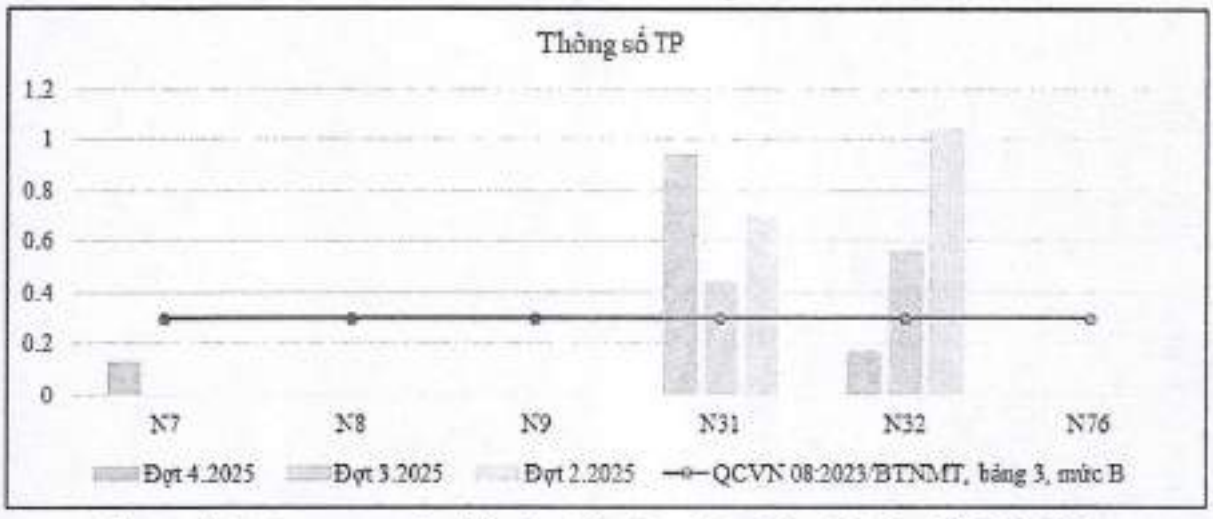
KH	Vị trí quan trắc	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 3, QCVN 08:2023/BTNMT		
		Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4
N7	Hồ Mật Sơn, phường Chí Minh, TP, Chí Linh (nay là phường Chu Văn An, TP, Hải Phòng)	DO không đạt; TN vượt 1,25 lần; COD vượt 1,8 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần;	TN vượt 2,19 lần; COD vượt 1,13 lần	DO không đạt; TN vượt 1,85 lần; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần
N8	Hồ Côn Sơn, phường Cộng Hoà, TP, Chí Linh (nay là phường Trần Hưng Đạo, TP, Hải Phòng)	DO không đạt; COD vượt 1,33 lần;	TN vượt 1,5 lần	TN vượt 1,09 lần
N9	Hồ Bến Tắm, phường Bến Tắm, TP, Chí Linh (nay là phường Nguyễn Trãi, TP, Hải Phòng)	COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần;	TN vượt 1,87 lần	-
N31	Hồ Bình Minh, TP, Hải Dương (nay là phường Lê Thanh Nghị, TP, Hải Phòng)	TP vượt 2,3 lần; TN vượt 4,8 lần; COD vượt 3,93 lần; BOD_5 vượt 3 lần; Coliform vượt 3,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần	DO không đạt; TP vượt 1,47 lần; TN vượt 4,17 lần; COD vượt 1,8 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 10,8 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 13 lần	DO không đạt; TP vượt 3,13 lần; TN vượt 6,11 lần; COD vượt 2,27 lần; BOD_5 vượt 1,67 lần; Coliform vượt 18,8 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 79 lần; TSS vượt 2,87 lần.
N32	Hồ Bạch Đằng, TP, Hải	TP vượt 3,47 lần; TN vượt 1,21	TP vượt 1,87 lần; TN vượt 3,5	TN vượt 4,95 lần; COD vượt

	Dương (nay là phường Hải Dương, TP, Hải Phòng)	lần; COD vượt 3,47 lần; BOD_5 vượt 2,67 lần;	lần; COD vượt 2,27 lần; BOD_5 vượt 1,67 lần; Coliform vượt 7 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 16 lần	1,93 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 6,4 lần; TSS vượt 1,07 lần
N76	Hồ An Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP, Hải Phòng)	COD vượt 1,4 lần	COD vượt 1,27 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần	COD vượt 1,4 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần lần; TSS vượt 1,13 lần

Từ bảng trên cho thấy chất lượng nước các hồ có nhiều thông số vượt QCCP là Hồ Bình Minh và Hồ Bạch Đằng (N31, N32) với nhiều thông số có mức độ vượt QCCP cao hơn so với các hồ khác, Hồ Mật Sơn (N7) và hồ An Dương có mức độ ô nhiễm trung bình, Đối với hồ Côn Sơn, hồ Bến Tắm có chất lượng nước tốt hơn các hồ khác.

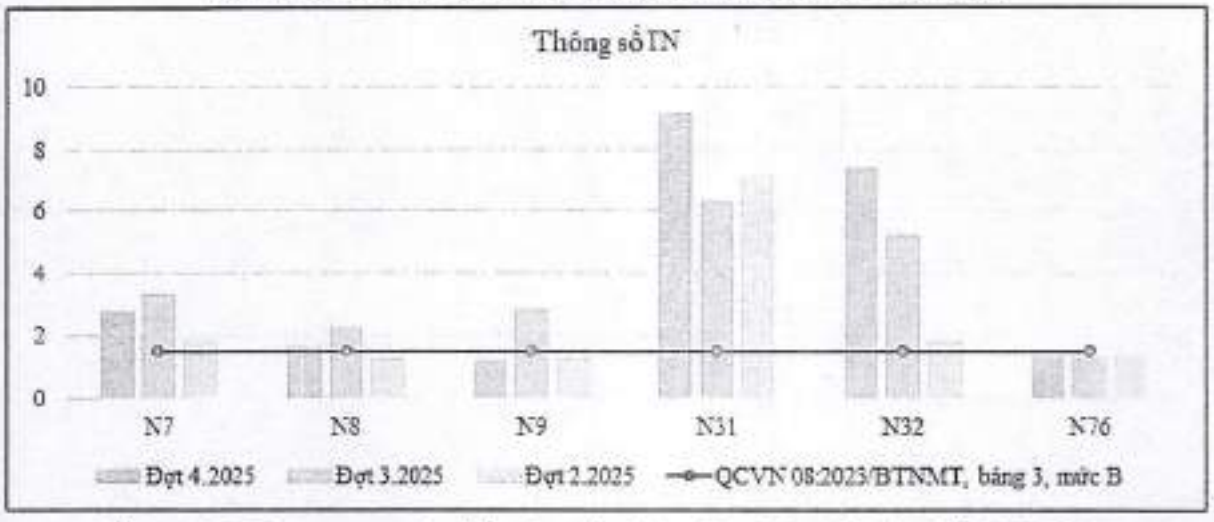
Diễn biến nồng độ một số thông số vượt QCCP trong nước hồ quan trắc 3 đợt năm 2025 so sánh với mức B, bảng 3 của QCVN 08:2023/BTNMT, Biểu đồ diễn biến mức độ ô nhiễm như sau:

Biểu đồ 2.26. Nồng độ TP trong nước hồ quan trắc 3 đợt năm 2025



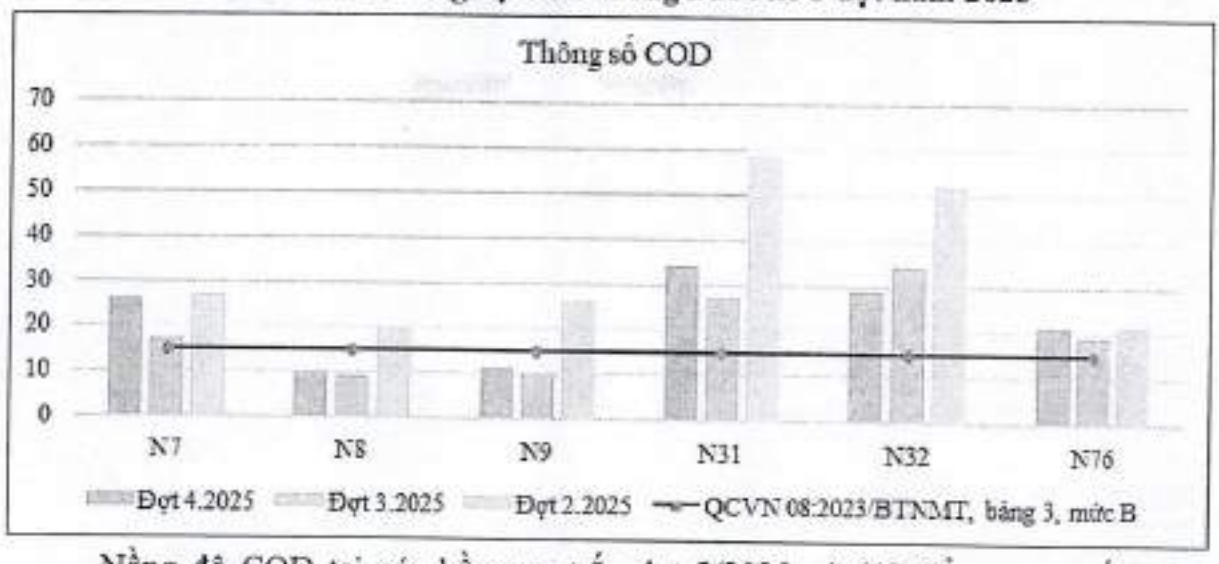
Nồng độ TP trong nước hồ trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc đợt 2/2025 có 2/6 điểm quan trắc vượt QCCP từ 2,3 - 3,47 lần; đợt 3/2025 có 2/6 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,47 – 1,87 lần; đợt 4/2025 có 1/6 điểm quan trắc vượt QCCP 3,13 lần so với mức B, bảng 3, QCVN 08:2023/BTNMT đều thuộc hồ Bình Minh và hồ Bạch Đằng, Các điểm quan trắc khác đều đạt QCCP.

Biểu đồ 2.27. Nồng độ TN trong nước hồ 3 đợt năm 2025



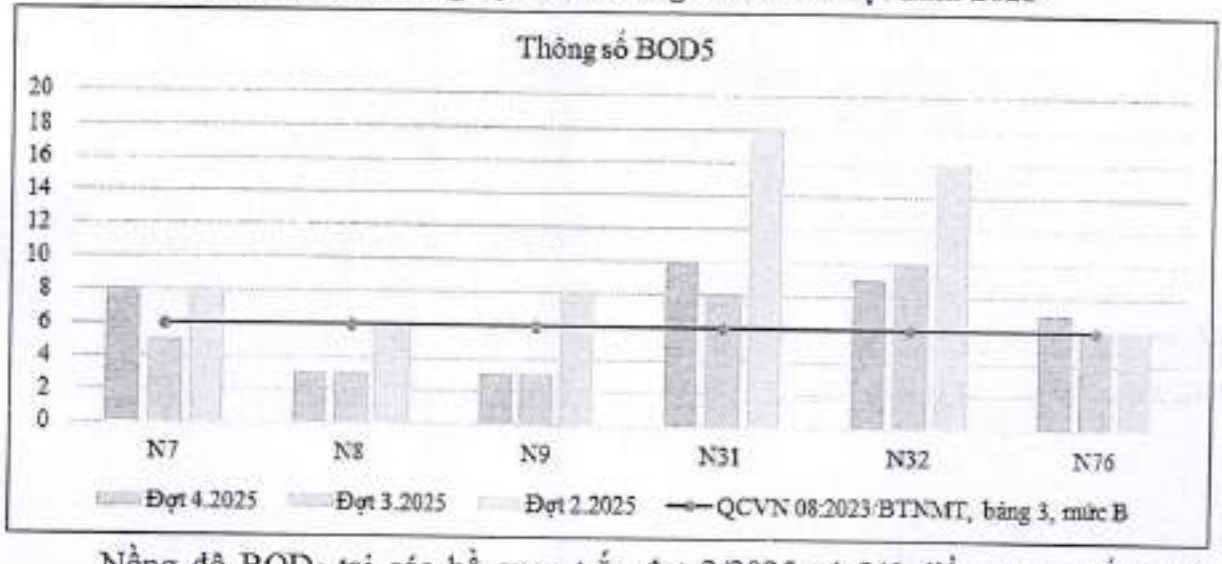
Nồng độ TN trong nước hồ trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc đợt 2/2025 có 3/6 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,21 - 4,8 lần; đợt 3/2025 có 5/6 điểm quan trắc vượt QCCP 1,5 - 4,17 lần; đợt 4/2025 có 4/6 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,09 – 6,11 lần so với mức B, bảng 3, QCVN 08:2023/BTNMT. Mức độ ô nhiễm thông số TN diễn ra tại hầu hết các hồ quan trắc, trong đó nồng độ TN tại hồ Bình Minh và hồ Bạch Đằng có mức độ ô nhiễm cao hơn so với các điểm quan trắc khác.

Biểu đồ 2.28. Nồng độ COD trong nước hồ 3 đợt năm 2025



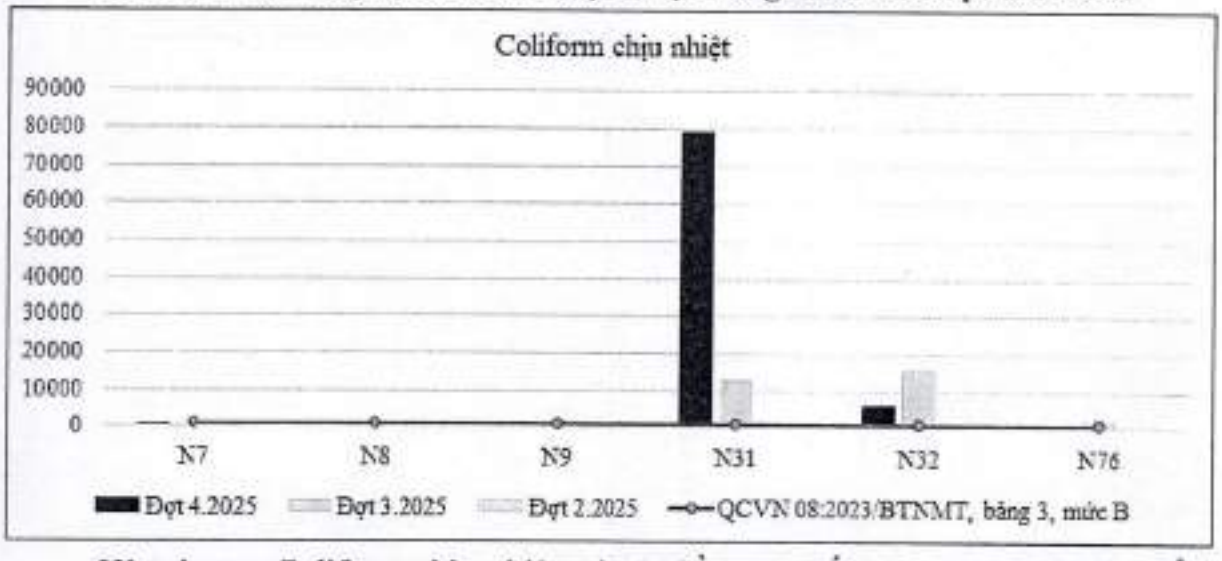
Nồng độ COD tại các hồ quan trắc đợt 2/2025 có 6/6 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,33 – 3,93 lần; đợt 3/2025 có 4/6 điểm quan trắc vượt QCCP 1,13 – 2,27 lần; đợt 4/2025 có 4/6 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,4 – 2,27 lần so với mức B, bảng 3, QCVN 08:2023/ BTNMT, Mức độ ô nhiễm thông số COD diễn ra tại hầu hết các hồ quan trắc, trong đó nồng độ COD tại hồ Bình Minh có mức độ ô nhiễm cao hơn so với các điểm quan trắc khác.

Biểu đồ 2.29. Nồng độ BOD_5 trong nước hồ 3 đợt năm 2025



Nồng độ BOD_5 tại các hồ quan trắc đợt 2/2025 có 3/6 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,33 – 3 lần; đợt 3/2025 có 2/6 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,33 – 1,67 lần; đợt 4/2025 có 4/6 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,33 – 1,67 lần so với mức B, bảng 3, QCVN 08:2023/ BTNMT, Mức độ ô nhiễm thông số BOD_5diễn ra tại hầu hết các hồ quan trắc, trong đó nồng độ BOD_5 tại hồ Bình Minh có mức độ ô nhiễm cao hơn so với các điểm quan trắc khác.

Biểu đồ 2.30. Nồng độ Coliform chịu nhiệt trong nước hồ 3 đợt năm 2025



Hàm lượng Coliform chịu nhiệt tại các hồ quan trắc đợt 2/2025 có 1/6 điểm quan trắc vượt QCCP 1,7 lần; đợt 3/2025 có 3/6 điểm quan trắc vượt QCCP từ 2,2 -16 lần; đợt 4/2025 có 3/6 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,1 -79 lần so với mức B, bảng 3, QCVN 08:2023/BTNMT. Mức độ ô nhiễm thông số Coliform chịu nhiệt diễn ra tại hầu hết các hồ quan trắc, trong đó nồng độ Coliform chịu nhiệt tại hồ Bình Minh, hồ Bạch Đằng có mức độ ô nhiễm cao hơn so với các điểm quan trắc khác, tại các hồ Mật Sơn, hồ Bến Tắm và hồ Côn Sơn, hàm lượng có hàm lượng Coliform chịu nhiệt đều đạt QCCP.

Ngoài ra còn có thông số TSS tại hồ Bình Minh, hồ Bạch Đằng và hồ An Dương vượt QCCP từ 1,07 – 2,87 lần. Các thông số khác đạt QCCP so với với mức B, bảng 3, QCVN 08:2023/BTNMT.

**** Đánh giá chất lượng môi trường nước hồ bằng chỉ số chất lượng nước WQI***

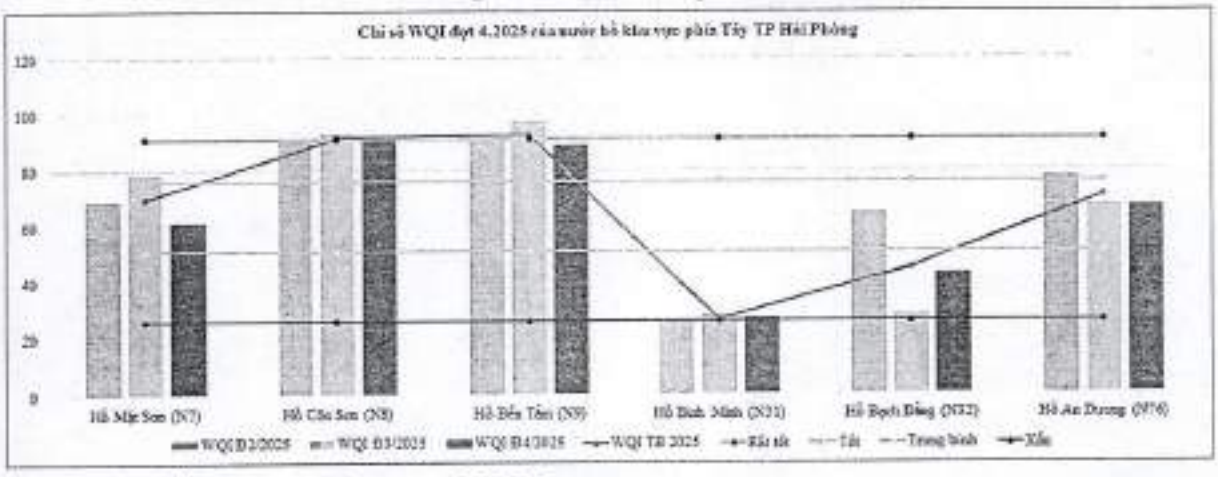
Việc áp tính toán chỉ số WQI đối với nước hồ trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng (6 điểm) dựa trên số liệu quan trắc các đợt năm 2025 được áp dụng như phần tính toán chỉ số WQI đối với nước sông tự nhiên, Kết quả tính chỉ số WQI như sau:

Bảng 2.31. Chỉ số chất lượng nước hồ quan trắc 3 đợt năm 2025

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI các đợt năm 2025			WQI trung bình
			Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
1	Hồ Mật Sơn, phường Chí Minh, TP, Chí Linh (nay là phường Chu Văn An, TP, Hải Phòng)	N7	69,3	78,4	61,3	69,67
2	Hồ Côn Sơn, phường Cộng Hoà, TP, Chí Linh (nay là phường Trần Hưng Đạo, TP, Hải Phòng)	N8	90,5	92,5	91,2	91,4
3	Hồ Bến Tắm, phường Bến Tắm, TP, Chí Linh (nay là phường Nguyễn Trãi, TP, Hải Phòng)	N9	91,4	97,1	88,6	92,37
4	Hồ Bình Minh, TP, Hải Dương (nay là phường Lê Thanh Nghị, TP, Hải Phòng)	N31		28,1	26,8	26,7
5	Hồ Bạch Đằng, TP, Hải Dương (nay là phường Hải Dương, TP, Hải Phòng)	N32	64,6	28	43	45,2
6	Hồ An Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP, Hải Phòng)	N76	77,5	67,6	67	70,7

Diễn biến chỉ số WQI trong nước hồ quan trắc các đợt năm 2025 như sau:

Biểu đồ 2.31. Chỉ số WQI của nước hồ quan trắc các đợt năm 2025



Chỉ số WQI các đợt năm 2025 như sau:

- Đối với giá trị WQI từ 91 – 100 (Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt): Đợt 2 và đợt 3 năm 2025 đều có 2/6 điểm quan trắc (chiếm 33,33% tổng số điểm quan trắc); Giá trị WQI trung bình 3 đợt trong năm 2025 có 2/6 điểm quan trắc (chiếm 33,33% tổng số điểm quan trắc) có chất lượng nước rất tốt thuộc hồ Côn Sơn và hồ Bến Tắm.

- Đối với giá trị WQI từ 76-90 (Chất lượng nước sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp): đợt 2 và đợt 3 năm 2025 đều có 1/6 điểm quan trắc (chiếm 16,67% tổng số điểm quan trắc); Đợt 4/2025 và giá trị WQI trung bình năm 2025 không có điểm quan trắc nào có giá trị WQI từ 51-75.

- Đối với giá trị WQI từ 51 - 75 (Chất lượng nước sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác): Đợt 2/2025 có 2/6 điểm (chiếm 33,33% tổng số điểm quan trắc); Đợt 3 năm 2025 có 1/6 điểm (chiếm 16,67% tổng số điểm quan trắc); Giá trị WQI trung bình 4 đợt trong năm 2025 có 2/6 điểm quan trắc (chiếm 33,33% tổng số điểm quan trắc) thuộc hồ Mật Sơn và hồ An Dương,

- Đối với giá trị WQI từ 26 – 50 (Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác): Đợt 2/2025 có 1/6 điểm (chiếm 16,67% tổng số điểm quan trắc); đợt 3/2025 có 2/6 điểm (chiếm 33,33% tổng số điểm quan trắc); Giá trị WQI trung bình 4 đợt trong năm 2025 có 2/6 điểm (chiếm 33,33% tổng số điểm quan trắc) thuộc hồ Bình Minh và hồ Bạch Đằng,

- Đối với giá trị WQI từ 10 – 25 (chất lượng nước ô nhiễm nặng, cần có biện pháp xử lý trong tương lai): Các đợt trong năm 2025 đều không có điểm quan trắc nào có giá trị trong khoảng từ 10 – 25.

**** Nhận xét chung về nước hồ quan trắc các đợt năm 2025***

- Đối với giá trị WQI từ 10 – 25 (chất lượng nước ô nhiễm nặng, cần có biện pháp xử lý trong tương lai): Các đợt trong năm 2025 đều không có điểm quan trắc nào có giá trị trong khoảng từ 10 – 25.

**** Nhận xét chung về nước hồ quan trắc các đợt năm 2025***

Chất lượng nước các hồ trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng trong các đợt quan trắc năm 2025 cho thấy, hồ Bình Minh và hồ Bạch Đằng có nhiều thông số vượt QCCP ở mức cao. Các thông số ô nhiễm đặc trưng gồm DO không đạt QCCP, TP, TN, COD, BOD, TSS và Coliform chịu nhiệt, mức độ ô nhiễm tiếp diễn và duy trì qua các đợt quan trắc, phản ánh chất lượng nước kém. Hồ Côn Sơn và hồ Bến Tắm có chất lượng nước rất tốt, ổn định và duy trì đạt QCCP qua các đợt quan trắc. Hồ Mật Sơn và hồ An Dương có chất lượng nước ở mức trung bình, một số thông số có xu hướng biến động nhẹ nhưng chưa ghi nhận ô nhiễm nghiêm trọng.

2.2.5. Hiện trạng môi trường nước dưới đất

Theo mạng lưới quan trắc giai đoạn 2021 - 2025, tổng số điểm quan trắc nước dưới đất là 11 điểm có ký hiệu từ Ng1 – Ng11, là các giếng thường xuyên khai thác phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất

- Điểm quan trắc: Tổng số điểm quan trắc môi trường nước dưới đất trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 – 2025 là 11 điểm, kí hiệu từ Ng1 – Ng11,

- Tần suất quan trắc năm 2025: 01 đợt/năm

+ Đợt 3 năm 2025: Từ ngày 14/9/2025 đến ngày 02/10/2025

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất,

- Các chỉ tiêu quan trắc theo mạng lưới được phê duyệt gồm: pH, độ cứng tổng số theo $CaCO_3$, TDS, Chỉ số pemanganat, NO_2^--N, NO_3^--N, NH_4^+-N, Fe, As, Mn, Cl^-, Coliform,

Bảng 2.32. Vị trí các điểm quan trắc nước dưới đất năm 2025

TT	Vị trí quan trắc	Kí hiệu
1	Công ty TNHH Nice Ceramic, KCN Cộng Hòa, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh (nay là phường Trần Hưng Đạo, TP Hải Phòng)	Ng1
2	Công ty CP sản xuất thương mại và dịch vụ Thái Dương, phường Duy Tân, thị xã Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP Hải Phòng)	Ng2
3	Nước dưới đất (giếng trong khu dân cư) tại phường An Sinh, thị xã Kinh Môn (nay là phường Phạm Sư Mạnh, TP Hải Phòng)	Ng3
4	Công ty TNHH MTV Giấy Tân Trung Đức, CCN Thạch Khôi – Gia Xuyên, TP, Hải Dương (nay là phường Thạch Khôi, TP Hải Phòng)	Ng5

TT	Vị trí quan trắc	Kí hiệu
5	Công ty TNHH Thực phẩm Vạn Đắc Phúc, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP Hải Phòng)	Ng6
6	Công ty TNHH SEES VINA, xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Tứ Kỳ, TP Hải Phòng)	Ng8
7	Công ty TNHH Rich Way, xã Đại Sơn, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Đại Sơn, TP Hải Phòng)	Ng9
8	Công ty TNHH Makalot, xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Tây, TP Hải Phòng)	Ng11

Theo Quyết định phê duyệt mạng lưới các điểm quan trắc môi trường (nước, không khí) trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2021 – 2025 ký ngày 09/03/2021, nước dưới đất có 11 điểm quan trắc, tuy nhiên có 3 vị trí (Ng4, Ng7 và Ng10) do không còn sử dụng nguồn nước dưới đất, vì vậy không thực hiện lấy mẫu tại điểm Ng4, Ng7 và Ng10. Kết quả quan trắc có các thông số tại 8 điểm quan trắc nước dưới đất trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc năm 2025 như sau:

- Có 4/8 điểm quan trắc có các thông số quan trắc và phân tích đều đạt QCCP so với QCVN 09:2023/BTNMT.

- Có 4/8 điểm quan trắc nước dưới đất có từ 1 - 5 thông số, là một trong các thông số sau: NH4+-N, Độ cứng, Pemanganat, Mn, Cl- vượt QCCP so với QCVN 09:2023/BTNMT, cụ thể như sau:

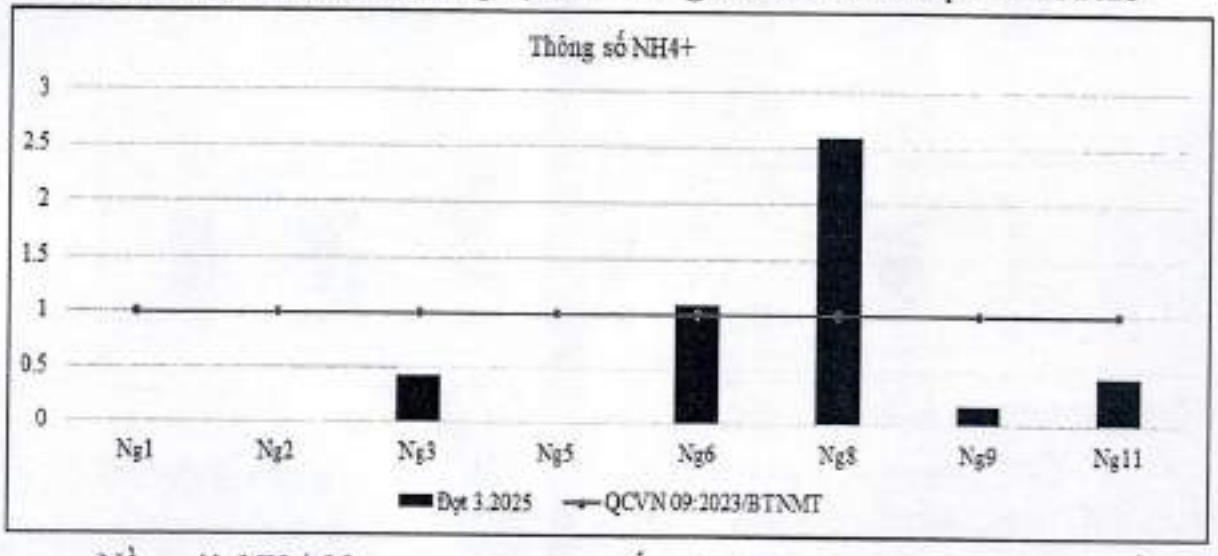
Bảng 2.33. Các thông số vượt QCCP trong nước dưới đất năm 2025

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP so với QCVN 09:2023/BTNMT
			Đợt 3 năm 2025
1	Công ty TNHH Nice Ceramic, KCN Cộng Hòa, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh (nay là phường Trần Hưng Đạo, TP Hải Phòng)	Ng1	-
2	Công ty CP sản xuất thương mại và dịch vụ Thái Dương, phường Duy Tân, thị xã Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP Hải Phòng)	Ng2	-
3	Nước dưới đất (giếng trong khu dân cư) tại phường An Sinh, thị xã Kinh Môn (nay là phường Phạm Sư Mạnh, TP Hải Phòng)	Ng3	Cl^- vượt 1,63 lần; Độ cứng vượt 1,05 lần; Pemanganat vượt 1,06 lần

4	Công ty TNHH MTV Giấy Tân Trung Đức, CCN Thạch Khôi – Gia Xuyên, TP, Hải Dương (nay là phường Thạch Khôi, TP Hải Phòng)	Ng5	-
5	Công ty TNHH Thực phẩm Vạn Đắc Phúc, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP Hải Phòng)	Ng6	NH_4^+-N vượt 1,09 lần; Mn vượt 2,4 lần
6	Công ty TNHH SEES VINA, xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Tứ Kỳ, TP Hải Phòng)	Ng8	NH_4^+-N vượt 2,59 lần; Cl^- vượt 3,19 lần; Độ cứng vượt 1,15 lần; Permanganat vượt 1,8 lần; Mn vượt 1,2 lần
7	Công ty TNHH Rich Way, xã Đại Sơn, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Đại Sơn, TP Hải Phòng)	Ng9	Mn vượt 1,16 lần
8	Công ty TNHH Makalot, xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Tây, TP Hải Phòng)	Ng11	-

Diễn biến nồng độ một số thông số vượt QCCP trong nước dưới đất quan trắc năm 2025 như sau:

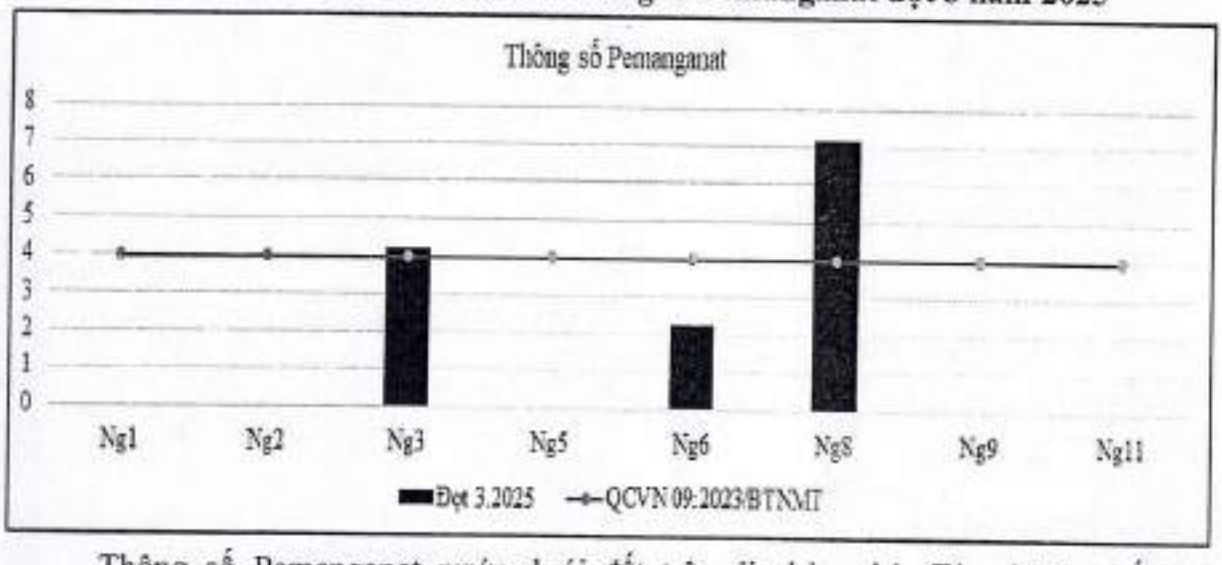
Biểu đồ 2.32. Diễn biến nồng độ NH_4^+ trong nước dưới đất đợt 3 năm 2025



Nồng độ NH_4^+-N trong nước dưới đất trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc đợt 3/2025 có 2/8 điểm quan trắc vượt QCCP so với QCVN 09:2023/ BTNMT, mức độ vượt QCCP từ 1,09 – 2,59 lần tại điểm Ng6 – Công ty TNHH Thực phẩm Vạn Đắc Phúc, xã Mao Điền, TP Hải Phòng và điểm Ng8 - Công ty TNHH

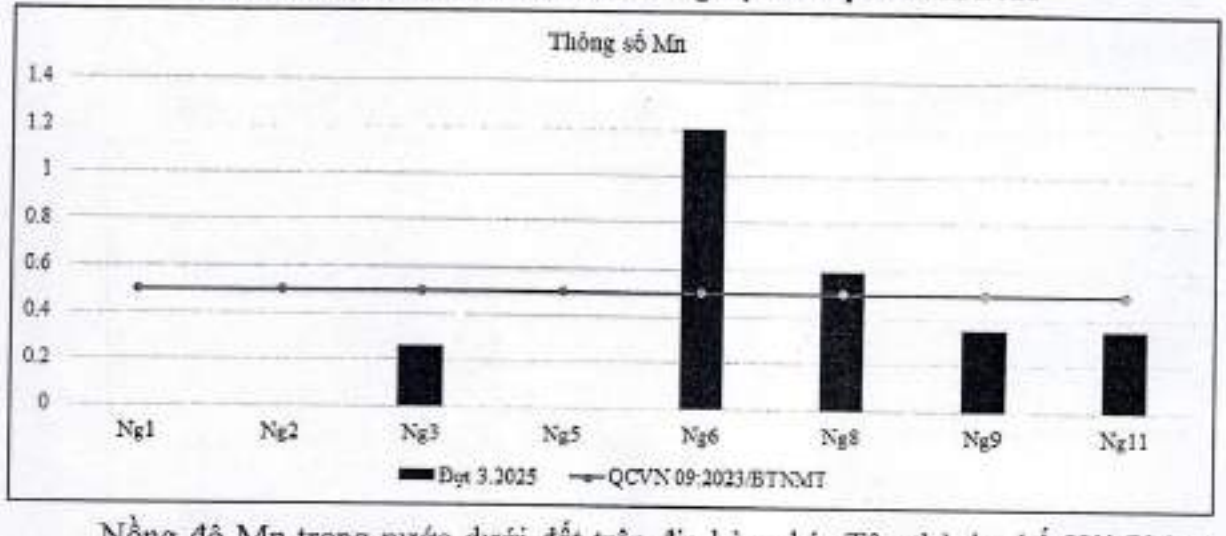
SEES VINA, xã Tứ Kỳ, TP Hải Phòng, Các điểm quan trắc khác có thông số NH_4^+-N đều đạt QCCP so với QCVN 09:2023/BTNMT.

Biểu đồ 2.33. Biểu đồ diễn biến thông số Pemanganat đợt 3 năm 2025



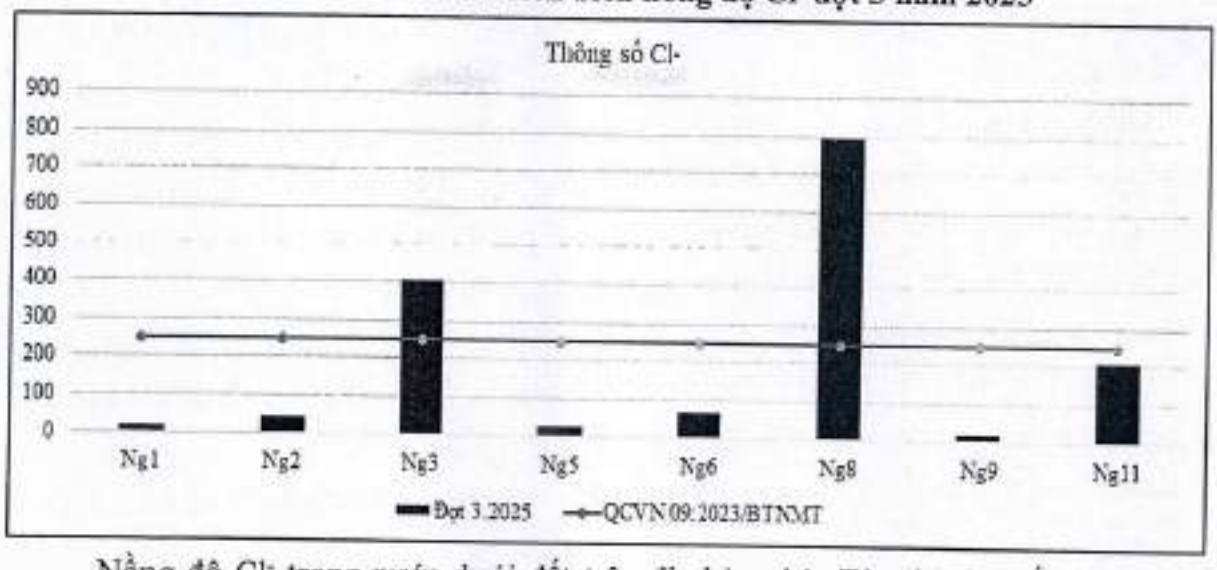
Thông số Pemanganat nước dưới đất trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc đợt 3/2025 có 2/8 điểm quan trắc vượt QCCP so với QCVN 09:2023 /BTNMT, mức độ vượt QCCP từ 1,06 – 1,8 lần, trong đó tại điểm Ng3 - Nước dưới đất (giếng trong khu dân cư) tại phường Phạm Sư Mạnh có mức vượt QCCP là 1,06 lần; tại điểm Ng8 - Công ty TNHH SEES VINA, xã Tứ Kỳ vượt QCCP 1,8 lần, Các điểm quan trắc khác đều đạt QCCP so với QCVN 09:2023/BTNMT.

Biểu đồ 2.34. Biểu đồ diễn biến nồng độ Mn đợt 3 năm 2025



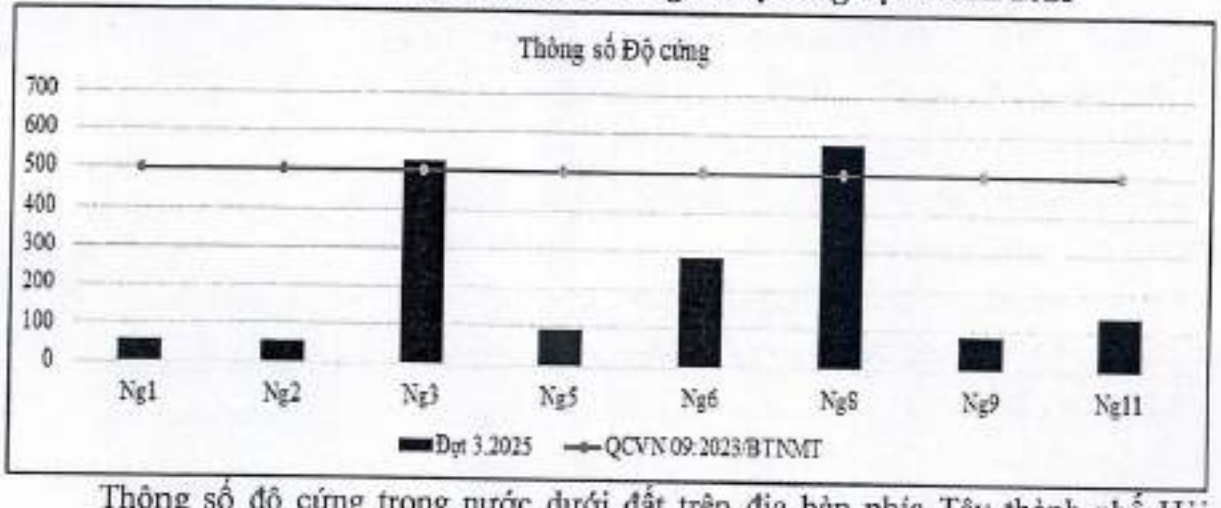
Nồng độ Mn trong nước dưới đất trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc đợt 3/2025 có 2/8 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,2 – 2,4 lần so với QCVN 09:2023/ BTNMT, trong đó tại điểm Ng6 - Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đắc Phúc, xã Mao Điền vượt QCCP 2,4 lần; tại điểm Ng8 - Công ty TNHH SEES VINA, xã Tứ Kỳ vượt QCCP 1,2 lần, Các điểm quan trắc khác đều đạt QCCP so với QCVN 09:2023/BTNMT.

Biểu đồ 2.35. Biểu đồ diễn biến nồng độ Cl⁻ đợt 3 năm 2025



Nồng độ Cl^- trong nước dưới đất trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc đợt 3/2025 có 2/8 điểm quan trắc vượt QCCP so với QCVN 09:2023/ BTNMT là điểm Ng8 - Công ty TNHH SEES VINA, xã Tứ Kỳ vượt QCCP 3,19 lần và điểm Ng3 - Nước dưới đất (giếng trong khu dân cư) tại phường Phạm Sư Mạnh vượt QCCP 1,63 lần, Các điểm quan trắc khác đều đạt QCCP.

Biểu đồ 2.36. Biểu đồ diễn biến thông số Độ cứng đợt 3 năm 2025



Thông số độ cứng trong nước dưới đất trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc đợt 3/2025 có 2/8 điểm quan trắc vượt QCCP so với QCVN 09:2023/BTNMT là điểm Ng8 - Công ty TNHH SEES VINA, xã Tứ Kỳ vượt 1,15 lần và điểm Ng3 - Nước dưới đất (giếng trong khu dân cư) tại là phường Phạm Sư Mạnh vượt QCCP 1,05 lần. Các điểm quan trắc khác đều đạt QCCP.

**** Nhận xét chung về nước dưới đất quan trắc năm 2025***

Năm 2025 thực hiện quan trắc nước dưới đất tại 8 điểm quan trắc vào đợt 3 năm 2025. Kết quả quan trắc nước dưới đất đợt 3 năm 2025 cho thấy: Trong 8 điểm quan trắc chỉ có 4 điểm là Ng1, Ng2, Ng5, Ng11 có các chỉ tiêu quan trắc đều đạt QCCP, còn lại 4 điểm quan trắc đều có từ 1 đến 4 thông số, là một trong các thông số sau: NH_4^+-N, Mn, Cl^-, Permanganat vượt QCCP so với QCVN 09:2023/BTNMT, Điểm quan trắc có nhiều

thông số vượt QCCP nhất là Ng8 - Công ty TNHH SEES VINA - xã Tứ Kỳ; các điểm Ng3 có ba thông số vượt QCCP, Ng6 có hai thông số vượt QCCP và điểm Ng9 có 1 thông số vượt QCCP.

Nguyên nhân ô nhiễm trong nước dưới đất chủ yếu do các yếu tố địa chất gây ô nhiễm các chỉ tiêu Mn, Clorua, ngoài ra ô nhiễm các hợp chất của NH_4^+-N, Pemanganat và Coliform có thể do tác động từ nguồn nước mặt ngấm xuống các tầng đất và xuống nguồn nước dưới đất, gây ô nhiễm hữu cơ trong nước dưới đất.

2.2.6. Hiện trạng môi trường nước mưa

- Điểm quan trắc: Tổng số điểm quan trắc môi trường nước mưa trên địa bàn phía Tây Hải Phòng giai đoạn 2021 – 2025 là 5 điểm, kí hiệu từ M1 – M5

Bảng 2.34. Ký hiệu và vị trí các điểm quan trắc môi trường nước mưa

KH	Vị trí quan trắc
M1	Tại trụ sở UBND phường Chu Văn An, TP Hải Phòng
M2	Tại trụ sở UBND phường Kinh Môn, TP Hải Phòng
M3	Tại trụ sở cơ sở 2 của Trung tâm Quan trắc môi trường tại phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng
M4	Tại trụ sở UBND xã Kẻ Sặt, TP Hải Phòng
M5	Tại trụ sở UBND xã Ninh Giang, TP Hải Phòng

- Tần suất quan trắc năm 2025: 01 đợt/năm vào mùa mưa

+ Thời gian quan trắc mùa mưa vào ngày 11/9/2025

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt,

- Các chỉ tiêu quan trắc: pH, TDS, NO_2^--N, NH_4^+-N, PO_4^{3-}, Cl^-, Na, K

Kết quả phân tích các thông số tại 5 điểm quan trắc nước mưa trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng trong mùa mưa (đợt 3 năm 2025) cho thấy chỉ tiêu quan trắc NH4+-N các trạm đều vượt QCVN 08:2023/BTNMT bảng 1 (trạm M1 vượt 1,43 lần; trạm M2 vượt 1,53 lần; trạm M3 vượt 1,5 lần; trạm M4 vượt 1,47 lần; trạm M5 vượt 1,43 lần); các chỉ tiêu quan trắc còn lại đều nằm trong giới hạn cho phép QCVN 08:2023/BTNMT, bảng 1.

CHƯƠNG 3
ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC QA/QC THEO QUY ĐỊNH VÀ XỬ LÝ SỐ LIỆU QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

3.1. Công tác QA/QC trong quan trắc

3.1.1. QA/QC trong lập kế hoạch quan trắc

Mục tiêu của chương trình đảm bảo chất lượng/kiểm soát chất lượng (QA/QC) trong hoạt động quan trắc và phân tích các thành phần môi trường nước, không khí là cung cấp những số liệu tin cậy và đã được kiểm soát về: hiện trạng môi trường nước (bao gồm các thông số như: pH, DO, EC, độ đục, TSS, NH_4^+-N, NO_3^--N, NO_2^--N, PO_4^{3-}-P, COD, BOD_5, kim loại nặng, clorua, tổng P, tổng N, Coliform, tổng dầu mỡ); hiện trạng môi trường không khí (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn, CO, NO_2, SO_2, bụi TSP, NH_3, H_2S, Tổng Hydrocarbon (C_xH_y), toluen, bezen, xylen, Ethylbezen...) nhằm thoả mãn yêu cầu thông tin cần thu thập, theo mục tiêu chất lượng đặt ra, gồm:

- Đánh giá hiện trạng chất lượng nước, chất lượng môi trường không khí tại địa phương.

- Cung cấp có hệ thống, đầy đủ các thông tin về hiện trạng các thành phần môi trường trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng.

- Cảnh báo sớm các hiện tượng ô nhiễm nguồn nước, giúp các cơ quan quản lý Nhà nước kịp thời đưa ra các giải pháp, chính sách nhằm ngăn ngừa suy thoái môi trường

Tất cả các hoạt động đảm bảo chất lượng (QA) trong quan trắc bao gồm: nội dung lấy mẫu, nhân lực, trang thiết bị lấy mẫu, phương pháp lấy mẫu và phân tích, các vấn đề đảm bảo an toàn cho nhân viên, thiết bị trong quan trắc (thiết bị bảo hộ lao động, phương tiện bảo đảm an toàn) đều được thể hiện trong kế hoạch lấy mẫu.

QC trong quan trắc môi trường là những hoạt động kỹ thuật có tính chất tác nghiệp cụ thể để vừa theo dõi, đánh giá một quá trình, vừa để loại trừ những nguyên nhân gây ra sai sót ở tất cả các công đoạn, số lượng mẫu QC trong đợt quan trắc được thực hiện tại bảng sau:

Bảng 3.1. Tổng hợp mẫu thực và mẫu QC trong quan trắc môi trường

TT	Nền mẫu	Thông số quan trắc/phân tích	Số lượng mẫu	Mẫu QC	Tổng số mẫu
A	**Đo/lấy mẫu tại hiện trường**				
I	**Môi trường nước**				
1	+ Nước sông, kênh mương, hồ (81 mẫu/đợt x 3 đợt)	+ Nhiệt độ, pH, TDS, độ muối, DO, độ đục + Lấy mẫu nước	298	60	358

	+ Nước sông trạm QTTĐ (14 mẫu/đợt x 3 đợt) + Nước mưa (05 mẫu/đợt x 1 đợt) + Nước dưới đất (8 mẫu x 1 đợt)				
II	**Môi trường không khí**				
1	Không khí khu dân cư Không khí khu di tích Không khí khu vực làng nghề Không khí trên tuyến đường giao thông (77 mẫu/đợt x4 đợt)	+ Vi khí hậu, tiếng ồn + Lấy mẫu: Tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO_2, NO_2, benzen, ethylbezen, toluen, xylen, NH_3, H_2S, HF, Tổng Hydrocarbon (C_xH_y)	231	48	279
B	**Phân tích tại Phòng thí nghiệm**				
1	Môi trường nước	TSS, NH_4^+-N, NO_3^--N, NO_2^--N, PO_4^{3-}-P, Cl^-, F^-, COD, BOD_5, As, Cd, Hg, Pb, Cu, Zn, Cr (VI), tổng dầu mỡ, chất hoạt động bề mặt, Coliform, E.Coli, Coliform chịu nhiệt, Tổng Nitơ, Tổng photpho	358	189	547
2	Môi trường không khí	Tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO_2, NO_2	279	130	409
		Benzen, ethylbezen, toluen, xylen	3	9	12
		NH_3, H_2S, HF	21	36	57
		Tổng Hydrocarbon (CxHy)	84	18	102

3.1.2. QA/QC trong công tác chuẩn bị

Kế hoạch đảm bảo chất lượng lấy mẫu, công tác chuẩn bị được thiết lập, bao gồm:

- Các nhân viên lấy mẫu được đào tạo và tập huấn, phân công cụ thể từng nhân viên, Các phương pháp lấy mẫu đều được phổ biến tới tất cả các nhân viên ở trong nhóm quan trắc, mỗi một bước lấy mẫu hiện nay và quá trình lấy mẫu trước đây đều tuân theo SOP, Tiến hành bảo quản mẫu cho từng thông số các thành phần môi trường... theo các chỉ dẫn trong các tiêu chuẩn tương ứng theo SOP.

- Chuẩn bị công tác thực địa chu đáo: dụng cụ, thiết bị, hoá chất thuốc thử bảo quản mẫu phải đầy đủ và phù hợp. Dụng cụ lấy mẫu và máy móc đo đạc hiện trường được bảo trì và hiệu chuẩn định kỳ, sổ sách bảo trì cần phải được lưu giữ.

- Các mẫu được lấy thống nhất về nhận dạng mẫu bao gồm dán nhãn lên tất cả các mẫu được lấy, trên đó ghi chép chính xác ngày, tháng, địa điểm, thời gian lấy mẫu và tên người lấy mẫu, số mã hiệu của mẫu bằng mực không thấm nước. Ghi tất cả các chi tiết có liên quan đến việc lấy mẫu vào biên bản/nhật ký lấy mẫu, những điều kiện và các biến động bất thường từ kỹ thuật lấy mẫu thông thường đến những yêu cầu đặc biệt đều được ghi lại.

3.1.3. QA/QC tại hiện trường

- *QA/QC trong lấy mẫu hiện trường:* Mục tiêu của việc lấy mẫu là lấy được một thể tích mẫu đủ để vận chuyển và xử lý trong phòng thí nghiệm nhằm phân tích chính xác các thông số cần thiết tại vị trí lấy mẫu theo quyết định phê duyệt.

Mẫu nước sau khi lấy được đựng trong dụng cụ chứa mẫu thích hợp với từng thông số quan trắc sẽ được gắn nhãn và bảo quản theo TCVN 6663-6:2016.

Mẫu khí được hấp thụ vào các dung dịch/vật liệu hấp thụ thích hợp đối với từng thông số được gắn nhãn, bảo quản đưa về phòng thí nghiệm.

Kiểm soát chất lượng hiện trường yêu cầu phải tiến hành lấy các loại mẫu trắng, mẫu lặp nhằm kiểm tra mức độ tinh khiết của hoá chất dùng làm chất bảo quản, kiểm tra mức độ nhiễm bẩn của dụng cụ lấy, chứa mẫu hay các thiết bị khác có liên quan đến công việc thu, bảo quản và vận chuyển mẫu. Mẫu lặp cũng được thu nhằm kiểm tra mức độ tái lặp của việc lấy mẫu. Thời gian và tần xuất lấy mẫu trắng và mẫu lặp được xác định.

Đối với mẫu trắng hiện trường của môi trường không khí là dung dịch hấp thụ, vật liệu hấp thụ thích hợp; của môi trường nước là mẫu nước tinh khiết không bị ô nhiễm bởi các chất phân tích. Mẫu này được chuẩn bị từ khu vực chuẩn bị cho quan trắc hiện trường, được đưa đến nơi lấy mẫu, được mở ra, cho tiếp xúc với môi trường lấy mẫu trong khi thực hiện lấy mẫu sau đó đóng nắp lại và mang trở về phòng thí nghiệm.

- *QA/QC trong đo thử tại hiện trường:* Các thông số: nhiệt độ, pH, độ đục, TDS đối với mẫu nước; nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn đối với không khí xung quanh được đo trực tiếp tại hiện trường. Tất cả các dữ liệu đo được cập nhật trong nhật ký hiện trường. Trong quá trình đo thử tại hiện trường có sử dụng mẫu kiểm soát chất lượng bao gồm mẫu trắng thiết bị, mẫu chuẩn thẩm tra và mẫu lặp.

- *QA/QC trong bảo quản và vận chuyển mẫu:* Mẫu sau khi lấy được gắn nhãn, sắp xếp hợp lý tránh đổ, vỡ mẫu, thời gian vận chuyển và nhiệt độ của mẫu đối với từng thông số được thực hiện theo đúng TCVN. Để kiểm soát chất lượng trong quá trình vận chuyển mẫu, mẫu kiểm soát chất lượng thường được sử dụng là mẫu trắng vận chuyển.

Tiêu chí đánh giá mẫu QC được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 3.2. Kiểm soát chất lượng hiện trường

TT	Mẫu kiểm soát	Thông số đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá theo Thông tư 10/2021/TT-BTNMT
1	Mẫu trắng hiện trường	Độ nhiễm bẩn	Không có chất phân tích lớn hơn giới hạn phát hiện của phương pháp (MDL)
2	Mẫu trắng vận chuyển	Độ nhiễm bẩn	Không có chất phân tích lớn hơn giới hạn phát hiện của phương pháp (MDL)
3	Mẫu chuẩn thẩm tra	Theo dõi độ ổn định của thiết bị trong quá trình đo	Theo tiêu chí đánh giá của từng phương pháp thử
4	Mẫu lặp	Độ tập trung của kết quả đo thử tại hiện trường	Theo tiêu chí đánh giá của từng phương pháp thử

3.1.4. QA/QC trong phòng thí nghiệm

Quy trình kiểm soát chất lượng trong phòng thí nghiệm được thực hiện bằng việc phân tích đều đặn các mẫu kiểm soát chất lượng (mẫu QC) theo một quy trình đã quy định tại quy trình thao tác chuẩn đã được phê duyệt. Việc tính toán, xử lý số liệu theo các tiêu chí thiết lập tại phòng thí nghiệm và đã được hướng dẫn cụ thể trong mỗi SOP. Mẫu kiểm soát trong phòng thí nghiệm bao gồm: mẫu trắng phương pháp, mẫu chuẩn thẩm tra và mẫu lặp, tiêu chí đánh giá mẫu kiểm soát thể hiện như sau:

Bảng 3.3. Kiểm soát chất lượng trong phân tích tại phòng thí nghiệm

TT	Mẫu kiểm soát	Thông số đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá theo Thông tư 10/2021/TT-BTNMT
1	Mẫu trắng phương pháp	Độ nhiễm bẩn	Không có chất phân tích lớn hơn giới hạn phát hiện của phương pháp (MDL)
2	Mẫu chuẩn thẩm tra	Độ chính xác	Theo tiêu chí đánh giá của từng phương pháp thử
3	Mẫu lặp phòng thí nghiệm	Độ chụm	RPD < 20% đảm bảo độ chụm của phương pháp thử

3.1.5. Hiệu chuẩn thiết bị

Hàng năm, các thiết bị quan trắc và thiết bị phòng thí nghiệm được hiệu chuẩn, bảo dưỡng, bảo trì định kỳ theo kế hoạch và công tác hiệu chuẩn tuân thủ yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm ISO 17025:2017, Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông

tin, dữ liệu quan trắc môi trường và Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP ban hành ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.2. Kết quả QA/QC hiện trường

- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu về đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng trong hoạt động quan trắc môi trường tại điều 22 Thông tư 10/2021/TT-BTNMT bao gồm:

+ Nhân viên thực hiện quan trắc môi trường được đào tạo với chuyên ngành phù hợp và đã được đánh giá đạt yêu cầu theo tiêu chí nội bộ, đã tham gia các khóa đào tạo về an toàn phục vụ công tác đi hiện trường được đánh giá đạt yêu cầu;

+ Đầy đủ hồ sơ, tài liệu, trang thiết bị, phương tiện vận chuyển, an toàn bảo hộ lao động;

+ Hóa chất, mẫu chuẩn, chất chuẩn được chuẩn bị đầy đủ theo từng phương pháp quan trắc;

+ Thiết bị được hiệu chuẩn, bảo trì bảo dưỡng định kỳ

+ Thực hiện lấy mẫu theo SOP đã được phê duyệt

+ Mẫu kiểm soát chất lượng (mẫu QC) được lấy tại hiện trường là mẫu trắng vận chuyển, mẫu trắng thiết bị, mẫu trắng hiện trường, mẫu lặp với số lượng phù hợp theo yêu cầu của chương trình quan trắc đặt ra. Các mẫu QC hiện trường được giao nhận, mã hóa phân tích trong phòng thí nghiệm như các mẫu khác. Số lượng mẫu QC chiếu 10% tổng số mẫu.

+ Biên bản đo và lấy mẫu được thực hiện và hoàn thiện ngay sau khi kết thúc việc lấy mẫu tại hiện trường

+ Phương pháp bảo quản và vận chuyển mẫu nước tuân thủ TCVN 6663-6:2016, TCVN 8880:2011; đối với mẫu khí tuân thủ quy định trong SOP (Quy trình thao tác chuẩn) đối với từng thông số.

+ Mẫu được giao và nhận thể hiện đầy đủ tên và chữ ký của các bên liên quan.

+ Phương pháp quan trắc tại hiện trường thực hiện theo giấy chứng nhận đủ điều kiện quan trắc môi trường VIMCERTS 017

Bảng 3.4. Tổng hợp mẫu thực và mẫu QC hiện trường

TT	Đối tượng mẫu	Đợt 2/2025		Đợt 3/2025		Đợt 4/2025		Tổng số mẫu
		Mẫu thực	Mẫu QC	Mẫu thực	Mẫu QC	Mẫu thực	Mẫu QC	
I	**Môi trường nước**	**95**	**20**	**108**	**20**	**95**	**20**	**358**
1	Nước sông, kênh mương, hồ (81 mẫu)	81	-	81	-	81	-	243
2	Nước sông trạm QTTĐ (14 mẫu)	14	-	14	-	14	-	42
3	Nước mưa (05 mẫu)	-	-	5	-	-	-	5
4	Nước dưới đất (8 mẫu)	-	-	8	-	-	-	8
5	Mẫu lặp hiện trường	-	10	-	10	-	10	30
6	Mẫu trắng hiện trường	-	10	-	10	-	10	30
II	**Môi trường không khí**	**77**	**16**	**77**	**16**	**77**	**16**	**279**
1	Không khí khu dân cư Không khí khu di tích Không khí khu vực làng nghề Không khí trên tuyến đường giao thông	77	-	77	-	77	-	231
2	Mẫu lặp hiện trường	-	8	-	8	-	8	24
3	Mẫu trắng hiện trường	-	8	-	8	-	8	24

**** Nhận xét:***

+ Đối với mẫu lặp hiện trường: giá trị phần trăm sai khác tương đối của mẫu lặp (RPD) nhỏ hơn 20%, tuân thủ phụ lục 9 Thông tư 10/2021/TT-BTNMT (tiêu chí chấp nhận của kiểm soát chất lượng và biện pháp khắc phục)

+ Đối với mẫu đo lặp tại hiện trường: giá trị phần trăm sai khác tương đối của mẫu lặp đo tại hiện trường (RDI) nhỏ hơn 15% tuân thủ phụ lục 9 Thông tư 10/2021/TT-BTNMT (tiêu chí chấp nhận của kiểm soát chất lượng và biện pháp khắc phục)

+ Đối với mẫu trắng hiện trường, mẫu trắng vận chuyển, mẫu trắng thiết bị: các thông số phân tích có nồng độ nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp (MDL). Do đó, mẫu không bị nhiễm bẩn trong quá trình lấy mẫu cũng như từ dụng cụ chứa mẫu, hóa chất bảo quản và điều kiện vận chuyển, lưu giữa mẫu.

+ Kiểm soát chất lượng tại hiện trường bằng chất chuẩn:

- Đối với dung dịch hiệu chuẩn pH: Giá trị pH chuẩn thu được nằm trong thang đo pH của dung dịch đệm hiệu chuẩn. Đảm bảo thiết bị đo pH thể hiện giá trị đo tin cậy

- Đối với dung dịch chuẩn độ đục: Giá trị độ đục chuẩn thu được nằm trong thang đo cho phép theo certificate. Đảm bảo thiết bị đo độ đục thể hiện giá trị đo tin cậy

Như vậy, các hoạt động đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng trong hoạt động quan trắc hiện trường theo Kế hoạch lấy mẫu theo mạng lưới quan trắc môi trường (nước, không khí) trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng các đợt năm 2025 đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021.

3.3. Kết quả QA/QC trong phòng thí nghiệm

- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu về đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng trong hoạt động phân tích môi trường tại điều 23 Thông tư 10/2021/TT-BTNMT bao gồm:

+ Nhân viên phân tích được đào tạo phù hợp với công việc được giao, đã được đánh giá đạt tiêu chí nội bộ;

+ Phương pháp phân tích đã được phê duyệt, được đánh giá phù hợp theo điều kiện thực tế tại PTN xây dựng thành SOP (quy trình thao tác chuẩn);

+ Hóa chất, mẫu chuẩn, chất chuẩn được chuẩn bị đầy đủ theo từng phương pháp phân tích;

+ Thiết bị phân tích môi trường được hiệu chuẩn, bảo trì bảo dưỡng định kỳ;

+ Các điều kiện tiện nghi môi trường được kiểm soát thường xuyên đảm bảo không ảnh hưởng bất lợi đến quá trình phân tích;

+ Mẫu thử nghiệm được quản lý theo đúng quy trình từ lúc tiếp nhận, phân tích đến lưu trữ, bảo quả và thanh lý;

+ Mẫu kiểm soát chất lượng (mẫu QC) trong hoạt động phân tích môi trường: mẫu trắng phương pháp (để kiểm soát khả năng nhiễm bẩn của hóa chất, dụng cụ, thiết bị), mẫu lặp (để đánh giá độ chụm của kết quả phân tích), mẫu chuẩn thẩm tra, mẫu thêm chuẩn (để đánh giá độ chính xác của kết quả phân tích) với số lượng phù hợp theo yêu cầu của chương trình quan trắc đặt ra. Số lượng mẫu QC phân tích chiếm 10% số lượng mẫu.

+ Tiêu chí chấp nhận kiểm soát chất lượng theo SOP đã được phê duyệt đáp ứng phụ lục 9 thông tư này.

Bảng 3.5. Tổng hợp mẫu thực và mẫu QC phòng thí nghiệm

TT	Nền mẫu	Đợt 2/2025		Đợt 3/2025		Đợt 4/2025		Tổng số mẫu
		Mẫu thực	Mẫu QC	Mẫu thực	Mẫu QC	Mẫu thực	Mẫu QC	
I	**Môi trường nước**	**115**	**57**	**128**	69	**115**	**63**	**547**
1	Nước sông, kênh mương, hồ	81	-	81	-	81	-	243
2	Nước sông trạm QTTĐ	14	-	14	-	14	-	42
3	Nước mưa	-	-	5	-	-	-	5
4	Nước dưới đất	-	-	8	-	-	-	8
5	Mẫu lặp hiện trường	10	-	10	-	10	-	30
6	Mẫu trắng hiện trường	10	-	10	-	10	-	30
7	Mẫu trắng phòng thí nghiệm	-	19	-	23	-	21	63
8	Mẫu lặp phòng thí nghiệm	-	19	-	23	-	21	63
9	Mẫu thẩm tra phòng thí nghiệm	-	19	-	23	-	21	63
II	**Môi trường không khí**	**93**	**40**	**93**	**48**	**93**	**42**	**409**
1	Không khí khu dân cư Không khí khu di tích Không khí khu vực làng nghề Không khí trên tuyến đường giao thông	77	-	77	-	77	-	231
2	Mẫu lặp hiện trường	8	-	8	-	8	-	24
3	Mẫu trắng hiện trường	8	-	8	-	8	-	24
4	Mẫu trắng phòng thí nghiệm	-	20	-	24	-	21	65
5	Mẫu lặp phòng thí nghiệm	-	10	-	12	-	11	33
6	Mẫu thẩm tra phòng thí nghiệm	-	10	-	12	-	10	32

*** Nhận xét:**

+ Đối với mẫu trắng phương pháp: các thông số phân tích có nồng độ nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp (MDL). Do đó, không có sự nhiễm bẩn dụng

cụ, hóa chất, chất chuẩn trong quá trình phân tích mẫu.

+ **Đối với mẫu chuẩn thẩm tra:** các thông số phân tích có nồng độ nằm trong khoảng giới hạn cho phép được thiết lập trên kết quả phê duyệt phương pháp đã được Bộ Tài nguyên môi trường đánh giá và cấp phép với mã số VIMCERTS 017.

+ Đối với mẫu lặp: giá trị phần trăm sai khác tương đối của mẫu lặp (RPD) nhỏ hơn 20%, tuân thủ phụ lục 9, Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT (tiêu chí chấp nhận của kiểm soát chất lượng và biện pháp khắc phục).

Như vậy, các hoạt động đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng trong hoạt động phân tích tại phòng thí nghiệm theo Kế hoạch lấy mẫu theo mạng lưới quan trắc môi trường (nước, không khí) trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng các đợt trong năm 2025 đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021, Kết quả có độ tin cậy cao, có thể sử dụng trong đánh giá hiện trạng môi trường.

3.4. Xử lý số liệu quan trắc môi trường

- Việc tính toán, thống kê kết quả quan trắc môi trường theo năm từ các số liệu quan trắc đợt 2, 3, 4 năm 2025; thực hiện việc nhập dữ liệu vào bảng tính excel để tính toán giá trị trung bình năm của các thông số quan trắc.

- Việc lựa chọn, loại bỏ các số liệu quan trắc trong quá trình xử lý được thực hiện theo đúng phụ lục 9, Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 16/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bao gồm các bước sau:

+ Kiểm tra kết quả: kiểm tra tổng hợp về tính hợp lý của kết quả quan trắc và phân tích môi trường. Việc kiểm tra dựa trên hồ sơ của mẫu (biên bản quan trắc tại hiện trường, biên bản giao và nhận mẫu, biên bản đo tại hiện trường, biểu ghi kết quả phân tích trong phòng thí nghiệm...), kết quả mẫu QC (mẫu trắng, mẫu lặp, mẫu chuẩn...).

+ Xử lý thống kê: căn cứ theo lượng mẫu và nội dung của báo cáo, việc xử lý thống kê có thể sử dụng các phương pháp khác nhau thể hiện số liệu thống kê về giá trị nhỏ nhất, giá trị lớn nhất, giá trị trung bình, số giá trị vượt chuẩn,

+ Đánh giá kết quả: so sánh, đối chiếu các kết quả quan trắc đã được kiểm tra, xử lý thống kê với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan,

- Tính toán chỉ số WQI theo đợt và theo năm

Áp dụng theo Quyết định số 1460/QĐ-TCMT ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tổng cục Môi trường về việc ban hành Hướng dẫn kỹ thuật tính toán và công bố chỉ số chất lượng nước Việt Nam (VN_WQI) nhằm mục đích tính toán và công bố chỉ số chất lượng nước (VN_WQI) từ dữ liệu quan trắc định kỳ môi trường nước mặt lục địa.

Theo Quyết định số 1460/QĐ-TCMT ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tổng cục Môi trường, các thông số được sử dụng để tính chỉ sốVN_WQI được chia thành 05 nhóm thông số. Số liệu để tính toán chỉ số VN_WQI phải bao gồm tối thiểu 03/05 nhóm thông số, trong đó bắt buộc phải có nhóm IV. Trong nhóm IV có tối thiểu 03 thông số được sử dụng để tính toán. Trường hợp thuỷ vực chịu tác động của các nguồn ô nhiễm đặc thù bắt buộc phải lựa chọn nhóm thông số đặc trưng tương ứng để tính toán (thuỷ vực chịu tác động của ô nhiễm thuốc BVTV bắt buộc phải có nhóm II, thuỷ vực chịu tác động của kim loại nặng bắt buộc phải có nhóm III),

Đối với Báo cáo hiện trạng môi trường phía Tây thành phố Hải Phòng, lựa chọn 4/5 nhóm thông số gồm Nhóm I, III, IV và nhóm V để tính toán chỉ số VN_WQI, Nhóm II (nhóm thông số thuốc bảo vệ thực vật): bao gồm các thông số Aldrin, BHC, Dieldrin, DDTs (p,p'-DDT, p,p'-DDD, p,p'-DDE), Heptachlor & Heptachlorepoxide không có trong danh mục thông số quan trắc, do vậy không có dữ liệu đưa vào tính toán VN_WQI.

CHƯƠNG 4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. KẾT LUẬN

Môi trường nước, không khí trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng chịu sự tác động từ các hoạt động sản xuất và dân sinh, giao thông với mức độ khác nhau đối với từng thành phần môi trường, từng khu vực, tùy theo từng thời điểm khác nhau, diễn biến chất lượng môi trường cũng có sự khác nhau. Từ kết quả quan trắc tại các điểm định kỳ cho thấy:

a. Đối với môi trường không khí

- Chất lượng không khí tại 41 điểm quan trắc khu dân cư trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng có chất lượng không khí tốt với nồng độ các thông số CO, NO_2, SO_2 đạt quy chuẩn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT. Tại các khu dân cư gần cơ sở sản xuất cám, sản xuất gạch, nhà máy xử lý rác, khu vực lò hóa thân nồng độ các khí CO, NO_2, SO_2, NH_3, H_2S, HF và bụi TSP đều đạt QCVN 05:2023/BTNMT; tiếng ồn đạt QCVN 26:2010/BTNMT.

Đối với thông số bụi TSP: 41/41 khu dân cư quan tắc ghi nhận đều đạt tiêu chuẩn cho phép so với QCVN 05:2023/BTNMT trong đợt 2/2025. Thời điểm quan trắc đợt 3/2025 khu dân cư Cổ Phục, xã Phú Thái có nồng độ bụi vượt giới hạn cho phép 1,23 lần và đợt 4/2025 tại điểm quan trắc khu dân cư Tú Y, xã Hà Đông ghi nhận nồng độ bụi gấp 1,08 lần so với QCCP. Nguyên nhân là tại thời điểm quan trắc đợt 4 có nhiều xe tải chở vật liệu qua lại, mặt đường nhiều bụi đất, khi các xe qua lại liên tục và chạy nhanh do đó cuốn bụi từ mặt đường theo xe làm phát tán bụi vào không khí gây ô nhiễm bụi cục bộ tại khu vực.

Tiếng ồn tại các điểm quan trắc dao động trong khoảng từ 50,9 ÷ 67(dBA) và đều đạt QCCP so với QCVN 26:2010/BTNMT.

- Chất lượng môi trường không khi làng nghề: Kết quả quan trắc cho thấy trong năm 2025, môi trường không khí tại 9/9 làng nghề duy trì ở mức tốt với thông số nồng độ các khí CO, NO_2, SO_2 tại các đợt quan trắc đều có giá trị đạt QCCP. Đối với bụi TSP tại thời điểm quan trắc đợt 4/2025 làng nghề gỗ Đông Giao ghi nhận có nồng độ bụi vượt 1,14 lần QCCP. 8/9 điểm quan trắc làng nghề đều đạt giá trị cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT trong các đợt quan trắc năm 2025. Làng nghề Văn Lâm sản xuất giày da nên thực hiện quan trắc thêm thông số Benzen, Ethylbenzen, Toluen, Xylen đều có giá trị đạt QCVN 05:2023/BTNMT.

- Tiếng ồn tại các làng nghề dao động trong khoảng 53 – 71,2 dBA, trong đó làng nghề gỗ Đông Giao thời điểm quan trắc các đợt 2, 3, 4/2025 đều ghi nhận tiếng ồn vượt quá QCCP 1,01 lần. 8/9 làng nghề còn lại tiếng ồn đạt QCVN 26:2010/ BTNMT.

- Môi trường không khí tại các vị trí quan trắc giao thông: Kết quả quan trắc các đợt năm 2025 ghi nhận nồng độ các khí NO_2, SO_2, CO, C_nH_m (Hydrocacbon) đều đạt

QCVN 05:2023/BTNMT tại 20/20 vị trí quan trắc tuyến giao thông. Nồng độ bụi TSP tại các điểm quan trắc giao động từ 67-1882 µg/Nm³, có 9 điểm quan trắc có nồng độ bụi vượt QCCP với mức vượt là từ 1,13 – 6,27 lần. Đợt 4/2025 có nhiều điểm quan trắc vượt QCCP hơn so với đợt 2, 3/2025, trong đó Quốc lộ 17B (ngã tư gốc đa) tại phường Nhị Chiểu ghi nhận số lần vượt nhiều đợt nhất (3/3 đợt) và có nồng độ bụi vượt cao nhất so với QCCP là 6,27 lần tại đợt 2/2025. Các vị trí Quốc lộ 5 tại điểm giao giữa với quốc lộ 17B tại xã Phú Thái, Đường tỉnh 391 tại ngã tư Mắc cũng là những điểm có bụi TSP vượt QCCP nhiều lần.

Tiếng ồn có 18/20 vị trí tại các đượt quan trắc vượt QCCP từ 1,01 – 1,15 lần. Vị trí có tần suất tiếng ồn vượt QCCP nhiều lần là các điểm quan trắc tại Quốc lộ 5, quốc lộ 17, 18, đường tỉnh 390, 392.

- Đối với 06 vị trí dự kiến lắp đặt các trạm quan trắc tự động cho thấy tại các thời điểm quan trắc nồng độ các khí NO_2, SO_2, CO, bụi TSP đạt QCCP theo QCVN 05:2023/BTNMT; tiếng ồn đạt QCVN 26:2010/BTNMT. Như vậy môi trường không khí tại thời điểm quan trắc của các khu vực nêu trên đều có chất lượng tốt.

* Diễn biến chất lượng môi trường không khí từ năm 2021 đến 2025

- Chất lượng không khí tại 41 điểm quan trắc tại các điểm khu dân cư trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng duy trì ở ngưỡng tốt với nồng độ các thông số CO, NO_2, SO_2 thường xuyên đạt QCCP.

Nồng độ các thông số NH_3, H_2S, HF quan trắc tại 07 điểm khu dân cư gần các cơ sở sản xuất gạch, thức ăn chăn nuôi, nhà máy xử lý rác thải, khu vực đài hóa thân trong các đợt quan trắc đều đạt QCCP.

Nồng độ bụi TSP dao động từ 10 – 370 µg/Nm³, trong đó tại thời điểm quan trắc đợt 4 năm 2022 có Khu dân cư Việt Hòa, khu dân cư thôn My Cầu, thời điểm quan trắc đợt 4/2024 có khu dân cư Lỗ Sơn, đợt 3 năm 2025 có khu dân cư Cổ Phục, đợt 4/2025 có khu dân cư Tú Y ghi nhận nồng độ bụi vượt QCCP từ 1,08 – 1,23 lần. Các thời điểm quan trắc còn lại tại 41 điểm khu dân cư nồng độ bụi TSP đều đạt QCCP. Đối với tiếng ồn dao động từ 42,6 – 67,4 dBA và đều đạt QCVN 26:2010/ BTNMT.

- Chất lượng không khí quan trắc tại 8/9 làng nghề (làng nghề Mạn Đê; Làng nghề An Thủy; Làng nghề Lộ Cương, Làng nghề rượu Phú Lộc; Làng nghề bún Đông Cận; Làng nghề Văn Lâm; làng nghề Cúc Bồ; làng nghề Hội Yên) chất lượng không khí duy trì ở mức tốt, với nồng độ các thông số NO_2, SO_2, CO, bụi TSP và tiếng ồn thường xuyên đạt QCCP trong các đợt quan trắc. Đối với làng nghề Đông Giao ghi nhận trong 1 số đợt thông số bụi và tiếng ồn vẫn vượt QCCP.

- Chất lượng không khí tại 20 vị trí quan trắc trên tuyến giao thông chưa có dấu hiệu ô nhiễm bởi các khí thải giao thông. nồng độ các khí NO_2, SO_2, CO, C_nH_m

(Hydrocacbon) tại 20 điểm quan trắc đều duy trì đạt QCCP. Hầu hết các vị trí quan trắc để có tiếng ồn vượt QCCP với mức vượt là 1,01 - 1,16 lần.

Nồng độ bụi tại các điểm quan trắc giao thông dao động trong khoảng 10 – 1.892 µg/Nm³. Một số vị trí ghi nhận nồng độ bụi vượt QCCP nhiều lần và nhiều đợt là Quốc lộ 17B (ngã tư gốc đa) tại phường Nhị Chiểu, Quốc lộ 5 tại điểm giao giữa với quốc lộ 17B tại xã Phú Thái, Đường tỉnh 391 tại ngã tư Mắc, đường tỉnh 390, 392. Số lượng các điểm có nồng độ bụi TSP năm 2025 chưa có xu hướng giảm so với các năm trước. Các đợt quan trắc năm 2021 có 5 điểm; năm 2022 có 11 điểm; năm 2023 có 05 điểm; năm 2024 có 13 điểm. Nhìn chung, kết quả cho thấy khu vực giao thông là nguồn phát thải bụi lớn và mang tính chất biến động mạnh theo lưu lượng phương tiện, đặc biệt tại các nút giao chính, khu vực có mật độ phương tiện nặng và hoạt động vận tải hàng hóa cao. b, Đối với môi trường nước

b. Đối với môi trường nước

- Đối với hệ thống sông tự nhiên

Kết quả quan trắc sông tự nhiên các đợt năm 2025 cho thấy hầu hết các điểm quan trắc nước sông tự nhiên thường xuyên có thông số E.Coli vượt QCCP từ 1,1 – 29,5 lần, thông số NO_2^--N vượt QCCP từ 1,04 – 11,76 lần, thông số TN vượt QCCP từ 1,05 – 1,92 lần. Ngoài ra tại một số điểm quan trắc ở một số đợt quan trắc trong năm 2025 còn có thông số DO không đạt QCCP, COD, BOD, Coliform chịu nhiệt và NH_4^+-N vượt QCCP. Một số điểm có chỉ số chất lượng nước trung bình năm chỉ phù hợp cho cấp nước tưới tiêu thủy lợi như sông Kinh Thầy, sông Đá Vách, sông Kinh Môn, sông Thái Bình, sông Luộc, sông Rạng tại một số thời điểm quan trắc.

- Đối với hệ thống sông nội đồng

Hệ thống sông nội đồng quan trắc các đợt năm 2025 trên địa bàn phía Tây thành phố có thông số DO không đạt QCCP có từ (27-28)/30 điểm quan trắc, TP có từ (6-7)/30 điểm quan trắc có nồng độ vượt QCCP từ 1,03 - 11,03 lần; TN có từ (26-29)/30 điểm quan trắc có nồng độ vượt QCCP từ 1,06 – 8,11 lần; COD có từ (22-27)/30 điểm quan trắc vượt QCPC từ 1,07 – 5,33 lần; BOD_5 có từ (11-16)/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,13 – 4,17 lần; Coliform có từ (14-20)/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,08 – 32 lần, Coliform chịu nhiệt có từ (13 – 24)/30 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,1 – 22 lần so với mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT.

Các sông nội đồng ô nhiễm điển hình là sông Bạch Đằng (N33), sông Sặt (N48, N29, Ntd8), sông Cửu An, sông Đình Đào, sông Cầu Cốc, sông cầu Bình.

Kết quả quan trắc nước sông nội đồng vẫn duy trì ô nhiễm ở mức cao tại nhiều tuyến sông và kéo dài qua các đợt quan trắc. Mức độ ô nhiễm khi quan trắc năm 2025 tiếp diễn từ các năm trước đó.

- Đối với hệ thống kênh mương

Hệ thống kênh mương nội đồng quan trắc các đợt năm 2025 trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng có thông số DO không đạt QCCP từ (32-33)/36 điểm quan trắc, thông số TP có từ (11-16)/36 điểm quan trắc có nồng độ vượt QCCP từ 1,13 - 22,13 lần; TN có từ (30-34)/36 điểm quan trắc có nồng độ vượt QCCP từ 1,04 - 26,2 lần; COD có từ (30-34)/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,07 - 8,6 lần; BOD_5 có từ (16-28)/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,17 - 6,5 lần; Coliform có từ (25-30)/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,08 - 158 lần, Coliform chịu nhiệt có từ (28 – 34)/36 điểm quan trắc vượt QCCP từ 1,1 - 540 lần.

Các kênh, mương ô nhiễm điển hình là: Các mương thoát nước làng nghề: Lộ Cương (N34), Cúc Bồ (N72), An Thủy (N21), Hội Yên (N78). Các mương thoát nước tại Lai Vu (N25) và các điểm tiếp nhận nước thải cụm công nghiệp: CCN Tráng Liệt (N52), CCN Nhân Quyền (N54), CCN Lương Điền (N46), KCN Hoàng Diệu (N59). Các tuyến kênh chính: Tứ Thông (N30), Đò Cậy - Tiên Kiều (N49), Thạch Khôi - Đoàn Thượng (N58).

- Đối với môi trường nước hồ

Chất lượng nước các hồ trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng trong các đợt quan trắc năm 2025 cho thấy, hồ Bình Minh và hồ Bạch Đằng có nhiều thông số vượt QCCP ở mức cao. Các thông số ô nhiễm đặc trưng gồm DO không đạt QCCP, TP, TN, COD, BOD, TSS và Coliform chịu nhiệt, mức độ ô nhiễm tiếp diễn và duy trì qua các đợt quan trắc, phản ánh chất lượng nước kém. Hồ Côn Sơn và hồ Bến Tắm có chất lượng nước rất tốt, ổn định và duy trì đạt QCCP qua các đợt quan trắc. Hồ Mật Sơn và hồ An Dương có chất lượng nước ở mức trung bình, một số thông số có xu hướng biến động nhẹ nhưng chưa ghi nhận ô nhiễm nghiêm trọng.

**** Diễn biến chất lượng môi trường nước***

Chất lượng nước sông tự nhiên có sự dao động phụ thuộc vào từng thời điểm quan trắc. Kết quả tính toán chỉ số chất lượng nước WQI trong các đợt quan trắc năm 2025 cho thấy các điểm quan trắc có chất lượng nước trung bình chiếm tỷ lệ chủ yếu, dao động từ 26,09 – 77,9% tổng số điểm quan trắc; các điểm có chất lượng nước tốt dao động từ 21,74 – 65,22% tổng số điểm quan trắc. Không ghi nhận điểm quan trắc có chất lượng nước kém hoặc ô nhiễm rất nặng trong các đợt quan trắc, cho thấy nhìn chung chất lượng nước sông tự nhiên trong năm tương đối ổn định, chưa có dấu hiệu suy giảm rõ rệt.

- Đối với hệ thống sông nội đồng:

Do tiếp nhận trực tiếp nước mưa, nước thải từ các kênh mương nội đồng, kênh tiêu nước thải vì vậy chất nước sông nội đồng vẫn duy trì ô nhiễm ở mức cao tại nhiều tuyến sông và kéo dài qua các đợt quan trắc, Mức độ ô nhiễm giảm khi vào mùa mưa do có sự loãng nguồn nước.

- *Đối với các kênh mương:* hầu hết các kênh mương đều là nguồn tiếp nhận trực tiếp các nguồn thải (sinh hoạt, làng nghề, chăn nuôi, canh tác nông nghiệp...) do vậy chất lượng nước các kênh mương trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng thường xuyên ô nhiễm bởi nhóm các chỉ số hữu cơ, vi sinh và diễn ra thường xuyên trong các đợt quan trắc, mức độ vượt QCCP của các thông số tăng cao điển hình tại các kênh mương như kênh Tứ Thông, kênh Đò Cậy – Tiên Kiều, kênh Thạch Khôi – Đoàn Thượng, mương thoát nước Lai Vu, mương thoát nước làng nghề Cúc Bồ, mương thoát nước làng nghề Lộ Cương, mương thoát nước thải CCN Lương Điền, mương tiếp nhận nước thải CCN Tráng Liệt.

- *Đối với môi trường nước hồ:* Chất lượng nước các hồ trên địa bàn phía Tây thành phố Hải Phòng (Hồ Bình Minh và Hồ Bạch Đằng) trong các đợt quan trắc vẫn có các thông số thường xuyên vượt QCCP gồm TP, TN, COD, BOD, TSS, Coliform chịu nhiệt; hàm lượng DO thấp và không đạt QCCP. Chất lượng nước các hồ tại hồ Mật Sơn và hồ An Dương có mức độ ô nhiễm nhẹ và diễn ra không thường xuyên. Hồ Côn Sơn và hồ Bến Tắm có chất lượng nước rất tốt, ổn định qua các đợt quan trắc

4.2. CÁC KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở tổng hợp kết quả quan trắc môi trường các đợt trong năm 2025 (03 đợt) tại khu vực phía Tây thành phố Hải Phòng, kết hợp với việc phân tích mức độ đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường của các thành phần môi trường nước mặt, không khí, nước dưới đất và đất, có thể nhận thấy chất lượng môi trường không khí khu vực nhìn chung vẫn nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn hiện hành. Đối với môi trường nước tại nhiều điểm quan trắc vẫn ghi nhận các thông số có xu hướng vượt quy chuẩn, phản ánh áp lực môi trường ngày càng gia tăng. Để kịp thời kiểm soát các nguy cơ ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý trong thời gian tới, báo cáo kiến nghị một số nội dung trọng tâm sau:

- Tiếp tục tăng cường công tác giám sát, kiểm soát các nguồn xả thải vào môi trường nước mặt trên toàn khu vực; yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo tuân thủ quy chuẩn trước khi thải ra môi trường; kịp thời yêu cầu khắc phục đối với các vị trí ghi nhận thông số vượt quy chuẩn.

- Đẩy mạnh quản lý hoạt động xây dựng và giao thông tại các khu vực có nguy cơ phát sinh bụi; tăng cường biện pháp che chắn, phun nước, thu gom vật liệu, rửa đường và vệ sinh môi trường; đồng thời rà soát, yêu cầu các cơ sở sản xuất có phát sinh khí thải, bụi thực hiện đầy đủ biện pháp kiểm soát theo quy định.

- Duy trì và tăng cường theo dõi chất lượng nước dưới đất, đặc biệt đối với các thông số amoni, sắt và độ cứng; xem xét bổ sung các điểm quan trắc tại khu vực nhạy

cảm, khu dân cư đông đúc nhằm chủ động đánh giá nguy cơ ô nhiễm và đảm bảo an toàn nguồn nước sinh hoạt.

- Xây dựng và triển khai Mạng lưới các điểm quan trắc tài nguyên và môi trường (nước, không khí, đất, trầm tích) trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026–2030, bảo đảm phù hợp với hiện trạng hành chính sau sáp nhập; điều chỉnh, bổ sung các điểm quan trắc tại khu vực phát sinh nguồn thải mới hoặc có nguy cơ ô nhiễm cao nhằm nâng cao khả năng cảnh báo sớm và độ tin cậy của số liệu.

- Tăng cường phối hợp giữa các sở, ngành và chính quyền địa phương trong công tác quản lý, bảo vệ môi trường; triển khai đồng bộ các giải pháp theo chức năng, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, đặc biệt đối với các trường hợp gây ô nhiễm kéo dài, góp phần kiểm soát hiệu quả nguy cơ ô nhiễm và nâng cao chất lượng môi trường khu vực trong những năm tiếp theo.

PHỤ LỤC

1. PHỤ LỤC I. BẢNG TỔNG HỢP CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC CÓ THÔNG SỐ VƯỢT QCCP CÁC ĐỢT NĂM 2025

2. PHỤ LỤC II. BẢNG MÔ TẢ ĐIỂM QUAN TRẮC VÀ ĐIỀU KIỆN QUAN TRẮC CÁC ĐỢT NĂM 2025

3. PHỤ LỤC III. PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC CÁC ĐỢT NĂM 2025

PHỤ LỤC I. BẢNG TỔNG HỢP CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC CÓ THÔNG SỐ VƯỢT QCCP ĐỢT 2 NĂM 2025

A. THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP
1	Khu di tích Côn Sơn, phường Cộng Hòa, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Phòng)	K1	-
2	Khu dân cư phố Hoàng Hoa Thám, phường Phả Lại, TP. Chí Linh (nay là phường Chí Linh, TP.Hải Phòng)	K2	-
3	Khu dân cư Đại Bát, phường Hoàng Tân, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP.Hải Phòng)	K3	-
4	Quốc lộ18 tại phường Chí Minh, TP. Chí Linh (nay là phường Chu Văn An, TP.Hải Phòng)	K4	Tiếng ồn vượt 1,13 lần; Bụi TSP vượt 1,15lần
5	Quốc lộ 18 tại phường Hoàng Tiến, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP.Hải Phòng)	K5	Tiếng ồn vượt 1,02 lần; Bụi TSP vượt 1,13lần
6	Quốc lộ 37 tại Phường Thái Học, TP. Chí Linh (nay là phường Chu Văn An, TP Hải Phòng)	K6	Tiếng ồn vượt 1,02 lần
7	Khu dân cư Tế Sơn, phường Đồng Lạc, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP.Hải Phòng)	K7	-
8	Khu dân cư Chi Ngãi, phường Cộng Hòa, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Hưng Đạo, TP.Hải Phòng)	K8	-
9	Khu dân cư Kỹ Sơn, phường Tân Dân, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP.Hải Phòng)	K9	-
10	Khu dân cư thôn Quan Đình, xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP.Hải Phòng)	K10	-
11	Làng nghề Mạn Đê, xã Nam Trung, huyện Nam Sách (nay là xã Trần Phú, TP. Hải Phòng)	K11	-
12	Khu dân cư Đồng Khê, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP.Hải Phòng)	K12	-
13	Khu dân cư thôn An Điền, xã Cộng Hòa, huyện Nam Sách (nay xã An Phú, TP.Hải Phòng)	K13	-

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP
14	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Nam Sách, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP.Hải Phòng)	Ktđ3	-
15	Khu dân cư Thượng Chiểu, phường Tân Dân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP.Hải Phòng)	K14	-
16	Khu dân cư Xạ Sơn, xã Quang Thành, Tx. Kinh Môn (nay là xã Nam An Phụ, TP.Hải Phòng)	K15	-
17	Khu dân cư Lỗ Sơn, phường Phú Thứ, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP.Hải Phòng)	K16	
18	Ngã tư (gốc đa) Quốc lộ 17B tại phường Minh Tân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP.Hải Phòng)	K17	Tiếng ồn vượt 1,14 lần; Bụi TSP vượt 6,27lần
19	Khu dân cư Hiệp Thượng, phường Hiệp Sơn, Tx. Kinh Môn (nay là phường Phạm Sư Mạnh, TP.Hải Phòng)	K18	
20	Khu dân cư Tiên Xá, xã Lê Ninh, Tx. Kinh Môn (nay là phường Bắc An Phụ, TP.Hải Phòng)	K19	-
21	Khu dân cư Trại Mới, phường Hiệp An, Tx. Kinh Môn (nay là phường Kinh Môn, TP.Hải Phòng)	K20	-
22	Làng nghề An Thủy, phường Hiến Thành, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng)	K21	-
23	Khu dân cư Ngư Uyên, phường Long Xuyên, Tx. Kinh Môn (nay là phường Kinh Môn, TP.Hải Phòng)	K22	-
24	Quốc lộ 5 tại điểm giao giữa Quốc lộ 388, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP.Hải Phòng)	K23	Tiếng ồn vượt 1,14 lần;
25	Khu dân cư thôn Quyết Tâm, xã Lai Vu, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP.Hải Phòng)	K24	-
26	Khu dân cư Cổ Phục, xã Kim Liên, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP.Hải Phòng)	K25	-

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP
27	Khu dân cư Quỳnh Khê, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành Thành (nay là xã Phú Thái, TP.Hải Phòng)	K26	-
28	Khu dân cư khu 6, phường Hải Tân, TP. Hải Dương Thành (nay là phường Tân Hưng, TP.Hải Phòng)	K27	-
29	Làng nghề Lộ Cương, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là Phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	K28	-
30	Nút giao với các đường Nguyễn Lương Bằng, Phạm Ngũ Lão, Điện Biên Phủ và Lê Thanh Nghị (ngã tư máy sứ) (nay là Phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng)	K29	Tiếng ồn vượt 1,02 lần
31	Khu dân cư Đồng Niên, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương Thành (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K30	-
32	Nút giao thông Tam Giang, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương (Nay là phường Hải Dương, TP. Hải Phòng)	K31	Tiếng ồn vượt 1,02 lần
33	Khu dân cư Quang Giáp, phường Thạch Khôi, TP. Hải Dương (nay là phường Thạch Khôi, TP.Hải Phòng)	K32	-
34	Quốc lộ 5 tại nút giao với đường Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Dương (nay là phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng)	K33	Tiếng ồn vượt 1,03lần
35	Làng nghề gỗ Đông Giao, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng)	K34	Tiếng ồn vượt 1,01lần
36	Làng nghề rượu Phú Lộc, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Tuệ Tĩnh, TP. Hải Phòng)	K35	-
37	Khu dân cư Cẩm Trục, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP.Hải Phòng)	K36	-
38	Khu dân cư Lương Xá, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP.Hải Phòng)	K37	-
39	Khu dân cư Hoàng Hòa, xã Cẩm Điền (Phúc Điền), huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP.Hải Phòng)	K38	-

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP
40	Khu dân cư Quý Dương, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP.Hải Phòng)	K39	-
41	Khu dân cư Phú An, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K40	-
42	Khu dân cư Thôn Tiền, TT. Lai Cách, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K41	-
43	Khu dân cư Đỗ Trung, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K42	-
44	Khu dân cư thôn Chùa, xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP.Hải Phòng)	K43	-
45	Tỉnh lộ 392 tại ngã năm TT. Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP. Hải Phòng)	K44	Tiếng ồn vượt 1,02 lần
46	Quốc lộ 394 tại điểm giao với Quốc lộ 392, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang (nay là xã Bình Giang, TP. Hải Phòng)	K45	Tiếng ồn vượt 1,04 lần
47	Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng tại xã Thái Học, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP. Hải Phòng)	K46	
48	Khu dân cư Hòa Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP.Hải Phòng)	K47	-
49	Khu dân cư thôn My Cầu, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP.Hải Phòng)	K48	-
50	Khu dân cư khu đô thị mới Tráng Liệt, thị trấn Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP.Hải Phòng)	K49	
51	Quốc lộ 5 tại ngã tư Quán Gỏi, TT. Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP. Hải Phòng)	K50	Tiếng ồn vượt 1,12 lần
52	Quốc lộ 37, tại ngã 3 thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	K51	Tiếng ồn vượt 1,03 lần
53	Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng giao Quốc lộ 38B tại Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	K52	
54	Làng nghề bún Đông Cận, xã Tân Tiến (Gia Tiến), huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	K53	-

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP
55	Làng nghề Văn Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	K54	-
56	Khu dân cư Buộm, xã Toàn Thắng, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP.Hải Phòng)	K55	-
57	Giao đường 38B và đường 392 tại Trạm Bóng, xã Quang Minh, huyện Gia Lộc (nay là xã Trường Tân, TP. Hải Phòng)	K56	Tiếng ồn vượt 1,08 lần
58	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Gia Lộc (trạm Gia Lộc), huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	Ktđ12	-
59	Quốc lộ 391, tại vị trí giao thông vào CCN Kỳ Sơn, xã Đại Sơn, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Đại Sơn, TP. Hải Phòng)	K57	Tiếng ồn vượt 1,07 lần
60	Đường tỉnh 391 tại Ngã Tư Mắc, xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ(nay là xã Tứ Kỳ TP. Hải Phòng)	K58	Tiếng ồn vượt 1,12 lần; Bụi TSP vượt 1,27 lần
61	Khu dân cư thôn La Giang, xã Văn Tố, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP.Hải Phòng)	K59	-
62	Khu dân cư thôn Văn Vật, xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP.Hải Phòng)	K60	-
63	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Tứ Kỳ (trạm Tứ Kỳ) , huyện Tứ Kỳ (nay là xã Tứ Kỳ, TP. Hải Phòng)	Ktđ13	-
64	Giao giữa Quốc lộ 37 và quốc lộ 392 tại xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang (nay là xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng)	K61	Tiếng ồn vượt 1,01 lần
65	Khu dân cư Hảo Khê, xã Hưng Long, huyện Ninh Giang (nay là xã Hồng Châu, TP.Hải Phòng)	K62	-
66	Làng nghề Cúc Bồ, xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang (nay là xã Khúc Thừa Dụ, TP. Hải Phòng)	K63	-
67	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Ninh Giang (trạm Ninh Giang), huyện Ninh Giang (nay là xã Ninh Giang, TP. Hải Phòng)	Ktđ14	-

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP
68	Khu dân cư Thúy Lâm, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện (nay là xã Nguyễn Lương Bằng TP.Hải Phòng)	K64	-
69	Làng nghề Hội Yên, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	K65	-
70	Khu dân cư Hòa Bình, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP.Hải Phòng)	K66	-
71	Khu dân cư Tiểu Sơn, xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP.Hải Phòng)	K67	-
72	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Thanh Miện (trạm Ninh Giang), huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	Ktđ15	-
73	Khu dân cư thôn Cổ Chầm, xã Việt Hồng (Cẩm Việt), huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP.Hải Phòng)	K68	-
74	Khu dân cư Tú Y, xã Vĩnh Lập, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Đông, TP.Hải Phòng)	K69	-
75	Đường tỉnh 390 tại ngã ba xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Tây, TP. Hải Phòng)	K70	Tiếng ồn vượt 1,02 lần
76	Quốc lộ 390B tại xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP Hải Phòng)	K71	Tiếng ồn vượt 1,01 lần
77	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Thanh Hà, huyện Thanh Hà (nay là xã Thanh Hà, TP. Hải Phòng)	Ktđ16	-

B. THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG NƯỚC

Bảng 1. Tổng hợp các điểm vượt QCCP và chỉ số WQI của nước sông tự nhiên quan trắc đợt 2 năm 2025

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/ BTNMT	Thông số vượt bảng 1, QCVN 08:2023/BTNMT
1	Sông Cầu, cách điểm nối giữa sông Cầu và sông Thương 1.500m về phía thượng lưu	N1	81,1	TN vượt 1,59 lần	E.Coli vượt 5,5 lần
2	Sông Đông Mai tại cầu Đông Mai (Đường 184), phường Trần Nhân Tông, TP. Hải Phòng	N2	85,1	DO không đạt; TN vượt 1,28 lần	E.Coli vượt 5,5 lần
3	Sông Kinh Thầy gần cửa kênh thoát nước của Trạm bơm Vạn Thắng, phường Lê Đại Hành, TP. Hải Phòng	N5	82,2	DO không đạt; TN vượt 1,22 lần	E.Coli vượt 5,5 lần
4	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thái Bình (trạm Nhân Huệ), phường Chí Linh, TP.Hải Phòng	Ntđ1	84,4	TN vượt 1,48 lần	E.Coli vượt 5,5 lần
5	Sông Thái Bình, xã Thái Tân, TP. Hải Phòng	N10	88,1	TN vượt 1,45 lần; COD vượt 1,73 lần; BOD vượt 1,33 lần	E.Coli vượt 1,35 lần
6	Sông Kinh Thầy tại Cầu Bính, xã Trần Phú, TP. Hải Phòng	N11	75,9	DO không đạt; TN vượt 1,5 lần; COD vượt 1,27 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần	E.Coli vượt 7 lần;
7	Sông Đá Vách khu Tử Lạc, phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng	N14	79,3	-	E.Coli vượt 8,5 lần

8	Sông Đá Vách, cách trạm cấp nước Tân Dân 50m về phía thượng lưu, phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng	N15	85,4	-	NO_2^--N vượt 11,76 lần; E.Coli vượt 1,35 lần
9	Sông Kinh Thầy tại thôn Tam Đa Ngoại, phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng	N16	62,8	TN vượt 1,58 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,8 lần	NO_2^--N vượt 11,46 lần; E.Coli vượt 39,5 lần
10	Sông Kinh Thầy cách trạm cấp nước Bạch Đằng 50m về phía thượng lưu, phường Bắc An Phụ, TP. Hải Phòng	N17	82,3	TN vượt 1,05 lần	NO_2^--N vượt 5,8 lần; E.Coli vượt 3,5 lần
11	Sông Hàn Mấu tại khu dân cư Phúc Sơn, phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng	N18	93,8	TN vượt 1,09 lần	-
12	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Thầy (trạm Hiệp Sơn), phường Phạm Sư Mạnh, TP. Hải Phòng	Ntđ2	94,2	-	E.Coli vượt 1,25 lần
13	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Môn (trạm An Phụ), phường Trần Liễu, TP. Hải Phòng	Ntđ3	85,6	-	NO_2^--N vượt 3,24 lần;
14	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Môn, xã Lai Khê, TP. Hải Phòng	Ntđ4	79,1	TN vượt 1,25 lần	NO_2^--N vượt 2,44 lần; E.Coli vượt 3,95 lần
15	Sông Thái Bình, cách trạm bơm cấp nước cho nhà máy nước Việt Hòa 50m về phía thượng lưu, phường Thành Đông, TP. Hải Phòng	N28	65,6	TN vượt 1,77 lần; COD vượt 2,47 lần; BOD vượt 1,83 lần	NO_2^--N vượt 3,68 lần; E.Coli vượt 8,5 lần
16	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thái Bình tại cảng Cống Câu (trạm Cống Câu), phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng	Ntđ5	82,8	TN vượt 1,08 lần; COD vượt 1,07 lần;	E.Coli vượt 5,5 lần

17	Sông Luộc tại cầu Quý Cao, xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng	N60	69,1	COD vượt 1,27 lần;	NO_2^--N vượt 1,04 lần; E.Coli vượt 8,5 lần;
18	Sông Thái Bình tại bến đò An Định, xã Chí Minh, TP. Hải Phòng	N64	78,2	TN vượt 1,23 lần; COD vượt 1,33 lần;	NO_2^--N vượt 1,5 lần; E.Coli vượt 2,45 lần
19	Sông Thái Bình, xã Chí Minh, TP. Hải Phòng	N65	70,1	TN vượt 1,19 lần; COD vượt 1,13 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần	E.Coli vượt 11 lần
20	Sông Luộc tại trạm bơm của nhà máy nước sạch Ninh Giang, xã Ninh Giang, TP. Hải Phòng	N66	81,5	-	E.Coli vượt 8,5 lần
21	Trạm quan trắc tự động nước mặt sông Luộc tại xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng	Ntđ11	70,5	COD vượt 1,27 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần	E.Coli vượt 11 lần
22	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Rạng tại xã Hà Bắc, TP. Hải Phòng	Ntđ13	82	TN vượt 1,28 lần; COD vượt 1,13 lần	NO_2^--N vượt 2,12 lần; E.Coli vượt 1,65 lần
23	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Văn Úc tại xã Hà Đông, TP. Hải Phòng	Ntđ14	94,7	TN vượt 1,26 lần;	E.Coli vượt 1,35 lần

Bảng 2. Tổng hợp các điểm vượt và chỉ số WQI nước sông nội đồng quan trắc đợt 2 năm 2025

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT
I	**Hệ thống sông Bắc Hưng Hải**			
1	Sông Sặt, tại cầu Cất, phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng	N29	57	DO không đạt; TP vượt 1,43 lần; TN vượt 4,48 lần; COD vượt 3 lần; BOD_5 vượt 2,33 lần;

2	Sông Bạch Đằng tại điểm cuối trước khi chảy ra sông Thái Bình, phường Hải Dương, TP. Hải Phòng	N33	45,9	DO không đạt; TP vượt 3,17 lần; TN vượt 7,11 lần; COD vượt 3,33 lần; BOD_5 vượt 2,5 lần; Coliform vượt 1,84 lần;
3	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Sặt, phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng	Ntđ6	36,2	DO không đạt; TP vượt 11,03 lần; TN vượt 3,5 lần; COD vượt 1,2 lần; Coliform vượt 1,88 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần
4	Sông Cẩm Giàng tại điểm giao với kênh cầu Dốc, xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng	N40	40,1	DO không đạt; TN vượt 1,91 lần; COD vượt 1,87 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần
5	Sông Cẩm Giàng tại cầu Tân Trường, xã Mao Điền, TP. Hải Phòng	N41	60,1	DO không đạt; TN vượt 3,79 lần; COD vượt 1,93 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần;
6	Sông Bùi tại xã Cẩm Giang, TP. Hải Phòng	N42	60,4	COD vượt 1,6 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần
7	Sông Bùi tại thôn Văn Thai, xã Tuệ Tĩnh, TP. Hải Phòng	N44	45,5	DO không đạt; TN vượt 1,62 lần; COD vượt 1,93 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần
8	Sông Sặt tại Hoàng Hòa, xã Mao Điền, TP. Hải Phòng	N48	70,6	DO không đạt; TN vượt 2,39 lần; COD vượt 1,47 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần;
9	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thứa xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng.	Ntđ7	60,8	DO không đạt; TN vượt 3,03 lần; COD vượt 1,33 lần;
10	Sông Sặt tại cầu Cậy, xã Bình Giang, TP. Hải Phòng	N50	76,8	DO không đạt; TN vượt 3,43 lần; COD vượt 1,47 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần;
11	Sông Đình Đào tại cầu Bá Thủy, xã Yết Kiêu, TP. Hải Phòng	N53	67,2	DO không đạt; TN vượt 3,19 lần; COD vượt 1,27 lần;

12	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Sặt (trạm Cống Tranh), xã Đường An, TP. Hải Phòng	Ntđ8	29,4	DO không đạt; TP vượt 2,4 lần; TN vượt 3,8 lần; COD vượt 1,93 lần; BOD vượt 1,5 lần; Coliform vượt 4,8 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần
13	Sông Đình Đào tại cầu Tràng Thưa, xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng	N55	59	DO không đạt; TP vượt 2,83 lần; TN vượt 4,25 lần; COD vượt 1,07 lần; Coliform vượt 1,84 lần;
14	Sông cầu Binh, tại cầu Binh, xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng	N56	28,3	DO không đạt; TP vượt 1,03 lần; TN vượt 3,4 lần; COD vượt 2,4 lần; BOD vượt 1,83 lần; Coliform vượt 3,4 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,9 lần
15	Sông Tứ Kỳ tại cầu Vạn, xã Tứ Kỳ, TP. Hải Phòng	N61	29,6	DO không đạt; TN vượt 4,79 lần; COD vượt 1,6 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform vượt 3,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần
16	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Bắc Hưng Hải tại xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng	Ntđ9	40	DO không đạt; TP vượt 1,87 lần; TN vượt 4,85 lần; COD vượt 2 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần
17	Sông Đình Đào tại cầu Bía, xã Tân Kỳ, TP. Hải Phòng	N67	66	DO không đạt; TN vượt 2,3 lần; COD vượt 1,4 lần;
18	Sông Cửu An tại Cầu Di Linh, xã Tân An, TP. Hải Phòng	N68	54,7	DO không đạt; TN vượt 3,5 lần; COD vượt 1,13 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần
19	Sông Cửu An tại Cầu Ràm, xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng	N69	64,3	DO không đạt; TN vượt 3,71 lần;
20	Sông Cửu An, xã Hải Hưng, TP. Hải Phòng	N73	53,7	DO không đạt; TN vượt 1,55 lần; COD vượt 1,4 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần
21	Sông cầu Cốc, xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng	N74	37,3	DO không đạt; COD vượt 2,8 lần; BOD_5 vượt 2,17 lần; Coliform vượt 32 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 17 lần

22	Trạm quan trắc tự động nước mặt sông Cửu An (trạm Chùa Khu), xã Hải Hưng, TP. Hải Phòng	Ntđ10	39,5	DO không đạt; TN vượt 2,4 lần; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần
II	**Sông nội đồng khác**			
23	Sông Thiên tại Cầu Thiên, phường Lê Đại Hành, TP. Hải Phòng	N3	70,8	DO không đạt; TN vượt 1,31 lần
24	Sông Đại Tân, phường Trần Nhân Tông, TP. Hải Phòng	N4	72,2	DO không đạt;
25	Sông Văn Dương tại thôn Văn Dương, xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	N23	75,8	TN vượt 1,55 lần; COD vượt 1,07 lần
26	Sông Văn Dương tại xã Phú Thái, TP. Hải Phòng	N26	62,1	TN vượt 1,83 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần
27	Sông Nguyễn Văn Bé tại cống Phạm Xá cách cửa thoát nước ra sông Rạng 100m, xã Lai Khê, TP. Hải Phòng	N27	62,9	DO không đạt; TN vượt 6,91 lần; COD vượt 1,87 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần;
28	Sông Bến Gạch tại cầu Hảo Thôn, là phường Ái Quốc, TP. Hải Phòng	N35	62,1	DO không đạt; TN vượt 2,34 lần; COD vượt 1,93 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần;
29	Sông Hương, xã Hà Bắc, TP. Hải Phòng	N81	70,5	DO không đạt; TN vượt 1,81 lần; COD vượt 1,27 lần;
30	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Hương tại cầu sông Hương trên đường 390B tại xã Thanh Hà, TP. Hải Phòng	Ntđ12	66,5	DO không đạt; COD vượt 1,1 lần;

Bảng 3. Tổng hợp các điểm vượt và chỉ số WQI nước kênh mương khu vực phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc đợt 2 năm 2025

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT
1	Kênh Phao Tân giao với đường huyện 17B, phường Chí Linh, TP. Hải Phòng	N6	69,5	DO không đạt; TN vượt 1,61 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần
2	Kênh Ngọc Trì - Chu Đậu trước trạm bơm thoát ra sông Thái Bình, xã Thái Tân, TP. Hải Phòng	N12	69,5	DO không đạt; TN vượt 1,58 lần; COD vượt 2,2 lần; BOD_5 vượt 1,67 lần;
3	Kênh Ngọc Trì - Chu Đậu điểm tiếp nhận nước thải của CCN An Đồng, xã Nam Sách, TP. Hải Phòng	N13	27,9	DO không đạt; TP vượt 3,67 lần; TN vượt 9,86 lần; COD vượt 8,6 lần; BOD_5 vượt 6,5 lần; Coliform vượt 4,8 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 7,9 lần
4	Kênh KT13 điểm tiếp nhận nước thải của CCN Duy Tân, phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng	N19	88,9	DO không đạt; TN vượt 1,28 lần;
5	Kênh Ngư Uyên tại cống thoát nước ra sông Kinh Môn (tiếp nhận nước thải của CCN Long Xuyên), phường Trần Liễu, TP. Hải Phòng	N20	71,1	DO không đạt; TN vượt 1,04 lần; COD vượt 1,33 lần;
6	Mương thoát nước làng nghề An Thủy, phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng	N21	27	DO không đạt; TP vượt 6,9 lần; TN vượt 10,29 lần; COD vượt 3,6 lần; BOD_5 vượt 2,67 lần; Coliform vượt 4,8 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,8 lần

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT
7	Điểm hợp lưu giữa kênh Nguyễn Lân và kênh Phùng Khắc, phường Phạm Sư Mệnh, TP. Hải Phòng	N22	35,6	TP vượt 3,63 lần; TN vượt 7,64 lần; COD vượt 1,07 lần; Coliform vượt 3,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần
8	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Quỳnh Phúc, xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	N24	60,7	DO không đạt; TN vượt 3,09 lần; COD vượt 1,93 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần;
9	Mương thoát nước xã Lai Vu tại cống Hòa Bình (trước khi chảy ra sông Rạng), xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)	N25	26,2	DO không đạt; TP vượt 22,13 lần; TN vượt 26,2 lần; COD vượt 3,93 lần; BOD_5 vượt 3,0 lần; Coliform vượt 32 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 28 lần
10	Kênh Tứ Thông – Trước khi chảy ra sông Sặt, phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng	N30	40,7	DO không đạt; TP vượt 2,83 lần; TN vượt 4,35 lần; COD vượt 2,8 lần; BOD_5 vượt 2,17 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,4 lần
11	Mương thoát nước làng nghề Lộ Cương, phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng	N34	21,3	DO không đạt; TP vượt 3,13 lần; TN vượt 5,19 lần; COD vượt 4,27 lần; BOD_5 vượt 3,17 lần; Coliform vượt 108 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 170 lần
12	Mương tiếp nhận nước thải của KCN Kỹ thuật cao An Phát và CCN Việt Hòa, phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng	N36	42,4	DO không đạt; TP vượt 3,0 lần; TN vượt 4,11 lần; COD vượt 1,93 lần; BOD_5 vượt 2,83 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT
13	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Ba Hàng, phường Nam Đồng, TP. Hải Phòng	N37	58,4	DO không đạt; COD vượt 1,2 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần
14	Kênh Thạch Khôi – Đoàn Thượng tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Thạch Khôi – Gia Xuyên, phường Thạch Khôi, TP. Hải Phòng	N38	55,1	DO không đạt; TP vượt 2,33 lần; TN vượt 3,63 lần; COD vượt 1,93 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần;
15	Kênh Bá Liễu – Trại Vực tại khu vực nghĩa trang Cầu Cương, phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng	N39	60,7	DO không đạt; TP vượt 1,33 lần; TN vượt 3,16 lần; COD vượt 1,6 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần;
16	Kênh Phí Xá – Cầm Đông tại hồ chung chuyển thôn Quý Dương, xã Mao Điền, TP. Hải Phòng	N43	67,5	DO không đạt; TN vượt 1,57 lần; COD vượt 4,07 lần; BOD_5 vượt 3,0 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần
17	Kênh Đò Cậy - Tiên Kiều tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Cao An, phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng	N45	29,6	DO không đạt; TN vượt 2,12 lần; COD vượt 2,13 lần; BOD_5 vượt 1,67 lần; Coliform vượt 3,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần
18	Mương Lương Xá tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Lương Điền, xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng	N46	53,2	DO không đạt; COD vượt 1,4 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần
19	Kênh trước cổng đền Bia, xã Tuệ Tĩnh, TP. Hải Phòng	N47	34,6	TN vượt 2,59 lần; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 7 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 7,9 lần

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT
20	Kênh Đò Cậy – Tiên Kiều phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng	N49	32	DO không đạt; COD vượt 2,33 lần; BOD_5 vượt 1,83 lần; Coliform vượt 32 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 28 lần
21	Kênh giáp đường 395 tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Tân Hồng, xã Đường An, TP. Hải Phòng	N51	30,8	DO không đạt; TN vượt 2,79 lần; COD vượt 1,4 lần; Coliform vượt 3,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần
22	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Tráng Liệt, xã Kẻ Sặt, TP. Hải Phòng	N52	29,6	DO không đạt; TP vượt 4,87 lần; TN vượt 12,16 lần; COD vượt 2,07 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần; Coliform vượt 32 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 14 lần
23	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Nhân Quyền, xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng	N54	29,3	DO không đạt; TN vượt 3,73 lần; COD vượt 2,2 lần; BOD_5 vượt 1,67 lần; Coliform vượt 3,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần
24	Kênh Thạch Khôi - Đoàn Thượng tại cầu Gỗ, xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng	N57	26	DO không đạt; TP vượt 1,93 lần; TN vượt 3,85 lần; COD vượt 1,87 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 32 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 11 lần
25	Kênh Thạch Khôi - Đoàn Thượng trước khi chảy vào sông Đình Đào, xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng	N58	70,3	DO không đạt; TN vượt 3,57 lần; COD vượt 2,07 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần;

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT
26	Mương tiếp nhận nước thải của KCN Hoàng Diệu, xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng	N59	34,8	DO không đạt; COD vượt 3,07 lần; BOD_5 vượt 2,33 lần; Coliform vượt 3,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,4 lần
27	Kênh Bá Liễu - Trại Vực tại điểm nhận nước thải của CCN Kỳ Sơn, xã Đại Sơn, TP. Hải Phòng	N62	33,4	DO không đạt; TN vượt 3,47 lần; Coliform vượt 7 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 7,9 lần
28	Mương giáp đường 391, tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Nguyên Giáp, xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng	N63	38,3	TN vượt 1,05 lần; COD vượt 1,47 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform vượt 18,4 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 17 lần
29	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Nghĩa An, xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng	N70	41,1	DO không đạt; TP vượt 1,13 lần; TN vượt 3,37 lần; COD vượt 3,27 lần; BOD_5 vượt 2,5 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần
30	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Hồng Phúc – Hưng Long, xã Hồng Châu, TP. Hải Phòng	N71	37,8	DO không đạt; COD vượt 2,6 lần; BOD_5 vượt 2 lần; Coliform vượt 7 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,9 lần
31	Mương thoát nước làng nghề Cúc Bồ, xã Khúc Thừa Dụ, TP. Hải Phòng	N72	42,3	DO không đạt; TP vượt 5,77 lần; TN vượt 9,2 lần; COD vượt 4,27 lần; BOD_5 vượt 3,17 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần
32	Kênh Hồng Đức, xã Thanh Miện, TP. Hải Phòng	N75	31,4	DO không đạt; TN vượt 3,51 lần; COD vượt 1,53 lần; BOD_5 vượt

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT
				1,17 lần; Coliform vượt 18,4 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 13 lần
33	Mương giáp đường 392 tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Đoàn Tùng, xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng	N77	30,5	DO không đạt; TP vượt 2,33 lần; TN vượt 2,94 lần; COD vượt 2,47 lần; BOD_5 vượt 1,83 lần; Coliform vượt 10,8 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 7,9 lần
34	Mương thoát nước làng nghề Hội Yên, xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng	N78	30,6	DO không đạt; TP vượt 4,2 lần; TN vượt 5,29 lần; COD vượt 1,6 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform vượt 32 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 17 lần
35	Mương tiếp nhận nước thải CCN Ngũ Hùng – Thanh Giang, xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng	N79	53,7	DO không đạt; TN vượt 2,95 lần; COD vượt 2,2 lần; BOD_5 vượt 1,67 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần
36	Mương tiếp nhận nước thải CCN Cao Thắng, xã Thanh Miện, TP. Hải Phòng	N80	75,4	DO không đạt; COD vượt 2 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần;

Bảng 4. Tổng hợp các điểm vượt và chỉ số WQI nước hồ khu vực phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc đợt 2 năm 2025

KH	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 3, QCVN 08:2023/BTNMT
1	Hồ Mật Sơn, phường Chu Văn An, TP. Hải Phòng	N7	69,3	DO không đạt; TN vượt 1,25 lần; COD vượt 1,8 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần;

2	Hồ Côn Sơn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Phòng	N8	90,5	DO không đạt; COD vượt 1,33 lần;
3	Hồ Bến Tắm, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Phòng	N9	91,4	COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần;
4	Hồ Bình Minh, phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng	N31	25,2	TP vượt 2,3 lần; TN vượt 4,8 lần; COD vượt 3,93 lần; BOD_5 vượt 3 lần; Coliform vượt 3,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần
5	Hồ Bạch Đằng, phường Hải Dương, TP. Hải Phòng	N32	64,6	TP vượt 3,47 lần; TN vượt 1,21 lần; COD vượt 3,47 lần; BOD_5 vượt 2,67 lần;
6	Hồ An Dương, xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng	N76	77,5	COD vượt 1,4 lần;

PHỤ LỤC I. BẢNG TỔNG HỢP CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC CÓ THÔNG SỐ VƯỢT QCCP ĐỢT 3 NĂM 2025

A. THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP
1	Khu di tích Côn Sơn, phường Cộng Hòa, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Phòng)	K1	-
2	Khu dân cư phố Hoàng Hoa Thám, phường Phả Lại, TP. Chí Linh (nay là phường Chí Linh, TP.Hải Phòng)	K2	-
3	Khu dân cư Đại Bát, phường Hoàng Tân, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP.Hải Phòng)	K3	-
4	Quốc lộ18 tại phường Chí Minh, TP. Chí Linh (nay là phường Chu Văn An, TP.Hải Phòng)	K4	Tiếng ồn vượt 1,12 lần
5	Quốc lộ 18 tại phường Hoàng Tiến, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP.Hải Phòng)	K5	Tiếng ồn vượt 1,03 lần
6	Quốc lộ 37 tại Phường Thái Học, TP. Chí Linh (nay là phường Chu Văn An, TP Hải Phòng)	K6	Tiếng ồn vượt 1,02 lần
7	Khu dân cư Tế Sơn, phường Đồng Lạc, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP.Hải Phòng)	K7	-
8	Khu dân cư Chi Ngãi, phường Cộng Hòa, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Hưng Đạo, TP.Hải Phòng)	K8	-
9	Khu dân cư Kỹ Sơn, phường Tân Dân, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP.Hải Phòng)	K9	-
10	Khu dân cư thôn Quan Đình, xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP.Hải Phòng)	K10	-
11	Làng nghề Mạn Đê, xã Nam Trung, huyện Nam Sách (nay là xã Trần Phú, TP. Hải Phòng)	K11	-
12	Khu dân cư Đồng Khê, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP.Hải Phòng)	K12	-
13	Khu dân cư thôn An Điền, xã Cộng Hòa, huyện Nam Sách (nay xã An Phú, TP.Hải Phòng)	K13	-
14	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Nam Sách, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP.Hải Phòng)	Ktđ3	-
15	Khu dân cư Thượng Chiểu, phường Tân Dân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP.Hải Phòng)	K14	-

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP
16	Khu dân cư Xạ Sơn, xã Quang Thành, Tx. Kinh Môn (nay là xã Nam An Phụ, TP.Hải Phòng)	K15	-
17	Khu dân cư Lỗ Sơn, phường Phú Thứ, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP.Hải Phòng)	K16	-
18	Ngã tư (gốc đa) Quốc lộ 17B tại phường Minh Tân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP.Hải Phòng)	K17	Tiếng ồn vượt 1,14 lần Bụi TSP vượt 1,79 lần
19	Khu dân cư Hiệp Thượng, phường Hiệp Sơn, Tx. Kinh Môn (nay là phường Phạm Sư Mệnh, TP.Hải Phòng)	K18	-
20	Khu dân cư Tiên Xá, xã Lê Ninh, Tx. Kinh Môn (nay là phường Bắc An Phụ, TP.Hải Phòng)	K19	-
21	Khu dân cư Trại Mới, phường Hiệp An, Tx. Kinh Môn (nay là phường Kinh Môn, TP.Hải Phòng)	K20	-
22	Làng nghề An Thủy, phường Hiến Thành, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng)	K21	-
23	Khu dân cư Ngư Uyên, phường Long Xuyên, Tx. Kinh Môn (nay là phường Kinh Môn, TP.Hải Phòng)	K22	-
24	Quốc lộ 5 tại điểm giao giữa Quốc lộ 17B, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP.Hải Phòng)	K23	Tiếng ồn vượt 1,14 lần Bụi TSP vượt 1,40 lần
25	Khu dân cư thôn Quyết Tâm, xã Lai Vu, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP.Hải Phòng)	K24	-
26	Khu dân cư Cổ Phục, xã Kim Liên, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP.Hải Phòng)	K25	Bụi TSP vượt 1,23 lần
27	Khu dân cư Quỳnh Khê, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành Thành (nay là xã Phú Thái, TP.Hải Phòng)	K26	-
28	Khu dân cư khu 6, phường Hải Tân, TP. Hải Dương Thành (nay là phường Tân Hưng, TP.Hải Phòng)	K27	-
29	Làng nghề Lộ Cương, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là Phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	K28	-
30	Nút giao với các đường Nguyễn Lương Bằng, Phạm Ngũ Lão, Điện Biên Phủ và Lê Thanh Nghị (ngã tư máy sứ) (nay là Phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng)	K29	-

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP
31	Khu dân cư Đồng Niên, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương Thành (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K30	-
32	Nút giao thông Tam Giang, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương (Nay là phường Hải Dương, TP. Hải Phòng)	K31	-
33	Khu dân cư Quang Giáp, phường Thạch Khôi, TP. Hải Dương (nay là phường Thạch Khôi, TP.Hải Phòng)	K32	-
34	Quốc lộ 5 tại nút giao với đường Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Dương (nay là Phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng)	K33	Tiếng ồn vượt 1,09 lần
35	Làng nghề gỗ Đông Giao, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng)	K34	Tiếng ồn vượt 1,01 lần
36	Làng nghề rượu Phú Lộc, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Tuệ Tĩnh, TP. Hải Phòng)	K35	-
37	Khu dân cư Cẩm Trục, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP.Hải Phòng)	K36	-
38	Khu dân cư Lương Xá, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP.Hải Phòng)	K37	-
39	Khu dân cư Hoàng Hòa, xã Cẩm Điền (Phúc Điền), huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP.Hải Phòng)	K38	-
40	Khu dân cư Quý Dương, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP.Hải Phòng)	K39	-
41	Khu dân cư Phú An, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K40	-
42	Khu dân cư Thôn Tiền, TT. Lai Cách, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K41	-
43	Khu dân cư Đỗ Trung, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K42	-
44	Khu dân cư thôn Chùa, xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP.Hải Phòng)	K43	-
45	Tỉnh lộ 392 tại ngã năm TT. Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP. Hải Phòng)	K44	Tiếng ồn vượt 1,02 lần
46	Quốc lộ 394 tại điểm giao với Quốc lộ 392, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang (nay là xã Bình Giang, TP. Hải Phòng)	K45	Tiếng ồn vượt 1,02 lần

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP
47	Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng tại xã Thái Học, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP. Hải Phòng)	K46	-
48	Khu dân cư Hòa Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP.Hải Phòng)	K47	-
49	Khu dân cư thôn My Cầu, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP.Hải Phòng)	K48	-
50	Khu dân cư khu đô thị mới Tráng Liệt, thị trấn Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP.Hải Phòng)	K49	-
51	Quốc lộ 5 tại ngã tư Quán Gỏi, TT. Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP. Hải Phòng)	K50	Tiếng ồn vượt 1,12 lần
52	Quốc lộ 37, tại ngã 3 thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	K51	Tiếng ồn vượt 1,04 lần Bụi TSP vượt 1,41 lần
53	Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng giao Quốc lộ 38B tại Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	K52	-
54	Làng nghề bún Đông Cận, xã Tân Tiến (Gia Tiến), huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	K53	-
55	Làng nghề Văn Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	K54	-
56	Khu dân cư Buộm, xã Toàn Thắng, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP.Hải Phòng)	K55	-
57	Giao đường 38B và đường 392 tại Trạm Bóng, xã Quang Minh, huyện Gia Lộc (nay là xã Trường Tân, TP. Hải Phòng)	K56	Tiếng ồn vượt 1,08 lần
58	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Gia Lộc (trạm Gia Lộc), huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	Ktđ12	-
59	Quốc lộ 391, tại vị trí giao thông vào CCN Kỳ Sơn, xã Đại Sơn, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Đại Sơn, TP. Hải Phòng)	K57	Tiếng ồn vượt 1,11 lần Bụi TSP vượt 3,27 lần
60	Đường tỉnh 391 tại Ngã Tư Mắc, xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ(nay là xã Tứ Kỳ TP. Hải Phòng)	K58	-
61	Khu dân cư thôn La Giang, xã Văn Tố, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP.Hải Phòng)	K59	-
62	Khu dân cư thôn Văn Vật, xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP.Hải Phòng)	K60	-

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP
63	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Tứ Kỳ (trạm Tứ Kỳ) , huyện Tứ Kỳ (nay là xã Tứ Kỳ, TP. Hải Phòng)	Ktđ13	-
64	Nút giao giữa Quốc lộ 37 và quốc lộ 392 tại xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang (nay là xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng)	K61	-
65	Khu dân cư Hào Khê, xã Hưng Long, huyện Ninh Giang (nay là xã Hồng Châu, TP.Hải Phòng)	K62	-
66	Làng nghề Cúc Bồ, xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang (nay là xã Khúc Thừa Dụ, TP. Hải Phòng)	K63	-
67	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Ninh Giang (trạm Ninh Giang), huyện Ninh Giang (nay là xã Ninh Giang, TP. Hải Phòng)	Ktđ14	-
68	Khu dân cư Thúy Lâm, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện (nay là xã Nguyễn Lương Bằng TP.Hải Phòng)	K64	-
69	Làng nghề Hội Yên, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	K65	-
70	Khu dân cư Hòa Bình, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP.Hải Phòng)	K66	-
71	Khu dân cư Tiêu Sơn, xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP.Hải Phòng)	K67	-
72	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Thanh Miện (trạm Ninh Giang), huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	Ktđ15	-
73	Khu dân cư thôn Cổ Chấm, xã Việt Hồng (Cẩm Việt), huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP.Hải Phòng)	K68	-
74	Khu dân cư Tú Y, xã Vĩnh Lập, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Đông, TP.Hải Phòng)	K69	-
75	Đường tỉnh 390 tại ngã ba xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Tây, TP. Hải Phòng)	K70	Tiếng ồn vượt 1,02 lần
76	Quốc lộ 390B tại xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP Hải Phòng)	K71	Tiếng ồn vượt 1,03 lần

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP
77	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Thanh Hà, huyện Thanh Hà (nay là xã Thanh Hà, TP. Hải Phòng)	Ktđ16	-

B. THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG NƯỚC

Bảng 1. Tổng hợp các điểm vượt QCCP và chỉ số WQI của nước sông tự nhiên quan trắc đợt 4 năm 2025

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/ BTNMT	Thông số vượt bảng 1, QCVN 08:2023/BTNMT
1	Sông Cầu, cách điểm nối giữa sông Cầu và sông Thương 1.500m về phía thượng lưu	N1	81,7	-	E.Coli vượt 7 lần
2	Sông Đông Mai tại cầu Đông Mai (Đường 184), phường Văn Đức, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP. Hải Phòng)	N2	84,1	DO không đạt; TN vượt 1,16 lần; COD vượt 1,07 lần	E.Coli vượt 7 lần
3	Sông Kinh Thầy gần cửa kênh thoát nước của Trạm bơm Vạn Thắng, phường Tân Dân, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP. Hải Phòng)	N5	77,1	-	NO_2^--N vượt 4,62 lần, E.Coli vượt 5,5 lần,
4	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thái Bình tại xã Nhân Huệ (trạm Nhân Huệ), TP. Chí Linh (nay là phường Chí Linh, TP. Hải Phòng)	Ntđ1	76,9	-	E.Coli vượt 5,5 lần
5	Sông Thái Bình tại thôn Nhuế Sơn, xã Thái Tân, huyện Nam	N10	79	-	NO_2^--N vượt 2,22 lần; E.Coli vượt 1,55 lần

	Sách (nay là xã Thái Tân, TP. Hải Phòng)				
6	Sông Kinh Thầy tại Cầu Bình, xã Thanh Quang, huyện Nam Sách (nay là xã Trần Phú, TP. Hải Phòng)	N11	69,6	DO không đạt	NO_2^--N vượt 2,86 lần, E.Coli vượt 8,5 lần
7	Sông Đá Vách khu Tử Lạc, phường Minh Tân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	N14	61,3	DO không đạt	NO_2^--N vượt 1,06 lần, E.Coli vượt 10,5 lần
8	Sông Đá Vách, cách trạm cấp nước Tân Dân 50m về phía thượng lưu, phường Tân Dân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	N15	76,2	DO không đạt; COD vượt 1,80 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần	NO_2^--N vượt 1,08 lần; E.Coli vượt 2,15 lần
9	Sông Kinh Thầy tại thôn Tam Đa Ngoại, xã Minh Hòa, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng)	N16	83,3	TN vượt 1,19 lần; COD vượt 1,20 lần	E.Coli vượt 5,5 lần
10	Sông Kinh Thầy cách trạm cấp nước Bạch Đằng 50m về phía thượng lưu, phường Bạch Đằng, Tx. Kinh Môn (nay là phường Bắc An Phụ, TP. Hải Phòng)	N17	75	TN vượt 1,28 lần	NO_2^--N vượt 3,1 lần; E.Coli vượt 8,5 lần
11	Sông Hàn Mấu tại khu dân cư Phúc Sơn, phường Phú Thứ, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	N18	76,5	-	E.Coli vượt 11,5 lần
12	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Thầy tại phường Hiệp Sơn (trạm Hiệp Sơn), Tx. Kinh	Ntđ2	94,4	TN vượt 1,29 lần	E.Coli vượt 1,25 lần

	Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)				
13	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Môn tại phường An Phụ (trạm An Phụ), Tx. Kinh Môn (nay là phường Trần Liễu, TP. Hải Phòng)	Ntđ3	87,2	TN vượt 1,13 lần; COD vượt 1,27 lần	NO_2^--N vượt 2,86 lần
14	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Môn tại xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)	Ntđ4	71,8	COD vượt 1,47 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần	NO_2^--N vượt 1,9 lần; E.Coli vượt 3,5 lần
15	Sông Thái Bình, cách trạm bơm cấp nước cho nhà máy nước Việt Hòa 50m về phía thượng lưu, TP. Hải Dương (nay là phường Thành Đông, TP. Hải Phòng)	N28	68,7	TN vượt 1,19 lần	NO_2^--N vượt 2,22 lần; E.Coli vượt 7 lần
16	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thái Bình tại cảng Cống Câu, phường Hải Tân (trạm Cống Câu) TP. Hải Dương (nay là phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng)	Ntđ5	76,3	TN vượt 1,16 lần	E.Coli vượt 5,5 lần
17	Sông Luộc tại cầu Quý Cao, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng)	N60	67,1	-	NO_2^--N vượt 2,84 lần; E.Coli vượt 8,5 lần
18	Sông Thái Bình tại bến đò An Định, xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP. Hải Phòng)	N64	82,8	DO không đạt; TN vượt 1,16 lần; COD vượt 1,07 lần	NO_2^--N vượt 3,16 lần; E.Coli vượt 2,9 lần

19	Sông Thái Bình tại xã Chí Minh, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP. Hải Phòng)	N65	82,7	-	NO_2^--N vượt 3,18 lần; E.Coli vượt 3,15 lần
20	Sông Luộc tại trạm bơm của nhà máy nước sạch Ninh Giang, huyện Ninh Giang (nay là xã Ninh Giang, TP. Hải Phòng)	N66	62,6	-	NO_2^--N vượt 1,04 lần; E.Coli vượt 8,5 lần
21	Trạm quan trắc tự động nước mặt sông Luộc tại xã Hồng Phong (trạm My Động), huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng).	Ntđ11	81,6	-	E.Coli vượt 5,5 lần
22	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Rạng tại xã Thanh An, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP. Hải Phòng)	Ntđ13	77,1	DO không đạt	NO_2^--N vượt 9,46 lần; E.Coli vượt 7 lần
23	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Văn Úc tại xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Đông, TP. Hải Phòng)	Ntđ14	82,9	DO không đạt	NO_2^--N vượt 9,52 lần; E.Coli vượt 4,2 lần

Bảng 2. Tổng hợp các điểm vượt và chỉ số WQI nước sông nội đồng quan trắc đợt 4 năm 2025

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT
I	**Hệ thống sông Bắc Hưng Hải**			
1	Sông Sặt, tại cầu Cất, TP. Hải Dương (nay là phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng)	N29	28,9	DO không đạt; TP vượt 1,47 lần; TN vượt 3,73 lần; COD vượt 1,67 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 7 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 7,9 lần

2	Sông Bạch Đằng tại điểm cuối trước khi chảy ra sông Thái Bình, TP. Hải Dương (nay là phường Hải Dương, TP. Hải Phòng)	N33	27,9	DO không đạt; TP vượt 1,83 lần; TN vượt 4,52 lần; COD vượt 1,6 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform vượt 10,8 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 13 lần
3	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Sặt tại phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	Ntđ6	54,6	DO không đạt; TP vượt 1,27 lần; TN vượt 2,13 lần; COD vượt 1,2 lần
4	Sông Cẩm Giàng tại điểm giao với kênh cầu Dốc, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng)	N40	60,2	DO không đạt; TN vượt 1,53 lần; COD vượt 1,6 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,5 lần
5	Sông Cẩm Giàng tại cầu Tân Trường, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP. Hải Phòng)	N41	59,4	DO không đạt; TN vượt 1,49 lần; COD vượt 1,4 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần
6	Sông Bùi tại xã Thạch Lỗi, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giang, TP. Hải Phòng)	N42	51,5	DO không đạt; TN vượt 1,6 lần; COD vượt 1,47 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform vượt 1,58 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần
7	Sông Bùi tại thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Tuệ Tĩnh, TP. Hải Phòng)	N44	54,8	DO không đạt; TN vượt 2,21 lần; COD vượt 1,8 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,16 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,8 lần
8	Sông Sặt tại Hoàng Hòa, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP. Hải Phòng)	N48	50,2	DO không đạt; TN vượt 1,83 lần; COD vượt 1,4 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần
9	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thứa tại thôn Mậu Duyệt, xã Cẩm	Ntđ7	69,9	DO không đạt; TN vượt 1,83 lần; COD vượt 1,13 lần

	Hưng (trạm Mậu Duyệt), huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng).			
10	Sông Sặt tại cầu Cậy, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang (nay là xã Bình Giang, TP. Hải Phòng)	N50	33,5	DO không đạt; TN vượt 2,32 lần; COD vượt 1,07 lần; Coliform vượt 2,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 3,9 lần
11	Sông Đình Đào tại cầu Bá Thủy, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang (nay là xã Yết Kiêu, TP. Hải Phòng)	N53	50,4	DO không đạt; TP vượt 1,07; TN vượt 3,05 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,3 lần
12	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Sặt, xã Thúc Kháng (trạm Cống Tranh), huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP. Hải Phòng)	Ntd8	31,6	DO không đạt; TP vượt 2,83 lần; TN vượt 3,84 lần; COD vượt 1,2 lần; Coliform vượt 32 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 22 lần
13	Sông Đình Đào tại cầu Tràng Thưa, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	N55	45,4	DO không đạt; TN vượt 3,13 lần; COD vượt 1,27 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần
14	Sông cầu Binh, tại cầu Binh, xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	N56	39,5	DO không đạt; TP vượt 1,13 lần; TN vượt 3,26 lần; COD vượt 1,2 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,8 lần
15	Sông Tứ Kỳ tại cầu Vạn, xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Tứ Kỳ, TP. Hải Phòng)	N61	53,9	DO không đạt; TN vượt 1,59 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần
16	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Bắc Hưng Hải tại xã Hà Kỳ (trạm Hà Kỳ), huyện Tứ Kỳ (nay là	Ntd9	52,2	DO không đạt; TN vượt 1,79 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần

	xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng)			
17	Sông Đình Đào tại cầu Bía, huyện Ninh Giang (nay là xã Tân Kỳ, TP. Hải Phòng)	N67	53,3	TN vượt 2,66 lần; COD vượt 1,67 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,26 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,3 lần
18	Sông Cửu An tại Cầu Di Linh, xã An Đức, huyện Ninh Giang (nay là xã Tân An, TP. Hải Phòng)	N68	50,8	DO không đạt; TN vượt 2,51 lần; COD vượt 1,47 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần
19	Sông Cửu An tại Cầu Ràm, xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang (nay là xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng)	N69	56,4	DO không đạt; TN vượt 2,49 lần; COD vượt 1,53 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần
20	Sông Cửu An, xã Đoàn Kết, huyện Thanh Miện (nay là xã Hải Hưng, TP. Hải Phòng)	N73	49,4	DO không đạt; TN vượt 4,21 lần; COD vượt 1,87 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần
21	Sông cầu Cốc, xã Thanh Tùng (khu vực giáp xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang), huyện Thanh Miện (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng)	N74	58	DO không đạt; TN vượt 3,92 lần; COD vượt 2 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần
22	Trạm quan trắc tự động nước mặt sông Cửu An tại xã Ngô Quyền (trạm Chùa Khu), huyện Thanh Miện (nay là xã Hải Hưng, TP. Hải Phòng)	Ntđ10	40,9	DO không đạt; TN vượt 3,85 lần; COD vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,88 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,1 lần
II	**Hệ thống sông nội đồng khác**			
23	Sông Thiên tại Cầu Thiên, phường Tân Dân, TP. Chí	N3	70,5	DO không đạt

	Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP. Hải Phòng)			
24	Sông Đại Tân, phường Hoàng Tân, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP. Hải Phòng)	N4	78,1	DO không đạt; TN tổng vượt 1,93 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần
25	Sông Văn Dương tại thôn Văn Dương, xã Kim Liên, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	N23	56,7	DO không đạt, TN vượt 2,33 lần; COD vượt 1,07 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần
26	Sông Văn Dương tại khu dân cư thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	N26	57,5	DO không đạt; TN vượt 2,38 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,4 lần
27	Sông Nguyễn Văn Bé tại cống Phạm Xá cách cửa thoát nước ra sông Rạng 100m, thôn Phạm Xá 1, xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)	N27	31,5	DO không đạt; TP vượt 1,3 lần; TN vượt 4,49 lần; COD vượt 1,67 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần, Coliform vượt 3,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 5,4 lần
28	Sông Bến Gạch tại cầu Hào Thôn, phường Ái Quốc, TP. Hải Dương (nay là xã Nam Sách, TP. Hải Phòng)	N35	58,1	DO không đạt; TN vượt 1,09lần; COD vượt 2,67 lần; BOD_5 vượt 2 lần; Coliform vượt 1,08 lần
29	Sông Hương tại xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP. Hải Phòng)	N81	42	DO không đạt; TN vượt 2,4 lần; COD vượt 5,33 lần; BOD_5 vượt 4,17 lần; Coliform vượt 1,26 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,1 lần
30	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Hương tại cầu sông Hương trên đường 390B tại thị trấn Thanh	Ntđ12	53,2	DO không đạt; TN vượt 1,1 lần; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần

	Hà, huyện Thanh Hà (nay là xã Thanh Hà, TP. Hải Phòng)			

Bảng 3. Tổng hợp các điểm vượt và chỉ số WQI nước kênh mương khu vực phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc đợt 3 năm 2025

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT
1	Kênh Phao Tân giao với đường huyện 17B, phường Phả Lại, TP. Chí Linh (nay là phường Chí Linh, TP. Hải Phòng)	N6	76,6	TN vượt 1,71 lần; COD vượt 1,33; TSS vượt 2,25 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,4 lần
2	Kênh Ngọc Trì - Chu Đậu trước trạm bơm thoát ra sông Thái Bình, xã Thái Tân, huyện Nam Sách (nay là xã Thái Tân, TP. Hải Phòng)	N12	63,2	TN vượt 1,05 lần; COD vượt 1,13 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần
3	Kênh Ngọc Trì - Chu Đậu điểm tiếp nhận nước thải của CCN An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP. Hải Phòng)	N13	58	DO không đạt; TN vượt 2,6 lần; COD vượt 1,27 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần
4	Kênh KT13 điểm tiếp nhận nước thải của CCN Duy Tân tại phường Duy Tân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	N19	46,5	DO không đạt; TN vượt 1,51 lần; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần
5	Kênh Ngư Uyên tại cống thoát nước ra sông Kinh Môn (tiếp nhận nước thải của CCN Long Xuyên), Tx. Kinh Môn (nay là phường Trần Liễu, TP. Hải Phòng)	N20	73,5	DO không đạt; TN vượt 1,21 lần; COD vượt 1,33 lần

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT
6	Mương thoát nước làng nghề An Thủy, phường Hiến Thành, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng)	N21	31,8	DO không đạt; TP vượt 4,37 lần; TN vượt 4,85 lần; COD vượt 1,93 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,6 lần
7	Điểm hợp lưu giữa kênh Nguyễn Lân và kênh Phùng Khắc – khu dân cư Hiệp Hạ, phường Hiệp Sơn, Tx. Kinh Môn (nay là phường Phạm Sư Mạnh, TP. Hải Phòng)	N22	33,5	DO không đạt; TP vượt 2,5 lần; TN vượt 4,39 lần; COD vượt 1,33 lần; Coliform vượt 3,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,9 lần
8	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Quỳnh Phúc (còn gọi là đầm Ba Xã), gần Công ty Cổ phần Trung Kiên, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	N24	50,1	DO không đạt; TN vượt 2,32 lần; COD vượt 1,67 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần
9	Mương thoát nước xã Lai Vu tại cống Hòa Bình (trước khi chảy ra sông Rạng) xã Lai Vu, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)	N25	29,8	DO không đạt; TP vượt 10,2 lần; TN vượt 10,99 lần; COD vượt 1,8 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 32 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 28 lần
10	Kênh Tứ Thông – Trước khi chảy ra sông Sặt, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	N30	31,2	DO không đạt; TN vượt 2,08 lần; COD vượt 1,2 lần; Coliform vượt 4,4 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 13 lần
11	Mương thoát nước làng nghề Lộ Cương, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	N34	28,8	DO không đạt; TN vượt 3,74 lần; COD vượt 1,33 lần; Coliform vượt 98 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 230 lần

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT
12	Mương tiếp nhận nước thải của KCN Kỹ thuật cao An Phát và CCN Việt Hòa, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương (nay là phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng)	N36	58,6	DO không đạt; TN vượt 1,6 lần; COD vượt 1,07 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần
13	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Ba Hàng, phường Nam Đồng, TP. Hải Dương (nay là phường Nam Đồng, TP. Hải Phòng)	N37	62,4	DO không đạt; TP vượt 5,1 lần; COD vượt 2,27 lần; BOD_5 vượt 1,67 lần
14	Kênh Thạch Khôi – Đoàn Thượng tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Thạch Khôi – Gia Xuyên, phường Thạch Khôi, TP. Hải Dương (nay là phường Thạch Khôi, TP. Hải Phòng)	N38	29,4	DO không đạt; TP vượt 1,33 lần; TN vượt 1,13 lần; COD vượt 4,47 lần; BOD_5 vượt 3,33 lần; Coliform vượt 5,6 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 11 lần
15	Kênh Bá Liễu – Trại Vực tại khu vực nghĩa trang Cầu Cương, phường Hải Tân, TP. Hải Dương (nay là phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng)	N39	30,6	DO không đạt; TP vượt 1,2 lần; TN vượt 2,48 lần; COD vượt 1,27 lần; Coliform vượt 3,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 6,3 lần
16	Kênh Phí Xá – Cẩm Đông tại hồ chung chuyển thôn Quý Dương, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP. Hải Phòng)	N43	46,2	TN vượt 2,32 lần; COD vượt 1,93 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,9 lần
17	Kênh Đò Cậy - Tiên Kiều tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Cao An, xã Cao An,	N45	41,4	DO không đạt; TN vượt 2,85 lần; COD vượt 1,27 lần; Coliform vượt

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT
	huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng)			1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,9 lần
18	Mương Lương Xá tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Lương Điền, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng)	N46	67,7	DO không đạt; COD vượt 1,33 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,7 lần
19	Kênh trước cổng đền Bia, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Tuệ Tĩnh, TP. Hải Phòng)	N47	55,9	DO không đạt, TN vượt 1,6 lần; COD vượt 1,53 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần
20	Kênh Đò Cậy – Tiên Kiều tại TT. Lai Cách, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	N49	51,4	DO không đạt; TN vượt 1,23 lần; COD vượt 1,6 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform vượt 1,58 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 3,3 lần
21	Kênh giáp đường 395 tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Tân Hồng, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP. Hải Phòng)	N51	31,3	DO không đạt; TN vượt 3,97 lần; COD vượt 3,07 lần; BOD_5 vượt 2,33 lần Coliform vượt 7 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 11 lần
22	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Tráng Liệt, thị trấn Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP. Hải Phòng)	N52	28,4	DO không đạt; TP vượt 5,13 lần; TN vượt 5,13 lần; COD vượt 2,8 lần; BOD_5 vượt 2 lần; Coliform vượt 34 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 79 lần
23	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Nhân Quyền, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng)	N54	33,2	DO không đạt; TN vượt 1,65 lần; COD vượt 1,27 lần; Coliform vượt 10,8 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 13 lần

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT
24	Kênh Thạch Khôi - Đoàn Thượng tại cầu Gỗ, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	N57	29,6	DO không đạt; TP vượt 2,57 lần; TN vượt 3,68 lần; COD vượt 2,13 lần; BOD_5 vượt 1,67 lần; Coliform vượt 7 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 13 lần
25	Kênh Thạch Khôi - Đoàn Thượng trước khi chảy vào sông Đình Đào tại xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	N58	28,9	DO không đạt; TP vượt 1,37 lần; TN vượt 2,27 lần; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 3,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,3 lần
26	Mương tiếp nhận nước thải của KCN Hoàng Diệu, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	N59	70,3	DO không đạt; TP vượt 1,2 lần; COD vượt 1,8 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần
27	Kênh Bá Liễu - Trại Vực tại điểm nhận nước thải của CCN Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Đại Sơn, TP. Hải Phòng)	N62	34,4	DO không đạt; TN vượt 4,53 lần; Coliform vượt 2,6 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 7,9 lần
28	Mương giáp đường 391, tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Nguyên Giáp, xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng)	N63	40,1	DO không đạt; TN vượt 1,2 lần; Coliform vượt 2,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,3 lần
29	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Nghĩa An, huyện Ninh Giang (nay là xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng)	N70	36,5	DO không đạt; TP vượt 2 lần; TN vượt 5,03 lần; COD vượt 1,13 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 3,9 lần
30	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Hồng Phúc – Hưng Long, xã Hưng Long, huyện Ninh	N71	48,2	DO không đạt; TN vượt 1,58 lần; COD vượt 1,67 lần; BOD_5 vượt 1,33

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT
	Giang (nay là xã Hồng Châu, TP. Hải Phòng)			lần; Coliform vượt 1,4 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,1 lần
31	Mương thoát nước làng nghề Cúc Bồ, xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang (nay là xã Khúc Thừa Dụ, TP. Hải Phòng)	N72	28,5	DO không đạt; TP vượt 12,7 lần; TN vượt 22,33 lần; COD vượt 2,33 lần; BOD_5 vượt 1,83 lần; Coliform vượt 32 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 92 lần
32	Kênh Hồng Đức tại thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	N75	30,1	DO không đạt; TN vượt 4,13 lần; COD vượt 1,27 lần; Coliform vượt 2,8 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 7 lần
33	Mương giáp đường 392 tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Đoàn Tùng, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng)	N77	57,8	DO không đạt; TN vượt 3,56 lần; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần
34	Mương thoát nước làng nghề Hội Yên, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	N78	30,3	DO không đạt; TP vượt 3,37 lần; TN vượt 3,58 lần; COD vượt 1,8 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 4,6 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 9,2 lần
35	Mương tiếp nhận nước thải CCN Ngũ Hùng – Thanh Giang, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	N79	58,7	DO không đạt; TN vượt 2,66 lần; COD vượt 1,27 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần; Coliform vượt 1,16 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT
36	Mương tiếp nhận nước thải CCN Cao Thắng, xã Thanh Miện, TP. Hải Phòng	N80	69,6	DO không đạt; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần

Bảng 4. Tổng hợp các điểm vượt và chỉ số WQI nước hồ khu vực phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc đợt 3 năm 2025

KH	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 3, QCVN 08:2023/BTNMT
1	Hồ Mật Sơn, phường Chu Văn An, TP. Hải Phòng	N7	78,4	TN vượt 2,19 lần; COD vượt 1,13 lần
2	Hồ Côn Sơn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Phòng	N8	92,5	TN vượt 1,5 lần
3	Hồ Bến Tắm, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Phòng	N9	97,1	TN vượt 1,87 lần
4	Hồ Bình Minh, phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng	N31	28,1	DO không đạt; TP vượt 1,47 lần; TN vượt 4,17 lần; COD vượt 1,8 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 10,8 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 13 lần
5	Hồ Bạch Đằng, phường Hải Dương, TP. Hải Phòng	N32	28	TP vượt 1,87 lần; TN vượt 3,5 lần; COD vượt 2,27 lần; BOD_5 vượt 1,67 lần; Coliform vượt 7 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 16 lần
6	Hồ An Dương, xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng	N76	67,6	COD vượt 1,27 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần

Bảng 5. Tổng hợp các điểm vượt nước dưới đất khu vực phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc đợt 3 năm 2025

KH	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP so với QCVN 09:2023/BTNMT
1	Công ty TNHH Nice Ceramic, KCN Cộng Hòa, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh (nay là phường Trần Hưng Đạo, TP Hải Phòng)	Ng1	-
2	Công ty CP sản xuất thương mại và dịch vụ Thái Dương, phường Duy Tân, thị xã Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP Hải Phòng)	Ng2	-
3	Nước dưới đất (giếng trong khu dân cư) tại phường An Sinh, thị xã Kinh Môn (nay là phường Phạm Sư Mạnh, TP Hải Phòng)	Ng3	Cl^- vượt 1,63 lần; Độ cứng vượt 1,05 lần; Pemanganat vượt 1,06 lần
4	Công ty TNHH MTV Giấy Tân Trung Đức, CCN Thạch Khôi – Gia Xuyên, TP. Hải Dương (nay là phường Thạch Khôi, TP Hải Phòng)	Ng5	-
5	Công ty TNHH Thực phẩm Vạn Đắc Phúc, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP Hải Phòng)	Ng6	NH_4^+-N vượt 1,09 lần; Mn vượt 2,4 lần
6	Công ty TNHH SEES VINA, xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Tứ Kỳ, TP Hải Phòng)	Ng8	NH_4^+-N vượt 2,59 lần; Cl^- vượt 3,19 lần; Độ cứng vượt 1,15 lần; Permanganat vượt 1,8 lần; Mn vượt 1,2 lần
7	Công ty TNHH Rich Way, xã Đại Sơn, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Đại Sơn, TP Hải Phòng)	Ng9	Mn vượt 1,16 lần
8	Công ty TNHH Makalot, xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Tây, TP Hải Phòng)	Ng11	-

Bảng 6. Tổng hợp các điểm vượt nước mưa khu vực phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc đợt 3 năm 2025

KH	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP so với QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 1)
1	Tại trụ sở UBND phường Chu Văn An, TP Hải Phòng	M1	NH_4^+-N vượt 1,43 lần
2	Tại trụ sở UBND phường Kinh Môn, TP Hải Phòng	M2	NH_4^+-N vượt 1,53 lần
3	Tại trụ sở cơ sở 2 của Trung tâm Quan trắc môi trường tại phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng	M3	NH_4^+-N vượt 1,5 lần
4	Tại trụ sở UBND xã Kẻ Sặt, TP Hải Phòng	M4	NH_4^+-N vượt 1,47 lần
5	Tại trụ sở UBND xã Ninh Giang, TP Hải Phòng	M5	NH_4^+-N vượt 1,43 lần

PHỤ LỤC I. BẢNG TỔNG HỢP CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC CÓ THÔNG SỐ VƯỢT QCCP ĐỢT 4 NĂM 2025

A. THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP
1	Khu di tích Côn Sơn, phường Cộng Hòa, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Phòng)	K1	
2	Khu dân cư phố Hoàng Hoa Thám, phường Phả Lại, TP. Chí Linh (nay là phường Chí Linh, TP.Hải Phòng)	K2	
3	Khu dân cư Đại Bát, phường Hoàng Tân, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP.Hải Phòng)	K3	
4	Quốc lộ18 tại phường Chí Minh, TP. Chí Linh (nay là phường Chu Văn An, TP.Hải Phòng)	K4	Tiếng ồn vượt 1,12 lần
5	Quốc lộ 18 tại phường Hoàng Tiến, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP.Hải Phòng)	K5	
6	Quốc lộ 37 tại Phường Thái Học, TP. Chí Linh (nay là phường Chu Văn An, TP Hải Phòng)	K6	Tiếng ồn vượt 1,02 lần
7	Khu dân cư Tế Sơn, phường Đồng Lạc, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP.Hải Phòng)	K7	
8	Khu dân cư Chi Ngãi, phường Cộng Hòa, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Hưng Đạo, TP.Hải Phòng)	K8	
9	Khu dân cư Kỳ Sơn, phường Tân Dân, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP.Hải Phòng)	K9	
10	Khu dân cư thôn Quan Đình, xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP.Hải Phòng)	K10	
11	Làng nghề Mạn Đê, xã Nam Trung, huyện Nam Sách (nay là xã Trần Phú, TP. Hải Phòng)	K11	
12	Khu dân cư Đồng Khê, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP.Hải Phòng)	K12	
13	Khu dân cư thôn An Điền, xã An Phú, huyện Nam Sách (nay xã An Phú, TP.Hải Phòng)	K13	
14	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Nam Sách, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP.Hải Phòng)	Ktđ3	
15	Khu dân cư Thượng Chiểu, phường Tân Dân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP.Hải Phòng)	K14	

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP
16	Khu dân cư Xạ Sơn, xã Quang Thành, Tx. Kinh Môn (nay là xã Nam An Phụ, TP.Hải Phòng)	K15	
17	Khu dân cư Lỗ Sơn, phường Phú Thứ, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP.Hải Phòng)	K16	
18	Ngã tư (gốc đa) Quốc lộ 17B tại phường Minh Tân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP.Hải Phòng)	K17	Tiếng ồn vượt 1,13 lần Bụi TSP vượt 1,25 lần
19	Khu dân cư Hiệp Thượng, phường Hiệp Sơn, Tx. Kinh Môn (nay là phường Phạm Sư Mệnh, TP.Hải Phòng)	K18	
20	Khu dân cư Tiên Xá, xã Lê Ninh, Tx. Kinh Môn (nay là phường Bắc An Phụ, TP.Hải Phòng)	K19	
21	Khu dân cư Trại Mới, phường Hiệp An, Tx. Kinh Môn (nay là phường Kinh Môn, TP.Hải Phòng)	K20	
22	Làng nghề An Thủy, phường Hiến Thành, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng)	K21	
23	Khu dân cư Ngư Uyên, phường Long Xuyên, Tx. Kinh Môn (nay là phường Kinh Môn, TP.Hải Phòng)	K22	
24	Quốc lộ 5 tại điểm giao giữa Quốc lộ 17B, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP.Hải Phòng)	K23	Tiếng ồn vượt 1,14 lần Bụi TSP vượt 2,67 lần
25	Khu dân cư thôn Quyết Tâm, xã Lai Vu, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP.Hải Phòng)	K24	
26	Khu dân cư Cổ Phục, xã Kim Liên, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP.Hải Phòng)	K25	
27	Khu dân cư Quỳnh Khê, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành Thành (nay là xã Phú Thái, TP.Hải Phòng)	K26	
28	Khu dân cư khu 6, phường Hải Tân, TP. Hải Dương Thành (nay là phường Tân Hưng, TP.Hải Phòng)	K27	
29	Làng nghề Lộ Cương, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là Phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	K28	
30	Nút giao với các đường Nguyễn Lương Bằng, Phạm Ngũ Lão, Điện Biên Phủ và Lê Thanh Nghị (ngã tư máy sứ) (nay là Phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng)	K29	

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP
31	Khu dân cư Đồng Niên, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương Thành (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K30	
32	Nút giao thông Tam Giang, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương (Nay là phường Hải Dương, TP. Hải Phòng)	K31	Tiếng ồn vượt 1,01 lần
33	Khu dân cư Quang Giáp, phường Thạch Khôi, TP. Hải Dương (nay là phường Thạch Khôi, TP.Hải Phòng)	K32	
34	Quốc lộ 5 tại nút giao với đường Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Dương (nay là Phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng)	K33	Tiếng ồn vượt 1,09 lần
35	Làng nghề gỗ Đông Giao, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng)	K34	Tiếng ồn vượt 1,01 lần Bụi TSP vượt 1,14 lần
36	Làng nghề rượu Phú Lộc, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Tuệ Tĩnh, TP. Hải Phòng)	K35	
37	Khu dân cư Cẩm Trục, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP.Hải Phòng)	K36	
38	Khu dân cư Lương Xá, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP.Hải Phòng)	K37	
39	Khu dân cư Hoàng Hòa, xã Cẩm Điền (Phúc Điền), huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP.Hải Phòng)	K38	
40	Khu dân cư Quý Dương, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP.Hải Phòng)	K39	
41	Khu dân cư Phú An, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K40	
42	Khu dân cư Thôn Tiền, TT. Lai Cách, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K41	
43	Khu dân cư Đỗ Trung, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K42	
44	Khu dân cư thôn Chùa, xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP.Hải Phòng)	K43	
45	Tỉnh lộ 392 tại ngã năm TT. Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP. Hải Phòng)	K44	Tiếng ồn vượt 1,02 lần
46	Quốc lộ 394 tại điểm giao với Quốc lộ 392, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang (nay là xã Bình Giang, TP. Hải Phòng)	K45	Tiếng ồn vượt 1,03 lần

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP
47	Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng tại xã Thái Học, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP. Hải Phòng)	K46	
48	Khu dân cư Hòa Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP.Hải Phòng)	K47	
49	Khu dân cư thôn My Cầu, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP.Hải Phòng)	K48	
50	Khu dân cư khu đô thị mới Tráng Liệt, thị trấn Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP.Hải Phòng)	K49	
51	Quốc lộ 5 tại ngã tư Quán Gỏi, TT. Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP. Hải Phòng)	K50	Tiếng ồn vượt 1,13 lần
52	Quốc lộ 37, tại ngã 3 thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	K51	Tiếng ồn vượt 1,05 lần
53	Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng giao Quốc lộ 38B tại Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	K52	
54	Làng nghề bún Đông Cận, xã Tân Tiến (Gia Tiến), huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	K53	
55	Làng nghề Văn Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	K54	
56	Khu dân cư Buộm, xã Toàn Thắng, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP.Hải Phòng)	K55	
57	Giao đường 38B và đường 392 tại Trạm Bóng, xã Quang Minh, huyện Gia Lộc (nay là xã Trường Tân, TP. Hải Phòng)	K56	Tiếng ồn vượt 1,08 lần
58	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Gia Lộc (trạm Gia Lộc), huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	Ktđ12	
59	Quốc lộ 391, tại vị trí giao thông vào CCN Kỳ Sơn, xã Đại Sơn, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Đại Sơn, TP. Hải Phòng)	K57	Tiếng ồn vượt 1,11 lần
60	Đường tỉnh 391 tại Ngã Tư Mấc, xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ(nay là xã Tứ Kỳ TP. Hải Phòng)	K58	Tiếng ồn vượt 1,03 lần Bụi TSP vượt 1,17 lần
61	Khu dân cư thôn La Giang, xã Văn Tố, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP.Hải Phòng)	K59	
62	Khu dân cư thôn Văn Vật, xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP.Hải Phòng)	K60	

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP
63	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Tứ Kỳ (trạm Tứ Kỳ) , huyện Tứ Kỳ (nay là xã Tứ Kỳ, TP. Hải Phòng)	Ktđ13	
64	Nút giao giữa Quốc lộ 37 và quốc lộ 392 tại xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang (nay là xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng)	K61	
65	Khu dân cư Hào Khê, xã Hưng Long, huyện Ninh Giang (nay là xã Hồng Châu, TP.Hải Phòng)	K62	
66	Làng nghề Cúc Bồ, xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang (nay là xã Khúc Thừa Dụ, TP. Hải Phòng)	K63	
67	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Ninh Giang (trạm Ninh Giang), huyện Ninh Giang (nay là xã Ninh Giang, TP. Hải Phòng)	Ktđ14	
68	Khu dân cư Thúy Lâm, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện (nay là xã Nguyễn Lương Bằng TP.Hải Phòng)	K64	
69	Làng nghề Hội Yên, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	K65	
70	Khu dân cư Hòa Bình, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP.Hải Phòng)	K66	
71	Khu dân cư Tiêu Sơn, xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP.Hải Phòng)	K67	
72	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Thanh Miện (trạm Ninh Giang), huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	Ktđ15	
73	Khu dân cư thôn Cổ Chẩm, xã Việt Hồng (Cẩm Việt), huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP.Hải Phòng)	K68	
74	Khu dân cư Tú Y, xã Vĩnh Lập, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Đông, TP.Hải Phòng)	K69	Bụi TSP vượt 1,08 lần
75	Đường tỉnh 390 tại ngã ba xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Tây, TP. Hải Phòng)	K70	Tiếng ồn vượt 1,02 lần Bụi TSP vượt 2,65 lần
76	Quốc lộ 390B tại xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP Hải Phòng)	K71	Tiếng ồn vượt 1,02 lần Bụi TSP vượt 2,88 lần

TT	Vị trí quan trắc	KH	Thông số vượt QCCP
77	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Thanh Hà, huyện Thanh Hà (nay là xã Thanh Hà, TP. Hải Phòng)	Ktđ16	-

B. THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG NƯỚC

Bảng 1. Tổng hợp các điểm vượt QCCP và chỉ số WQI của nước sông tự nhiên quan trắc đợt 3 năm 2025

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/ BTNMT	Thông số vượt bảng 1, QCVN 08:2023/BTNMT
1	Sông Cầu, cách điểm nối giữa sông Cầu và sông Thương 1.500m về phía thượng lưu	N1	75,2	TN vượt 1,63 lần, COD vượt 1,13 lần, TSS vượt 1,16 lần	NO_2^--N vượt 5,38 lần, E.Coli vượt 5,5 lần,
2	Sông Đông Mai tại cầu Đông Mai (Đường 184), phường Văn Đức, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP. Hải Phòng)	N2	90,2	TN vượt 1,893 lần	NO_2^--N vượt 4,8 lần, E.Coli vượt 1,1 lần
3	Sông Kinh Thầy gần cửa kênh thoát nước của Trạm bơm Vạn Thắng, phường Tân Dân, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP. Hải Phòng)	N5	83,9	DO không đạt; TN vượt 1,92 lần	NO_2^--N vượt 4,02 lần, E.Coli vượt 1,1 lần,
4	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thái Bình tại xã Nhân Huệ (trạm Nhân Huệ), TP. Chí Linh (nay là phường Chí Linh, TP. Hải Phòng)	Ntđ1	82	TN vượt 1,633 lần, TSS vượt 1,37 lần	E.Coli vượt 5,5 lần
5	Sông Thái Bình tại thôn Nhuế Sơn, xã Thái Tân, huyện Nam Sách (nay là xã Thái Tân, TP. Hải Phòng)	N10	70,7	DO không đạt, TN vượt 1,58 lần; BOD vượt 1,33 lần	NO_2^--N vượt 2,86 lần, E.Coli vượt 13 lần

6	Sông Kinh Thầy tại Cầu Bình, xã Thanh Quang, huyện Nam Sách (nay là xã Trần Phú, TP. Hải Phòng)	N11	73,6	DO không đạt; TN vượt 1,63 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần	NO_2^--N vượt 2,84 lần, E.Coli vượt 8,5 lần
7	Sông Đá Vách khu Tử Lạc, phường Minh Tân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	N14	67,6	DO không đạt; TN vượt 1,25 lần; COD vượt 1,6 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần	NO_2^--N vượt 6,44 lần, E.Coli vượt 8,5 lần
8	Sông Đá Vách, cách trạm cấp nước Tân Dân 50m về phía thượng lưu, phường Tân Dân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	N15	68,5	DO không đạt; TN vượt 1,21 lần; COD vượt 1,27 lần	NO2--N vượt 6,76 lần, E.Coli vượt 8,5 lần
9	Sông Kinh Thầy tại thôn Tam Đa Ngoại, xã Minh Hòa, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng)	N16	68,6	DO không đạt; TN vượt 1,44 lần	NO_2^--N vượt 4,06 lần; E.Coli vượt 11 lần
10	Sông Kinh Thầy cách trạm cấp nước Bạch Đằng 50m về phía thượng lưu, phường Bạch Đằng, Tx. Kinh Môn (nay là phường Bắc An Phụ, TP. Hải Phòng)	N17	93,8	DO không đạt; TN vượt 1,17 lần	E.Coli vượt 1,65 lần
11	Sông Hàn Mấu tại khu dân cư Phúc Sơn, phường Phú Thứ, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	N18	58,2	DO không đạt; TN vượt 1,58 lần; COD vượt 1,2 lần; Tổng Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần	NH_4^+-N vượt 1,27 lần, NO_2^--N vượt 6,74 lần; E.Coli vượt 11 lần
12	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Thầy tại phường Hiệp Sơn (trạm Hiệp Sơn),	Ntđ2	68,5	DO không đạt; TN vượt 1,57 lần;	NO_2^--N vượt 2,58 lần, E.Coli vượt 8,5 lần

	Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)			COD vượt 1,33 lần	
13	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Môn tại phường An Phụ (trạm An Phụ), Tx. Kinh Môn (nay là phường Trần Liễu, TP. Hải Phòng)	Ntđ3	81,4	DO không đạt; TN vượt 1,61 lần; COD vượt 1,33 lần	NO_2^--N vượt 5,88 lần; E.Coli vượt 2,9 lần
14	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Môn tại xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)	Ntđ4	71	DO không đạt; TN vượt 1,57 lần	NO_2^--N vượt 3,46 lần; E.Coli vượt 11 lần
15	Sông Thái Bình, cách trạm bơm cấp nước cho nhà máy nước Việt Hòa 50m về phía thượng lưu, TP. Hải Dương (nay là phường Thành Đông, TP. Hải Phòng)	N28	73	TN vượt 1,77 lần; COD vượt 1,53 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần	NO_2^--N vượt 6,2 lần; E.Coli vượt 5,5 lần
16	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thái Bình tại cảng Cống Câu, phường Hải Tân (trạm Cống Câu) TP. Hải Dương (nay là phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng)	Ntđ5	66	TN vượt 1,85 lần; COD vượt 1,27 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần	NO_2^--N vượt 4,6 lần; E.Coli vượt 11,5 lần
17	Sông Luộc tại cầu Quý Cao, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng)	N60	65,5	TN vượt 1,24 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần	NH_4^+-N vượt 1,17 lần; NO_2^--N vượt 4,08 lần; E.Coli vượt 11 lần
18	Sông Thái Bình tại bến đò An Định, xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP. Hải Phòng)	N64	66,2	TN vượt 1,63 lần; TSS vượt 1,56 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần	NH_4^+-N vượt 1,03 lần; NO_2^--N vượt 4,08 lần; E.Coli vượt 11lần

19	Sông Thái Bình tại xã Chí Minh, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP. Hải Phòng)	N65	67,3	TN vượt 1,59 lần; TSS vượt 1,35 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần	NH_4^+-N vượt 1,07 lần; NO_2^--N vượt 4,18 lần; E.Coli vượt 11 lần
20	Sông Luộc tại trạm bơm của nhà máy nước sạch Ninh Giang, huyện Ninh Giang (nay là xã Ninh Giang, TP. Hải Phòng)	N66	83,5	COD vượt 1,47 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần	E.Coli vượt 5,5 lần
21	Trạm quan trắc tự động nước mặt sông Luộc tại xã Hồng Phong (trạm My Động), huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng).	Ntđ11	71,9	TN vượt 1,1 lần; COD vượt 1,87 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần	E.Coli vượt 24,5 lần
22	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Rạng tại xã Thanh An, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP. Hải Phòng)	Ntđ13	65,2	DO không đạt; TN vượt 1,61 lần	NO_2^--N vượt 3,6 lần; E.Coli vượt 11 lần
23	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Văn Úc tại xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Đông, TP. Hải Phòng)	Ntđ14	65,2	DO không đạt; TN vượt 1,57 lần	NO_2^--N vượt 3,26 lần; E.Coli vượt 11 lần

Bảng 2. Tổng hợp các điểm vượt và chỉ số WQI nước sông nội đồng quan trắc đợt 3 năm 2025

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt mức B, bảng 2, QCVN 08:2023/BTNMT
I	**Hệ thống sông Bắc Hưng Hải**			
1	Sông Sặt, tại cầu Cất, TP. Hải Dương (nay là phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng)	N29	28,9	DO không đạt; TP vượt 1,47 lần; TN vượt 3,73 lần; COD vượt 1,67 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 7 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 7,9 lần

2	Sông Bạch Đằng tại điểm cuối trước khi chảy ra sông Thái Bình, TP. Hải Dương (nay là phường Hải Dương, TP. Hải Phòng)	N33	38,3	DO không đạt; TP vượt 2,73; TN vượt 8,11 lần; COD vượt 1,6 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform vượt 1,68 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần
3	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Sặt tại phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	Ntđ6	49,8	COD vượt 1,2 lần; Coliform vượt 1,68 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,8 lần
4	Sông Cẩm Giàng tại điểm giao với kênh cầu Dốc, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng)	N40	41,6	DO không đạt; TN vượt 3,81 lần; COD vượt 1,8 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,58 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,3 lần
5	Sông Cẩm Giàng tại cầu Tân Trường, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP. Hải Phòng)	N41	46,5	DO không đạt; TN vượt 4,51 lần; COD vượt 1,4 lần; Coliform vượt 1,26 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 3,5 lần
6	Sông Bùi tại xã Thạch Lỗi, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giang, TP. Hải Phòng)	N42	49,9	DO không đạt; TN vượt 1,06 lần; COD vượt 1,6 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform vượt 1,16 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,7 lần
7	Sông Bùi tại thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Tuệ Tĩnh, TP. Hải Phòng)	N44	49,7	DO không đạt; TN vượt 1,7 lần; COD vượt 1,93 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần
8	Sông Sặt tại Hoàng Hòa, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP. Hải Phòng)	N48	48,9	DO không đạt; TP vượt 1,9 lần; TN vượt 1,27 lần; COD vượt 1,6 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần

9	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thứa tại thôn Mậu Duyệt, xã Cẩm Hưng (trạm Mậu Duyệt), huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng).	Ntđ7	31,2	DO không đạt; TN vượt 5,58 lần; COD vượt 1,27 lần; Coliform vượt 2,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 7,9 lần
10	Sông Sặt tại cầu Cậy, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang (nay là xã Bình Giang, TP. Hải Phòng)	N50	56,3	DO không đạt; TN vượt 2,11 lần; Coliform vượt 1,4 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,8 lần
11	Sông Đình Đào tại cầu Bá Thủy, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang (nay là xã Yết Kiêu, TP. Hải Phòng)	N53	69,4	DO không đạt; TN vượt 1,93 lần
12	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Sặt, xã Thúc Kháng (trạm Cống Tranh), huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP. Hải Phòng)	Ntđ8	32,4	DO không đạt; TP vượt 1,13 lần; TN vượt 2,91 lần; COD vượt 1,4 lần; Coliform vượt 4,4 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 9,2 lần
13	Sông Đình Đào tại cầu Tràng Thưa, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	N55	44,3	DO không đạt; TN vượt 2,47 lần; Coliform vượt 1,88 lần Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần
14	Sông cầu Bình, tại cầu Bình, xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	N56	43,8	DO không đạt; TP vượt 1,03 lần; TN vượt 3,04 lần; COD vượt 1,07 lần; Coliform vượt 1,68 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 5,8 lần
15	Sông Tứ Kỳ tại cầu Vạn, xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Tứ Kỳ, TP. Hải Phòng)	N61	55,3	DO không đạt; TN vượt 2,21 lần; COD vượt 1,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần

16	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Bắc Hưng Hải tại xã Hà Kỳ (trạm Hà Kỳ), huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng)	Ntđ9	48,7	DO không đạt; TN vượt 2,33 lần; Coliform vượt 1,68 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 3,4 lần
17	Sông Đình Đào tại cầu Bía, huyện Ninh Giang (nay là xã Tân Kỳ, TP. Hải Phòng)	N67	50	TN vượt 3,51 lần; COD vượt 1,6 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,26 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,8 lần
18	Sông Cửu An tại Cầu Di Linh, xã An Đức, huyện Ninh Giang (nay là xã Tân An, TP. Hải Phòng)	N68	50,4	DO không đạt; TN vượt 3,26 lần; COD vượt 1,4 lần; Coliform vượt 1,16 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần
19	Sông Cửu An tại Cầu Rảm, xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang (nay là xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng)	N69	56,8	DO không đạt; TN vượt 3,13 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần
20	Sông Cửu An, xã Đoàn Kết, huyện Thanh Miện (nay là xã Hải Hưng, TP. Hải Phòng)	N73	31,7	DO không đạt; TN vượt 4,49 lần; COD vượt 1,47 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform vượt 2,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 6,4 lần
21	Sông cầu Cốc, xã Thanh Tùng (khu vực giáp xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang), huyện Thanh Miện (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng)	N74	29,3	DO không đạt; TN vượt 4,31 lần; COD vượt 1,93 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần; Coliform vượt 3,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 9,2 lần
22	Trạm quan trắc tự động nước mặt sông Cửu An tại xã Ngô Quyền (trạm Chùa Khu), huyện Thanh Miện (nay là xã Hải Hưng, TP. Hải Phòng)	Ntđ10	45,4	DO không đạt; TN vượt 5,29 lần; COD vượt 1,27 lần; Coliform vượt 1,68 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 3,9 lần
II	**Hệ thống sông nội đồng khác**			

23	Sông Thiên tại Cầu Thiên, phường Tân Dân, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP. Hải Phòng)	N3	68,7	DO không đạt
24	Sông Đại Tân, phường Hoàng Tân, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP. Hải Phòng)	N4	72,8	DO không đạt; TN vượt 1,22 lần
25	Sông Văn Dương tại thôn Văn Dương, xã Kim Liên, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	N23	74,5	DO không đạt; TN vượt 1,18 lần; COD vượt 1,2 lần
26	Sông Văn Dương tại khu dân cư thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	N26	66,4	DO không đạt; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần
27	Sông Nguyễn Văn Bé tại cống Phạm Xá cách cửa thoát nước ra sông Rạng 100m, thôn Phạm Xá 1, xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)	N27	64,9	DO không đạt; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần
28	Sông Bến Gạch tại cầu Hảo Thôn, phường Ái Quốc, TP. Hải Dương (nay là xã Nam Sách, TP. Hải Phòng)	N35	63,5	DO không đạt; TN vượt 1,18 lần; COD vượt 2,67 lần; BOD_5 vượt 2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần
29	Sông Hương tại xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP. Hải Phòng)	N81	61,6	DO không đạt; TP vượt 1,47 lần; TN vượt 1,21 lần; COD vượt 1,07 lần
30	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Hương tại cầu sông Hương trên đường 390B tại thị trấn Thanh	Ntđ12	66,4	DO không đạt; TN vượt 1,19 lần; COD vượt 1,2 lần

	Hà, huyện Thanh Hà (nay là xã Thanh Hà, TP. Hải Phòng)			

Bảng 3. Tổng hợp các điểm vượt và chỉ số WQI nước kênh mương khu vực phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc đợt 4 năm 2025

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT
1	Kênh Phao Tân giao với đường huyện 17B, phường Phả Lại, TP. Chí Linh (nay là phường Chí Linh, TP. Hải Phòng)	N6	64,6	TN vượt 1,53lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,7 lần
2	Kênh Ngọc Trì - Chu Đậu trước trạm bơm thoát ra sông Thái Bình, xã Thái Tân, huyện Nam Sách (nay là xã Thái Tân, TP. Hải Phòng)	N12	52,6	DO không đạt; TN vượt 1,75 lần; COD vượt 1,2 lần; Coliform vượt 1,16 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,1 lần
3	Kênh Ngọc Trì - Chu Đậu điểm tiếp nhận nước thải của CCN An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP. Hải Phòng)	N13	41,7	DO không đạt; TN vượt 1,91 lần; COD vượt 1,4 lần; Coliform vượt 1,68 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,6 lần
4	Kênh KT13 điểm tiếp nhận nước thải của CCN Duy Tân tại phường Duy Tân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	N19	67,3	DO không đạt; TN vượt 1,53 lần; COD vượt 1,07 lần
5	Kênh Ngư Uyên tại cống thoát nước ra sông Kinh Môn (tiếp nhận nước thải của CCN Long Xuyên), Tx. Kinh Môn (nay là phường Trần Liễu, TP. Hải Phòng)	N20	49,7	DO không đạt; TN vượt 2,27 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,8 lần

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT
6	Mương thoát nước làng nghề An Thủy, phường Hiến Thành, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng)	N21	54,7	DO không đạt; COD vượt 1,27 lần; Coliform vượt 1,28 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 3,5 lần
7	Điểm hợp lưu giữa kênh Nguyễn Lân và kênh Phùng Khắc – khu dân cư Hiệp Hạ, phường Hiệp Sơn, Tx. Kinh Môn (nay là phường Phạm Sư Mạnh, TP. Hải Phòng)	N22	26,2	DO không đạt; TP vượt 3,63 lần; TN vượt 7,97 lần; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 9,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 11lần
8	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Quỳnh Phúc (còn gọi là đầm Ba Xã), gần Công ty Cổ phần Trung Kiên, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	N24	32,1	DO không đạt; TN vượt 3,89 lần; COD vượt 1,4 lần; Coliform vượt 2,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 6,4 lần
9	Mương thoát nước xã Lai Vu tại cống Hòa Bình (trước khi chảy ra sông Rạng) xã Lai Vu, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)	N25	25,3	DO không đạt; TP vượt 12,67 lần; TN vượt 19,87 lần; COD vượt 2,53 lần; BOD_5 vượt 1,83 lần; Coliform vượt 92 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 110 lần
10	Kênh Tứ Thông – Trước khi chảy ra sông Sặt, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	N30	23,4	DO không đạt; TP vượt 7,67 lần; TN vượt 20,30 lần; COD vượt 2,53 lần; BOD_5 vượt 1,83 lần; Coliform vượt 158 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 430 lần
11	Mương thoát nước làng nghề Lộ Cương, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	N34	26,9	DO không đạt; TP vượt 9,33 lần; TN vượt 9,51 lần; COD vượt 1,4 lần; Coliform vượt 86 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 230 lần
12	Mương tiếp nhận nước thải của KCN Kỹ thuật cao An Phát và CCN Việt Hòa, phường Việt Hòa, TP.	N36	36,7	DO không đạt; TP vượt 4,67 lần; TN vượt 1,23 lần; COD vượt 1,27

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT
	Hải Dương (nay là phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng)			lần; Coliform vượt 1,88 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,3 lần
13	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Ba Hàng, phường Nam Đồng, TP. Hải Dương (nay là phường Nam Đồng, TP. Hải Phòng)	N37	56,2	DO không đạt; TN vượt 1,14 lần; COD vượt 1,4 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần
14	Kênh Thạch Khôi – Đoàn Thượng tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Thạch Khôi – Gia Xuyên, phường Thạch Khôi, TP. Hải Dương (nay là phường Thạch Khôi, TP. Hải Phòng)	N38	27,5	DO không đạt; TP vượt 8,53 lần; TN vượt 8,6 lần; COD vượt 3,07 lần; BOD_5 vượt 2,33 lần; Coliform vượt 7 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 13 lần, Cl- vượt 1,15 lần.
15	Kênh Bá Liễu – Trại Vực tại khu vực nghĩa trang Cầu Cương, phường Hải Tân, TP. Hải Dương (nay là phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng)	N39	57,2	DO không đạt; TN vượt 5,46 lần; COD vượt 1,4 lần
16	Kênh Phí Xá – Cẩm Đông tại hồ chung chuyển thôn Quý Dương, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP. Hải Phòng)	N43	63,3	TP vượt 2,23 lần; TN vượt 1,29 lần; COD vượt 2,27 lần; BOD_5 vượt 1,83 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần
17	Kênh Đò Cậy - Tiên Kiều tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Cao An, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng)	N45	29,3	DO không đạt; TP vượt 1,2 lần; TN vượt 3,83 lần; COD vượt 6,93 lần; BOD_5 vượt 5,33 lần; Coliform vượt 8,6 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 11 lần
18	Mương Lương Xá tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Lương Điền, xã Lương Điền, huyện Cẩm	N46	22	DO không đạt; TP vượt 1,53 lần; TN vượt 4,35 lần; COD vượt 4,67 lần; BOD_5 vượt 3,5 lần; Coliform

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT
	Giang (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng)			vượt 5,4 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 11 lần
19	Kênh trước cống đền Bia, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Tuệ Tĩnh, TP. Hải Phòng)	N47	40,1	DO không đạt; TN vượt 2,51 lần; COD vượt 1,8 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 8,4 lần
20	Kênh Đò Cậy – Tiên Kiều tại TT. Lai Cách, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	N49	28	DO không đạt; TP vượt 1,37 lần; TN vượt 8,37 lần; COD vượt 1,4 lần; Coliform vượt 158 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 540 lần
21	Kênh giáp đường 395 tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Tân Hồng, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP. Hải Phòng)	N51	61,8	DO không đạt; COD vượt 1,2 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 2,2 lần
22	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Tráng Liệt, thị trấn Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP. Hải Phòng)	N52	28,8	DO không đạt; TP vượt 4,67 lần; TN vượt 5,31 lần; COD vượt 2,53 lần; BOD_5 vượt 1,83 lần; Coliform vượt 30 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 110 lần
23	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Nhân Quyền, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng)	N54	53,9	DO không đạt; TN vượt 1,82 lần; COD vượt 1,2 lần; Coliform vượt 1,26 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,8 lần
24	Kênh Thạch Khôi - Đoàn Thượng tại cầu Gỗ, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	N57	31,1	DO không đạt; TP vượt 1,63 lần; TN vượt 4,53 lần; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 32 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 110 lần

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT
25	Kênh Thạch Khôi - Đoàn Thượng trước khi chảy vào sông Đình Đào tại xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	N58	48,6	DO không đạt; TN vượt 2,45 lần; Coliform vượt 1,68 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 5,8 lần
26	Mương tiếp nhận nước thải của KCN Hoàng Diệu, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	N59	67,7	DO không đạt; Coliform chịu nhiệt vượt 1,5 lần
27	Kênh Bá Liễu - Trại Vực tại điểm nhận nước thải của CCN Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Đại Sơn, TP. Hải Phòng)	N62	35,7	DO không đạt; TN vượt 3,08 lần; Coliform vượt 7 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 7,9 lần
28	Mương giáp đường 391, tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Nguyên Giáp, xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng)	N63	44,7	DO không đạt; TN vượt 1,93 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,7 lần
29	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Nghĩa An, huyện Ninh Giang (nay là xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng)	N70	43,6	DO không đạt; TN vượt 3,55 lần; COD vượt 1,8 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 1,08 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,3 lần
30	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Hồng Phúc – Hưng Long, xã Hưng Long, huyện Ninh Giang (nay là xã Hồng Châu, TP. Hải Phòng)	N71	53,7	DO không đạt; TN vượt 1,29 lần; COD vượt 1,8 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,5 lần
31	Mương thoát nước làng nghề Cúc Bồ, xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang (nay là xã Khúc Thừa Dụ, TP. Hải Phòng)	N72	27,6	DO không đạt; TP vượt 13,37 lần; TN vượt 19,09 lần; COD vượt 2,87 lần; BOD_5 vượt 2,17 lần; Coliform

TT	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 2 của QCVN 08:2023/BTNMT
				vượt 108 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 130 lần
32	Kênh Hồng Đức tại thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	N75	31,4	DO không đạt; TN vượt 3,71 lần; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 4,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 15 lần
33	Mương giáp đường 392 tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Đoàn Tùng, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng)	N77	31,1	DO không đạt; TN vượt 2,62 lần; COD vượt 2,33 lần; BOD_5 vượt 1,83 lần; Coliform vượt 2,2 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 7,9 lần
34	Mương thoát nước làng nghề Hội Yên, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	N78	27,3	DO không đạt; TP vượt 1,17 lần; TN vượt 2,55 lần; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần; Coliform vượt 32 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 47 lần
35	Mương tiếp nhận nước thải CCN Ngũ Hùng – Thanh Giang, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	N79	38,1	DO không đạt; TP vượt 1,2 lần; TN vượt 3,63 lần; COD vượt 1,47 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 4,7 lần
36	Mương tiếp nhận nước thải CCN Cao Thắng, xã Thanh Miện, TP. Hải Phòng	N80	64,2	COD vượt 1,4 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,5 lần

Bảng 4. Tổng hợp các điểm vượt và chỉ số WQI nước hồ khu vực phía Tây thành phố Hải Phòng quan trắc đợt 4 năm 2025

KH	Vị trí quan trắc	KH	WQI	Thông số vượt QCCP so với mức B, bảng 3, QCVN 08:2023/BTNMT

1	Hồ Mật Sơn, phường Chu Văn An, TP. Hải Phòng	N7	61,3	DO không đạt; TN vượt 1,85 lần; COD vượt 1,73 lần; BOD_5 vượt 1,33 lần
2	Hồ Côn Sơn, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Phòng	N8	91,2	TN vượt 1,09 lần
3	Hồ Bến Tắm, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Phòng	N9	88,6	-
4	Hồ Bình Minh, phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng	N31	26,8	DO không đạt; TP vượt 3,13 lần; TN vượt 6,11 lần; COD vượt 2,27 lần; BOD_5 vượt 1,67 lần; Coliform vượt 18,8 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 79 lần; TSS vượt 2,87 lần.
5	Hồ Bạch Đằng, phường Hải Dương, TP. Hải Phòng	N32	43	TN vượt 4,95 lần; COD vượt 1,93 lần; BOD_5 vượt 1,5 lần; Coliform vượt 1,84 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 6,4 lần; TSS vượt 1,07 lần
6	Hồ An Dương, xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng	N76	67	COD vượt 1,4 lần; BOD_5 vượt 1,17 lần; Coliform chịu nhiệt vượt 1,1 lần lần; TSS vượt 1,13 lần

PHỤ LỤC II. BẢNG MÔ TẢ ĐIỂM QUAN TRẮC VÀ ĐIỀU KIỆN QUAN TRẮC ĐỢT 2 NĂM 2025

A. THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

TT	Vị trí quan trắc	KH	Tọa độ		Giờ lấy mẫu	Ngày lấy mẫu	Điều kiện lấy mẫu	Mô tả đặc điểm thời điểm lấy mẫu đợt 2/2025
			Tọa độ N	Tọa độ E				
1	Khu di tích Côn Sơn, phường Cộng Hòa, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Phòng)	K1	21°8'57,86"	106°23'0,31"	15.40	6/17/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường.
2	Khu dân cư phố Hoàng Hoa Thám, phường Phả Lại, TP. Chí Linh (nay là phường Chí Linh, TP.Hải Phòng)	K2	21°6'44,99"	106°19'58,59"	9.30	6/21/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
3	Khu dân cư Đại Bát, phường Hoàng Tân, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP.Hải Phòng)	K3	21°7'57,60"	106°26'26,92"	10.15	6/17/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
4	Quốc lộ18 tại phường Chí Minh, TP. Chí Linh (nay là phường Chu Văn An, TP.Hải Phòng)	K4	21°5'58,87"	106°22'42,64"	08.05	6/21/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông cao, nhiều xe tải (chở đất đá), xe bồn, xe con và xe máy. Trong đó các phương tiện trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn.
5	Quốc lộ 18 tại phường Hoàng Tiến, TP. Chí Linh	K5	21°7'57,96"	106°25'57,40"	14.00	6/17/2025	Trời nắng, gió Đông	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông cao. Các phương tiện tham

	(nay là phường Trần Nhân Tông, TP.Hải Phòng)						Nam	gia giao thông chủ yếu là xe tải và xe khách . Các phương tiện trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn bánh xe.
6	Quốc lộ 37 tại Phường Thái Học, TP. Chí Linh (nay là phường Chu Văn An, TP Hải Phòng)	K6	21°8'43,60"	106°23'24,37"	15.05	6/21/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe tải, xe con, xe máy. Các phương tiện trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn.
7	Khu dân cư Tế Sơn, phường Đồng Lạc, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP.Hải Phòng)	K7	21°2'14,18"	106°22'55,81"	16.30	6/21/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
8	Khu dân cư Chi Ngãi, phường Cộng Hòa, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Hưng Đạo, TP.Hải Phòng)	K8	21°7'50,24"	106°24'38,04"	13.00	6/17/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường. Cách vị trí lấy mẫu 250m là công ty cổ phần Restarcera đang hoạt động.
9	Khu dân cư Kỹ Sơn, phường Tân Dân, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP.Hải Phòng)	K9	21°3'37,55"	106°23'14,34"	8.20	6/17/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Điểm lấy mẫu tại sân nhà văn hóa thôn Kỹ Sơn, giáp tường bao công ty TNHH Nhôm Đông Á, thời điểm lấy mẫu nhà máy đang hoạt động, phát sinh tiếng ồn nhẹ và không có mùi

								thổi về KDC.
10	Khu dân cư thôn Quan Đình, xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP.Hải Phòng)	K10	20°58'9,12"	106°21'57,38"	16.35	6/7/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực ít xe và người qua lại. Cách vị trí lấy mẫu 250m là KCN Nam Sách đang hoạt động, KDC không phát sinh tác động bất thường.
11	Làng nghề Mạn Đê, xã Nam Trung, huyện Nam Sách (nay là xã Trần Phú, TP. Hải Phòng)	K11	21°0'42,00"	106°19'36,63"	9.15	6/7/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực làng nghề hoạt động bình thường, ít người và xe qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu có 1 vài cơ sở đang có hoạt động sấy hành mủa, phát sinh mùi nhẹ.
12	Khu dân cư Đồng Khê, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP.Hải Phòng)	K12	20°59'33,10"	106°20'51,85"	10.30	6/7/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe qua lại, xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường, cách vị trí lấy mẫu 150m là CCN An Đồng đang hoạt động.
13	Khu dân cư thôn An Điền, xã Cộng Hòa, huyện Nam Sách (nay xã An Phú, TP.Hải Phòng)	K13	21°0'40,28"	106°23'46,12"	15.15	6/7/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
14	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Nam Sách, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP.Hải Phòng)	Ktđ3	20°59'21,70"	106°20'32,64"	13.30	6/7/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Điểm lấy mẫu tại cổng trường THPT Nam Sách. Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe qua lại, thỉnh thoảng có xe trọng tải lớn chạy qua gây phát sinh bụi.
15	Khu dân cư Thượng Chiểu, phường Tân Dân, Tx. Kinh	K14	21°3'2,54"	106°33'33,41"	14.20	6/20/2025	Trời nắng, gió Đông	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy

	Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP.Hải Phòng)						Nam	mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
16	Khu dân cư Xạ Sơn, xã Quang Thành, Tx. Kinh Môn (nay là xã Nam An Phụ, TP.Hải Phòng)	K15	21°1'32,02"	106°25'8,58"	8.30	6/19/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường. Cách điểm lấy mẫu 300m có nhà máy nhiệt điện BOT đang hoạt động.
17	Khu dân cư Lỗ Sơn, phường Phú Thứ, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP.Hải Phòng)	K16	21°1'29,71"	106°33'51,89"	9.30	6/20/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Mặt đường có bụi bẩn, tro xỉ, than rơi vãi.Vị trí lấy mẫu cách trục đường vận chuyển của CCN Phú Thứ khoảng 150m.
18	Ngã tư (gốc đa) Quốc lộ 17B tại phường Minh Tân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP.Hải Phòng)	K17	21°2'7,17"	106°34'32,76"	11.30	6/20/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông cao. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe container, xe chở VLXD, xe tải và xe khách. Các phương tiện trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn, mặt đường có nhiều bụi bẩn, VLXD rơi vãi.
19	Khu dân cư Hiệp Thượng, phường Hiệp Sơn, Tx. Kinh Môn (nay là phường Phạm Sư Mạnh, TP.Hải Phòng)	K18	21°0'36,88"	106°31'46,74"	13.45	6/19/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh. Điểm lấy mẫu cách CCN Hiệp Sơn khoảng 350m.

20	Khu dân cư Tiên Xá, xã Lê Ninh, Tx. Kinh Môn (nay là phường Bắc An Phụ, TP.Hải Phòng)	K19	21°2'26,32"	106°25'13,08"	10.05	6/19/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Cách vị trí lấy mẫu khoảng 200m là bãi tro xỉ của nhà máy nhiệt điện BOT, quá trình lấy mẫu không có xe ra vào bãi tro xỉ.
21	Khu dân cư Trại Mới, phường Hiệp An, Tx. Kinh Môn (nay là phường Kinh Môn, TP.Hải Phòng)	K20	21°0'7,44"	106°32'55,85"	8.15	6/18/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Điểm lấy mẫu tại nhà văn hóa KDC Trại Mới, quá trình lấy mẫu ít xe và người qua lại. Tuyến đường vận chuyển than tại bãi than Hiệp Sơn tách biệt với KDC, do đó giảm thiểu tác động đến KDC.
22	Làng nghề An Thủy, phường Hiến Thành, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng)	K21	20°56'26,06"	106°32'6,35"	10.10	6/18/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. KDC làng nghề khá yên tĩnh, xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường.
23	Khu dân cư Ngư Uyên, phường Long Xuyên, Tx. Kinh Môn (nay là phường Kinh Môn, TP.Hải Phòng)	K22	20°58'34,02"	106°32'6,35"	14.50	6/18/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
24	Quốc lộ 5 tại điểm giao giữa Quốc lộ 388, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP.Hải Phòng)	K23	20°57'49,74"	106°31'2,36"	14.30	6/6/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông cao. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe container, xe tải, xe khách và xe con. Trong đó các phương tiện trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn.

25	Khu dân cư thôn Quyết Tâm, xã Lai Vu, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP.Hải Phòng)	K24	20°58'57,77"	106°24'14,31"	15.45	6/6/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
26	Khu dân cư Cổ Phục, xã Kim Liên, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP.Hải Phòng)	K25	20°57'1,26"	106°32'16,86"	13.00	6/6/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, buôn bán, không phát sinh tác động bất thường.
27	Khu dân cư Quỳnh Khê, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành Thành (nay là xã Phú Thái, TP.Hải Phòng)	K26	20°58'18,68"	106°29'16,85"	9.35	6/6/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, buôn bán, không phát sinh tác động bất thường.
28	Khu dân cư khu 6, phường Hải Tân, TP. Hải Dương Thành (nay là phường Tân Hưng, TP.Hải Phòng)	K27	20°54'52,97"	106°20'7,75"	10.50	6/13/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu có 1 số cơ sở sửa chữa, rửa xe ô tô đang hoạt động, không phát sinh tác động bất thường.
29	Làng nghề Lộ Cương, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là Phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	K28	20°55'24,12"	106°17'14,77"	13.30	6/3/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực làng nghề đang diễn ra hoạt động phơi bánh đa dọc 2 bên đường, khu vực đường vào làng nghề giáp mương thoát nước đang diễn ra hoạt động thi công xây dựng phát sinh bụi bẩn, mặt đường nhiều đất cát.

30	Nút giao với các đường Nguyễn Lương Bằng, Phạm Ngũ Lão, Điện Biên Phủ và Lê Thanh Nghị (ngã tư máy sứ) (nay là Phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng)	K29	20°56'18,15"	106°19'15,49"	15.15	6/24/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe con, xe máy. Các phương tiện di chuyển qua lại sử dụng còi, phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn bánh xe.
31	Khu dân cư Đồng Niên, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương Thành (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K30	20°56'44,45"	106°18'17,65"	15.45	6/13/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
32	Nút giao thông Tam Giang, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương (Nay là phường Hải Dương, TP. Hải Phòng)	K31	20°56'16,31"	106°20'14,53"	13.00	6/13/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe tải, xe con, xe máy. Các phương tiện di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn bánh xe.
33	Khu dân cư Quang Giáp, phường Thạch Khôi, TP. Hải Dương (nay là phường Thạch Khôi, TP.Hải Phòng)	K32	20°54'12,58"	106°18'39,76"	8.10	6/13/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
34	Quốc lộ 5 tại nút giao với đường Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Dương (nay là phường Việt Hòa, TP.	K33	20°56'10,51"	106°17'23,82"	15.45	6/3/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông cao. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe container, xe tải, xe khách và xe con. Các phương

	Hải Phòng)							tiện trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn bánh xe.
35	Làng nghề gỗ Đông Giao, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng)	K34	20°56'31,12"	106°9'40,09"	15.55	6/14/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực làng nghề đang hoạt động bình thường. Khu vực có ít xe di chuyển qua khu vực làng nghề. Các hoạt động gia công, cắt gỗ, chà nhám, đục khoét gỗ phát sinh tiếng ồn và bụi.
36	Làng nghề rượu Phú Lộc, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Tuệ Tĩnh, TP. Hải Phòng)	K35	20°58'30,78"	106°14'41,08"	8.35	6/14/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe qua lại, làng nghề ít hoạt động. Điểm lấy mẫu tại cổng đình Phú Lộc, xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường.
37	Khu dân cư Cẩm Trục, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP.Hải Phòng)	K36	20°58'17,20"	106°8'51,11"	11.05	6/14/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường.
38	Khu dân cư Lương Xá, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP.Hải Phòng)	K37	20°56'48,48"	106°10'12,25"	13.30	6/14/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Cách điểm lấy mẫu 180m về phía Tây Bắc là CCN Lương Điền đang hoạt động.
39	Khu dân cư Hoàng Hòa, xã Cẩm Điền (Phúc Điền), huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP.Hải Phòng)	K38	20°55'55,27"	106°10'57,44"	16.30	6/14/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.

40	Khu dân cư Quý Dương, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP.Hải Phòng)	K39	20°56'17,54"	106°13'39,11"	13.30	6/16/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
41	Khu dân cư Phú An, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K40	20°56'58,31"	106°14'56,54"	9.10	6/16/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
42	Khu dân cư Thôn Tiền, TT. Lai Cách, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K41	20°56'10,44"	106°16'12,33"	7.30	6/16/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, buôn bán, không phát sinh tác động bất thường.
43	Khu dân cư Đỗ Trung, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K42	20°56'47,27"	106°16'19,57"	10.40	6/16/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Cách điểm lấy mẫu 150m về phía Đông Nam có công ty NPK đang hoạt động, xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường.
44	Khu dân cư thôn Chùa, xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP.Hải Phòng)	K43	20°55'32,67"	106°14'39,73"	16.15	6/16/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.

45	Tỉnh lộ 392 tại ngã năm TT. Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP. Hải Phòng)	K44	20°54'25,67"	106°9'0,74"	14.25	6/4/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình
46	Quốc lộ 394 tại điểm giao với Quốc lộ 392, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang (nay là xã Bình Giang, TP. Hải Phòng)	K45	20°54'2,31"	106°13'38,96"	9.50	6/5/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông gồm xe tải, xe con và xe máy. Trong đó các phương tiện trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn. Mặt đường có ít bụi bẩn và VLXD rơi vãi.
47	Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng tại xã Thái Học, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP. Hải Phòng)	K46	20°51'23,12"	106°12'12,67"	13.00	6/5/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực đường 5B có mật độ giao thông trung bình. Điểm lấy mẫu cách trục đường 5B khoảng 5m. Vị trí quan trắc chịu tác động tiếng ồn và bụi từ hoạt động giao thông trên đường 5B.
48	Khu dân cư Hòa Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP.Hải Phòng)	K47	20°50'52,75"	106°12'37,72"	14.30	6/5/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
49	Khu dân cư thôn My Cầu, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP.Hải Phòng)	K48	20°53'31,48"	106°10'1,57"	8.40	6/4/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường. Cách điểm lấy mẫu khoảng 250m là CCN Tân Hồng đang hoạt động.

50	Khu dân cư khu đô thị mới Tráng Liệt, thị trấn Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP.Hải Phòng)	K49	20°54'3,72"	106°8'50,93"	10.20	6/4/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực ít xe qua lại. Quá trình lấy mẫu chủ yếu chịu tác động tiếng ồn nhẹ từ hoạt động giao thông trên QL38. Cách điểm lấy mẫu 150m là CCN Tráng Liệt đang hoạt động.
51	Quốc lộ 5 tại ngã tư Quán Gỏi, TT. Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP. Hải Phòng)	K50	20°55'25,62"	106°9'21,00"	15.40	6/4/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực mật độ giao thông cao. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu gồm xe container, xe tải, xe khách và xe con. Trong đó, các phương tiện trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn.
52	Quốc lộ 37, tại ngã 3 thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	K51	20°52'51,31"	106°17'46,88"	8.00	6/9/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe tải, xe con, xe khách và xe máy. Trong đó các phương tiện trọng tải lớn di chuyển phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn.
53	Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng giao Quốc lộ 38B tại Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	K52	20°51'37,42"	106°17'27,39"	9.35	6/9/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe tải, xe con và xe khách. Trong đó các phương tiện trọng tải lớn di chuyển phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn.
54	Làng nghề bún Đông Cận, xã Tân Tiến (Gia Tiến), huyện Gia Lộc (nay là xã	K53	20°52'49,99"	106°20'2,47"	13.00	6/10/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại, làng nghề ít hoạt động. Xung quanh vị trí lấy mẫu không phát

	Gia Lộc, TP. Hải Phòng)							sinh tác động bất thường.
55	Làng nghề Văn Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	K54	20°50'40,49"	106°18'39,55"	14.50	6/9/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu có một vài cơ sở sản xuất đồ da đang hoạt động, không phát sinh tác động bất thường.
56	Khu dân cư Buộm, xã Toàn Thắng, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP.Hải Phòng)	K55	20°50'40,70"	106°17'37,83"	9.40	6/10/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
57	Giao đường 38B và đường 392 tại Trạm Bóng, xã Quang Minh, huyện Gia Lộc (nay là xã Trường Tân, TP. Hải Phòng)	K56	20°47'29,35"	106°16'23,89"	10.50	6/9/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông cao. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe container, xe tải, xe con và xe máy. Trong đó các phương tiện trọng tải lớn di chuyển phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn, mặt đường có bụi bẩn.
58	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Gia Lộc (trạm Gia Lộc), huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	Ktđ12	20°52'10,82"	106°17'58,61"	8.10	6/10/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực ít người và xe qua lại. Điểm lấy mẫu tại UBND TT Gia Lộc, xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
59	Quốc lộ 391, tại vị trí giao thông vào CCN Kỳ Sơn, xã Đại Sơn, huyện Tứ Kỳ	K57	20°53'7,40"	106°21'38,29"	15.10	6/10/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông gồm xe tải, xe

	(nay là xã Đại Sơn, TP. Hải Phòng)							bồn, xe container, xe chở VLXD. Các xe trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn. Mặt đường có bụi bẩn, VLXD rơi vãi.
60	Đường tỉnh 391 tại Ngã Tư Mắc, xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ(nay là xã Tứ Kỳ TP. Hải Phòng)	K58	20°50'15,15"	106°22'49,78"	8.00	6/11/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông cao. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe tải, xe ben chở VLXD, xe con và xe máy. Các phương tiện trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn bánh xe, mặt đường có nhiều bụi bẩn và VLXD rơi vãi.
61	Khu dân cư thôn La Giang, xã Văn Tố, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP.Hải Phòng)	K59	20°48'13,92"	106°25'13,12"	16.30	6/11/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
62	Khu dân cư thôn Văn Vật, xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP.Hải Phòng)	K60	20°45'41,07"	106°28'27,16"	15.10	6/11/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường. Cach điểm lấy mẫu 200m là CCN Nguyên Giáp đang hoạt động.
63	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Tứ Kỳ (trạm Tứ Kỳ) , huyện Tứ Kỳ (nay là xã Tứ Kỳ, TP. Hải Phòng)	Ktđ13	20°49'1,09"	106°24'18,54"	11.00	6/11/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Điểm lấy mẫu tại UBND thị trấn Tứ Kỳ. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.

64	Giao giữa Quốc lộ 37 và quốc lộ 392 tại xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang (nay là xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng)	K61	20°46'57,05"	106°21'49,09"	9.00	6/24/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe tải, xe con và xe máy. Mặt đường có ít bụi bẩn, trong đó các xe trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn bánh xe.
65	Khu dân cư Hào Khê, xã Hưng Long, huyện Ninh Giang (nay là xã Hồng Châu, TP.Hải Phòng)	K62	20°42'18,88"	106°17'54,91"	8.00	6/25/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
66	Làng nghề Cúc Bồ, xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang (nay là xã Khúc Thừa Dụ, TP. Hải Phòng)	K63	20°42'57,81"	106°19'46,94"	9.20	6/25/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc làng nghề hoạt động bình thường. Gần điểm lấy mẫu có 01 cơ sở gia công đồ gỗ đang hoạt động phát sinh tiếng ồn. Bụi chủ yếu phát sinh tại nơi làm việc, không phát sinh ra ngoài môi trường xung quanh.
67	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Ninh Giang (trạm Ninh Giang), huyện Ninh Giang (nay là xã Ninh Giang, TP. Hải Phòng)	Ktđ14	20°43'45,52"	106°23'48,50"	10.45	6/25/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
68	Khu dân cư Thúy Lâm, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh	K64	20°49'2,58"	106°13'22,78"	8.20	6/23/2025	Trời nắng, gió Đông	Tại thời điểm quan trắc, khu vực ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu

	Miện (nay là xã Nguyễn Lương Bằng TP.Hải Phòng)						Nam	có 1 số cơ sở may mặc đang hoạt động, không phát sinh tác động bất thường.
69	Làng nghề Hội Yên, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	K65	20°44'1,84"	106°14'3,08"	14.45	6/23/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực làng nghề hoạt động bình thường, đang diễn ra hoạt động phơi bánh đa ở 2 bên lề đường làng. Khu vực có ít người và xe qua lại, không phát sinh tác động bất thường.
70	Khu dân cư Hòa Bình, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP.Hải Phòng)	K66	20°45'39,17"	106°13'8,34"	14.00	6/25/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
71	Khu dân cư Tiêu Sơn, xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP.Hải Phòng)	K67	20°43'49,77"	106°15'3,18"	16.30	6/25/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, buôn bán, không phát sinh tác động bất thường.
72	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Thanh Miện (trạm Ninh Giang), huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	Ktđ15	20°47'12,84"	106°14'42,79"	9.00	6/26/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Điểm lấy mẫu tại UBND TT Thanh Miện. Khu vực thông thoáng, sạch sẽ, xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.

73	Khu dân cư thôn Cổ Chấm, xã Việt Hồng (Cẩm Việt), huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP.Hải Phòng)	K68	20°56'55,17"	106°26'5,19"	9.55	6/12/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. KDC khá yên tĩnh, xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường.
77	Khu dân cư Tú Y, xã Vĩnh Lập, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Đông, TP.Hải Phòng)	K69	20°48'59,54"	106°30'10,98"	15.00	6/12/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường.
75	Đường tỉnh 390 tại ngã ba xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Tây, TP. Hải Phòng)	K70	20°53'54,09"	106°23'50,45"	16.15	6/12/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe tải, xe con, và xe máy. Trong đó các xe trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn bánh xe.
76	Quốc lộ 390B tại xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP Hải Phòng)	K71	20°58'7,13"	106°23'28,45"	8.15	6/12/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông gồm xe tải, xe con, xe chở VLXD và xe máy. Trong đó các xe trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn.
77	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Thanh Hà, huyện Thanh Hà (nay là xã Thanh Hà, TP. Hải Phòng)	Ktđ16	20°53'52,62"	106°25'31,85"	13.20	6/12/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Điểm lấy mẫu tại UBND TT Thanh Hà. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.

B. THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG NƯỚC

Bảng 1. Mô tả đặc điểm lấy mẫu và thời gian lấy mẫu môi trường nước sông tự nhiên đợt 2 năm 2025

KH	Vị trí quan trắc	Tọa độ N	Tọa độ E	Ngày lấy mẫu	Thời gian	Mô tả đặc điểm lấy mẫu Đợt 2 năm 2025
N1	Sông Cầu, cách điểm nối giữa sông Cầu và sông Thương 1.500m về phía thượng lưu	21°7'54,66"	106°16'56,88"	21/6/2025	11h20	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ không có gì bất thường, hai bên bờ có bến bãi hoạt động, có hai tàu thuyền neo đậu.
N2	Sông Đông Mai tại cầu Đông Mai (Đường 184), phường Văn Đức, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP. Hải Phòng)	21°5'58,74"	106°26'39,99"	17/6/2025	9h35	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, ánh vàng, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và hai bên bờ không có bèo tây trôi nổi, có 2 tàu thuyền đang neo đậu.
N5	Sông Kinh Thầy gần cửa kênh thoát nước của Trạm bơm Vạn Thắng, phường Tân Dân, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP. Hải Phòng)	21°2'31,52"	106°24'30,97"	17/6/2025	7h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước trung bình, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bên bờ có ít bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có bến bãi hoạt động, có 3 tàu thuyền neo đậu.
Ntđ1	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thái Bình tại xã Nhân Huệ (trạm Nhân Huệ), TP. Chí Linh (nay là phường Chí Linh, TP.Hải Phòng)	21°4'42,61"	106°21'9,68"	21/6/2025	13h40	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ sông có ít bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có bến bãi đang hoạt động, có 2 tàu thuyền đang neo đậu.

N10	Sông Thái Bình tại thôn Nhuế Sơn, xã Thái Tân, huyện Nam Sách (nay là xã Thái Tân, TP. Hải Phòng)	20°59'4,70"	106°16'38,93"	7/6/2025	8h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, mực nước thấp, dòng chảy chậm, Lòng sông và ven hai bên bờ có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có bến bãi hoạt động, có 3 tàu thuyền neo đậu.
N11	Sông Kinh Thầy tại Cầu Bình, xã Thanh Quang, huyện Nam Sách (nay là xã Trần Phú, TP. Hải Phòng)	20°2'40,77"	106°21'45,11"	7/6/2025	8h45	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp, dòng chảy chậm, Lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có bến bãi hoạt động, có 2 tàu thuyền neo đậu.
N14	Sông Đá Vách khu Tử Lạc, phường Minh Tân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	21°2'21,54"	106°35'47,40"	20/6/2025	13h35	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước trung bình, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có ít bèo tây trôi nổi, xung quanh điểm lấy mẫu có 4 tàu thuyền neo đậu, hai bên bờ có bến bãi đang hoạt động.
N15	Sông Đá Vách, cách trạm cấp nước Tân Dân 50m về phía thượng lưu, phường Tân Dân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	21°3'9,15"	106°34'6,76"	20/6/2025	15h50	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước trung bình, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có ít bèo tây trôi nổi, xung quanh điểm lấy mẫu có 2 tàu thuyền neo đậu, hai bên bờ có bến bãi dang hoạt động.
N16	Sông Kinh Thầy tại thôn Tam Đa Ngoại, xã Minh Hòa, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng)	20°56'56,35"	106°35'28,76"	18/6/2025	13h40	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, hai bê bờ có bến bãi hoạt động, bên bờ có 3 tàu thuyền neo đậu.
N17	Sông Kinh Thầy cách trạm cấp nước Bạch Đằng 50m về phía thượng lưu, phường	21°3'54,24"	106°27'45,26"	19/6/2025	11h25	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và

	Bạch Đằng, Tx. Kinh Môn (nay là phường Bắc An Phụ, TP. Hải Phòng)					ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có bến bãi đang hoạt động, có 2 tàu thuyền đang neo đậu.
N18	Sông Hàn Mấu tại khu dân cư Phúc Sơn, phường Phú Thứ, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	21°1'8,56"	106°33'54,94"	20/6/2025	10h50	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước trung bình, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có bến bãi đang hoạt động, có 1 tàu thuyền đang neo đậu.
Ntd2	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Thầy tại phường Hiệp Sơn (trạm Hiệp Sơn), Tx. Kinh Môn (nay là phường Phạm Sư Mạnh, TP. Hải Phòng)	21°0'47,66"	106°32'46,74"	20/6/2025	8h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước trung bình, dòng chảy chậm. Lòng sông và ven hai bờ tương đối sạch sẽ, không có gì bất thường. Hai bên bờ có 3 tàu thuyền neo đậu, hai bên bờ có bến bãi đang hoạt động.
Ntd3	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Môn tại phường An Phụ (trạm An Phụ), Tx. Kinh Môn (nay là phường Trần Liễu, TP. Hải Phòng)	20°59'4,24"	106°30'19,51"	19/6/2025	15h40	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi. Hai bên bờ có 3 tàu thuyền neo đậu, hai bên bờ có bến bãi đang hoạt động.
Ntd4	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Môn tại xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)	20°59'38,23"	106°26'18,71"	6/6/2025	17h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, mực nước trung bình, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có ít bèo tây trôi nổi, bên bờ có 2 tàu thuyền neo đậu.

N28	Sông Thái Bình, cách trạm bơm cấp nước cho nhà máy nước Việt Hòa 50m về phía thượng lưu, TP. Hải Dương (nay là phường Thành Đông, TP. Hải Phòng)	20°57'19,84"	106°17'49,39"	24/6/2025	14h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, mực nước thấp, dòng chảy chậm. Lòng sông và ven hai bên bờ có ít bèo tây trôi nổi, hai bên bờ không có bến bãi hoạt động, không có tàu thuyền neo đậu.
Ntđ5	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thái Bình tại cảng Cống Câu, phường Hải Tân (trạm Cống Câu) TP. Hải Dương (nay là phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng)	20°54'44,98"	106°20'35,25"	13/6/2025	9h35	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, mực nước thấp, dòng chảy chậm. Lòng sông và ven hai bên bờ có ít bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có bến bãi hoạt động, có 4 tàu thuyền neo đậu.
N60	Sông Luộc tại cầu Quý Cao, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng)	20°45'22,48"	106°29'37,55"	11/6/2025	14h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nướchơi đục, mực nước trung bình, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ không có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ sông có 2 tàu thuyền neo đậu, bên bờ có bến bãi hoạt động.
N64	Sông Thái Bình tại bến đò An Định, xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP. Hải Phòng)	20°49'0,94"	106°28'20,42"	11/6/2025	10h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, mực nước trung bình, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có bến bãi hoạt động, có 2 tàu đang neo đậu.
N65	Sông Thái Bình tại xã Chí Minh, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP. Hải Phòng)	20°50'37,29"	106°25'18,24"	11/6/2025	9h25	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, mực nước trung bình, dòng chảy chậm, lòng mương và ven hai bên bờ có ít bèo tây trôi nổi, hai bên bờ sông có 2 tàu thuyền neo đậu, có bến bãi hoạt động.

N66	Sông Luộc tại trạm bơm của nhà máy nước sạch thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang (nay là xã Ninh Giang, TP. Hải Phòng)	20°43'44,69"	106°24'23,61"	24/6/2025	11h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, mực nước thấp, dòng chảy chậm. Lòng sông và ven hai bờ có ít bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có bến bãi hoạt động, có 3 tàu thuyền neo đậu.
Ntđ11	Trạm quan trắc tự động nước mặt sông Luộc tại xã Hồng Phong (trạm My Động), huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng).	20°41'50,82"	106°14'56,85"	23/6/2025	13h40	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, mực nước trung bình, dòng chảy chậm. Lòng sông và ven hai bên bờ có ít bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có bến bãi đang hoạt động, có 2 tàu thuyền neo đậu.
Ntđ13	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Rạng tại xã Thanh An, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP. Hải Phòng)	20°57'13,24"	106°26'24,59"	12/6/2025	11h10	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có bến đò đang hoạt động, 2 tàu thuyền đang neo đậu.
Ntđ14	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Văn Úc tại xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Đông, TP. Hải Phòng)	20°51'20,99"	106°28'37,76"	12/6/2025	14h40	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, mực nước trung bình, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi. Hai bên bờ có bến bãi hoạt động, có 2 tàu thuyền đang neo đậu.

Bảng 2. Mô tả đặc điểm lấy mẫu và thời gian lấy mẫu môi trường nước sông nội đồng đợt 2 năm 2025

KH	Vị trí quan trắc	Tọa độ N	Tọa độ E	Ngày lấy mẫu	Thời gian	Mô tả đặc điểm lấy mẫu Đợt 2 năm 2025
I	**Sông Bắc Hưng Hải**					
N29	Sông Sặt, tại cầu Cất, TP. Hải Dương (nay là phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng)	20°55'43,77"	106°19'23,38"	24/6/2025	14h05	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước thấp, dòng chảy chậm. Lòng sông và ven hai bờ có ít bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi.
N33	Sông Bạch Đằng tại điểm cuối trước khi chảy ra sông Thái Bình, TP. Hải Dương (nay là phường Hải Dương, TP. Hải Phòng)	20°55'44,65"	106°20'32,21"	13/6/2025	10h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước trung bình, dòng chảy chậm. Lòng sông và ven hai bờ có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi.
Ntđ6	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Sặt tại phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	20°55'7,67"	106°16'18,08"	03/6/2025	15h05	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước có màu ánh vàng, mực nước trung bình, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bên bờ có bèo tây trôi nổi, có 1 tàu thuyền neo đậu.
N40	Sông Cẩm Giàng tại điểm giao với kênh cầu Dốc, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng)	20°57'35,34"	106°10'3,67"	14/6/2025	13h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có ánh vàng, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi.
N41	Sông Cẩm Giàng tại cầu Tân Trường, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP. Hải Phòng)	20°56'18,37"	106°12'40,29"	16/6/2025	14h50	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước trung bình, dòng chảy chậm. Lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi. Tại thời điểm quan trắc có 1 tàu thuyền neo đậu.

N42	Sông Bùi tại xã Thạch Lỗi, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giang, TP. Hải Phòng)	20°58'47,14"	106°11'41,16"	14/6/2025	9h55	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, ánh vàng, mực nước trung bình, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bên bờ sông có nhiều bèo tây trôi nổi.
N44	Sông Bùi tại thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Tuệ Tĩnh, TP. Hải Phòng)	20°59'16,93"	106°15'54,59"	14/6/2025	8h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước có màu vàng, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có nhiều bèo tây trôi nổi.
N48	Sông Sặt tại Hoàng Hòa, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP. Hải Phòng)	20°55'18,89"	106°10'26,88"	16/6/2025	15h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, mực nước trung bình, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, không có tàu thuyền neo đậu.
Ntđ7	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thứa tại thôn Mậu Duyệt, xã Cẩm Hưng (trạm Mậu Duyệt), huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng).	20°58'28,59"	106°9'48,61"	14/6/2025	10h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước có màu hơi vàng, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, không có tàu thuyền neo đậu.
N50	Sông Sặt tại cầu Cậy, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang (nay là xã Bình Giang, TP. Hải Phòng)	20°54'19,76"	106°13'53,04"	05/6/2025	8h40	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước trung bình, dòng chảy chậm, ven hai bờ và lòng sông có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có bến bãi hoạt động, có 5 tàu thuyền đang neo đậu.
N53	Sông Đình Đào tại cầu Bá Thủy, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang (nay là xã Yết Kiêu, TP. Hải Phòng)	20°53'28,34"	106°14'36,42"	05/6/2025	9h20	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước trung bình, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có nhiều bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có 3 tàu thuyền neo đậu.

Ntđ8	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Sặt, xã Thúc Kháng (trạm Cống Tranh), huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP. Hải Phòng)	20°54'3,72"	106°8'50,93"	04/6/2025	13h35	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục đen, có mùi hôi thối, mực nước trung bình, dòng chảy trung bình, lòng sông và ven hai bờ có nhiều bèo tây trôi nổi, có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi, không có thuyền neo đậu.
N55	Sông Đình Đào tại cầu Tràng Thưa, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	20°48'56,14"	106°16'46,55"	09/6/2025	17h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục đen, có mùi hôi thối, mực nước trung bình, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, ven hai bên bờ có ít xác cá chết trôi nổi, không có tàu thuyền neo đậu.
N56	Sông cầu Bình, tại cầu Bình, xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	20°52'34,20"	106°19'24,07"	10/6/2025	11h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có màu hơi vàng, mực nước trung bình, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bên bờ có ít bèo tây trôi nổi. Hai bên bờ đất nhiều cỏ cây.
N61	Sông Tứ Kỳ tại cầu Vạn, xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Tứ Kỳ, TP. Hải Phòng)	20°48'42,56"	106°24'27,56"	11/6/2025	13h00	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, ven hai bên bờ sông có 1 tàu thuyền neo đậu, bên bờ có bến bãi hoạt động.
Ntđ9	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Bắc Hưng Hải tại xã Hà Kỳ (trạm Hà Kỳ), huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng)v	20°46'5,11"	106°25'21,50"	11/6/2025	13h35	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước trung bình, dòng chảy chậm, bên bờ có bến bãi hoạt động. Lòng sông và ven hai bên bờ có bèo tây trôi nổi. Ven bờ sông có 2 thuyền bè neo đậu.

N67	Sông Đình Đào tại cầu Bía, huyện Ninh Giang (nay là xã Tân Kỳ, TP. Hải Phòng)	20°48'2,14"	106°20'14,23"	24/6/2025	8h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước có màu hơi vàng, mực nước trung bình, dòng chảy chậm. Lòng sông và ven hai bên bờ có ít bèo tây trôi nổi, hai bên bờ không có tàu thuyền neo đậu.
N68	Sông Cửu An tại Cầu Di Linh, xã An Đức, huyện Ninh Giang (nay là xã Tân An, TP. Hải Phòng)	20°45'48,47"	106°17'11,30"	24/6/2025	13h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có màu ánh vàng, mực nước thấp, dòng chảy chậm. Lòng sông và ven hai bên bờ có bèo tây trôi nổi. Bên bờ có bến bãi hoạt động, có 1 tàu neo đậu.
N69	Sông Cửu An tại Cầu Ràm, xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang (nay là xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng)	20°46'26,78"	106°22'3,03"	24/6/2025	10h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước thấp, dòng chảy chậm. Lòng sông và ven hai bên bờ có ít bèo tây trôi nổi. Hai bên bờ không có bến bãi hoạt động, có 1 tàu thuyền neo đậu.
N73	Sông Cửu An, xã Đoàn Kết, huyện Thanh Miện (nay là xã Hải Hưng, TP. Hải Phòng)	20°45'59,23"	106°11'23,74"	23/6/2025	9h45	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, không có tàu thuyền neo đậu.
N74	Sông cầu Cốc, xã Thanh Tùng (khu vực giáp xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang), huyện Thanh Miện (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng)	20°50'1,93"	106°13'21,49"	23/6/2025	7h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có ánh vàng, mực nước trung bình, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi.

Ntđ10	Trạm quan trắc tự động nước mặt sông Cửu An tại xã Ngô Quyền (trạm Chùa Khu), huyện Thanh Miện (nay là xã Hải Hưng, TP. Hải Phòng)	20°49'11,88"	106°8'24,45"	23/6/2025	10h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bên bờ có nhiều bèo tây trôi nổi, hai bờ không có tàu thuyền neo đậu.
II	**Sông nội đồng khác**					
N3	Sông Thiên tại Cầu Thiên, phường Tân Dân, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP. Hải Phòng)	21°4'4,49"	106°23'22,15"	17/6/2025	8h35	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong có màu ánh vàng, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bên bờ có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ nhiều có cây, không có tàu thuyền neo đậu.
N4	Sông Đại Tân, phường Hoàng Tân, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP. Hải Phòng)	21°5'58,74"	106°26'39,99"	17/6/2025	11h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bên bờ tương đối sạch sẽ, không gì bất thường.
N23	Sông Văn Dương tại thôn Văn Dương, xã Kim Liên, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	20°56'6,76"	106°31'11,03"	06/6/2025	11h50	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước trung bình, dòng chảy chậm. Lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, không có tàu thuyền neo đậu.
N26	Sông Văn Dương tại khu dân cư thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	20°57'35,49"	106°30'33,34"	06/6/2025	11h10	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước trung bình, dòng chảy chậm. Lòng sông và ven hai bờ có ít bèo tây trôi nổi, không có tàu thuyền neo đậu.
N27	Sông Nguyễn Văn Bé tại cống Phạm Xá cách cửa thoát nước ra sông Rạng 100m,	20°57'17,57"	106°26'49,64"	06/6/2025	8h45	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, dòng chảy chậm, mực nước trung

	thôn Phạm Xá 1, xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)					bình, cửa cống Phạm Xá đóng, lòng sông và ven hai bên bờ không có gì bất thường
N35	Sông Bến Gạch tại cầu Háo Thôn, phường Ái Quốc, TP. Hải Dương (nay là phường Ái Quốc, TP. Hải Phòng)	20°58'24,28"	106°22'14,55"	13/6/2025	14h55	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước thấp, dòng chảy chậm. Lòng sông và hai bờ có ít bèo tây trôi nổi.
N81	Sông Hương tại xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP. Hải Phòng)	20°58'7,13"	106°23'28,45"	12/6/2025	9h25	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bên bờ sông có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ đất nhiều cây cối
Ntd12	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Hương tại cầu sông Hương trên đường 390B tại thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà (nay là xã Thanh Hà, TP. Hải Phòng)	20°54'33,14"	106°25'38,15"	12/6/2025	11h50	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, có 1 tàu thuyền đang neo đậu.

Bảng 3. Mô tả đặc điểm lấy mẫu và thời gian lấy mẫu môi trường nước kênh mương đợt 2 năm 2025

KH	Vị trí quan trắc	Tọa độ N	Tọa độ E	Ngày lấy mẫu	Thời gian	Mô tả đặc điểm lấy mẫu đợt 2 năm 2025
N6	Kênh Phao Tân giao với đường huyện 17B, phường Phả Lại, TP. Chí Linh (nay là phường Chí Linh, TP. Hải Phòng)	21°5'50,89"	106°21'36,86"	21/6/2025	10h45	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp, lòng kênh và ven hai bờ tương đối sạch sẽ, không có gì bất thường.
N12	Kênh Ngọc Trì - Chu Đậu trước trạm bơm thoát ra sông Thái Bình, xã Thái Tân,	20°59'32,70"	106°21'5,75"	7/6/2025	7h35	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có màu hơi vàng, có tảo lơ lửng, mực nước thấp, lòng

	huyện Nam Sách (nay là xã Thái Tân, TP. Hải Phòng)					kênh và ven hai bờ có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi.
N13	Kênh Ngọc Trì - Chu Đậu điểm tiếp nhận nước thải của CCN An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP. Hải Phòng)	20°59'1,35"	106°17'53,80"	17/6/2025	12h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng xanh, mực nước thấp, lòng kênh và ven hai bờ có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi. Hai bên bờ đất nhiều có cây.
N19	Kênh KT13 điểm tiếp nhận nước thải của CCN Duy Tân tại phường Duy Tân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	21°1'41,20"	106°31'59,14"	20/6/2025	9h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước trung bình, lòng kênh và ven hai bờ có bèo tây và rác thải sinh hoạt trôi nổi.
N20	Kênh Ngư Uyên tại cống thoát nước ra sông Kinh Môn (tiếp nhận nước thải của CCN Long Xuyên), Tx. Kinh Môn (nay là phường Trần Liễu, TP. Hải Phòng)	20°58'22,30"	106°31'21,14"	19/6/2025	15h05	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp, cửa cống thoát nước ra sông Kinh Thầy đang mở, lòng kênh và ven hai bờ có nhiều bèo tây trôi nổi.
N21	Mương thoát nước làng nghề An Thủy, phường Hiến Thành, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng)	20°56'30,73"	106°33'42,62"	18/6/2025	11h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có mùi, có cặn, mực nước thấp, lòng mương và ven hai bờ có bèo tây và rác thải sinh hoạt trôi nổi.
N22	Điểm hợp lưu giữa kênh Nguyễn Lân và kênh Phùng Khắc – khu dân cư Hiệp Hạ, phường Hiệp Sơn, Tx. Kinh Môn (nay là phường Phạm Sư Mệnh, TP. Hải Phòng)	20°59'46,39"	106°32'30,55"	18/6/2025	9h35	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước trung bình, lòng kênh và ven hai bờ tương đối sạch sẽ, không có hiện tượng bất thường.
N24	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Quỳnh Phúc (còn gọi là đầm Ba Xã), gần	20°58'8,66"	106°29'27,83"	06/6/2025	9h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp. Lòng mương có ít rác thải sinh hoạt

	Công ty Cổ phần Trung Kiên, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)					và bèo tây trôi nổi. Hai bên bờ nhiều cỏ cây,
N25	Mương thoát nước xã Lai Vu tại cống Hòa Bình (trước khi chảy ra sông Rạng) xã Lai Vu, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)	20°58'36,71"	106°24'41,73"	06/6/2025	8h05	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục đen, có mùi hôi thối, mực nước thấp. Lòng mương và ven hai bên bờ có rác thải sinh hoạt trôi nổi. Đáy mương có nhiều bùn đen.
N30	Kênh Tứ Thông – Trước khi chảy ra sông Sặt, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	20°55'16,17"	106°16'9,53"	03/6/2025	14h40	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục đen, có cặn, có mùi hôi thối, mực nước thấp, lòng kênh và ven hai bờ có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi, đáy kênh có nhiều bùn đen.
N34	Mương thoát nước làng nghề Lộ Cương, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	20°55'24,93"	106°17'12,44"	03/6/2025	13h50	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mặt nước có váng, mực nước trung bình, lòng mương và ven hai bờ có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi. Hai bờ mương kè bê tông.
N36	Mương tiếp nhận nước thải của KCN Kỹ thuật cao An Phát và CCN Việt Hòa, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương (nay là phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng)	20°56'35,83"	106°17'6,61"	03/6/2025	17h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước trung bình. Lòng mương và hai ven bờ có bèo tây trôi nổi. Hai bên bờ có nhiều cỏ cây mọc dại.
N37	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Ba Hàng, phường Nam Đồng, TP. Hải Dương (nay là phường Nam Đồng, TP. Hải Phòng)	20°57'29,04"	106°22'3,41"	13/6/2025	14h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có cặn, mực nước thấp. Lòng mương và hai ven bờ có rác thải sinh hoạt trôi nổi.

N38	Kênh Thạch Khôi – Đoàn Thượng tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Thạch Khôi – Gia Xuyên, phường Thạch Khôi, TP. Hải Dương (nay là phường Thạch Khôi, TP. Hải Phòng)	20°54'14,73"	106°18'33,00"	13/6/2025	7h50	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, có mùi, mực nước thấp. Lòng sông và ven hai bên bờ có rác thải sinh hoạt trôi nổi, đáy kênh nhiều bùn đen.
N39	Kênh Bá Liễu – Trại Vực tại khu vực nghĩa trang Cầu Cương, phường Hải Tân, TP. Hải Dương (nay là phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng)	20°54'52,97"	106°20'7,75"	13/6/2025	9h20	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước trung bình, lòng kênh và ven hai bên bờ tương đối sạch sẽ, không có gì bất thường. Hai bên bờ nhiều cỏ cây.
N43	Kênh Phí Xá – Cẩm Đông tại hồ chung chuyển thôn Quý Dương, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP. Hải Phòng)	20°56'16,29"	106°13'52,71"	16/6/2025	13h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, có màu xanh, lòng hồ và ven bờ hồ tương đối sach sẽ, không có gì bất thường.
N45	Kênh Đò Cậy - Tiên Kiều tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Cao An, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng)	20°56'53,23"	106°15'17,45"	16/6/2025	10h20	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, mực nước trung bình, lòng kênh và ven hai bờ tương đối sạch sẽ không có gì bất thường, hai bên bờ nhiều cỏ cây.
N46	Mương Lương Xá tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Lương Điền, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng)	20°56'48,77"	106°10'11,19"	14/6/2025	14h40	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp, lòng mương và ven hai bờ có nhiều rau muống mọc dại và ít rác thải sinh hoạt trôi nổi.
N47	Kênh trước cổng đền Bia, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Tuệ Tĩnh, TP. Hải Phòng)	20°58'38,78"	106°15'14,86"	14/6/2025	8h20	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có ánh vàng xanh, mực nước trung bình, lòng kênh và ven hai bờ tương đối sạch sẽ, không có gì bất thường.

N49	Kênh Đò Cậy – Tiên Kiều tại TT. Lai Cách, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	20°55'18,07"	106°14'15,94"	16/6/2025	15h50	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, mực nước trung bình, lòng kênh và ven hai bờ có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi. Hai bên bờ đất nhiều cỏ cây.
N51	Kênh giáp đường 395 tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Tân Hồng, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP. Hải Phòng)	20°53'41,07"	106°10'11,16"	4/6/2025	8h10	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục có ánh vàng, mực nước thấp, lòng kênh và ven hai bờ có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi.
N52	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Tráng Liệt, thị trấn Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP. Hải Phòng)	20°54'0,13"	106°8'58,70"	4/6/2025	11h40	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục đen, có mùi hôi thối, mực nước thấp, đáy mương có nhiều bùn đen, Lòng mương và ven hai bờ có rác thải trôi nổi.
N54	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Nhân Quyền, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng)	20°50'40,89"	106°12'48,24"	5/6/2025	15h50	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, ánh vàng, mực nước trung bình, lòng mương và ven hai bên bờ có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi, hai bên bờ nhiều cỏ cây.
N57	Kênh Thạch Khôi - Đoàn Thượng tại cầu Gỗ, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	20°53'16,07"	106°17'51,74"	9/6/2025	9h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có mùi hôi thối, hơi đục, mực nước thấp, lòng kênh và ven hai bên bờ có rác thải sinh hoạt trôi nổi, đáy kênh có nhiều bùn đen.
N58	Kênh Thạch Khôi - Đoàn Thượng trước khi chảy vào sông Đình Đào tại xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	20°48'57,60"	106°16'46,93"	9/6/2025	13h45	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có màu vàng, mực nước trung bình, lòng kênh và ven hai bên bờ có ít rác thải sinh hoạt.

N59	Mương tiếp nhận nước thải của KCN Hoàng Diệu, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	20°50'50,40"	106°18'10,30"	9/6/2025	14h25	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, có màu vàng, có cặn, mực nước thấp, lòng mương và ven hai bên bờ có nhiều rau muống, nhiều cỏ cây mọc dại, đáy mương có bùn.
N62	Kênh Bá Liễu - Trại Vực tại điểm nhận nước thải của CCN Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Đại Sơn, TP. Hải Phòng)	20°53'25,84"	106°21'42,42"	10/6/2025	14h40	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, mực nước thấp, lòng kênh và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, đáy kênh có bùn đen.
N63	Mương giáp đường 391, tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Nguyên Giáp, xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng)	20°45'49,79"	106°29'9,76"	11/6/2025	14h55	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước thấp, lòngmương và ven hai bờ tương đối sạch sẽ, có ít hoa súng trôi nổi, không có gì bất thường.
N70	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Nghĩa An, huyện Ninh Giang (nay là xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng)	20°47'11,80"	106°21'43,32"	24/6/2025	8h40	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có màu vàng, mực nước thấp. Lòng mương và ven hai bờ tương đối sạch sẽ, không có gì bất thường. Hai bên bờ đất nhiều cỏ cây.
N71	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Hồng Phúc – Hưng Long, xã Hưng Long, huyện Ninh Giang (nay là xã Hồng Châu, TP. Hải Phòng)	20°41'58,90"	106°18'16,18"	24/6/2025	12h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp. Lòng mương và ven hai bên bờ tương đối sạch sẽ, không có gì bất thường,
N72	Mương thoát nước làng nghề Cúc Bồ, xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang (nay là xã Khúc Thừa Dụ, TP. Hải Phòng)	20°42'50,11"	106°19'51,73"	24/6/2025	11h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, có cặn, mùi hôi thối, mực nước thấp. Lòng mương và ven hai bờ có nhiều bèo tây và rác thải sinh hoạt trôi nổi, đáy mương có nhiều bùn đen.
N75	Kênh Hồng Đức tại thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh	20°47'17,85"	106°14'17,43"	23/6/2025	11h10	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có ánh vàng, mực nước thấp, lòng kênh và ven hai

	Miện, TP. Hải Phòng)					bên bờ tương đối sạch sẽ, không có gì bất thường.
N77	Mương giáp đường 392 tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Đoàn Tùng, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng)	20°48'59,21"	106°13'43,1"9	23/6/2025	8h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, hơi vàng, mực nước trung bình, lòng mương và ven hai bờ tương đối sạch sẽ, không có gì bất thường.
N78	Mương thoát nước làng nghề Hội Yên, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	20°44'2,92"	106°14'1,72"	23/6/2025	15h10	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, có mùi hôi thối, mực nước thấp. Lòng mương và ven hai bờ có bèo tây và rác thải sinh hoạt trôi nổi. Hai bên bờ đất nhiều cỏ cây.
N79	Mương tiếp nhận nước thải CCN Ngũ Hùng – Thanh Giang, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	20°44'12,83"	106°14'59,31"	23/6/2025	13h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp. Lòng mương và ven hai bên bờ không có gì bất thường.
N80	Mương tiếp nhận nước thải CCN Cao Thắng, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	20°45'43,72"	106°13'5,92"	23/6/2025	16h05	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, mực nước trung bình. Lòng mương và ven hai bờ tương đối sạch sẽ, không có gì bất thường.

Bảng 4. Mô tả đặc điểm lấy mẫu và thời gian lấy mẫu môi trường nước hồ đợt 2 năm 2025

KH	Vị trí quan trắc	Tọa độ N	Tọa độ E	Ngày lấy mẫu	Thời gian	Mô tả đặc điểm lấy mẫu đợt 2 năm 2025
N7	Hồ Mật Sơn, phường Chí Minh, TP. Chí Linh (nay là phường Chu Văn An, TP. Hải Phòng)	21°5'22,74"	106°23'15,28"	21/6/2025	14h40	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp, lòng hồ gợn sóng nhẹ. Ven bờ hồ có ít cá chết và rác thải sinh hoạt trôi nổi.
N8	Hồ Côn Sơn, phường Cộng Hoà, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Phòng)	21°8'43,60"	106°23'24,37"	17/6/2025	16h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, mực nước trung bình, lòng hồ và ven bờ hồ tương đối sạch sẽ, không có gì bất thường.
N9	Hồ Bến Tắm, phường Bến Tắm, TP. Chí Linh (nay là phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Phòng)	21°10'40,78"	106°26'54,41"	17/6/2025	10h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước có màu hơi vàng, mực nước trung bình, lòng hồ và ven bờ hồ tương đối sạch sẽ, không có hiện tương gì bất thường.
N31	Hồ Bình Minh, TP. Hải Dương (nay là phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng)	20°56'15,54"	106°19'16,01"	24/6/2025	15h45	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, hơi xanh, mực nước trung bình, lòng hồ và ven hai bờ tương đối sạch sẽ, không có gì bất thường.
N32	Hồ Bạch Đằng, TP. Hải Dương (nay là phường Hải Dương, TP. Hải Phòng)	20°56'22,78"	106°20'25,29"	13/6/2025	10h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước có màu hơi xanh, mực nước trung bình, lòng hồ và ven bờ tương đối sạch sẽ, không có gì bất thường.
N76	Hồ An Dương, xã Chí Lăng Nam, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	20°42'57,19"	106°13'35,95"	23/6/2025	14h20	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, mực nước trung bình, ven hai bờ tương đối sạch sẽ, không có gì bất thường,

PHỤ LỤC II. BẢNG MÔ TẢ ĐIỂM QUAN TRẮC VÀ ĐIỀU KIỆN QUAN TRẮC ĐỢT 3 NĂM 2025

A. THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

TT	Vị trí quan trắc	KH	Tọa độ		Giờ lấy mẫu	Ngày lấy mẫu	Điều kiện lấy mẫu	Mô tả đặc điểm thời điểm lấy mẫu đợt 3/2025
			Tọa độ N	Tọa độ E				
1	Khu di tích Côn Sơn, phường Cộng Hòa, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Phòng)	K1	21°8'57,86"	106°23'0,31"	8.30	10/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường.
2	Khu dân cư phố Hoàng Hoa Thám, phường Phả Lại, TP. Chí Linh (nay là phường Chí Linh, TP.Hải Phòng)	K2	21°6'44,99"	106°19'58,59"	9.30	09/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam, ít gió	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
3	Khu dân cư Đại Bát, phường Hoàng Tân, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP.Hải Phòng)	K3	21°7'57,60"	106°26'26,92"	10.00	10/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
4	Quốc lộ 18 tại phường Chí Minh, TP. Chí Linh (nay là phường Chu Văn An, TP.Hải Phòng)	K4	21°5'58,87"	106°22'42,64"	11.00	09/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam, ít gió	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông cao. Các phương tiện trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh nhiều bụi và tiếng ồn.

5	Quốc lộ 18 tại phường Hoàng Tiến, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP.Hải Phòng)	K5	21°7'57,96"	106°25'57,40"	8.30	24/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe tải, xe con và xe khách . Các phương tiện trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh bụi và tiếng ồn.
6	Quốc lộ 37 tại Phường Thái Học, TP. Chí Linh (nay là phường Chu Văn An, TP Hải Phòng)	K6	21°8'43,60"	106°23'24,37"	14.45	09/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam, ít gió	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe tải, xe con, xe máy. Các phương tiện trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn.
7	Khu dân cư Tế Sơn, phường Đồng Lạc, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP.Hải Phòng)	K7	21°2'14,18"	106°22'55,81"	16.05	09/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam. Ít gió	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe qua lại, chủ yếu là xe máy. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
8	Khu dân cư Chi Ngãi, phường Cộng Hòa, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Hưng Đạo, TP.Hải Phòng)	K8	21°7'50,24"	106°24'38,04"	11.15	24/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường. Cách vị trí lấy mẫu 300m là công ty cổ phần Restarcera đang hoạt động.
9	Khu dân cư Kỹ Sơn, phường Tân Dân, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP.Hải Phòng)	K9	21°3'37,55"	106°23'14,34"	9.50	24/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Điểm lấy mẫu gần tường bao công ty TNHH Nhôm Đông Á, thời điểm lấy mẫu nhà máy đang hoạt động.

10	Khu dân cư thôn Quan Đình, xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP.Hải Phòng)	K10	20°58'9,12"	106°21'57,38"	10.50	05/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có nhiều xe máy qua lại. Cách vị trí lấy mẫu 250m là KCN Nam Sách đang hoạt động, KDC không phát sinh tác động bất thường.
11	Làng nghề Mạn Đê, xã Nam Trung, huyện Nam Sách (nay là xã Trần Phú, TP. Hải Phòng)	K11	21°0'42,00"	106°19'36,63"	9.30	05/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực làng nghề hoạt động bình thường, ít người và xe qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu có 1 vài cơ sở đang có hoạt động sấy hành mùa.
12	Khu dân cư Đồng Khê, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP.Hải Phòng)	K12	20°59'33,10"	106°20'51,85"	13.30	05/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe qua lại, xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường, cách vị trí lấy mẫu 150m là CCN An Đồng đang hoạt động. Cách 100m có đội thi công tỉa cành, chặt cây.
13	Khu dân cư thôn An Điền, xã Cộng Hòa, huyện Nam Sách (nay xã An Phú, TP.Hải Phòng)	K13	21°0'40,28"	106°23'46,12"	8.00	09/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình, có xe tải qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
14	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Nam Sách, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP.Hải Phòng)	Ktđ3	20°59'21,70"	106°20'32,64"	15.00	05/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Điểm lấy mẫu cạnh cổng trường THPT Nam Sách. Tại thời điểm quan trắc, khu vực có nhiều xe máy qua lại, cổng trường đang dọn dẹp cành cây.

15	Khu dân cư Thượng Chiểu, phường Tân Dân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP.Hải Phòng)	K14	21˚3'2,54"	106˚33'33,41"	14.30	14/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
16	Khu dân cư Xạ Sơn, xã Quang Thành, Tx. Kinh Môn (nay là xã Nam An Phụ, TP.Hải Phòng)	K15	21˚1'32,02"	106˚25'8,58"	8.15	08/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường. Cách điểm lấy mẫu 300m có nhà máy nhiệt điện BOT đang hoạt động.
17	Khu dân cư Lỗ Sơn, phường Phú Thứ, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP.Hải Phòng)	K16	21˚1'29,71"	106˚33'51,89"	9.35	14/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Mặt đường có bụi bẩn, tro xỉ, than rơi vãi.Vị trí lấy mẫu cách trục đường vận chuyển của CCN Phú Thứ khoảng 150m.
18	Ngã tư (gốc đa) Quốc lộ 17B tại phường Minh Tân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP.Hải Phòng)	K17	21˚2'7,17"	106˚34'32,76"	11.30	14/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe container, xe chở VLXD, xe tải và xe khách. Các phương tiện trọng tải lớn đi chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn, mặt đường có nhiều bụi bẩn.
19	Khu dân cư Hiệp Thượng, phường Hiệp Sơn, Tx. Kinh Môn (nay	K18	21˚0'36,88"	106˚31'46,74"	13.40	08/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt

	là phường Phạm Sư Mệnh, TP.Hải Phòng)							động dân sinh. Điểm lấy mẫu cách CCN Hiệp Sơn khoảng 350m.
20	Khu dân cư Tiên Xá, xã Lê Ninh, Tx. Kinh Môn (nay là phường Bắc An Phụ, TP.Hải Phòng)	K19	21°2'26,32"	106°25'13,08"	9.45	08/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Cách vị trí lấy mẫu khoảng 200m là bãi tro xỉ của nhà máy nhiệt điện BOT, quá trình lấy mẫu không có xe ra vào bãi tro xỉ.
21	Khu dân cư Trại Mới, phường Hiệp An, Tx. Kinh Môn (nay là phường Kinh Môn, TP.Hải Phòng)	K20	21°0'7,44"	106°32'55,85"	8.10	07/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Điểm lấy mẫu tại nhà văn hóa KDC Trại Mới, quá trình lấy mẫu ít xe và người qua lại. Tuyến đường vận chuyển than tại bãi than Hiệp Sơn tách biệt với KDC, do đó giảm thiểu tác động đến KDC.
22	Làng nghề An Thủy, phường Hiến Thành, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng)	K21	20°56'26,06"	106°32'6,35"	10.00	07/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. KDC làng nghề khá yên tĩnh, xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường.
23	Khu dân cư Ngư Uyên, phường Long Xuyên, Tx. Kinh Môn (nay là phường Kinh Môn, TP.Hải Phòng)	K22	20°58'34,02"	106°32'6,35"	14.55	07/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
24	Quốc lộ 5 tại điểm giao giữa Quốc lộ 17B, thị trấn Phú Thái, huyện	K23	20°57'49,74"	106°31'2,36"	14.25	04/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông cao. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe container, xe tải, xe khách và xe con. Trong đó các phương tiện trọng tải

	Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP.Hải Phòng)							lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn.
25	Khu dân cư thôn Quyết Tâm, xã Lai Vu, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP.Hải Phòng)	K24	20°58'57,77"	106°24'14,31"	15.35	04/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
26	Khu dân cư Cổ Phục, xã Kim Liên, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP.Hải Phòng)	K25	20°57'1,26"	106°32'16,86"	13.00	04/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Thi thoảng có xe tải và ô tô đi qua. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
27	Khu dân cư Quỳnh Khê, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành Thành (nay là xã Phú Thái, TP.Hải Phòng)	K26	20°58'18,68"	106°29'16,85"	9.30	04/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
28	Khu dân cư khu 6, phường Hải Tân, TP. Hải Dương Thành (nay là phường Tân Hưng, TP.Hải Phòng)	K27	20°54'52,97"	106°20'7,75"	13.30	03/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu là hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
29	Làng nghề Lộ Cương, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là	K28	20°55'24,12"	106°17'14,77"	8.00	18/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, làng nghề không phơi bánh đa. Trước ngày lấy mẫu có mưa nên khu vực lấy mẫu lượng bụi trung bình.

	Phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)							
30	Nút giao với các đường Nguyễn Lương Bằng, Phạm Ngũ Lão, Điện Biên Phủ và Lê Thanh Nghị (ngã tư máy sứ) (nay là Phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng)	K29	20°56'18,15"	106°19'15,49"	9.45	16/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe con, xe máy, xe tải.
31	Khu dân cư Đồng Niên, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương Thành (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K30	20°56'44,45"	106°18'17,65"	11.00	16/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
32	Nút giao thông Tam Giang, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương (Nay là phường Hải Dương, TP. Hải Phòng)	K31	20°56'16,31"	106°20'14,53"	11.15	18/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe tải, xe con, xe máy. Các phương tiện di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn.
33	Khu dân cư Quang Giáp, phường Thạch Khôi, TP. Hải Dương (nay là	K32	20°54'12,58"	106°18'39,76"	15.15	03/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, mật độ xe trung bình. Các phương tiện chủ yếu là xe máy, xe tải và xe con. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra

	phường Thạch Khôi, TP.Hải Phòng)							các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
34	Quốc lộ 5 tại nút giao với đường Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Dương (nay là Phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng)	K33	20°56'10,51"	106°17'23,82"	8.00	16/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông cao. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe container, xe tải, xe khách và xe con và xe máy. Cách vị trí lấy mẫu 10m, các xe khách thường xuyên dừng trả khách.
35	Làng nghề gỗ Đông Giao, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng)	K34	20°56'31,12"	106°9'40,09"	14.50	29/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực làng nghề đang hoạt động bình thường. Khu vực có ít xe di chuyển qua khu vực làng nghề. Các hoạt động gia công, cắt gỗ, chà nhám, đục khoét gỗ phát sinh tiếng ồn và bụi.
36	Làng nghề rượu Phú Lộc, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Tuệ Tĩnh, TP. Hải Phòng)	K35	20°58'30,78"	106°14'41,08"	8.35	29/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe qua lại, làng nghề ít hoạt động. Điểm lấy mẫu tại cổng đình Phú Lộc, xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường.
37	Khu dân cư Cẩm Trục, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP.Hải Phòng)	K36	20°58'17,20"	106°8'51,11"	11.00	29/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường.

38	Khu dân cư Lương Xá, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP.Hải Phòng)	K37	20°56'48,48"	106°10'12,25"	13.30	29/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Cách điểm lấy mẫu 180m về phía Tây Bắc là CCN Lương Điền đang hoạt động.
39	Khu dân cư Hoàng Hòa, xã Cẩm Điền (Phúc Điền), huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP.Hải Phòng)	K38	20°55'55,27"	106°10'57,44"	16.15	29/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
40	Khu dân cư Quý Dương, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP.Hải Phòng)	K39	20°56'17,54"	106°13'39,11"	13.30	30/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
41	Khu dân cư Phú An, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K40	20°56'58,31"	106°14'56,54"	9.10	30/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
42	Khu dân cư Thôn Tiền, TT. Lai Cách, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K41	20°56'10,44"	106°16'12,33"	8.00	30/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, buôn bán, không phát sinh tác động bất thường.

43	Khu dân cư Đỗ Trung, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K42	20°56'47,27"	106°16'19,57"	10.30	30/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Cách điểm lấy mẫu 150m về phía Đông Nam có công ty NPK đang hoạt động, xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường.
44	Khu dân cư thôn Chùa, xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP.Hải Phòng)	K43	20°55'32,67"	106°14'39,73"	16.15	30/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
45	Tỉnh lộ 392 tại ngã năm TT. Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP. Hải Phòng)	K44	20°54'25,67"	106°9'0,74"	13.40	21/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông gồm xe tải, xe con và xe máy. Trong đó các phương tiện trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn.
46	Quốc lộ 394 tại điểm giao với Quốc lộ 392, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang (nay là xã Bình Giang, TP. Hải Phòng)	K45	20°54'2,31"	106°13'38,96"	9.00	20/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông cao. Các phương tiện tham gia giao thông gồm xe tải, xe con và xe máy. Mặt đường nhiều rác là lá cây.
47	Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng tại xã Thái Học, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP. Hải Phòng)	K46	20°51'23,12"	106°12'12,67"	10.30	20/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực đường 5B có mật độ giao thông trung bình. Điểm lấy mẫu cách trục đường 5B khoảng 10m. Vị trí quan trắc chịu tác động tiếng ồn và bụi từ hoạt động giao thông trên đường 5B.

48	Khu dân cư Hòa Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP.Hải Phòng)	K47	20°50'52,75"	106°12'37,72"	13.30	20/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
49	Khu dân cư thôn My Cầu, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP.Hải Phòng)	K48	20°53'31,48"	106°10'1,57"	10.45	21/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường. Cách điểm lấy mẫu khoảng 200m là CCN Tân Hồng đang hoạt động.
50	Khu dân cư khu đô thị mới Tráng Liệt, thị trấn Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP.Hải Phòng)	K49	20°54'3,72"	106°8'50,93"	8.30	21/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, mật độ giao thông trung bình. Cách điểm lấy mẫu 100m là CCN Tráng Liệt đang hoạt động.
51	Quốc lộ 5 tại ngã tư Quán Gỏi, TT. Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP. Hải Phòng)	K50	20°55'25,62"	106°9'21,00"	14.50	21/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực mật độ giao thông cao. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu gồm xe container, xe tải và xe con.
52	Quốc lộ 37, tại ngã 3 thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	K51	20°52'51,31"	106°17'46,88"	08.05	22/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe tải, xe con, xe khách và xe máy. Trong đó các phương tiện trọng tải lớn di chuyển phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn.

53	Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng giao Quốc lộ 38B tại Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	K52	20°51'37,42"	106°17'27,39"	9.40	22/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe tải, xe con và xe khách. Các phương tiện trọng tải lớn di chuyển phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn.
54	Làng nghề bún Đông Cận, xã Tân Tiến (Gia Tiến), huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	K53	20°52'49,99"	106°20'2,47"	13.00	23/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại, làng nghề ít hoạt động. Xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường.
55	Làng nghề Văn Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	K54	20°50'40,49"	106°18'39,55"	14.50	22/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu có một vài cơ sở sản xuất đồ da đang hoạt động, không phát sinh tác động bất thường.
56	Khu dân cư Buộm, xã Toàn Thắng, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP.Hải Phòng)	K55	20°50'40,70"	106°17'37,83"	9.35	23/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
57	Giao đường 38B và đường 392 tại Trạm Bóng, xã Quang Minh, huyện Gia Lộc (nay là xã Trường Tân, TP. Hải Phòng)	K56	20°47'29,35"	106°16'23,89"	10.55	22/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe container, xe tải, xe con và xe máy. Các phương tiện trọng tải lớn di chuyển phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn.

58	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Gia Lộc (trạm Gia Lộc), huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	Ktđ12	20°52'10,82"	106°17'58,61"	8.10	23/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực ít người và xe qua lại. Điểm lấy mẫu tại UBND TT Gia Lộc, xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
59	Quốc lộ 391, tại vị trí giao thông vào CCN Kỳ Sơn, xã Đại Sơn, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Đại Sơn, TP. Hải Phòng).	K57	20°53'7,40"	106°21'38,29"	14.45	23/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông cao. Các phương tiện tham gia giao thông gồm xe tải, xe container và nhiều xe bồn chở xi măng, vật liệu xây dựng qua lại. Mặt đường nhiều bụi bẩn và vật liệu xây dựng rơi vãi.
60	Đường tỉnh 391 tại Ngã Tư Mắc, xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ(nay là xã Tứ Kỳ TP. Hải Phòng)	K58	20°50'15,15"	106°22'49,78"	8.00	28/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe tải, xe ben chở VLXD. Trước ngày lấy mẫu mưa lớn nên bụi chủ yếu do khói xe và bụi từ bánh xe.
61	Khu dân cư thôn La Giang, xã Văn Tố, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP.Hải Phòng)	K59	20°48'13,92"	106°25'13,12"	16.30	28/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có nhiều xe máy qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
62	Khu dân cư thôn Văn Vật, xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ (nay là xã	K60	20°45'41,07"	106°28'27,16"	13.10	28/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường. Cách điểm lấy

	Nguyên Giáp, TP.Hải Phòng)							mẫu 200m là CCN Nguyên Giáp đang hoạt động.
63	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Tứ Kỳ (trạm Tứ Kỳ) , huyện Tứ Kỳ (nay là xã Tứ Kỳ, TP. Hải Phòng)	Ktđ13	20°49'1,09"	106°24'18,54"	11.00	28/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Điểm lấy mẫu tại UBND thị trấn Tứ Kỳ, ít xe qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
64	Giao giữa Quốc lộ 37 và quốc lộ 392 tại xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang (nay là xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng)	K61	20°46'57,05"	106°21'49,09"	9.00	16/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe tải, xe con và xe máy. Mặt đường có bụi bẩn.
65	Khu dân cư Hào Khê, xã Hưng Long, huyện Ninh Giang (nay là xã Hồng Châu, TP.Hải Phòng)	K62	20°42'18,88"	106°17'54,91"	9.45	17/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
66	Làng nghề Cúc Bồ, xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang (nay là xã Khúc Thừa Dụ, TP. Hải Phòng)	K63	20°42'57,81"	106°19'46,94"	10.00	16/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc làng nghề hoạt động bình thường. Gần điểm lấy mẫu có 02 cơ sở gia công đồ gỗ đang hoạt động, gió ít. Bụi chủ yếu phát sinh tại xưởng làm gỗ, phát tán ít ra ngoài môi trường xung quanh.
67	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Ninh	Ktđ14	20°43'45,52"	106°23'48,50"	15.45	16/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt

	Giang (trạm Ninh Giang), huyện Ninh Giang (nay là xã Ninh Giang, TP. Hải Phòng)							động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
68	Khu dân cư Thúy Lâm, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện (nay là xã Nguyễn Lương Bằng TP.Hải Phòng)	K64	20°49'2,58"	106°13'22,78"	8.45	20/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu có 1 số cơ sở may mặc đang hoạt động, không phát sinh tác động bất thường.
69	Làng nghề Hội Yên, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	K65	20°44'1,84"	106°14'3,08"	11.00	17/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực làng nghề hoạt động bình thường, đang diễn ra hoạt động phơi bánh đa ở 2 bên lề đường làng. Khu vực có ít người và xe qua lại, không phát sinh tác động bất thường.
70	Khu dân cư Hòa Bình, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP.Hải Phòng)	K66	20°45'39,17"	106°13'8,34"	10.45	20/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
71	Khu dân cư Tiêu Sơn, xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP.Hải Phòng)	K67	20°43'49,77"	106°15'3,18"	13.30	17/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, buôn bán, không phát sinh tác động bất thường.

72	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Thanh Miện (trạm Ninh Giang), huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	Ktđ15	20°47'12,84"	106°14'42,79"	14.50	20/09/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Điểm lấy mẫu tại cổng UBND TT Thanh Miện cũ. Khu vực thông thoáng, sạch sẽ, xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
73	Khu dân cư thôn Cổ Chấm, xã Việt Hồng (Cẩm Việt), huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP.Hải Phòng)	K68	20°56'55,17"	106°26'5,19"	9.15	05/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. KDC khá yên tĩnh, xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường.
77	Khu dân cư Tú Y, xã Vĩnh Lập, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Đông, TP.Hải Phòng)	K69	20°48'59,54"	106°30'10,98"	14.15	05/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường.
75	Đường tỉnh 390 tại ngã ba xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Tây, TP. Hải Phòng)	K70	20°53'54,09"	106°23'50,45"	15.40	05/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe tải, xe con, và xe máy. Trong đó các xe trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn.
76	Quốc lộ 390B tại xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP Hải Phòng)	K71	20°58'7,13"	106°23'28,45"	7.45	05/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông gồm xe tải, xe con, xe chở VLXD và xe

								máy. Trong đó các xe trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn.
77	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Thanh Hà, huyện Thanh Hà (nay là xã Thanh Hà, TP. Hải Phòng)	Ktđ16	20°53'52,62"	106°25'31,85"	11.35	05/08/2025	Trời nắng, gió Đông Nam	Điểm lấy mẫu tại UBND TT Thanh Hà. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.

B. THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG NƯỚC

Bảng 1. Mô tả đặc điểm lấy mẫu và thời gian lấy mẫu môi trường nước sông tự nhiên đợt 3 năm 2025

KH	Vị trí quan trắc	Tọa độ N	Tọa độ E	Ngày lấy mẫu	Thời gian	Mô tả đặc điểm lấy mẫu Đợt 3 năm 2025
N1	Sông Cầu, cách điểm nối giữa sông Cầu và sông Thương 1.500m về phía thượng lưu	21°7'54,66"	106°16'56,88"	9/9/2025	11h20	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, mực nước tb, hai bên bờ có bến bãi hoạt động, có 3 tàu thuyền neo đậu
N2	Sông Đông Mai tại cầu Đông Mai (Đường 184), phường Văn Đức, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP. Hải Phòng)	21°5'58,74"	106°26'39,99"	6/9/2025	8h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục nhẹ, vàng nhạt, mực nước tb, dòng chảy chậm, có 1 tàu thuyền đang neo đậu
N5	Sông Kinh Thầy gần cửa kênh thoát nước của Trạm bơm Vạn Thắng, phường Tân Dân, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP. Hải Phòng)	21°2'31,52"	106°24'30,97"	6/9/2025	11h5	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, hai bên bờ có bến bãi hoạt động, có 1 tàu thuyền neo đậu

Ntđ1	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thái Bình tại xã Nhân Huệ (trạm Nhân Huệ), TP. Chí Linh (nay là phường Chí Linh, TP. Hải Phòng)	21°4'42,61"	106°21'9,68"	9/9/2025	14h5	Tại thời diểm lấy mẫu, Nước hơi đục, hai bên bờ có bến bãi đang hoạt động, có tàu thuyền đang neo đậu
N10	Sông Thái Bình tại thôn Nhuế Sơn, xã Thái Tân, huyện Nam Sách (nay là xã Thái Tân, TP. Hải Phòng)	20°59'4,70"	106°16'38,93"	5/9/2025	9h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, mực nước thấp, dòng chảy chậm, Lòng sông và ven hai bên bờ có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có bến bãi hoạt động, có 3 tàu thuyền neo đậu,
N11	Sông Kinh Thầy tại Cầu Bình, xã Thanh Quang, huyện Nam Sách (nay là xã Trần Phú, TP. Hải Phòng)	20°2'40,77"	106°21'45,11"	5/9/2025	16h45	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, mực nước tb, hai bên bờ có bến bãi hoạt động
N14	Sông Đá Vách khu Tử Lạc, phường Minh Tân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	21°2'21,54"	106°35'47,40"	14/8/2025	13h55	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có ít bèo tây trôi nổi, xung quanh điểm lấy mẫu có 4 tàu thuyền neo đậu, hai bên bờ có bến bãi đang hoạt động
N15	Sông Đá Vách, cách trạm cấp nước Tân Dân 50m về phía thượng lưu, phường Tân Dân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	21°3'9,15"	106°34'6,76"	14/8/2025	15h55	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có ít bèo tây trôi nổi, xung quanh điểm lấy mẫu có 3 tàu thuyền neo đậu, hai bên bờ có bến bãi đang hoạt động
N16	Sông Kinh Thầy tại thôn Tam Đa Ngoại, xã Minh Hòa, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng)	20°56'56,35"	106°35'28,76"	7/8/2025	13h45	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, hai bê bờ có bến bãi hoạt động, bên bờ có 4 tàu thuyền neo đậu

N17	Sông Kinh Thầy cách trạm cấp nước Bạch Đằng 50m về phía thượng lưu, phường Bạch Đằng, Tx. Kinh Môn (nay là phường Bắc An Phụ, TP. Hải Phòng)	21°3'54,24"	106°27'45,26"	8/8/2025	11h10	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có bến bãi đang hoạt động, có 2 tàu thuyền đang neo đậu
N18	Sông Hàn Mấu tại khu dân cư Phúc Sơn, phường Phú Thứ, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	21°1'8,56"	106°33'54,94"	14/8/2025	10h55	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có bến bãi đang hoạt động, có 1 tàu thuyền đang neo đậu
Ntđ2	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Thầy tại phường Hiệp Sơn (trạm Hiệp Sơn), Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	21°0'47,66"	106°32'46,74"	14/8/2025	8h10	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, mực nước thấp, dòng chảy chậm. Lòng sông và ven hai bờ tương đối sạch sẽ, không có gì bất thường. Hai bên bờ có 3 tàu thuyền neo đậu, hai bên bờ có bến bãi đang hoạt động
Ntđ3	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Môn tại phường An Phụ (trạm An Phụ), Tx. Kinh Môn (nay là phường Trần Liễu, TP. Hải Phòng)	20°59'4,24"	106°30'19,51"	8/8/2025	15h35	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi. Hai bên bờ có 2 tàu thuyền neo đậu, hai bên bờ có bến bãi đang hoạt động
Ntđ4	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Môn tại xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)	20°59'38,23"	106°26'18,71"	4/9/2025	16h50	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, mực nước tb, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có ít bèo tây trôi nổi, bên bờ có 2 tàu thuyền neo đậu

N28	Sông Thái Bình, cách trạm bơm cấp nước cho nhà máy nước Việt Hòa 50m về phía thượng lưu, TP. Hải Dương (nay là phường Thành Đông, TP. Hải Phòng)	20°57'19,84"	106°17'49,39"	16/8/2025	14h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục nhẹ, mực nước cao. Hai bên bờ không có bến bãi hoạt động, không có tàu thuyền neo đậu
Ntđ5	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thái Bình tại cảng Cống Câu, phường Hải Tân (trạm Cống Câu) TP. Hải Dương (nay là phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng)	20°54'44,98"	106°20'35,25"	18/8/2025	10h45	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, mực nước tb. Lòng sông có bèo tây trôi nổi, có tàu thuyền qua lại
N60	Sông Luộc tại cầu Quý Cao, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng)	20°45'22,48"	106°29'37,55"	28/8/2025	14h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, mực nước cao, dòng chảy tb, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi
N64	Sông Thái Bình tại bến đò An Định, xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP. Hải Phòng)	20°49'0,94"	106°28'20,42"	28/8/2025	16h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, mực nước tb, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có bến bãi hoạt động
N65	Sông Thái Bình tại xã Chí Minh, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP. Hải Phòng)	20°50'37,29"	106°25'18,24"	28/8/2025	9h25	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, mặt sông có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ sông có bến bãi hoạt động
N66	Sông Luộc tại trạm bơm của nhà máy nước sạch Ninh Giang, huyện Ninh Giang (nay là xã Ninh Giang, TP. Hải Phòng)	20°43'44,69"	106°24'23,61"	16/9/2025		Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục nhẹ, mực nước trung bình, hai bên bờ có bến bãi hoạt động, có 1 tàu thuyền neo đậu
Ntđ11	Trạm quan trắc tự động nước mặt sông Luộc tại xã Hồng Phong (trạm My Động), huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng).	20°41'50,82"	106°14'56,85"	17/9/2025	8h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước tb, dòng chảy chậm. Hai bên bờ có bến bãi đang hoạt động, không có tàu thuyền neo đậu

Ntđ13	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Rạng tại xã Thanh An, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP. Hải Phòng)	20°57'13,24"	106°26'24,59"	15/8/2025	10h35	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có bến đò đang hoạt động, 2 tàu thuyền đang neo đậu
Ntđ14	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Văn Úc tại xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Đông, TP. Hải Phòng)	20°51'20,99"	106°28'37,76"	15/8/2025	13h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và hai bờ có bèo tây trôi nổi, Hai bên bờ có bến bãi hoạt động, có 3 tàu thuyền đang neo đậu

Bảng 2. Mô tả đặc điểm lấy mẫu và thời gian lấy mẫu môi trường nước sông nội đồng đợt 3 năm 2025

KH	Vị trí quan trắc	Tọa độ N	Tọa độ E	Ngày lấy mẫu	Thời gian	Mô tả đặc điểm lấy mẫu Đợt 3 năm 2025
I	**Sông Bắc Hưng Hải**					
N29	Sông Sặt, tại cầu Cất, TP. Hải Dương (nay là phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng)	20°55'43,77"	106°19'23,38"	16/8/2025	9h20	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước trung bình. Lòng sông và ven hai bờ có ít rác thải trôi nổi
N33	Sông Bạch Đằng tại điểm cuối trước khi chảy ra sông Thái Bình, TP. Hải Dương (nay là phường Hải Dương, TP. Hải Phòng)	20°55'44,65"	106°20'32,21"	18/8/2025	9h45	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục ít, có 1 ít rác thải tại ven bờ, mực nước tb, dòng chảy chậm
Ntđ6	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Sặt tại phường Tứ Minh, TP.	20°55'7,67"	106°16'18,08"	16/8/2025	16h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước ít đục, mực nước cao, dòng chảy tb, có nhiều bèo tây trôi nổi

	Hải Dương (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)					
N40	Sông Cẩm Giàng tại điểm giao với kênh cầu Dốc, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng)	20°57'35,34"	106°10'3,67"	29/8/2025	13h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, mực nước cao, dòng chảy tb, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi
N41	Sông Cẩm Giàng tại cầu Tân Trường, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP. Hải Phòng)	20°56'18,37"	106°12'40,29"	30/8/2025	14h50	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước tb, dòng chảy tb. Lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi. Tại thời điểm quan trắc có 1 tàu thuyền neo đậu
N42	Sông Bùi tại xã Thạch Lỗi, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giang, TP. Hải Phòng)	20°58'47,14"	106°11'41,16"	29/8/2025	9h55	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước cao, dòng chảy tb, lòng sông và ven hai bên bờ sông có nhiều bèo tây trôi nổi
N44	Sông Bùi tại thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Tuệ Tĩnh, TP. Hải Phòng)	20°59'16,93"	106°15'54,59"	29/8/2025	7h55	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có ánh vàng, mực nước cao, dòng chảy tb, lòng sông và ven hai bờ có nhiều bèo tây trôi nổi
N48	Sông Sặt tại Hoàng Hòa, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP. Hải Phòng)	20°55'18,89"	106°10'26,88"	30/8/2025	15h25	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước tb, dòng chảy tb, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, không có tàu thuyền neo đậu
Ntd7	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thứa tại thôn Mậu Duyệt, xã Cẩm Hưng (trạm Mậu Duyệt), huyện Cẩm	20°58'28,59"	106°9'48,61"	29/8/2025	10h25	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước cao, dòng chảy tb, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, không có tàu thuyền neo đậu

	Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng).					
N50	Sông Sặt tại cầu Cậy, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang (nay là xã Bình Giang, TP. Hải Phòng)	20°54'19,76"	106°13'53,04"	20/8/2025	8h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước tb, lòng sông có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có bến bãi hoạt động, có tàu thuyền qua lại
N53	Sông Đình Đào tại cầu Bá Thủy, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang (nay là xã Yết Kiêu, TP. Hải Phòng)	20°53'28,34"	106°14'36,42"	20/8/2025	15h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước tb, lòng sông có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có tàu thuyền neo đậu
Ntđ8	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Sặt, xã Thúc Kháng (trạm Cống Tranh), huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP. Hải Phòng)	20°54'3,72"	106°8'50,93"	21/8/2025	13h10	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước tb, hai bên bờ có hoạt động bến bãi
N55	Sông Đình Đào tại cầu Tràng Thưa, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	20°48'56,14"	106°16'46,55"	22/8/2025	13h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước tb, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, không có tàu thuyền neo đậu
N56	Sông cầu Bình, tại cầu Bình, xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	20°52'34,20"	106°19'24,07"	23/8/2025	11h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có màu hơi vàng, mực nước tb, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bên bờ có ít bèo tây trôi nổi. Hai bên bờ đất nhiều có cây
N61	Sông Tứ Kỳ tại cầu Vạn, xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Tứ Kỳ, TP. Hải Phòng)	20°48'42,56"	106°24'27,56"	28/8/2025	13h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, mực nước tb, bên bờ có bến bãi hoạt động

Ntd9	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Bắc Hưng Hải tại xã Hà Kỳ (trạm Hà Kỳ), huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng)	20°46'5,11"	106°25'21,50"	28/8/2025	14h35	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, bên bờ có bến bãi hoạt động, tàu thuyền qua lại, lòng sông có bèo tây trôi nổi
N67	Sông Đình Đào tại cầu Bía, huyện Ninh Giang (nay là xã Tân Kỳ, TP. Hải Phòng)	20°48'2,14"	106°20'14,23"	16/9/2025		Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có màu hơi vàng, hai bên bờ không có tàu thuyền neo đậu
N68	Sông Cửu An tại Cầu Di Linh, xã An Đức, huyện Ninh Giang (nay là xã Tân An, TP. Hải Phòng)	20°45'48,47"	106°17'11,30"	16/9/2025		Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có màu ánh vàng. Lòng sông có bèo tây trôi nổi. Bên bờ có bến bãi hoạt động, có 2 tàu neo đậu
N69	Sông Cửu An tại Cầu Rảm, xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang (nay là xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng)	20°46'26,78"	106°22'3,03"	16/9/2025		Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng. Hai bên bờ có bèo tây trôi nổi. Hai bên bờ có bến bãi hoạt động
N73	Sông Cửu An, xã Đoàn Kết, huyện Thanh Miện (nay là xã Hải Hưng, TP. Hải Phòng)	20°45'59,23"	106°11'23,74"	20/9/2025	8h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, không có tàu thuyền neo đậu
N74	Sông cầu Cốc, xã Thanh Tùng (khu vực giáp xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang), huyện Thanh Miện (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng)	20°50'1,93"	106°13'21,49"	20/9/2025	9h14	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước tb, lòng sông và ven hai bờ có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi
Ntd10	Trạm quan trắc tự động nước mặt sông Cửu An tại xã Ngô Quyền (trạm Chùa Khu), huyện Thanh Miện (nay là xã Hải Hưng, TP. Hải Phòng)	20°49'11,88"	106°8'24,45"	20/9/2025	16h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, lòng sông có ít bèo tây trôi nổi, hai bờ không có tàu thuyền neo đậu

II	**Hệ thống sông nội đồng khác**					
N3	Sông Thiên tại Cầu Thiên, phường Tân Dân, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP. Hải Phòng)	21°4'4,49"	106°23'22,15"	6/9/2025	8h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục có màu ánh vàng, mực nước tb, hai bên bờ nhiều cỏ cây bụi
N4	Sông Đại Tân, phường Hoàng Tân, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP. Hải Phòng)	21°5'58,74"	106°26'39,99"	6/9/2025	10h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước tb, không có gì bất thường
N23	Sông Văn Dương tại thôn Văn Dương, xã Kim Liên, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	20°56'6,76"	106°31'11,03"	4/9/2025	11h40	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, mực nước tb, dòng chảy chậm. Lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, không có tàu thuyền neo đậu
N26	Sông Văn Dương tại khu dân cư thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	20°57'35,49"	106°30'33,34"	4/9/2025	11h05	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, mực nước tb, dòng chảy chậm. Lòng sông và ven hai bờ có ít bèo tây trôi nổi, không có tàu thuyền neo đậu
N27	Sông Nguyễn Văn Bé tại cống Phạm Xá cách cửa thoát nước ra sông Rạng 100m, thôn Phạm Xá 1, xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)	20°57'17,57"	106°26'49,64"	4/9/2025	8h40	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, dòng chảy chậm, mực nước tb, cửa cống Phạm Xá đang mở, lòng sông và ven hai bên bờ không có gì bất thường
N35	Sông Bến Gạch tại cầu Hào Thôn, phường Ái Quốc, TP. Hải Dương (nay là xã Nam Sách, TP. Hải Phòng)	20°58'24,28"	106°22'14,55"	18/8/2025	14h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục nhiều, dòng chảy chậm. Lòng sông có ít bèo tây trôi nổi

N81	Sông Hương tại xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP. Hải Phòng)	20°58'7,13"	106°23'28,45"	5/8/2025	8h55	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bên bờ sông có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ đất nhiều cây cối
Ntđ12	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Hương tại cầu sông Hương trên đường 390B tại thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà (nay là xã Thanh Hà, TP. Hải Phòng)	20°54'33,14"	106°25'38,15"	5/8/2025	11h05	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước thấp, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, có 1 tàu thuyền đang neo đậu

Bảng 3. Mô tả đặc điểm lấy mẫu và thời gian lấy mẫu môi trường nước kênh mương đợt 3 năm 2025

KH	Vị trí quan trắc	Tọa độ N	Tọa độ E	Ngày lấy mẫu	Thời gian	Mô tả đặc điểm lấy mẫu đợt 3 năm 2025
N6	Kênh Phao Tân giao với đường huyện 17B, phường Phả Lại, TP. Chí Linh (nay là phường Chí Linh, TP. Hải Phòng)	21°5'50,89"	106°21'36,86"	9/9/2025	13h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, mực nước tb, lòng kênh và ven hai bờ có một ít rác
N12	Kênh Ngọc Trì - Chu Đậu trước trạm bơm thoát ra sông Thái Bình, xã Thái Tân, huyện Nam Sách (nay là xã Thái Tân, TP. Hải Phòng)	20°59'32,70"	106°21'5,75"	5/9/2025	8h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có màu hơi vàng, lòng kênh có ít rác thải sinh hoạt
N13	Kênh Ngọc Trì - Chu Đậu điểm tiếp nhận nước thải của CCN An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP. Hải Phòng)	20°59'1,35"	106°17'53,80"	5/9/2025	16h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, ánh xanh, mực nước tb, lòng kênh và ven hai bờ có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi. Hai bên bờ đất nhiều cỏ cây

N19	Kênh KT13 điểm tiếp nhận nước thải của CCN Duy Tân tại phường Duy Tân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	21°1'41,20"	106°31'59,14"	14/8/2025	8h45	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước thấp, lòng kênh và ven hai bờ có bèo tây và rác thải sinh hoạt trôi nổi
N20	Kênh Ngư Uyên tại cống thoát nước ra sông Kinh Môn (tiếp nhận nước thải của CCN Long Xuyên), Tx. Kinh Môn (nay là phường Trần Liễu, TP. Hải Phòng)	20°58'22,30"	106°31'21,14"	8/8/2025	15h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước thấp, lòng kênh và ven hai bờ có nhiều bèo tây trôi nổi
N21	Mương thoát nước làng nghề An Thủy, phường Hiến Thành, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng)	20°56'30,73"	106°33'42,62"	7/8/2025	10h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, lòng mương và ven hai bờ có rác thải sinh hoạt trôi nổi
N22	Điểm hợp lưu giữa kênh Nguyễn Lân và kênh Phùng Khắc – khu dân cư Hiệp Hạ, phường Hiệp Sơn, Tx. Kinh Môn (nay là phường Phạm Sư Mạnh, TP. Hải Phòng)	20°59'46,39"	106°32'30,55"	7/8/2025	9h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước thấp, lòng kênh và ven hai bờ tương đối sạch sẽ, không có hiện tượng bất thường
N24	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Quỳnh Phúc (còn gọi là đầm Ba Xã), gần Công ty Cổ phần Trung Kiên, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	20°58'8,66"	106°29'27,83"	4/9/2025	9h10	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, mực nước tb. Lòng mương và ven hai bờ tương đối sạch sẽ. Hai bên bờ nhiều cỏ cây
N25	Mương thoát nước xã Lai Vu tại cống Hòa Bình (trước khi chảy ra sông Rạng) xã Lai Vu, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)	20°58'36,71"	106°24'41,73"	4/9/2025	8h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục đen, có mùi hôi thối, mực nước thấp. Lòng mương và ven hai bên bờ có rác thải sinh hoạt trôi nổi. Đáy mương có nhiều bùn đen

N30	Kênh Tứ Thông – Trước khi chảy ra sông Sặt, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	20°55'16,17"	106°16'9,53"	16/8/2025	15h45	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đen, mùi thối, mực nước tb, có nhiều rác thải sinh hoạt ven bờ và lòng kênh
N34	Mương thoát nước làng nghề Lộ Cương, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	20°55'24,93"	106°17'12,44"	16/8/2025	15h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục nhẹ, mực nước tb, lòng mương có ít rác thải
N36	Mương tiếp nhận nước thải của KCN Kỹ thuật cao An Phát và CCN Việt Hòa, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương (nay là phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng)	20°56'35,83"	106°17'6,61"	16/8/2025	14h45	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước tb. Gần khu mương có nuôi vịt. Hai bên bờ có nhiều cỏ cây mọc dại
N37	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Ba Hàng, phường Nam Đồng, TP. Hải Dương (nay là phường Nam Đồng, TP. Hải Phòng)	20°57'29,04"	106°22'3,41"	18/8/2025	15h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước ít đục, mực nước thấp. Hai bờ có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi.
N38	Kênh Thạch Khôi – Đoàn Thượng tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Thạch Khôi – Gia Xuyên, phường Thạch Khôi, TP. Hải Dương (nay là phường Thạch Khôi, TP. Hải Phòng)	20°54'14,73"	106°18'33,00"	18/8/2025	9h20	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, có mùi, mực nước thấp. Lòng kênh và ven hai bên bờ có rác thải sinh hoạt trôi nổi, đáy kênh nhiều bùn đen
N39	Kênh Bá Liễu – Trại Vực tại khu vực nghĩa trang Cầu Cương, phường Hải Tân, TP. Hải Dương (nay là phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng)	20°54'52,97"	106°20'7,75"	18/8/2025	10h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục nhẹ, mực nước tb. Hai bên bờ nhiều cây bụi
N43	Kênh Phí Xá – Cấm Đông tại hồ chung chuyển thôn Quý Dương, xã Tân Trường,	20°56'16,29"	106°13'52,71"	30/8/2025	13h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, lòng hồ và ven bờ hồ có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi

	huyện Cẩm Giàng (nay lá xã Mao Điền, TP. Hải Phòng)					
N45	Kênh Đò Cậy - Tiên Kiều tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Cao An, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng)	20°56'53,23"	106°15'17,45"	30/8/2025	10h50	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước tb, lòng kênh và ven hai bờ tương đối sạch sẽ không có gì bất thường, hai bên bờ nhiều cỏ cây
N46	Mương Lương Xá tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Lương Điền, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng)	20°56'48,77"	106°10'11,19"	29/8/2025	14h10	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước cao, lòng mương và ven hai bờ có nhiều rau muống mọc dại và ít rác thải sinh hoạt trôi nổi
N47	Kênh trước cổng đền Bia, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Tuệ Tĩnh, TP. Hải Phòng)	20°58'38,78"	106°15'14,86"	29/8/2025	8h20	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, có ánh vàng, mực nước cao, lòng kênh và ven hai bờ tương đối sạch sẽ, không có gì bất thường
N49	Kênh Đò Cậy – Tiên Kiều tại TT. Lai Cách, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	20°55'18,07"	106°14'15,94"	30/8/2025	15h45	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước tb, lòng kênh và ven hai bờ có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi. Hai bên bờ đất nhiều cỏ cây
N51	Kênh giáp đường 395 tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Tân Hồng, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP. Hải Phòng)	20°53'41,07"	106°10'11,16"	21/8/2025	10h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục có váng, mùi hôi, mực nước thấp, lòng kênh không có rác thải
N52	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Tráng Liệt, thị trấn Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP. Hải Phòng)	20°54'0,13"	106°8'58,70"	21/8/2025	9h45	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục bẩn, có nhiều váng, có mùi hôi thối, đáy mương có nhiều bùn đen

N54	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Nhân Quyền, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng)	20°50'40,89"	106°12'48,24"	20/8/2025	14h45	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, lòng mương và ven hai bên bờ có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi
N57	Kênh Thạch Khôi - Đoàn Thượng tại cầu Gỗ, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	20°53'16,07"	106°17'51,74"	22/8/2025	9h20	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, có mùi hôi thối, mực nước tb, lòng kênh và ven hai bên bờ có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi, đáy kênh có nhiều bùn đen
N58	Kênh Thạch Khôi - Đoàn Thượng trước khi chảy vào sông Đình Đào tại xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	20°48'57,60"	106°16'46,93"	22/8/2025	13h40	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có ánh vàng, mực nước tb, dòn chảy chậm, lòng kênh và ven hai bên bờ tương đối sạch sẽ, không có gì bất thường
N59	Mương tiếp nhận nước thải của KCN Hoàng Diệu, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	20°50'50,40"	106°18'10,30"	22/8/2025	14h20	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có màu vàng, mực nước thấp, lòng mương và ven hai bên bờ có nhiều rau muống, nhiều cỏ cây mọc dại, đáy mương có bùn
N62	Kênh Bá Liễu - Trại Vực tại điểm nhận nước thải của CCN Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Đại Sơn, TP. Hải Phòng)	20°53'25,84"	106°21'42,42"	23/8/2025	14h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước tb, có bèo trong lòng kênh, đáy kênh có bùn đen
N63	Mương giáp đường 391, tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Nguyên Giáp, xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng)	20°45'49,79"	106°29'9,76"	28/8/2025	14h55	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước tb, lòngmương có ít hoa súng trôi nổi

N70	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Nghĩa An, huyện Ninh Giang (nay là xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng)	20°47'11,80"	106°21'43,32"	16/9/2025		Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có màu vàng, mực nước thấp. Hai bên bờ đất nhiều cỏ cây
N71	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Hồng Phúc – Hưng Long, xã Hưng Long, huyện Ninh Giang (nay là xã Hồng Châu, TP. Hải Phòng)	20°41'58,90"	106°18'16,18"	17/9/2025		Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước tb, màu nước hơi vàng nhạt
N72	Mương thoát nước làng nghề Cúc Bồ, xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang (nay là xã Khúc Thừa Dụ, TP. Hải Phòng)	20°42'50,11"	106°19'51,73"	16/9/2025		Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đen, có váng. Lòng mương có rất nhiều bèo tây và rác thải sinh hoạt trôi nổi, đáy mương có nhiều bùn đen
N75	Kênh Hồng Đức tại thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	20°47'17,85"	106°14'17,43"	20/9/2025	14h10	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có ánh vàng, kênh có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi
N77	Mương giáp đường 392 tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Đoàn Tùng, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng)	20°48'59,21"	106°13'43,1"9	20/9/2025	10h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, hơi vàng, không có gì bất thường
N78	Mương thoát nước làng nghề Hội Yên, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	20°44'2,92"	106°14'1,72"	17/9/2025	10h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có mùi hôi, mực nước thấp. Hai bờ có rác thải sinh hoạt trôi nổi
N79	Mương tiếp nhận nước thải CCN Ngũ Hùng – Thanh Giang, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	20°44'12,83"	106°14'59,31"	17/9/2025	15h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, không có gì bất thường

N80	Mương tiếp nhận nước thải CCN Cao Thắng, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	20°45'43,72"	106°13'5,92"	20/9/2025	8h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục. Lòng mương và ven hai bờ tương đối sạch sẽ, không có gì bất thường

Bảng 4. Mô tả đặc điểm lấy mẫu và thời gian lấy mẫu môi trường nước hồ đợt 3 năm 2025

KH	Vị trí quan trắc	Tọa độ N	Tọa độ E	Ngày lấy mẫu	Thời gian	Mô tả đặc điểm lấy mẫu đợt 3 năm 2025
N7	Hồ Mật Sơn, phường Chí Minh, TP. Chí Linh (nay là phường Chu Văn An, TP. Hải Phòng)	21°5'22,74"	106°23'15,28"	6/9/2025	13h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, hồ tương đối sạch
N8	Hồ Côn Sơn, phường Cộng Hoà, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Phòng)	21°8'43,60"	106°23'24,37"	6/9/2025	14h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, lòng hồ và ven bờ hồ tương đối sạch sẽ
N9	Hồ Bến Tắm, phường Bến Tắm, TP. Chí Linh (nay là phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Phòng)	21°10'40,78"	106°26'54,41"	6/9/2025	15h10	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước có màu hơi vàng, mực nước tb, ko có hiện tương gì bất thường
N31	Hồ Bình Minh, TP. Hải Dương (nay là phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng)	20°56'15,54"	106°19'16,01"	16/8/2025	11h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục nhẹ, mực nước tb
N32	Hồ Bạch Đằng, TP. Hải Dương (nay là phường Hải Dương, TP. Hải Phòng)	20°56'22,78"	106°20'25,29"	18/8/2025	14h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục nhẹ, mực nước tb

N76	Hồ An Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	20°42'57,19"	106°13'35,95"	17/9/2025	8h50	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ven hai bờ tương đối sạch sẽ, không có gì bất thường

Bảng 5. Mô tả đặc điểm lấy mẫu và thời gian lấy mẫu môi trường nước dưới đất đợt 3 năm 2025

KH	Vị trí quan trắc	Tọa độ N	Tọa độ E	Ngày lấy mẫu	Thời gian	Mô tả đặc điểm lấy mẫu đợt 3 năm 2025
Ng1	Công ty TNHH Nice Ceramic, KCN Cộng Hòa, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh (nay là phường Trần Hưng Đạo, TP Hải Phòng)	20°7'21"	106°24'52"	6/9/2025	16h10	Nước không đục, mùi tanh.
Ng2	Công ty CP sản xuất thương mại và dịch vụ Thái Dương, phường Duy Tân, thị xã Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP Hải Phòng)	21°20'40"	106°32'40"	14/8/2025	9h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong
Ng3	Nước dưới đất (giếng trong khu dân cư) tại phường An Sinh, thị xã Kinh Môn (nay là phường Phạm Sư Mạnh, TP Hải Phòng)	20°1'05"	106°30'33"	7/8/2025	11h30	
Ng5	Công ty TNHH MTV Giầy Tân Trung Đức, CCN Thạch Khôi – Gia Xuyên, TP. Hải Dương (nay là phường Thạch Khôi, TP Hải Phòng)	20°54'00"	106°18'19"	18/8/2025		Công ty vẫn sử dụng bình thường, nước có mùi tanh
Ng6	Công ty TNHH Thực phẩm Vạn Đắc Phúc, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm	20°56'20"	106°12'26"	30/8/2025	14h05	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, màu nâu

	Giang (nay là xã Mao Điền, TP Hải Phòng)					
Ng8	Công ty TNHH SEES VINA, xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Tứ Kỳ, TP Hải Phòng)	20°48'39"	106°24'07"	28/8/2025	13h30	Nước đục, vàng.
Ng9	Công ty TNHH Rich Way, xã Đại Sơn, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Đại Sơn, TP Hải Phòng)	20°53'00"	106°21'28"	23/8/2025	16h	Nước hơi đục, vàng.
Ng11	Công ty TNHH Makalot, xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Tây, TP Hải Phòng)	20°54'7"	106°23'3"	5/8/2025	16h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước có màu nâu vàng

Bảng 6. Mô tả đặc điểm lấy mẫu và thời gian lấy mẫu môi trường nước mưa đợt 3 năm 2025

KH	Vị trí quan trắc	Tọa độ N	Tọa độ E	Ngày lấy mẫu	Thời gian	Mô tả đặc điểm lấy mẫu đợt 3 năm 2025
M1	Tại trụ sở UBND phường Chu Văn An, TP Hải Phòng	20°6'41"	106°23'18"	11/9/2025		
M2	Tại trụ sở UBND phường Kinh Môn, TP Hải Phòng	20°59'25"	106°33'14"	11/9/2025		Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong
M3	Tại trụ sở cơ sở 2 của Trung tâm Quan trắc môi trường tại phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng	20°55'39"	106°18'80"	11/9/2025	8h	
M4	Tại trụ sở UBND xã Kẻ Sặt, TP Hải Phòng	20°54'36"	106°8'56"	11/9/2025		
M5	Tại trụ sở UBND xã Ninh Giang, TP Hải Phòng	20°43'46"	106°23'50"	11/9/2025		

PHỤ LỤC II. BẢNG MÔ TẢ ĐIỂM QUAN TRẮC VÀ ĐIỀU KIỆN QUAN TRẮC ĐỢT 4 NĂM 2025

A. THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

TT	Vị trí quan trắc	KH	Tọa độ		Giờ lấy mẫu	Ngày lấy mẫu	Điều kiện lấy mẫu	Mô tả đặc điểm thời điểm lấy mẫu đợt 4/2025
			Tọa độ N	Tọa độ E				
1	Khu di tích Côn Sơn, phường Cộng Hòa, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Phòng)	K1	21°8'57,86"	106°23'0,31"	13.30	20/11/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông thấp, ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường.
2	Khu dân cư phố Hoàng Hoa Thám, phường Phả Lại, TP. Chí Linh (nay là phường Chí Linh, TP.Hải Phòng)	K2	21°6'44,99"	106°19'58,59"	9.40	21/11/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
3	Khu dân cư Đại Bát, phường Hoàng Tân, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP.Hải Phòng)	K3	21°7'57,60"	106°26'26,92"	10.20	20/11/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
4	Quốc lộ 18 tại phường Chí Minh, TP. Chí Linh (nay là phường Chu Văn An, TP.Hải Phòng)	K4	21°5'58,87"	106°22'42,64"	10.50	21/11/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông cao, có xe tải chở VLXD. Trong đó các phương tiện trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn.
5	Quốc lộ 18 tại phường Hoàng Tiến, TP. Chí Linh	K5	21°7'57,96"	106°25'57,40"	8.35	20/11/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao

	(nay là phường Trần Nhân Tông, TP.Hải Phòng)							thông chủ yếu là xe tải, xe con và xe khách . Các phương tiện trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn.
6	Quốc lộ 37 tại Phường Thái Học, TP. Chí Linh (nay là phường Chu Văn An, TP Hải Phòng)	K6	21°8'43,60"	106°23'24,37"	14.45	21/11/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện xe tải, xe con, xe khách di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn.
7	Khu dân cư Tế Sơn, phường Đồng Lạc, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP.Hải Phòng)	K7	21°2'14,18"	106°22'55,81"	14.25	17/11/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
8	Khu dân cư Chi Ngãi, phường Cộng Hòa, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Hưng Đạo, TP.Hải Phòng)	K8	21°7'50,24"	106°24'38,04"	15.00	20/11/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường. Cách vị trí lấy mẫu 300m là công ty cổ phần Restarcera đang hoạt động.
9	Khu dân cư Kỹ Sơn, phường Tân Dân, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP.Hải Phòng)	K9	21°3'37,55"	106°23'14,34"	9.50	17/11/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Điểm lấy mẫu tại sân nhà văn hóa thôn Kỹ Sơn, giáp tường bao công ty TNHH Nhôm Đông Á, thời điểm lấy mẫu nhà máy đang hoạt động, thời điểm lấy mẫu không phát sinh mùi lạ
10	Khu dân cư thôn Quan Đình, xã Đồng Lạc, huyện	K10	20°58'9,12"	106°21'57,38"	10.45	11/11/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực ít xe và người qua lại. Cách vị trí lấy mẫu 250m là KCN Nam Sách đang

	Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP.Hải Phòng)							hoạt động, Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
11	Làng nghề Mạn Đê, xã Nam Trung, huyện Nam Sách (nay là xã Trần Phú, TP. Hải Phòng)	K11	21°0'42,00"	106°19'36,63"	9.15	11/11/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực làng nghề hoạt động bình thường, ít người và xe qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu có 1 vài cơ sở đang có hoạt động sấy hành mùa.
12	Khu dân cư Đồng Khê, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP.Hải Phòng)	K12	20°59'33,10"	106°20'51,85"	13.15	11/11/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe qua lại, xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường, cách vị trí lấy mẫu 150m là CCN An Đồng đang hoạt động.
13	Khu dân cư thôn An Điền, xã Cộng Hòa, huyện Nam Sách (nay xã An Phú, TP.Hải Phòng)	K13	21°0'40,28"	106°23'46,12"	15.30	17/11/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
14	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Nam Sách, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP.Hải Phòng)	Ktđ3	20°59'21,70"	106°20'32,64"	14.40	11/11/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Điểm lấy mẫu tại cổng trường THPT Nam Sách. Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, buôn bán, họp chợ,
15	Khu dân cư Thượng Chiểu, phường Tân Dân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP.Hải Phòng)	K14	21°3'2,54"	106°33'33,41"	15.05	03/11/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.

16	Khu dân cư Xạ Sơn, xã Quang Thành, Tx. Kinh Môn (nay là xã Nam An Phụ, TP.Hải Phòng)	K15	21˚1'32,02"	106˚25'8,58"	8.00	29/10/2025	Trời mát, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc có ít xe qua lại. Xung quanh khu vực chỉ diễn ra các hoạt động dân sinh. Không có hoạt động bất thường
17	Khu dân cư Lỗ Sơn, phường Phú Thứ, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP.Hải Phòng)	K16	21˚1'29,71"	106˚33'51,89"	9.00	03/11/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Mặt đường có bụi bẩn, tro xỉ, than rơi vãi.Vị trí lấy mẫu cách trục đường vận chuyển của CCN Phú Thứ khoảng 150m.
18	Ngã tư (gốc đa) Quốc lộ 17B tại phường Minh Tân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP.Hải Phòng)	K17	21˚2'7,17"	106˚34'32,76"	13.00	03/11/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe container, xe chở VLXD, xe tải và xe khách. Các phương tiện trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn, mặt đường có ít bụi bẩn.
19	Khu dân cư Hiệp Thượng, phường Hiệp Sơn, Tx. Kinh Môn (nay là phường Phạm Sư Mệnh, TP.Hải Phòng)	K18	21˚0'36,88"	106˚31'46,74"	13.30	29/10/2025	Trời mát, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc có ít xe qua lại. Xung quanh khu vực chỉ diễn ra các hoạt động dân sinh.khu vực đường vận chuyển của công ty CP thép hoà phát đã tách biệt vs khu dân cư nên xung quanh điểm lấy mẫu ko phát sinh tác động gì bất thường
20	Khu dân cư Tiên Xá, xã Lê Ninh, Tx. Kinh Môn (nay là	K19	21˚2'26,32"	106˚25'13,08"	9.45	29/10/2025	Trời mát, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc có ít xe qua lại. Xung quanh khu vực chỉ diễn ra các hoạt động dân sinh. vị trí quan trắc cách bãi xỉ thải của nhà

	phường Bắc An Phụ, TP.Hải Phòng)							máy nhiệt điện BOT khoảng 350m, tại thời điểm quan trắc không có xe ra vào bãi xỉ thải
21	Khu dân cư Trại Mới, phường Hiệp An, Tx. Kinh Môn (nay là phường Kinh Môn, TP.Hải Phòng)	K20	21°0'7,44"	106°32'55,85"	8.00	05/11/2025	Trời mát, gió Đông Bắc	Điểm lấy mẫu tại nhà văn hóa KDC Trại Mới, quá trình lấy mẫu ít xe và người qua lại. Tuyến đường vận chuyển than tại bãi than Hiệp Sơn tách biệt với KDC, do đó giảm thiểu tác động đến KDC.
22	Làng nghề An Thủy, phường Hiến Thành, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng)	K21	20°56'26,06"	106°32'6,35"	9.50	05/11/2025	Trời mát, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. KDC làng nghề khá yên tĩnh, xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường.
23	Khu dân cư Ngư Uyên, phường Long Xuyên, Tx. Kinh Môn (nay là phường Kinh Môn, TP.Hải Phòng)	K22	20°58'34,02"	106°32'6,35"	14.45	05/11/2025	Trời mát, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
24	Quốc lộ 5 tại điểm giao giữa Quốc lộ 17B, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP.Hải Phòng)	K23	20°57'49,74"	106°31'2,36"	14.25	25/11/2025	Trời mát, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông cao. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe tải, xe khách và xe con. Trong đó các phương tiện trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn.
25	Khu dân cư thôn Quyết Tâm, xã Lai Vu, huyện Kim	K24	20°58'57,77"	106°24'14,31"	15.35	25/11/2025	Trời mát, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn

	Thành (nay là xã Lai Khê, TP.Hải Phòng)							ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
26	Khu dân cư Cổ Phục, xã Kim Liên, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP.Hải Phòng)	K25	20°57'1,26"	106°32'16,86"	13.00	25/11/2025	Trời mát, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, buôn bán, không phát sinh tác động bất thường.
27	Khu dân cư Quỳnh Khê, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành Thành (nay là xã Phú Thái, TP.Hải Phòng)	K26	20°58'18,68"	106°29'16,85"	9.30	25/11/2025	Trời mát, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, buôn bán, không phát sinh tác động bất thường.
28	Khu dân cư khu 6, phường Hải Tân, TP. Hải Dương Thành (nay là phường Tân Hưng, TP.Hải Phòng)	K27	20°54'52,97"	106°20'7,75"	10.35	29/11/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu có 1 số cơ sở sửa xe đang hoạt động, không phát sinh tác động bất thường.
29	Làng nghề Lộ Cương, phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là Phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	K28	20°55'24,12"	106°17'14,77"	10.50	01/12/2025	Trời mát, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, mật độ giao thông trung bình, khu vực làng nghề đang diễn ra hoạt động phơi bánh đa. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
30	Nút giao với các đường Nguyễn Lương Bằng, Phạm Ngũ Lão, Điện Biên Phủ và Lê Thanh Nghị (ngã tư máy	K29	20°56'18,15"	106°19'15,49"	15.30	21/11/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe tải, xe con, xe

	sứ) (nay là Phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng)							máy. Các phương tiện di chuyển qua lại phát sinh bụi.
31	Khu dân cư Đồng Niên, phường Việt Hòa, TP. Hải Dương Thành (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K30	20°56'44,45"	106°18'17,65"	13.30	01/12/2025	Trời mát, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
32	Nút giao thông Tam Giang, phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương (Nay là phường Hải Dương, TP. Hải Phòng)	K31	20°56'16,31"	106°20'14,53"	14.50	29/11/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông cao. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe tải, xe con, xe máy. Các phương tiện di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn bánh xe.
33	Khu dân cư Quang Giáp, phường Thạch Khôi, TP. Hải Dương (nay là phường Thạch Khôi, TP.Hải Phòng)	K32	20°54'12,58"	106°18'39,76"	8.20	29/11/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
34	Quốc lộ 5 tại nút giao với đường Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Dương (nay là Phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng)	K33	20°56'10,51"	106°17'23,82"	14.50	01/12/2025	Trời mát, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, mật độ giao thông cao, có nhiều phương tiện qua lại, chủ yếu là xe container, xe tải, xe khách và xe con. Mặt đường có ít bụi bẩn.
35	Làng nghề gỗ Đông Giao, xã Lương Điền, huyện Cẩm	K34	20°56'31,12"	106°9'40,09"	14.50	02/12/2025	Trời nắng, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực làng nghề đang hoạt động bình thường. Xung quanh điểm lấy mẫu

	Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng)							các cơ sở đều hoạt động, có một số xe tải nhỏ chở đồ đi qua. Các hoạt động của làng nghề phát sinh tiếng ồn và bụi.
36	Làng nghề rượu Phú Lộc, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Tuệ Tĩnh, TP. Hải Phòng)	K35	20°58'30,78"	106°14'41,08"	8.30	02/12/2025	Trời nắng, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe qua lại. Điểm lấy mẫu tại cổng đình Phú Lộc, xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường.
37	Khu dân cư Cẩm Trục, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP.Hải Phòng)	K36	20°58'17,20"	106°8'51,11"	10.30	02/12/2025	Trời nắng, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường.
38	Khu dân cư Lương Xá, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP.Hải Phòng)	K37	20°56'48,48"	106°10'12,25"	13.40	02/12/2025	Trời nắng, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông thấp. Vị trí lấy mẫu cách CCN Lương Điền 200m về phía Tây Bắc.
39	Khu dân cư Hoàng Hòa, xã Cẩm Điền (Phúc Điền), huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP.Hải Phòng)	K38	20°55'55,27"	106°10'57,44"	16.15	02/12/2025	Trời nắng, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông thấp. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
40	Khu dân cư Quý Dương, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP.Hải Phòng)	K39	20°56'17,54"	106°13'39,11"	13.30	03/12/2025	Trời nắng, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe tải qua lại, chủ yếu là xe máy và xe con. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.

41	Khu dân cư Phú An, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K40	20°56'58,31"	106°14'56,54"	9.10	03/12/2025	Trời nắng, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
42	Khu dân cư Thôn Tiền, TT. Lai Cách, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K41	20°56'10,44"	106°16'12,33"	8.00	03/12/2025	Trời nắng, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, buôn bán, không phát sinh tác động bất thường.
43	Khu dân cư Đỗ Trung, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Việt Hòa, TP.Hải Phòng)	K42	20°56'47,27"	106°16'19,57"	10.30	03/12/2025	Trời nắng, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, có 1 số xe tải nhỏ qua lại. Cách điểm lấy mẫu 200m là công ty NPK đang hoạt động.
44	Khu dân cư thôn Chùa, xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP.Hải Phòng)	K43	20°55'32,67"	106°14'39,73"	15.30	03/12/2025	Trời nắng, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
45	Tỉnh lộ 392 tại ngã năm TT. Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP. Hải Phòng)	K44	20°54'25,67"	106°9'0,74"	14.00	21/10/2025	Trời mát, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông cao. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu gồm xe tải, xe con và xe máy. Trong đó các phương tiện di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi.

46	Quốc lộ 394 tại điểm giao với Quốc lộ 392, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang (nay là xã Bình Giang, TP. Hải Phòng)	K45	20°54'2,31"	106°13'38,96"	9.00	20/10/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông cao, nhiều phương tiện qua lại gồm xe tải, xe con, xe chở đất. Gió cuộn nhiều bụi bay.
47	Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng tại xã Thái Học, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP. Hải Phòng)	K46	20°51'23,12"	106°12'12,67"	10.30	20/10/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực đường 5B có mật độ giao thông trung bình. Điểm lấy mẫu cách trục đường 5B khoảng 10m. Vị trí quan trắc chịu tác động từ hoạt động giao thông trên đường 5B.
48	Khu dân cư Hòa Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP.Hải Phòng)	K47	20°50'52,75"	106°12'37,72"	14.00	20/10/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
49	Khu dân cư thôn My Cầu, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP.Hải Phòng)	K48	20°53'31,48"	106°10'1,57"	10.35	21/10/2025	Trời mát, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường. Điểm lấy mẫu cách CCN Tân Hồng 200m.
50	Khu dân cư khu đô thị mới Tráng Liệt, thị trấn Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP.Hải Phòng)	K49	20°54'3,72"	106°8'50,93"	8.15	21/10/2025	Trời mát, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Điểm lấy mẫu gần CCN Tráng Liệt.
51	Quốc lộ 5 tại ngã tư Quán Gỏi, TT. Kẻ Sặt, huyện	K50	20°55'25,62"	106°9'21,00"	15.20	21/10/2025	Trời mát, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực mật độ giao thông cao. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu

	Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP. Hải Phòng)							gồm xe container, xe tải, xe khách và xe con. Trong đó, các phương tiện trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh bụi và tiếng ồn. Mặt đường có đất cát bẩn.
52	Quốc lộ 37, tại ngã 3 thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	K51	20°52'51,31"	106°17'46,88"	8.00	24/10/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông cao. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe tải, xe con, xe khách và xe máy. Trong đó các phương tiện trọng tải lớn di chuyển phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn.
53	Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng giao Quốc lộ 38B tại Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	K52	20°51'37,42"	106°17'27,39"	9.35	24/10/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe tải, xe con và xe khách. Trong đó các phương tiện trọng tải lớn di chuyển phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn.
54	Làng nghề bún Đông Cận, xã Tân Tiến (Gia Tiến), huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	K53	20°52'49,99"	106°20'2,47"	13.05	23/10/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại, làng nghề ít hoạt động. Xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường.
55	Làng nghề Văn Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	K54	20°50'40,49"	106°18'39,55"	14.30	24/10/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu có một vài cơ sở sản xuất đồ da đang hoạt động, không phát sinh tác động bất thường.

56	Khu dân cư Buộm, xã Toàn Thắng, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP.Hải Phòng)	K55	20°50'40,70"	106°17'37,83"	9.40	23/10/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
57	Giao đường 38B và đường 392 tại Trạm Bóng, xã Quang Minh, huyện Gia Lộc (nay là xã Trường Tân, TP. Hải Phòng)	K56	20°47'29,35"	106°16'23,89"	10.55	24/10/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông cao. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe container, xe tải, xe con và xe máy. Trong đó các phương tiện trọng tải lớn di chuyển phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn, mặt đường có bụi bẩn.
58	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Gia Lộc (trạm Gia Lộc), huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	Ktđ12	20°52'10,82"	106°17'58,61"	08.05	23/10/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực ít người và xe qua lại. Điểm lấy mẫu tại UBND TT Gia Lộc, xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
59	Quốc lộ 391, tại vị trí giao thông vào CCN Kỳ Sơn, xã Đại Sơn, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Đại Sơn, TP. Hải Phòng)	K57	20°53'7,40"	106°21'38,29"	14.40	23/10/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông cao. Các phương tiện tham gia giao thông gồm xe tải, xe bồn, xe container, xe ben. Các xe trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn. Mặt đường có bụi bẩn, VLXD rơi vãi.

60	Đường tỉnh 391 tại Ngã Tư Mắc, xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ(nay là xã Tứ Kỳ TP. Hải Phòng)	K58	20˚50'15,15"	106˚22'49,78"	8.00	22/10/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe tải, xe ben, xe container, xe con. Các phương tiện trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn bánh xe, mặt đường có nhiều bụi bẩn và VLXD rơi vãi.
61	Khu dân cư thôn La Giang, xã Văn Tố, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP.Hải Phòng)	K59	20˚48'13,92"	106˚25'13,12"	16.30	22/10/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
62	Khu dân cư thôn Văn Vật, xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP.Hải Phòng)	K60	20˚45'41,07"	106˚28'27,16"	15.50	22/10/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường. Cách điểm lấy mẫu 200m là CCN Nguyên Giáp đang hoạt động.
63	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Tứ Kỳ (trạm Tứ Kỳ) , huyện Tứ Kỳ (nay là xã Tứ Kỳ, TP. Hải Phòng)	Ktđ13	20˚49'1,09"	106˚24'18,54"	10.10	22/10/2025	Trời lạnh, gió Đông Bắc	Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường. Khu vực có ít xe và người qua lại.
64	Giao giữa Quốc lộ 37 và quốc lộ 392 tại xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang (nay	K61	20˚46'57,05"	106˚21'49,09"	9.00	26/11/2025	Trời nắng, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Các phương tiện tham gia giao

	là xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng)							thông chủ yếu là xe tải, xe con và xe máy. Mặt đường có ít bụi bẩn, thời tiết hanh khô, các phương tiện di chuyển có bụi cuốn bánh xe.
65	Khu dân cư Hào Khê, xã Hưng Long, huyện Ninh Giang (nay là xã Hồng Châu, TP.Hải Phòng)	K62	20°42'18,88"	106°17'54,91"	9.50	27/11/2025	Trời nắng, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
66	Làng nghề Cúc Bồ, xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang (nay là xã Khúc Thừa Dụ, TP. Hải Phòng)	K63	20°42'57,81"	106°19'46,94"	10.10	26/11/2025	Trời nắng, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc làng nghề hoạt động bình thường. Hoạt động của các cơ sở gia công đồ gỗ phát sinh bụi và tiếng ồn. Bụi gỗ phát sinh và phát tán ra xung quanh vài mét.
67	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Ninh Giang (trạm Ninh Giang), huyện Ninh Giang (nay là xã Ninh Giang, TP. Hải Phòng)	Ktđ14	20°43'45,52"	106°23'48,50"	15.45	26/11/2025	Trời nắng, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông trung bình. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
68	Khu dân cư Thúy Lâm, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện (nay là xã Nguyễn Lương Bằng TP.Hải Phòng)	K64	20°49'2,58"	106°13'22,78"	8.45	28/11/2025	Trời nắng, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
69	Làng nghề Hội Yên, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh	K65	20°44'1,84"	106°14'3,08"	11.00	27/11/2025	Trời nắng, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực làng nghề hoạt động bình thường. Khu vực có ít người và xe qua lại.

	Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng)							
70	Khu dân cư Hòa Bình, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP.Hải Phòng)	K66	20°45'39,17"	106°13'8,34"	10.40	28/11/2025	Trời nắng, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.
71	Khu dân cư Tiêu Sơn, xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP.Hải Phòng)	K67	20°43'49,77"	106°15'3,18"	13.30	27/11/2025	Trời nắng, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, buôn bán, không phát sinh tác động bất thường.
72	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Thanh Miện (trạm Ninh Giang), huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	Ktđ15	20°47'12,84"	106°14'42,79"	14.50	28/11/2025	Trời nắng, gió Đông Bắc	Vị trí lấy mẫu mật độ giao thông trung bình, xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động buôn bán và hoạt động dân sinh.
73	Khu dân cư thôn Cổ Chẩm, xã Việt Hồng (Cẩm Việt), huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP.Hải Phòng)	K68	20°56'55,17"	106°26'5,19"	9.15	24/11/2025	Trời nắng, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có ít xe và người qua lại. Mặt đường có bụi bẩn và bụi cuốn bánh xe, xung quanh vị trí lấy mẫu không phát sinh tác động bất thường.
77	Khu dân cư Tủ Y, xã Vĩnh Lập, huyện Thanh Hà (nay	K69	20°48'59,54"	106°30'10,98"	14.15	24/11/2025	Trời nắng, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc có xe chở nguyên vật liệu đi qua(xe chở nguyên vật liệu cho 1 hộ dân xây

	là xã Hà Đông, TP.Hải Phòng)							dựng cách vị trí lấy mẫu khoảng 250m). Mặt đường có bụi bẩn. Thời tiết hanh khô. Xe tải đi qua cuốn theo bụi. Xung quanh diễn ra các hoạt động dân sinh bình thường
75	Đường tỉnh 390 tại ngã ba xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Tây, TP. Hải Phòng)	K70	20°53'54,09"	106°23'50,45"	15.40	24/11/2025	Trời nắng, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông cao. Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe tải, xe con, và xe máy. Trong đó các xe trọng tải lớn di chuyển qua lại phát sinh tiếng ồn và bụi cuốn.
76	Quốc lộ 390B tại xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP Hải Phòng)	K71	20°58'7,13"	106°23'28,45"	7.45	24/11/2025	Trời nắng, gió Đông Bắc	Tại thời điểm quan trắc, khu vực có mật độ giao thông cao. Các phương tiện tham gia giao thông gồm xe tải, xe con, xe chở VLXD và xe máy. Mặt đường có bụi bẩn.
77	Trạm quan trắc tự động môi trường không khí xung quanh tại TT. Thanh Hà, huyện Thanh Hà (nay là xã Thanh Hà, TP. Hải Phòng)	Ktđ16	20°53'52,62"	106°25'31,85"	11.35	24/11/2025	Trời nắng, gió Đông Bắc	Xung quanh vị trí lấy mẫu chủ yếu diễn ra các hoạt động dân sinh, không phát sinh tác động bất thường.

B. THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG NƯỚC

Bảng 1. Mô tả đặc điểm lấy mẫu và thời gian lấy mẫu môi trường nước sông tự nhiên đợt 4 năm 2025

KH	Vị trí quan trắc	Tọa độ N	Tọa độ E	Ngày lấy mẫu	Thời gian	Mô tả đặc điểm lấy mẫu Đợt 4 năm 2025
N1	Sông Cầu, cách điểm nối giữa sông Cầu và sông Thương 1.500m về phía thượng lưu	21°7'54,66"	106°16'56,88"	21/11/2025	11h20	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, mực nước thấp, hai bên bờ có bến bãi hoạt động, không có tàu thuyền neo đậu.
N2	Sông Đông Mai tại cầu Đông Mai (Đường 184), phường Văn Đức, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP. Hải Phòng)	21°5'58,74"	106°26'39,99"	20/11/2025	8h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục nhẹ, vàng nhạt, mực nước tb, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, có 1 tàu thuyền đang neo đậu.
N5	Sông Kinh Thầy gần cửa kênh thoát nước của Trạm bơm Vạn Thắng, phường Tân Dân, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP. Hải Phòng)	21°2'31,52"	106°24'30,97"	17/11/2025	11h5	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, vàng nhẹ, mực nước thấp, không có điểm bất thường.
Ntđ1	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thái Bình tại xã Nhân Huệ (trạm Nhân Huệ), TP. Chí Linh (nay là phường Chí Linh, TP. Hải Phòng)	21°4'42,61"	106°21'9,68"	21/11/2025	13h55	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có tảo lơ lửng, mực nước tb, hai bên bờ có bến bãi hoạt động, không có tàu thuyền neo đậu.

N10	Sông Thái Bình tại thôn Nhuế Sơn, xã Thái Tân, huyện Nam Sách (nay là xã Thái Tân, TP. Hải Phòng)	20°59'4,70"	106°16'38,93"	11/11/2025	8h35	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước cao, dòng chảy tb. Lòng sông và ven hai bên bờ có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có bến bãi hoạt động, có 1 tàu thuyền neo đậu.
N11	Sông Kinh Thầy tại Cầu Bình, xã Thanh Quang, huyện Nam Sách (nay là xã Trần Phú, TP. Hải Phòng)	20°2'40,77"	106°21'45,11"	17/11/2025	16h45	Nước khá đục, mực nước thấp, hai bên bờ có bên bãi hoạt động.
N14	Sông Đá Vách khu Tử Lạc, phường Minh Tân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	21°2'21,54"	106°35'47,40"	3/11/2025	14h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước cao, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có ít bèo tây trôi nổi, xung quanh điểm lấy mẫu có 3 tàu thuyền neo đậu, hai bên bờ có bến bãi đang hoạt động,
N15	Sông Đá Vách, cách trạm cấp nước Tân Dân 50m về phía thượng lưu, phường Tân Dân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	21°3'9,15"	106°34'6,76"	3/11/2025	16h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước cao, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có ít bèo tây trôi nổi, xung quanh điểm lấy mẫu có 2 tàu thuyền neo đậu, hai bên bờ có bến bãi đang hoạt động,
N16	Sông Kinh Thầy tại thôn Tam Đa Ngoại, xã Minh Hòa, Tx. Kinh Môn	20°56'56,35"	106°35'28,76"	5/11/2025	13h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước cao, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi,

	(nay là phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng)					hai bê bờ có bến bãi hoạt động, bên bờ có 3 tàu thuyền neo đậu,
N17	Sông Kinh Thầy cách trạm cấp nước Bạch Đằng 50m về phía thượng lưu, phường Bạch Đằng, Tx. Kinh Môn (nay là phường Bắc An Phụ, TP. Hải Phòng)	21°3'54,24"	106°27'45,26"	29/10/2025	11h	Nước đục nhẹ, mực nước thấp, hai bên bờ có bến bãi hoạt động, tại thời điểm quan trắc không có tàu thuyền neo đậu, lòng sông và ven bờ có ít bèo tây trôi nổi.
N18	Sông Hàn Mấu tại khu dân cư Phúc Sơn, phường Phú Thứ, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	21°1'8,56"	106°33'54,94"	3/11/2025	10h35	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước tb, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có bến bãi đang hoạt động, có 2 tàu thuyền đang neo đậu,
Ntd2	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Thầy tại phường Hiệp Sơn (trạm Hiệp Sơn), Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	21°0'47,66"	106°32'46,74"	3/11/2025	8h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, mực nước cao, dòng chảy chậm. Lòng sông và ven hai bờ tương đối sạch sẽ, không có gì bất thường. Hai bên bờ có 3 tàu thuyền neo đậu, hai bên bờ có bến bãi đang hoạt động,
Ntd3	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Môn tại phường An Phụ (trạm An Phụ), Tx. Kinh Môn (nay là phường Trần Liễu, TP. Hải Phòng)	20°59'4,24"	106°30'19,51"	29/10/2025	15h30	Nước hơi đục, mực nước thấp, hai bên bờ có bến bãi đang hoạt động, tại thời điểm quan trắc không có vào thuyền neo đậu, ven bờ có ít bèo tây trôi nổi.

Ntđ4	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Kinh Môn tại xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)	20°59'38,23"	106°26'18,71"	25/11/2025	16h50	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp, lòng sông và ven hai bên bờ có ít bèo tây trôi nổi, không có tàu thuyền neo đậu.
N28	Sông Thái Bình, cách trạm bơm cấp nước cho nhà máy nước Việt Hòa 50m về phía thượng lưu, TP. Hải Dương (nay là phường Thành Đông, TP. Hải Phòng)	20°57'19,84"	106°17'49,39"	1/12/2025	10h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục nhẹ, mực nước tb, không có tàu thuyền neo đậu.
Ntđ5	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thái Bình tại cảng Cống Câu, phường Hải Tân (trạm Cống Câu) TP. Hải Dương (nay là phường Tân Hưng, TP. Hải Phòng)	20°54'44,98"	106°20'35,25"	29/11/2025	9h50	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước tb, dòng chảy chậm. Lòng sông có ít bèo tây trôi nổi. Hai bên bờ có bến bãi đang hoạt động, có 3 tàu thuyền neo đậu.
N60	Sông Luộc tại cầu Quý Cao, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng)	20°45'22,48"	106°29'37,55"	22/10/2025	13h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước cao, dòng chảy tb, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, có tàu thuyền qua lại.
N64	Sông Thái Bình tại bến đò An Định, xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP. Hải Phòng)	20°49'0,94"	106°28'20,42"	22/10/2025	16h10	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước cao, dòng chảy tb, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có bến bãi hoạt động, có 2 tàu thuyền qua lại.

N65	Sông Thái Bình tại xã Chí Minh, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Chí Minh, TP. Hải Phòng)	20°50'37,29"	106°25'18,24"	22/10/2025	9h20	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước cao, dòng chảy tb, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có bến bãi hoạt động, có 1 tàu thuyền đang neo đậu.
N66	Sông Luộc tại trạm bơm của nhà máy nước sạch Ninh Giang, huyện Ninh Giang (nay là xã Ninh Giang, TP. Hải Phòng)	20°43'44,69"	106°24'23,61"	26/11/2025	14h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục nhẹ, mực nước tb, hai bên bờ có bến bãi hoạt động, không có tàu thuyền neo đậu.
Ntđ11	Trạm quan trắc tự động nước mặt sông Luộc tại xã Hồng Phong (trạm My Động), huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng).	20°41'50,82"	106°14'56,85"	27/11/2025	8h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, hai bên bờ có bến bãi đang hoạt động, không có điểm bất thường.
Ntđ13	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Rạng tại xã Thanh An, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP. Hải Phòng)	20°57'13,24"	106°26'24,59"	24/11/2025	10h35	Tại thời điểm lấy mẫu: Mực nước tb, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có bến đò đang hoạt động.
Ntđ14	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Văn Úc tại xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Đông, TP. Hải Phòng)	20°51'20,99"	106°28'37,76"	24/11/2025	13h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước tb, không có tàu thuyền đang neo đậu.

Bảng 2. Mô tả đặc điểm lấy mẫu và thời gian lấy mẫu môi trường nước sông nội đồng đợt 4 năm 2025

KH	Vị trí quan trắc	Tọa độ N	Tọa độ E	Ngày lấy mẫu	Thời gian	Mô tả đặc điểm lấy mẫu Đợt 4 năm 2025
I	**Sông Bắc Hưng Hải**					
N29	Sông Sặt, tại cầu Cất, TP. Hải Dương (nay là phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng)	20°55'43,77"	106°19'23,38"	1/12/2025	10h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước trung bình. Lòng sông và ven hai bờ có ít rác thải trôi nổi, có ít cây bụi ven bờ.
N33	Sông Bạch Đằng tại điểm cuối trước khi chảy ra sông Thái Bình, TP. Hải Dương (nay là phường Hải Dương, TP. Hải Phòng)	20°55'44,65"	106°20'32,21"	29/11/2025	11h45	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước tb, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bờ tương đối sạch sẽ.
Ntđ6	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Sặt tại phường Tứ Minh, TP. Hải Dương (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	20°55'7,67"	106°16'18,08"	1/12/2025	16h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước ít đục, mực nước tb, có nhiều bèo tây trôi nổi.
N40	Sông Cẩm Giàng tại điểm giao với kênh cầu Dốc, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng)	20°57'35,34"	106°10'3,67"	2/12/2025	13h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, màu nước hơi vàng, mực nước cạn, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi và rác thải sinh hoạt.

N41	Sông Cẩm Giàng tại cầu Tân Trường, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP. Hải Phòng)	20°56'18,37"	106°12'40,29"	3/12/2025	14h45	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp. Lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi. Tại thời điểm quan trắc có 2 tàu thuyền neo đậu.
N42	Sông Bùi tại xã Thạch Lỗi, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giang, TP. Hải Phòng)	20°58'47,14"	106°11'41,16"	2/12/2025	9h45	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục bẩn, màu hơi vàng, mực nước thấp. Lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi.
N44	Sông Bùi tại thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Tuệ Tĩnh, TP. Hải Phòng)	20°59'16,93"	106°15'54,59"	3/12/2025	11h45	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi vàng, mực nước thấp, dòng chảy tb, lòng sông và ven hai bờ có ít rác thải sinh hoạt.
N48	Sông Sặt tại Hoàng Hòa, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng (nay là xã Mao Điền, TP. Hải Phòng)	20°55'18,89"	106°10'26,88"	2/12/2025	14h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp, lòng sông tương đối sạch sẽ và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi.
Ntđ7	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Thứa tại thôn Mậu Duyệt, xã Cẩm Hưng (trạm Mậu Duyệt), huyện Cẩm Giàng (nay là xã Cẩm Giàng, TP. Hải Phòng).	20°58'28,59"	106°9'48,61"	2/12/2025	10h10	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi vàng, mực nước cạn, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi.
N50	Sông Sặt tại cầu Cậy, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang (nay là xã Bình Giang, TP. Hải Phòng)	20°54'19,76"	106°13'53,04"	20/10/2025	8h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước cao, lòng sông có bèo tây

						trôi nổi, hai bên bờ có bến bãi hoạt động.
N53	Sông Đình Đào tại cầu Bá Thủy, xã Long Xuyên, huyện Bình Giang (nay là xã Yết Kiêu, TP. Hải Phòng)	20°53'28,34"	106°14'36,42"	20/10/2025	11h45	Tại thời điểm lấy mẫu: Mực nước cao, lòng sông có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ có tàu thuyền neo đậu.
Ntđ8	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Sặt, xã Thúc Kháng (trạm Cống Tranh), huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP. Hải Phòng)	20°54'3,72"	106°8'50,93"	21/10/2025	13h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước cao, hai bên bờ có hoạt động bến bãi.
N55	Sông Đình Đào tại cầu Tràng Thưa, xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	20°48'56,14"	106°16'46,55"	24/10/2025	13h20	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, ánh vàng, mực nước cao, dòng chảy tb, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, không có tàu thuyền neo đậu.
N56	Sông cầu Bình, tại cầu Bình, xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	20°52'34,20"	106°19'24,07"	23/10/2025	11h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, ánh vàng, mực nước tb, dòng chảy chậm, lòng sông và ven hai bên bờ có ít bèo tây trôi nổi. Hai bên bờ đất nhiều cỏ cây.
N61	Sông Tứ Kỳ tại cầu Vạn, xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Tứ Kỳ, TP. Hải Phòng)	20°48'42,56"	106°24'27,56"	22/10/2025	11h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, ánh vàng, mực nước cao, dòng chảy chậm, bên bờ có bến bãi hoạt động, không có thuyền neo đậu.

Ntđ9	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Bắc Hưng Hải tại xã Hà Kỳ (trạm Hà Kỳ), huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng)	20°46'5,11"	106°25'21,50"	22/10/2025	h14h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, mực nước cao, dòng chảy chậm, bên bờ có bến bãi hoạt động, có 1 tàu thuyền đang neo đậu, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi.
N67	Sông Đình Đào tại cầu Bía, huyện Ninh Giang (nay là xã Tân Kỳ, TP. Hải Phòng)	20°48'2,14"	106°20'14,23"	26/11/2025	8h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có màu hơi vàng, mực nước tb, hai bên bờ không có tàu thuyền neo đậu, có ít bèo tây.
N68	Sông Cửu An tại Cầu Di Linh, xã An Đức, huyện Ninh Giang (nay là xã Tân An, TP. Hải Phòng)	20°45'48,47"	106°17'11,30"	26/11/2025	14h50	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước tb. Lòng sông có bèo tây trôi nổi. Bên bờ có bến bãi hoạt động, không có tàu neo đậu.
N69	Sông Cửu An tại Cầu Ràm, xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang (nay là xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng)	20°46'26,78"	106°22'3,03"	26/11/2025	13h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục. Hai bên bờ có bèo tây trôi nổi. Hai bên bờ có bến bãi hoạt động.
N73	Sông Cửu An, xã Đoàn Kết, huyện Thanh Miện (nay là xã Hải Hưng, TP. Hải Phòng)	20°45'59,23"	106°11'23,74"	28/11/2025	8h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước tb, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, có 1 thuyền neo đậu.
N74	Sông cầu Cốc, xã Thanh Tùng (khu vực giáp xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang), huyện Thanh Miện (nay là xã	20°50'1,93"	106°13'21,49"	28/11/2025	9h14	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước tb, lòng sông và ven hai bờ

	Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng)					có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi, không có gì bất thường.
Ntd10	Trạm quan trắc tự động nước mặt sông Cửu An tại xã Ngô Quyền (trạm Chùa Khu), huyện Thanh Miện (nay là xã Hải Hưng, TP. Hải Phòng)	20°49'11,88"	106°8'24,45"	28/11/2025	16h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước tb, lòng sông có ít bèo tây trôi nổi.
II	**Hệ thống sông nội đồng khác**					
N3	Sông Thiên tại Cầu Thiên, phường Tân Dân, TP. Chí Linh (nay là phường Lê Đại Hành, TP. Hải Phòng)	21°4'4,49"	106°23'22,15"	17/11/2025	9h5	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục có màu ánh vàng, mực nước thấp, hai bên bờ nhiều có cây bụi.
N4	Sông Đại Tân, phường Hoàng Tân, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Nhân Tông, TP. Hải Phòng)	21°5'58,74"	106°26'39,99"	20/11/2025	9h50	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước tb, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, không có gì bất thường.
N23	Sông Văn Dương tại thôn Văn Dương, xã Kim Liên, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	20°56'6,76"	106°31'11,03"	25/11/2025	11h40	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục ít, mực nước thấp. Lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, không có tàu thuyền neo đậu,
N26	Sông Văn Dương tại khu dân cư thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	20°57'35,49"	106°30'33,34"	25/11/2025	11h05	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục ít, mực nước thấp, lòng sông và ven hai bờ có ít bèo tây trôi nổi.

N27	Sông Nguyễn Văn Bé tại cống Phạm Xá cách cửa thoát nước ra sông Rạng 100m, thôn Phạm Xá 1, xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)	20°57'17,57"	106°26'49,64"	25/11/2025	8h40	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp, cửa cống Phạm Xá đang mở, lòng sông nhìn sạch sẽ.
N35	Sông Bến Gạch tại cầu Hảo Thôn, phường Ái Quốc, TP. Hải Dương (nay là xã Nam Sách, TP. Hải Phòng)	20°58'24,28"	106°22'14,55"	29/11/2025	13h55	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước ánh vàng, mực nước tb, dòng chảy chậm. Lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi.
N81	Sông Hương tại xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà (nay là xã Hà Bắc, TP. Hải Phòng)	20°58'7,13"	106°23'28,45"	24/11/2025	8h35	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước tb, lòng sông và ven hai bên bờ sông có bèo tây trôi nổi, hai bên bờ đất nhiều cây cối.
Ntđ12	Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt sông Hương tại cầu sông Hương trên đường 390B tại thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà (nay là xã Thanh Hà, TP. Hải Phòng)	20°54'33,14"	106°25'38,15"	24/11/2025	11h05	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước tb, lòng sông và ven hai bờ có bèo tây trôi nổi, không có tàu thuyền đang neo đậu.

Bảng 3. Mô tả đặc điểm lấy mẫu và thời gian lấy mẫu môi trường nước kênh mương đợt 4 năm 2025

KH	Vị trí quan trắc	Tọa độ N	Tọa độ E	Ngày lấy mẫu	Thời gian	Mô tả đặc điểm lấy mẫu đợt 4 năm 2025
N6	Kênh Phao Tân giao với đường huyện 17B, phường Phả Lại, TP. Chí Linh (nay là phường Chí Linh, TP. Hải Phòng)	21°5'50,89"	106°21'36,86"	21/11/2025	13h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, mực nước thấp, lòng kênh và ven hai bờ có một ít rác.
N12	Kênh Ngọc Trì - Chu Đậu trước trạm bơm thoát ra sông Thái Bình, xã Thái Tân, huyện Nam Sách (nay là xã Thái Tân, TP. Hải Phòng)	20°59'32,70"	106°21'5,75"	11/11/2025	8h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước cao, lòng kênh và ven hai bờ có ít rác thải sinh hoạt.
N13	Kênh Ngọc Trì - Chu Đậu điểm tiếp nhận nước thải của CCN An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách (nay là xã Nam Sách, TP. Hải Phòng)	20°59'1,35"	106°17'53,80"	11/11/2025	16h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước cao, lòng kênh và ven hai bờ có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi. Hai bên bờ đất nhiều cỏ cây.
N19	Kênh KT13 điểm tiếp nhận nước thải của CCN Duy Tân tại phường Duy Tân, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nhị Chiểu, TP. Hải Phòng)	21°1'41,20"	106°31'59,14"	3/11/2025	8h45	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước tb, lòng kênh và ven hai bờ có bèo tây và rác thải sinh hoạt trôi nổi.

N20	Kênh Ngư Uyên tại cống thoát nước ra sông Kinh Môn (tiếp nhận nước thải của CCN Long Xuyên), Tx. Kinh Môn (nay là phường Trần Liễu, TP. Hải Phòng)	20°58'22,30"	106°31'21,14"	5/11/2025	15h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có cặn, mực nước thấp, lòng kênh và ven hai bờ có nhiều bèo tây trôi nổi.
N21	Mương thoát nước làng nghề An Thủy, phường Hiến Thành, Tx. Kinh Môn (nay là phường Nguyễn Đại Năng, TP. Hải Phòng)	20°56'30,73"	106°33'42,62"	29/10/2025	10h30	Nước đục ,mực nước thấp, lòng mương và ven bờ có ít rác thải sinh hoạt
N22	Điểm hợp lưu giữa kênh Nguyễn Lân và kênh Phùng Khắc – khu dân cư Hiệp Hạ, phường Hiệp Sơn, Tx. Kinh Môn (nay là phường Phạm Sư Mạnh, TP. Hải Phòng)	20°59'46,39"	106°32'30,55"	5/11/2025	9h20	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước cao, lòng kênh và ven hai bờ tương đối sạch sẽ, không có hiện tượng bất thường.
N24	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Quỳnh Phúc (còn gọi là đầm Ba Xã), gần Công ty Cổ phần Trung Kiên, huyện Kim Thành (nay là xã Phú Thái, TP. Hải Phòng)	20°58'8,66"	106°29'27,83"	25/11/2025	9h10	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục ít, mực nước thấp. Hai bên bờ nhiều cỏ cây bụi.
N25	Mương thoát nước xã Lai Vu tại cống Hòa Bình (trước khi chảy ra sông Rạng) xã Lai Vu, huyện Kim Thành (nay là xã Lai Khê, TP. Hải Phòng)	20°58'36,71"	106°24'41,73"	25/11/2025	8h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục đen, có mùi hôi thối, mực nước thấp. Lòng mương và ven hai bên bờ có rác thải

N49	Kênh Đò Cậy – Tiên Kiều tại TT. Lai Cách, huyện Cẩm Giàng (nay là phường Tứ Minh, TP. Hải Phòng)	20°55'18,07"	106°14'15,94"	3/12/2025	15h10	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đen, bẩn, mực nước thấp, lòng kênh và ven hai bờ có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi. Hai bên bờ đất nhiều cỏ cây.
N51	Kênh giáp đường 395 tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Tân Hồng, huyện Bình Giang (nay là xã Đường An, TP. Hải Phòng)	20°53'41,07"	106°10'11,16"	21/10/2025	10h10	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục nhẹ, mực nước cao, lòng kênh tương đối sạch sẽ.
N52	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Tráng Liệt, thị trấn Kẻ Sặt, huyện Bình Giang (nay là xã Kẻ Sặt, TP. Hải Phòng)	20°54'0,13"	106°8'58,70"	21/10/2025	9h35	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đen, mực nước thấp, có mùi hôi thối, đáy mương có nhiều bùn đen.
N54	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Nhân Quyền, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng)	20°50'40,89"	106°12'48,24"	20/10/2025	13h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, mực nước cao, lòng mương và ven hai bên bờ có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi.
N57	Kênh Thạch Khôi - Đoàn Thượng tại cầu Gỗ, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng)	20°53'16,07"	106°17'51,74"	24/10/2025	9h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, có mùi hôi thối, mực nước tb, lòng kênh và ven hai bên bờ có rác thải sinh hoạt trôi nổi, đáy kênh có nhiều bùn đen.
N58	Kênh Thạch Khôi - Đoàn Thượng trước khi chảy vào sông Đình Đào tại xã	20°48'57,60"	106°16'46,93"	24/10/2025	13h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước trong, có ánh vàng, mực nước tb, dòn chảy chậm,

	Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)					lòng kênh và ven hai bên bờ không có gì bất thường.
N59	Mương tiếp nhận nước thải của KCN Hoàng Diệu, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc (nay là xã Gia Phúc, TP. Hải Phòng)	20°50'50,40"	106°18'10,30"	24/10/2025	14h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có cặn, mực nước thấp, lòng mương và ven hai bên bờ có nhiều rau muống, nhiều cỏ cây mọc dại, đáy mương có bùn.
N62	Kênh Bá Liễu - Trại Vực tại điểm nhận nước thải của CCN Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Đại Sơn, TP. Hải Phòng)	20°53'25,84"	106°21'42,42"	23/10/2025	14h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước tb, lòng mương và ven hai bờ có ít hoa súng.
N63	Mương giáp đường 391, tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Nguyên Giáp, xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ (nay là xã Nguyên Giáp, TP. Hải Phòng)	20°45'49,79"	106°29'9,76"	22/10/2025	14h40	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, ánh vàng, mực nước tb, lòng mương và hai bên bờ tương đối sạch sẽ, không có gì bất thường.
N70	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Nghĩa An, huyện Ninh Giang (nay là xã Vĩnh Lại, TP. Hải Phòng)	20°47'11,80"	106°21'43,32"	26/11/2025	8h35	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi có màu vàng, mực nước thấp. Hai bên bờ đất nhiều cỏ cây.
N71	Mương tiếp nhận nước thải của CCN Hồng Phúc – Hưng Long, xã Hưng Long, huyện Ninh Giang (nay là xã Hồng Châu, TP. Hải Phòng)	20°41'58,90"	106°18'16,18"	27/11/2025	16h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, mực nước thấp, màu nước hơi vàng nhạt.

N72	Mương thoát nước làng nghề Cúc Bồ, xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang (nay là xã Khúc Thừa Dụ, TP. Hải Phòng)	20°42'50,11"	106°19'51,73"	26/11/2025	11h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đen, có mùi hôi. Lòng mương có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi.
N75	Kênh Hồng Đức tại thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	20°47'17,85"	106°14'17,43"	28/11/2025	14h10	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có ánh vàng, mực nước thấp, kênh có ít rác thải sinh hoạt trôi nổi.
N77	Mương giáp đường 392 tại điểm tiếp nhận nước thải của CCN Đoàn Tùng, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện (nay là xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng)	20°48'59,21"	106°13'43,1"9	28/11/2025	10h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, hơi vàng, mực nước thấp.
N78	Mương thoát nước làng nghề Hội Yên, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	20°44'2,92"	106°14'1,72"	27/11/2025	10h15	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, có mùi hôi, mực nước thấp. mương không sach, màu hơi đen.
N79	Mương tiếp nhận nước thải CCN Ngũ Hùng – Thanh Giang, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	20°44'12,83"	106°14'59,31"	27/11/2025	15h	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi đục, không có gì bất thường.
N80	Mương tiếp nhận nước thải CCN Cao Thắng, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện (nay là xã Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	20°45'43,72"	106°13'5,92"	28/11/2025	8h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước đục, mực nước thấp, không có gì bất thường.

Bảng 4. Mô tả đặc điểm lấy mẫu và thời gian lấy mẫu môi trường nước hồ đợt 4 năm 2025

KH	Vị trí quan trắc	Tọa độ N	Tọa độ E	Ngày lấy mẫu	Thời gian	Mô tả đặc điểm lấy mẫu đợt 4 năm 2025
N7	Hồ Mật Sơn, phường Chí Minh, TP. Chí Linh (nay là phường Chu Văn An, TP. Hải Phòng)	21°5'22,74"	106°23'15,28"	21/11/2025	13h45	Tại thời điểm lấy mẫu: Mực nước thấp, hồ nhìn tương đối sạch.
N8	Hồ Côn Sơn, phường Cộng Hoà, TP. Chí Linh (nay là phường Trần Hưng Đạo, TP. Hải Phòng)	21°8'43,60"	106°23'24,37"	20/11/2025	13h10	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi vàng, có tảo lơ lửng, mực nước tb, lòng hồ tương đối sạch sẽ, không có gì bất thường.
N9	Hồ Bến Tắm, phường Bến Tắm, TP. Chí Linh (nay là phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Phòng)	21°10'40,78"	106°26'54,41"	20/11/2025	12h05	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hơi vàng, có tảo lơ lửng, mực nước tb, lòng hồ tương đối sạch sẽ, không có gì bất thường.
N31	Hồ Bình Minh, TP. Hải Dương (nay là phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng)	20°56'15,54"	106°19'16,01"	1/12/2025	9h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước hồ màu xanh, mặt hồ tương đối sạch sẽ, mực nước tb.
N32	Hồ Bạch Đằng, TP. Hải Dương (nay là phường Hải Dương, TP. Hải Phòng)	20°56'22,78"	106°20'25,29"	29/11/2025	14h30	Tại thời điểm lấy mẫu: Nước ánh vàng xanh, có tảo lơ lửng, mực nước tb, lòng hồ tương đối sạch sẽ, ven bờ có ít rác thải trôi nổi.
N76	Hồ An Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện (nay là xã Nam Thanh Miện, TP. Hải Phòng)	20°42'57,19"	106°13'35,95"	27/11/2025	8h55	Tại thời điểm lấy mẫu: hồ nhìn sạch sẽ, mực nước tb, không có gì bất thường.